

ANDRÉ ACIMAN

*Phần
tiếp theo của*
CALL ME BY
YOUR NAME

find me
tìm em nơi anh

tiểu thuyết | Serena Dang dịch

18+



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THÔNG TIN EBOOK

Kindle Kobo Vietnam

www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam

**Keep Calm
and
Read a Book**



Tên sách

Tìm Em Nơi Anh

Nguyên tác

Find Me

Tác giả

André Aciman

Dịch giả

Serena Dang

Thể loại

Tiểu Thuyết, 18+

Nhà Xuất Bản

NXB Trẻ

Ebook

2021 kindlekobovn

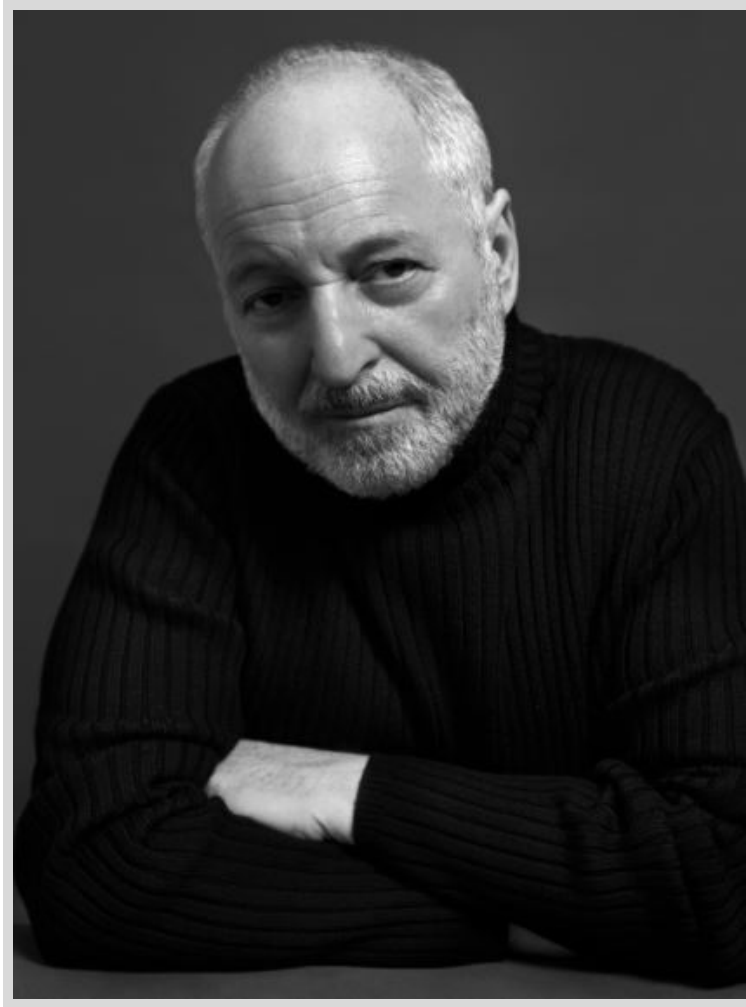


THANK YOU FOR YOUR SUPPORT

VỚI MONG MUỐN TRẢI NGHIỆM ĐỌC SÁCH ĐIỆN TỬ PHẢI LÀ THÚ VỊ VÀ TỐT NHẤT, DỰ ÁN SƯU TẦM VÀ CHỈNH SỬA SÁCH EBOOK VỀ ĐỊNH DẠNG CHUẨN, VÀ ĐẸP ĐÃ ĐƯỢC SHIBA BẮT ĐẦU TỪ 2018. HY VỌNG NHỮNG LY CAFE YÊU THƯƠNG CỦA CÁC BẠN CÙNG VỚI SỰ VUI VẺ, ĐAM MÊ CỦA SHIBA SẼ ĐỂ LẠI CHO THẾ HỆ SAU NÀY 1 KHO SÁCH HAY ĐẸP VÀ HỮU ÍCH



André Aciman



Sinh ngày 2 tháng 1 năm 1951) là một nhà văn người Mỹ. Sinh ra và lớn lên ở Alexandria, Ai Cập, ông hiện là giáo sư nổi tiếng tại Đại học Trung tâm Đại học Thành phố New York, nơi ông dạy lịch sử của các lý thuyết văn học và các tác phẩm của Marcel Proust. Aciman trước đây đã từng dạy viết văn bản sáng tạo tại Đại học New York và văn học Pháp tại Princeton và Bard College.

Năm 2009, ông là nhà văn đặc biệt tại Đại học Wesley.

Ông là tác giả của một số tiểu thuyết, bao gồm cả *Call Me by Your Name* (chiến thắng trong hạng mục Gay Fiction tại Lambda Literary Award 2007) và một hồi ký năm 1995, *Out of Egypt*, đoạt giải Whiting Award. Mặc dù ông được biết đến nhiều nhất với tác phẩm *Call Me by Your Name*, nhưng Aciman đã tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn vào năm 2019, cuốn sách hay nhất của ông là cuốn tiểu thuyết *Eight White Nights*.

Dành tặng ba người con của tôi

TEMPO



Sao cau có vậy?

Tôi nhìn em lên tàu ở ga Florence. Em mở cửa và, khi đã vào trong khoang tàu, nhìn quanh một vòng, ném chiếc ba lô vào chỗ ng ẩ còn trống cạnh tôi. Em cởi chiếc áo khoác da, đặt xuống quyển sách bìa m ền đang đọc dở, cất một chiếc hộp vuông màu trắng lên học hành lý r ẩ ng ẩ phịch xuống chỗ ng ẩ chéo với tôi, về b ền ch ền cái kính. Dáng vẻ ấy như thể em vừa mới cãi nhau nảy lửa vài phút trước khi rời đi và vẫn giận dỗi bởi những lời lẽ đáng cay mà chính em hoặc người kia thốt ra trước khi cúp máy. Chú cún của em, bị kẹp giữa hai mắt cá chân cùng một sợi dây buộc đỏ quẩn quanh tay chủ, dường như cũng b ền ch ền chẳng kém. “Buona, ngoan nào bé,” cuối cùng em lên tiếng, mong làm nó bình tĩnh, “buona, ngoan,” nó vẫn ngo ngoáy cố chui ra khỏi vòng kim kẹp. Sự hiện diện của nó khiến tôi thấy phiền, và bất giác tôi khước từ chuyện bỏ chân xuống hoặc nhích ra để nhường chỗ cho nó. Nhưng em có vẻ chẳng bận tâm tới tôi hay cử chỉ từ chối ấy. Thay vì vậy, em lục tìm trong ba lô ra một chiếc túi nhựa mỏng, lấy ra hai cái bánh nhỏ xíu hình xương cho chú cún, đặt lên lòng bàn tay và xem nó liếm hết. “Brava, giỏi lắm.” Con chó dụ xuống trong chốc lát, em hơi nhồm người lên để chỉnh áo, sửa thế ng ẩ một hai lần, r ẩ rơi vào một kiểu ngẩn ngơ bu ền bã, nhìn chăm chăm ra khung cảnh Florence khi tàu bắt đầu rời khỏi ga Santa Maria Novella. Em vẫn giận, và có lẽ trong vô thức, em lắc đầu, một lần, hai lần, rõ ràng đang rửa cái người khiến em bức tức trước khi đi. Trong thoáng chốc em mang vẻ tuyệt vọng đến cùng cực đến nỗi dù đang chú mục vào quyển sách trước mặt, tôi bắt gặp bản thân mình đang cố nghĩ ra đi ầu gì đó để gọi chuyện, để

giá có thể giúp dịu lại cơn bão đang chực chờ dâng trào trong cái góc nhỏ bé tí gần cuối toa này. Rồi tôi lại đổi ý. Nên để người ta yên và quay lại việc đọc của mình thì hơn. Nhưng khi tôi bắt gặp em cũng đang nhìn mình, chẳng ngừng được, tôi buột hỏi: “Sao cau có vậy?”

Chỉ đến khi nói ra rồi tôi mới nhận ra câu hỏi ấy hoàn toàn không phù hợp để hỏi người lạ trên tàu, nhất là một người có vẻ sẵn sàng bốc hỏa trước sự trêu ngươi nhỏ nhất. Em nhìn tôi với vẻ lúng túng và hần học hiện lên trong mắt, báo hiệu trang ngôn từ sắp xõ ra nhắc tôi nhớ lấy vị trí của mình. Lo thân mình đi lão già. Hoặc: Liên quan tới ông sao? Hoặc bấu môi: Đồ khốn!

“Không, không cau có, chỉ nghĩ ngợi thôi,” em bảo. Tôi giật mình bởi sự nhẹ nhàng, gần như hối tiếc trong giọng điệu em nói, nếu em bảo tôi cút xéo đi thì tôi còn thấy ít bất ngờ hơn.

“Chắc là nghĩ ngợi khiến tôi trông thế.”

“Kể cả khi cô nghĩ đi đâu vui à?”

“Không, khi vui thì khác,” em trả lời.

Tôi mỉm cười nhưng không nói gì thêm, cảm thấy hối hận với câu đùa nông cạn và hóm hỉnh vừa rồi.

“Nhưng chắc dù sao cũng vẫn hay cau có,” em nói thêm, chấp nhận với một điệu cười đầu hàng. Tôi tỏ lời xin lỗi vì nói năng khiếm nhã.

“Không sao,” em bảo, nhìn ngắm phong cảnh miền quê bắt đầu trải ra bên ngoài cửa sổ. Vậy cô là người Mỹ đúng chứ, tôi hỏi. Đúng là thế. “Tôi cũng vậy,” tôi nói. “Nghe giọng ông là tôi nhận ra ngay,” em mỉm cười. Tôi giải thích rằng mình đã sống ở Italy gần ba mươi năm rồi, nhưng chắc có cả đời cũng chẳng thể mất đi giọng bản xứ. Rồi tôi hỏi, em bảo đã chuyển tới đây cùng cha mẹ từ khi mười hai.

Chúng tôi đều đang đi Rome. “Công việc à?” tôi hỏi.

“Không, không phải công việc. Thăm cha tôi. Ông không khỏe.” Rồi, ngược mắt lên nhìn tôi: “Nên mới cau có, chắc vậy.”

“Nghiêm trọng không?”

“Tôi nghĩ là có.”

“Tôi rất tiếc,” tôi bảo.

Em chỉ nhún vai. “Đời mà!”

Và rồi, đổi tông giọng: “Thế còn ông? Công việc là hay đi thăm thú?”

Tôi cười bởi câu hỏi nhại và nói tôi được mời đến để làm buổi đọc sách cho sinh viên đại học. Nhưng tôi cũng ghé thăm con trai mình, nó sống ở Rome và lát sẽ đón tôi ở ga.

“Hắn là một cậu bé ngoan.”

Tôi nhận ra em đang đùa. Nhưng tôi thích dáng vẻ thoải mái, không câu nệ, lướt từ râu rĩ tới vui tươi của em, chắc em cũng nghĩ tôi như vậy. Giọng điệu em ăn khớp với kiểu quần áo thoải mái: giày leo núi đã sờn, quần bò, không son phấn, chiếc áo ca rô đỏ phai màu, cúc cổ mở sâu, bên trong là áo phong đen. Nhưng dù vẻ ngoài cầu thả, đôi mắt em xanh dưới hàng chân mày sẫm màu. Em biết, tôi tự nhủ, em biết. Biết vì sao tôi đưa ra lời bình ngờ ngạc nhiên đến vậy về sự cau có của em. Chắc hẳn những gã trai lạ luôn cố tìm lấy có này có nọ để được trò chuyện cùng em. Có lẽ đây là lý do vì sao đi đâu em cũng khoác cái vẻ hằn học cảnh báo đừng có mà đóng cửa.

Sau câu mỉa mai về con trai tôi, chẳng bất ngờ khi cuộc trò chuyện của chúng tôi chững lại. Đến lúc lui về đọc sách thôi. Nhưng bỗng em quay sang thẳng thắn hỏi: “Ông có hề hoi mong gặp cậu ấy không?” Lại nữa, tôi nghĩ, em lại đang trêu đùa mình đây, nhưng em có vẻ nghiêm túc. Có gì đó thật duyên dáng và xoa dịu trong cách em làm thân rồi gạt phăng những rào cản giữa hai người lạ trên tàu với nhau. Tôi thích đi đầu đó. Có lẽ em tò mò xem một ông già gần gấp đôi tuổi mình cảm thấy sao khi sắp gặp con.

Hoặc có lẽ em chỉ đang chán đọc sách. Em chờ tôi trả lời. “Vậy, chắc ông thấy hạnh phúc? Hoặc thấp thỏm?”

“Không hẳn là thấp thỏm, có lẽ một chút thôi.” Tôi bảo. “Bác cha mẹ luôn sợ sẽ trở thành áp đặt, nói năng chán ngắt mà.”

“Ông nghĩ mình nhàm chán ư?”

Tôi thích thấy em ngạc nhiên bởi điều tôi vừa nói. “Chắc là vậy. Nhưng chấp nhận thôi, ai chẳng thế.”

“Tôi không nghĩ cho mình nhàm chán.”

Tôi có lỡ làm em mất lòng không? “Vậy tôi xin rút lại điều mình nói.”

Em nhìn tôi, cười. “Đừng nhanh vậy chứ.”

Em sẽ lấn tới, rồi xoáy thẳng vào lòng ta. Điện này, em giống con trai tôi – em già dặn hơn một tí, nhưng có cùng thứ năng lực lật tẩy những hờ hênh và mảnh khảnh sâu kín nhất, khiến tôi lúng túng sau khi tranh cãi rồi lại men đến để làm lành.

Em là loại người gì khi người ta hiểu rõ em? Tôi muốn hỏi. Em có hài hước, vui vẻ, ham vui, có hay không trong máu em một thứ huyết dịch của buồn cáu và giận dữ che mờ đi nét đẹp và làm bật cảm tiếng cười thoải mái đầy hứa hẹn từ nét môi và cặp mắt xanh ấy? Tôi muốn biết – bởi tôi chẳng thể đoán được.

Tôi định khen em vì có thể đọc vị người khác nhanh đến vậy, thì điện thoại em đổ chuông. Một người tình, tất nhiên rồi! Chứ gì nữa. Tôi đã quen dần với sự chen ngang liên miên của điện thoại, đến mức chẳng còn có thể trò chuyện cùng sinh viên hoặc đồng nghiệp, thậm chí cùng con trai tôi mà không có tiếng chuông chen vào. Thoát nhờ tiếng chuông, lảng đi nhờ tiếng chuông, chuyển hướng câu chuyện nhờ tiếng chuông.

“Cha, con đây,” em nói ngay khi bắt máy. Tôi đã nghĩ em bắt máy vội để tiếng chuông reo to không phiền những hành khách khác trên tàu.

Nhưng tôi ngạc nhiên nghe em hét vào máy. “Là vì con tàu chết tiệt. Nó dừng r ồi, con chẳng biết mất bao lâu đâu, nhưng chắc không tới hai giờ. Mong sớm gặp cha.” Cho em hỏi gì đó. “Tất nhiên r ồi, ông già ời là ông già, sao mà con quên được chứ.” Ông lại hỏi gì đó tiếp. “Cái đó cũng r ồi.” Im lặng. “Con cũng vậy. Nhi ều nhi ều nhi ều.”

Em tắt máy r ồi ném vào ba lô, như thể có ý: Ta sẽ không bị làm phiền nữa đâu. Em cười với tôi, gượng gạo. “Phụ huynh,” cuối cùng em bảo, nghĩa là cha mẹ nào cũng thế, đúng không?

Nhưng r ồi em giải thích. “Tôi tới thăm ông mỗi cuối tuần – tôi chuyên trách dịp cuối tuần – anh chị em và người trông nom chăm sóc ông trong tuần.” Trước khi cho tôi cơ hội nói gì đó, em hỏi luôn, “Vậy, ông làm đom cho sự kiện tối nay đó hả?”

Nghe cô ấy tả bên ngoài của tôi kìa! “Liệu nhìn tôi có giống đã làm đom không?” Tôi đáp, đưa cọt lia lại từng từ về phía em để khỏi mang cái vẻ muốn được tán dương.

“Chà, khăn giất túi, áo là phẳng phiu, không cà vạt, nhưng cài cả khuy măng sét ư? Phải nói là ông có để tâm đến vẻ ngoài, hơi lỗi thời, nhưng chẵn chu.”

Chúng tôi cùng cười.

“Thực ra, tôi còn có cái này,” tôi bảo, kéo ra chiếc cà vạt màu mè từ túi áo khoác r ồi nhét nó lại. Tôi muốn em thấy mình cũng đủ hài hước để tự giễu.

“Đúng như tôi nghĩ,” em nói. “Đom đáng! Không phải kiêu ông giáo về hưu diện đồng ngày Chủ nhật, nhưng cũng gần như thế. Vậy, hai cha con tính sẽ làm gì ở Rome?”

Em sẽ hỏi tới cùng có phải không? Liệu có phải tôi đã nhen nhóm gì đó với câu hỏi đầu tiên r ồi khiến em nghĩ chúng tôi có thể su ồng sã thoải mái

như vậy? “Cứ dăm sáu tuần chúng tôi lại gặp. Thằng bé đã ổn định ở Rome nhưng sẽ sớm chuyển tới Paris. Chưa gì tôi đã thấy nhớ nó rồi. Tôi chỉ muốn dành thời gian với nó; chẳng làm gì, thật đấy, chủ yếu là đi dạo loanh quanh, dù cuối cùng vẫn chỉ có một lộ trình: Rome của thằng bé, nghĩa là quanh nhạc viện, Rome của tôi, khi mà tôi vẫn còn là một thầy giáo trẻ. Cuối cùng thì ăn trưa ở Armando. Thằng bé chịu đựng hay tận hưởng khoảng thời gian ấy, tôi vẫn không biết được, hoặc có lẽ cả hai, nhưng tất cả đã thành nghi thức khi dạo qua những nơi này: Via Vittoria, Via Belsiana, Via del Babuino. Thỉnh thoảng chúng tôi lang thang tận Nghĩa trang Tin lành. Tất cả như những điểm mốc trong cuộc đời hai cha con. Chúng tôi gọi đó là những lễ vọng, cũng như dân ngoan đạo dừng chân ở những madonnelle - ban thờ trên phố – để tỏ lòng thành kính với Nàng Madonna của đường phố. Chúng tôi đâu không quên: ăn trưa, đi dạo, lễ vọng. Tôi thấy mình may mắn. Chỉ riêng chuyện đi dạo thành Rome với thằng bé chính là một nghi lễ rồi. Ở bất cứ chỗ rẽ nào cũng có thể vấp vào ký ức được – ký ức riêng mình, hoặc của ai đó khác, hoặc của thành phố này. Tôi thích Rome lúc rạng đông, thằng bé thì thích lúc chiều tà, và đã có những khi chúng tôi cùng uống trà chiều đâu đó chỉ để kéo dài thời gian một chút cho đến đêm rồi lại cùng nhau đi làm vài ly nữa.”

“Chỉ vậy thôi ư?”

“Chỉ vậy thôi. Chúng tôi sẽ đi qua phố Via Margutta, vì tôi, rồi phố Via Belsiana, vì thằng bé - với hai cha con thì đó đều là tình xưa nghĩa cũ.”

“Lễ vọng của những lễ vọng xưa cũ nhỉ?” Cô đùa. “Cậu ấy kết hôn chưa?”

“Chưa.”

“Đang có ai không?”

“Tôi không rõ. Chắc là phải có chứ. Nhưng tôi thấy lo. Xưa thằng bé có quen một người, cũng lâu rồi, và bây giờ khi tôi hỏi thăm, thằng bé chỉ lắc đầu và bảo, Đừng hỏi, cha ạ, đừng. Nghĩa là không có ai hoặc có rất nhiều, tôi chẳng biết đi đâu nào thì tệ hơn. Thằng bé từng chia sẻ với tôi mọi chuyện.”

“Tôi nghĩ cậu ấy đang thành thật với ông đấy chứ.”

“Ừ, một cách nào đó.”

“Tôi thích cậu ta,” cô gái ngẩng chéo góc với tôi bảo. “Có lẽ vì tính tôi cũng giống vậy. Nhiều khi tôi bị trách cứ vì quá cởi mở, quá thẳng thừng, và rồi lại có lúc quá phòng thủ và xa lánh.”

“Tôi không nghĩ thằng bé xa lánh người khác. Nhưng tôi nghĩ nó không thực sự hạnh phúc.”

“Tôi biết cảm giác đó.”

“Vậy không phải là cô cũng có ai đó rồi ư?” “Giá mà ông biết.”

“Sao?” tôi hỏi. Câu từ bật ra từ tôi nghe như một tiếng thở dài ngạc nhiên ai oán. Ý em là gì – chẳng có ai cả, hay là quá nhiều, hay người tình của cuộc đời em đã rời đi và bỏ em lại suy sụp, chẳng còn gì ngoài nỗi thôi thúc muốn trút mọi cảm hận lên chính mình hoặc người nhân tình kế tiếp? Hay chỉ đơn giản là người ta cứ đến và đi, đến và đi, như đi đâu tôi luôn sợ cũng sẽ xảy ra với con trai mình – hay em chính là kiểu người sẽ lướt qua đời kẻ khác mà chẳng màng để lại gì dù là một dấu vết hay kỷ niệm

“Tôi không chắc tôi có thích được ai không, chứ chưa nói đến yêu đương người ta.”

Tôi thấy điểm chung nơi con trai tôi và cô gái này: trái tim cay đắng, đứng đưng và thương tổn.

“Là cô không thích họ, hay cô dần thấy mệt mỏi và chẳng thể nhớ được tại sao lúc đầu lại thấy họ thú vị nữa?”

Em chợt im bật, có vẻ rúng động và không đáp lời. Em nhìn thẳng vào tôi. Tôi lại làm em mất lòng ư: “Sao ông lại biết đi ầu này?” Cuối cùng em lên tiếng. Lần đầu tiên tôi thấy em chợt nghiêm túc và giận dữ như vậy. Có vẻ em đang mài giũa những từ ngữ sắc lẹm để cắt phăng sự can thiệp quá trớn của tôi vào đời tư mình. Đáng lẽ tôi nên im lặng. “Chúng ta gặp chưa đầy mười lăm phút, vậy mà ông đã nhìn thấu tôi rồi! Sao ông lại biết được đi ầu này chứ?” Rồi em tiếp: “Một giờ ông lấy giá thế nào?”

“Miễn phí cho cô. Nhưng thực sự nếu tôi nói đúng chuyện gì, thì là vì tôi nghĩ chúng ta đều vậy cả. Còn nữa, cô còn trẻ và đẹp, hẳn là đàn ông xúm quanh cô suốt ngày, nên hẳn là cô không thiếu người hò hẹn.”

Liệu có phải tôi lại vừa nói đi ầu không nên và đi quá giới hạn không?

Để quay lại với lời khen, tôi nói thêm, “Chỉ là sự hấp dẫn của một người mới mẻ không bao giờ kéo dài đủ lâu. Ta chỉ muốn người mình không có được thôi. Người mà ta đánh mất hoặc chẳng hề biết là ta t ần tại mới khắc dấu ghi lòng. Những người khác mấy khi được tưởng vọng đâu.”

“Quý Cô ở đường Margutta cũng vậy sao?” em hỏi. Cô gái này chẳng để lỡ cái gì bao giờ, tôi nghĩ. Tôi thích cái cách gọi quý cô Margutta. Nó cô đúc tất cả những gì t ần tại nhiều năm về trước giữa chúng tôi vào một trạng thái dịu dàng, dễ nắm bắt, gần như là tức cười.

“Tôi không thực sự chắc. Chúng tôi bên nhau không lâu và mọi chuyện xảy ra quá nhanh.”

“Cách đây lâu không?”

Tôi thoáng nghĩ một lúc.

“Nói ra thì ngại lắm.”

“Ồ, nói đi!”

“Ít nhất cũng hai thập kỷ. Ừm, gần ba thập kỷ rồi.” “Và?”

“Chúng tôi gặp nhau tại một bữa tiệc khi tôi còn dạy học tại Rome. Nàng đi cùng một người khác, tôi cũng vậy, tình cờ chúng tôi trò chuyện, và chẳng ai muốn ngừng lại. Cuối cùng nàng rời đi cùng bạn trai, không lâu sau cặp chúng tôi cũng về. Không lấy số điện thoại của nhau. Nhưng tôi chẳng thể quên được nàng. Nên sau đó tôi xin số nàng qua người bạn đã tổ chức bữa tiệc. Và đây mới bu ồm cười này. Một ngày trước đó nàng cũng gọi và xin số của tôi. Người ta bảo em đang tìm anh, tôi nói khi gọi cho nàng. Đáng ra tôi nên giới thiệu mình trước, nhưng tôi không thực sự nghĩ gì cả, chỉ thấy h ẫi hộp thôi.

“Nàng nhận ra giọng tôi ngay, hoặc có lẽ người bạn kia đã báo cho nàng biết. “Em định gọi anh, nàng bảo. Nhưng em không gọi, tôi đáp. Vâng, em không gọi. Ấy chính là lúc nàng đã nói đi ầu chứng tỏ nàng có nhi ều can đảm hơn tôi và đi ầu ấy khiến tôi phấn khích, vì tôi không hề ngờ tới và sẽ vĩnh viễn không bao giờ quên. Vậy, ta sẽ làm như nào?” nàng hỏi. Ta sẽ làm như nào? Với chỉ một câu nói đó, tôi hiểu cuộc đời mình từ giờ sẽ bị đẩy ra khỏi quỹ đạo vốn có của nó. Trước đó tôi chưa từng gặp ai hướng những từ vừa thành thực, lại gần như hoang đại đến vậy về phía mình.”

“Tôi thích cô ấy.”

“Sao không thích được chứ. Thẳng thừng và trực diện, và quá đúng-trong-tâm đến mức tôi cũng phải đưa ra quyết định ngay. Vậy ta ăn trưa đi, tôi bảo. Vì ăn tối thì khó hơn, nhỉ?” Tôi yêu cái táo bạo, gi ấu cợt ẩn ý trong đi ầu nàng nói. Vậy ta ăn trưa – hôm nay luôn đi, tôi trả lời. Vậy hôm nay luôn. Chúng tôi cùng cười vì mọi chuyện diễn ra nhanh quá. Ăn trưa, bấy giờ, chỉ cách t ầm một tiếng nữa.”

“Ông không lẩn cấn chuyện cô ấy sẽ lừa dối bạn trai mình sao?”

“Không. Như tôi cũng không lấn cấn khi mình sắp sửa làm đi đâu tương tự. Bữa trưa đó kéo dài khá lâu. Tôi tiễn nàng về nhà ở Via Margutta, rồi chúng tôi lại lang thang đến chỗ vừa ăn, và rồi lại tiễn nàng về nhà lần nữa.

“Mai nhé?” tôi hỏi, vẫn ngờ ngợ mình có chậm chạp quá không. Đương nhiên chứ, mai gặp. Lúc ấy chỉ còn cách Giáng sinh một tuần thôi. Vào chiều thứ Ba chúng tôi đã làm một chuyện gần như mất trí: mua hai vé bay tới London.”

“Lãng mạn thật!”

“Mọi thứ đều nhanh và rất tự nhiên, đến mức chẳng ai nghĩ xem có cần nói với người tình kia của mình hoặc suy nghĩ lại về mối quan hệ không. Chúng tôi đơn giản là gạt bỏ hết mọi rào cản. Thời ấy chúng tôi vẫn còn nhiều rào cản.”

“Ý ông là bây giờ thì không?”

“Tôi không biết nữa.”

“Vâng, tôi chắc là ông không biết.”

Lời chế nhạo của em khiến tôi hiểu đáng ra mình nên bực.

Tôi cười.

Em cũng cười, là cách em ra dấu rằng em biết tôi đang không thành thực.

“Về chuyện đã xảy ra, nó kết thúc ngay. Nàng về với người ta, tôi cũng thế. Chúng tôi còn không duy trì mức bạn bè. Nhưng tôi có đến dự đám cưới, và cuối cùng thì tôi cũng mời họ đến đám cưới của mình. Họ vẫn hạnh phúc. Bên tôi thì không. Voila, vậy đấy.”

“Sao ông lại để cô ấy quay về với người kia?”

“Sao ư? Có lẽ vì tôi chưa bao giờ chắc chắn về cảm xúc của mình. Tôi chỉ không cố để níu lấy nàng, mà nàng cũng biết tôi sẽ chẳng làm thế. Có lẽ tôi chỉ muốn yêu và sợ rằng tôi chưa yêu bao giờ và tôi thích tận hưởng

chốn ảo mộng nhỏ bé của chúng tôi ở London hơn là phải thừa nhận đi đâu tôi đã lỡ mất ở nàng. Có lẽ tôi chọn hoài nghi hơn là nhìn thấu nó. Thế một giờ Cô lấy giá thế nào?”

“Touché, hay đấy!”

Lần cuối tôi trò chuyện với ai đó như thế này là bao giờ?

“Vậy nói tôi nghe về người ấy trong cuộc đời của cô đi,” tôi bảo. “Tôi chắc là phải có ai đó đặc biệt lúc này chứ?”

“Ai đó à, có.”

“Bao lâu rồi?” Rồi tôi tự ngắt lời. “Nếu tôi được phép hỏi.”

CG “Ông được phép. Gần bốn tháng.” Em nhún vai: “Chẳng có gì đáng nói.”

“Cô thích cậu ấy không?”

“Có thích. Chúng tôi hợp nhau. Và có nhiều điểm chung. Nhưng sau cuối thì cũng chỉ là hai người bạn chung phòng đang đóng kịch rằng sẽ sống cùng nhau một cuộc đời. Nhưng không đâu.”

“Cách diễn đạt thật là. Hai người bạn chung phòng đang đóng kịch rằng sẽ sống cùng nhau một cuộc đời. Đáng buồn.”

“Buồn thật. Một đi đâu cũng buồn nữa là, một lát cạnh ông thế này, tôi gần như đã chia sẻ nhiều hơn một tuần bên cạnh anh ấy.”

“Có lẽ cô không phải người hay mở lòng với người khác.”

“Nhưng tôi đang làm vậy với ông.”

“Tôi là một người lạ, và với người lạ thì mở lòng dễ dàng hơn.”

“Những người duy nhất tôi có thể tâm sự thật lòng là cha tôi và Pavlova, chú cún này, và cả hai đều sẽ không ở lại bên tôi lâu nữa. Và lại, cha tôi ghét anh bạn trai hiện giờ.”

“Các ông bố thường đâu thế mà.”

“Thế nhưng ông lại rất quý người bạn trai trước của tôi.”

“Cô có thể không?”

Em mỉm cười, dự trước rằng em sẽ bông đùa cho qua: “Không, không hề” Rồi em nghĩ một chốc. “Anh ấy muốn kết hôn. Tôi bảo không. Tôi thấy nhẹ cả người vì anh không làm ầm lên sau khi chúng tôi chia tay. Rồi chưa đầy sáu tháng sau, tôi nghe tin anh sắp cưới. Tôi tím cả ruột. Nếu có lúc tôi từng tổn thương và khóc lóc vì tình thì chính là ngày tôi nghe chuyện anh sẽ cưới cái cô mà chúng tôi suốt ngày lôi ra giễu cợt khi còn bên nhau.”

Im lặng.

“Ghen dù chẳng yêu chút nào... khó cho Cô thật,” tôi lên tiếng.

Em nhìn tôi bằng ánh mắt vừa che đậy sự quở trách vì dám nói thế với em cũng vừa ngờ ngác tò mò muốn biết thêm. “Chưa đầy một giờ trên tàu. Nhưng ông lại hoàn toàn hiểu tôi rồi. Tôi thích đi đâu này. Nhưng tôi còn có thể kể thêm nữa kia, một khuyết điểm khủng khiếp khác.”

“Lại gì nữa?”

Chúng tôi cười.

“Tôi chưa bao giờ gần gũi được với những người mình hẹn hò. Họ đều sợ quá gần bó sẽ không còn đường lui. Tôi thì lại thường tự đập đổ hết mọi đường lui của chính mình – có lẽ vì tôi cũng không có chi nhiều. Đôi lúc tôi bỏ lại cả đồ riêng ở chỗ họ và cứ thế biến mất thôi. Tôi ghét quá trình lê thê khi xếp đồ và dọn ra rồi những thoáng nghĩ lại không thể tránh được mà sau đó sẽ biến thành những núm kéo sườn mướt; trên hết tôi ghét sự vờ vịt bầu víu lại của một gánh nặng sau khi ta chẳng muốn được chạm vào bởi kẻ ta còn không nhớ nổi lúc trước từng muốn chung chăn. Ông đúng: Tôi không muốn biết tại sao mình bắt đầu. Sự phiền phức cùng cực của một mối quan hệ mới. Thêm vào đó là những thói quen hàng ngày mà tôi cần chịu đựng. Mùi từ những lông chim của anh. Cách anh xếp chõng đĩa

CD. Âm thanh của bộ tản nhiệt cỡ lớn sẽ lúc nửa đêm chỉ đánh thức tôi dậy chứ không phải anh. Anh muốn khép cửa sổ. Tôi muốn mở hé. Tôi ném quần áo lung tung mọi nơi, anh muốn khăn tắm được gấp và cất gọn. Anh bảo tuýp kem đánh răng phải bóp cẩn thận từ dưới cuối lên; tôi thì bóp đầu chẳng quan trọng và toàn làm rơi mất cái nắp, rồi anh sẽ phải tìm đầu đó dưới sàn nhà tắm. Điều khiển cũng phải ở đúng chỗ, sữa phải xếp ở ngăn gần ngăn đá, nhưng không được quá gần, đồ lót và tất để ở ngăn này chứ không phải là ngăn kia.

“Vậy đó, nhưng tôi không khó khăn gì. Tôi thực sự là không tệ, dù hơi cứng đầu. Nhưng ấy là một chuyện. Tôi chịu đựng mọi người và mọi thứ. Ít nhất là trong một thời gian. Rồi một ngày chuyện đó cứ thế ập đến: Tôi không muốn ở cạnh anh ta, không muốn anh ta gần mình, cần phải rời đi thôi. Tôi vật lộn với cảm giác này. Nhưng một khi anh nhận ra, anh sẽ bám chặt lấy tôi bằng đôi mắt cú con tuyệt vọng. Ngay khi tôi bắt gặp ánh nhìn ấy thì, tôi phải rời đi ngay và lập tức tìm lấy một người khác.

“Đàn ông!” cuối cùng em thốt lên, như thể cụm từ đó tổng kết tất cả những khuyết điểm mà hầu hết phụ nữ sẵn sàng bỏ qua rồi học cách chịu đựng và cuối cùng là tha thứ cho người đàn ông họ hy vọng sẽ yêu cho tới cuối đời mình ngay cả khi họ biết là họ sẽ không làm được. “Tôi ghét phải thấy người ta tổn thương.”

Một thoáng mơ màng bao trùm lên nét mặt em. Tôi ước có thể nhẹ nhàng chạm lên đó. Em thấy tôi đang nhìn, tôi hạ mắt xuống.

Một lần nữa, tôi để ý đôi giày của em. Hoang dã, chưa được thuần hóa, như thể chúng đã bị kéo lê trên những đoạn đường lổm chổm, gồ ghề đến nỗi nhìn cũ rích, sờn rách, vậy nghĩa là em tin tưởng chúng. Em thích đồ của mình cũ kỹ và thân thuộc. Em thích thoải mái. Chiếc tất len dày màu navy của em là tất nam, chắc hẳn được vợ lấy từ ngăn kéo tủ của người đàn ông

em bảo mình đã hết yêu. Nhưng chiếc áo khoác da có vẻ đắt tiền. Prada, chắc vậy. Có phải em đã vụt chạy ra khỏi nơi đó, và vì vội, lấy bữa món đồ đầu tiên trong tầm tay cùng câu chào gấp gáp. Em tới chỗ cha đây, tối gọi sau nhé: Em đeo đồng hồ nam. Cũng của cậu ta sao? Hay chỉ là em thích đồng hồ nam thôi? Mọi thứ về em đều cứng cỏi, xù xì, dang dở. Và rồi tôi chợt thấy một khoảng da giữa tất và gấu quần em – em có đôi mắt cá chân thật mịn màng.

“Kể tôi nghe về cha cô đi,” tôi bảo.

“Cha tôi ư? Ông không khỏe, và chúng tôi sắp mất ông rồi.” Rồi em cũng tự nói thêm vào: “Ông vẫn tính giá theo giờ đấy chứ?”

“Như tôi đã nói, tâm sự sẽ dễ dàng hơn giữa những người lạ không bao giờ gặp lại cả.”

“Ông nghĩ vậy à?”

“Gì, tâm sự trên tàu á?”

“Không, rằng ta sẽ không gặp lại?”

“Có cơ hội sao?”

“Đúng, ông nói đúng.”

Chúng tôi mỉm cười.

“Vậy kể tiếp về cha cô đi.”

“Tôi đã luôn nghĩ ngợi. Tình yêu của tôi dành cho ông ấy không còn như trước. Đó không còn là một tình cảm tự phát, mà là thứ yêu thương rầu rĩ, cản trở của một người có trách nhiệm phải chăm nom. Nhưng đó không thực sự là vấn đề. Chúng tôi vẫn cởi mở với nhau, chẳng có gì tôi giấu ông cả. Mẹ tôi bỏ lại chúng tôi gần hai mươi năm rồi, từ đó chỉ còn hai cha con. Ông cũng từng gặp gỡ người khác, nhưng giờ thì sống một mình. Hàng ngày sẽ có người đến chăm sóc ông, nấu nướng, giặt giũ và dọn dẹp mọi thứ. Hôm nay là sinh nhật thứ bảy mươi sáu của ông. Nên mới

có chiếc bánh,” em nói, chỉ lên chiếc hộp trắng trên hộc để đồ. Em có vẻ hơi ngượng, nên khẽ cười khi chỉ cho tôi. “Ông bảo đã mời hai người bạn đến ăn trưa, nhưng chưa ai hồi âm, và tôi đoán họ sẽ không tới, thời buổi bây giờ ai cũng ngại. Anh chị em tôi cũng không. Ông thích bánh su kem từ một tiệm bánh cũ cách chỗ tôi sống không xa. Nó gợi nhắc cho ông về những ngày tươi đẹp khi ông còn dạy học ở Florence. Tuy không nên để ông ăn đồ ngọt, nhưng mà...”

Chẳng cần phải nói hết câu.

Im lặng kéo dài một chốc. Một lần nữa tôi lại mở sách, nghĩ rằng trò chuyện thế là đủ rồi. Lát sau, với trang sách trước mặt, tôi ngó ra ngắm thẳng cảnh miền thôn quê Tuscan và tâm trí dần trôi dạt. Một ý nghĩ kỳ lạ và vô định về việc em sẽ đổi chỗ sang cạnh tôi thoáng hiện lên trong đầu. Tôi biết mình sắp ngủ gật.

“Ông không đọc,” em bảo. Rồi, thấy có khi em đang phiến tôi, em nói thêm, “Tôi cũng không đọc được.”

“Phát một rồi,” tôi nói, “chẳng thể tập trung.”

“Hay không?” em hỏi, nhìn vào bìa sách của tôi.

“Không tệ. Dù đọc lại Dostoyevsky sau chừng ấy năm có hơi thất vọng một chút.”

“Vâng. Tôi cũng thích ông ấy khi tôi mười lăm.”

“Tôi cũng vậy. Tâm nhìn của ông về cuộc đời là đi đầu mà một người trẻ có thể hiểu ngay: giằng xé, đây trái ngang, đắng cay, kịch độc, nhục nhã, yêu, tiếc, buồn, và cả hận, cả những hành động bạo lực nhất của tình thương và hy sinh – tất cả hỗn loạn đan cài. Với tôi mà nói thì khi còn trẻ, Dostoyevsky là sự khởi đầu của xung đột tâm tính. Tôi cứ nghĩ đời mình đã lộn xộn lắm rồi – thế nhưng nhân vật trong thế giới của ông cũng chẳng kém rối ren. Cảm giác thân thuộc như được về nhà. Ý thức tôi có được

chính là nhờ học hỏi từ lớp mặt nạ nham nhở của tâm thức con người từ Dostoyevsky hơn là từ Freud, hay bất cứ nhà phân tâm học nào khác.”

Lại im lặng.

“Ra là một nhà trị liệu,” em bảo, cùng với sự chống trả gần như rành rọt trong giọng điệu.

Có phải tôi lại vừa lỡ hắt hủi em không?

“Cô cũng vậy,” tôi đáp, có lẽ để rút lại cái cảm giác như vừa vô ý làm em mất lòng.

Chúng tôi nhìn nhau. Tôi thích nụ cười ấm áp đầy tin tưởng ấy; nó gợi nhắc tới một thứ gì dịu dàng và chân thành, có phần yếu mềm nữa. Chẳng trách những chàng trai ấy cứ đắm chìm vào em. Họ biết rằng mình sẽ bỏ lỡ đi đâu gì ngay khoảnh khắc em quay đi. Lỡ mất nụ cười, hay lỡ nét uể oải lúc em đặt ra một câu hỏi từ-tận-đáp-tim trong khi nhìn thẳng người ta bằng đôi mắt xanh sắc sảo chẳng bao giờ chịu từ bỏ kia, lỡ sự tha thiết thân mật bị ánh nhìn của em vạch trần ngay khi tình cờ chạm mắt em giữa đám đông và thế là ta biết, ta đã lỡ cả cuộc đời mình. Em đang làm vậy ngay lúc này. Em khiến khao khát gần gũi muốn nảy nở và trở nên dễ dàng, như thể từ lâu nó đã luôn chất chứa sâu trong ta và thêm muốn lan tỏa ra, nhưng để rồi hiểu rằng ta sẽ chẳng vươn tới được cảm xúc ấy trừ phi là với em, kề bên em. Tôi muốn ôm lấy em, chạm vào tay, để những ngón tay lướt dọc vầng trán ấy.

“Thế sao lại là nhà trị liệu?” em hỏi, như thể sau khi nghĩ kỹ về đi đâu này, em nhận ra nó rất mơ hồ. “Nếu tôi được phép hỏi, em nói thêm, cười khẽ khi nhại lại lời tôi. Rõ ràng là em không quen với kiểu tiếp cận dịu dàng, ôn hòa hơn khi trò chuyện với một người lạ. Tôi hỏi em sao lại ngạc nhiên nếu tôi thực sự là một bác sĩ trị liệu.

“Vì ông nhìn rất ôn hòa, rất... đằm dáng.”

“Khó nói lắm. Có lẽ là vì những trống rỗng của tuổi trẻ khi tôi khám phá ra Dostoyevsky chưa bao giờ được lấp đầy. Đã có lúc tôi tin đã ổn; giờ thì tôi không chắc liệu mình từng thật sự được lấp đầy hay chưa. Tuy vậy, tôi vẫn muốn hiểu. Có những người không thể cứ thế mà bước sang một chương mới của cuộc đời được. Ta mất dấu đích đến của mình và vì thế, kẹt lại ở ngay điểm xuất phát.”

“Vậy nên ông đang đọc lại Dostoyevsky?”

Tôi mỉm cười vì câu hỏi đúng chỗ. “Chắc là vì tôi luôn cố gắng lặn mò lại từng bước đi của mình ngược tới cái điểm mà đáng ra tôi phải nhảy lên chuyến phà đi đến bến bờ mang tên cuộc đời nhưng lại lạc vào nhăm bến hoặc, cứ coi như tôi không may, đi nhăm luôn vào một chuyến phà khác. Tất cả đáng ra phải để khi ta chín chắn hơn, cô hiểu mà.”

“Ông không trông giống một người lên nhăm phà lắm. Phải không?”

Em đang trêu chọc tôi ư?

“Tôi đã nghĩ về đi đâu này khi lên chuyến tàu Ở Genoa sáng nay, vì tôi nhận ra biết đâu rằng đã từng có một hoặc hai chuyến và đáng ra tôi phải đi thay vì chuyện này và lại không bao giờ đi cả.”

“Sao lại không?”

Tôi lắc đầu rồi nhún vai ý rằng tôi không biết hoặc không muốn nói ra.

“Chẳng phải đấy là kịch bản tệ nhất sao: những đi đâu đã có thể nhưng lại không xảy đến và biết đâu vẫn sẽ chực chờ ập tới dù ta đã thôi đặt hy vọng vào chúng nữa rồi.”

Tôi nhìn em bối rối. “Cô học đâu cách nghĩ thế này vậy?”

“Tôi đọc nhiều mà.” Rồi ngượng ngùng liếc nhìn tôi: “Tôi thích nói chuyện với ông.”

Em dừng lại một chốc. “Thế, có phải cuộc hôn nhân của ông là chuyến phà lên nhăm không?”

Một người phụ nữ tuyệt vời. Và em rất đẹp. Và cách em nghĩ thì quanh co, uốn khúc, giống tôi đôi lúc.

“Lúc đầu thì không,” tôi đáp, “hay ít ra tôi không muốn coi nó như thế. Nhưng sau khi con trai tôi đi Mỹ thì giữa chúng tôi chẳng còn lại gì nhiều và cảm giác như toàn bộ tuổi thơ của thằng bé chẳng là gì hơn cuộc diễn tập cho sự chia tách không thể tránh được. Chúng tôi ít hẳn trò chuyện và nếu có thì như thể không còn nói cùng một thứ ngôn ngữ. Hai người đầu hết mực chân thành và tử tế, nhưng kể cả khi ở cùng một phòng thì cả hai cũng chỉ thấy cô đơn cùng nhau. Chúng tôi ngồi cùng một bàn, nhưng không ăn cùng nhau, ngủ cùng giường nhưng không cùng nhau, xem cùng chương trình tivi, du lịch cùng chỗ, cùng học một nơi dạy yoga, cùng cười bởi một câu đùa nhưng không bao giờ là cùng nhau, và ngồi sát cạnh trong một rạp phim kín người, nhưng không bao giờ chạm khuỷu tay. Từng có một thời điểm tôi bắt gặp những tình nhân ôm hôn trên đường và tôi chẳng hiểu nổi sao họ lại làm thế. Chúng tôi cô đơn cùng nhau – cho đến một ngày một người quyết đập VỖ đĩa dưa muối.”

“Đĩa dưa muối?”

“À, kiểu ví von trong tác phẩm của Edith Wharton. Nàng bỏ tôi theo người từng là bạn thân nhất của tôi, và giờ vẫn là bạn với tôi. Mĩa mai ở chỗ là tôi còn chẳng thấy hối tiếc gì khi nàng đến bên người khác.”

“Có lẽ vì chuyện ấy cho phép ông được tìm tới người khác.”

“Tôi không tìm. Chúng tôi vẫn làm bạn với nhau, và tôi biết là nàng lo cho tôi.”

“Nên lo không?”

“Không. Thế, sao lại là nhà trị liệu?” tôi hỏi, cố chuyển chủ đề

“Tôi á Cô đơn. Tôi không chịu đựng được một mình trong khi cũng lại không thể đợi để được một mình. Nhìn tôi đi. Tôi đang một mình trên tàu,

hạnh phúc với một quyển sách, cách xa khỏi người đàn ông tôi không hề yêu, nhưng tôi lại thà nói chuyện với một người lạ. Không có ý gì đâu.”

Tôi cười lại: Không sao.

“Dạo này tôi thường sẽ trò chuyện với tất cả mọi người, tôi bắt chuyện với người đưa thư chỉ để tán gẫu, nhưng chẳng bao giờ nói với bạn trai mình đang cảm thấy gì, đang đọc gì, đang muốn và ghét gì. Dù sao thì anh cũng không nghe, chứ chưa nói đến hiểu. Anh không hề hài hước. Tôi luôn phải chỉ cho anh hiểu câu đùa này chỗ nào tức cười.”

Chúng tôi cứ thế trò chuyện tiếp tới lúc có người đến soát vé. Cậu ta nhìn con cún, than phàn nàn rằng động vật không được mang lên tàu khi không có lồng nhốt.

“Nhưng mà tôi biết làm sao?”, em cãi. “Ném nó xuống đường? Giả mù? Hay xuống ngay ga này và lỡ luôn tiệc sinh nhật bảy mươi sáu của cha tôi, dịp mà chắc chắn không phải là tiệc vì đây là lần cuối của ông khi mọi người đều biết rằng ông sắp chết? Anh nói xem.”

Người soát vé chúc Cô một ngày tốt lành.

“Ancbe a Lei, anh cũng thế,” em lẩm bẩm. Rồi, quay sang chú cún: “Đừng gây chú ý nữa!”

Điện thoại tôi đổ chuông. Tôi định đứng dậy và nghe ở chỗ trống giữa toa, nhưng lại thôi. Chú cún, chồm lên vì tiếng chuông giờ đang nhìn tôi chăm chú bằng đôi mắt ngơ ngác, khó hiểu như thế, Ông cũng lại như vậy với cái máy đấy à?

Con trai tôi, tôi ra dấu, em cười lại và rồi không hỏi nhờ mà ra dấu rằng mình cần đi vệ sinh. Em đưa tôi đầu dây xích và thì thầm, “Nó không gây phiền hà gì đâu.” ور

Tôi nhìn em khi em đứng lên và, lần đầu tiên, nhận ra rằng vẻ ngoài bụi phủi của em cũng không đến nỗi xuề xòa như ấn tượng ban đầu, và thực ra

em, khi đã đứng thẳng, càng hấp dẫn hơn. Có phải lúc đầu tôi đã để ý rồi nhưng cố phớt lờ đi không?

Hay thực ra tôi là kẻ mù lòa? Không gì có thể tuyệt hơn nếu con trai tôi thấy tôi bước xuống tàu cạnh em. Tôi biết em sẽ là đi đầu tôi nhắc đến mãi khi cùng thằng bé dạo tới Armando. Tôi còn hình dung được cách nó sẽ mở đầu câu chuyện thế này: Vậy kể con nghe về cô người mẫu đi cùng cha khác ở ga đi...

Đúng lúc tôi đang mơ màng về phản ứng của thằng bé, thì cuộc điện thoại thay đổi tất cả. Nó gọi để báo không thể tới gặp tôi được. Tôi chỉ biết than rằng Tại sao? Con phải thay cho một người chơi dương cầm bị ốm và lại còn cả một buổi diễn ở Naples cùng ngày. Khi nào thì cậu kia quay lại? Mai cơ, thằng bé đáp. Tôi yêu giọng nói của nó biết bao. Cậu ta chơi gì đấy? Mozart, toàn Mozart thôi. Lúc ấy thì người bạn đồng hành của tôi quay lại và em âm thầm trở lại chỗ cũ, vươn người ra trước, nghĩa là muốn nói chuyện tiếp sau khi tôi cúp máy. Tôi nhìn em chăm chú hơn, một phần vì tôi đang bận nghe điện, nên khiến ánh nhìn của tôi trở nên vu vơ Vô định, không chủ đích, nhưng cũng nhờ đó tôi được ngắm nhìn đôi mắt đã quá quen và ưa thích lối đối mặt trực diện, và em sẽ chẳng bao giờ biết rằng nếu tôi đủ can đảm để đáp lại ánh nhìn ấy thật mạnh mẽ như chính cách em nhìn ngay lúc này thì cũng là vì, khi chăm chú vào em, tôi dần áp ủ cái ấn tượng rằng trong mắt em thì mắt tôi cũng thật đẹp.

Quả là ảo mộng của một lão già.

Cuộc trò chuyện của tôi với thằng bé bị ngắt quãng. “Nhưng ta chỉ mong được gặp và đi dạo dài cùng con. Thế nên mới bắt chuyến tàu sớm. Ta đi vì con, chứ không phải vì buổi đọc sách vớ vẩn.” Tôi thấy thất vọng nhưng cũng vẫn biết là em đang nghe, và có lẽ tôi cũng hơi làm quá lên một chút để em thấy. Rồi, nhận ra mình đi quá xa với lời phàn nàn, tôi

đành bảo: “Nhưng ta hiểu mà. Thật đấy.” Em hướng ánh nhìn cùng sự lo lắng về phía tôi. Rồi em nhún vai, không phải để thể hiện nỗi lãnh đạm, mà muốn nói rằng, hoặc do tôi hiểu vậy, hãy để cậu bé tội nghiệp được yên – Đừng khiến cậu ấy thấy tội lỗi. Cùng cái nhún vai, em vẫy tay trái lên để ra hiệu rằng tôi nên cho qua thôi, hãy vượt qua đi đâu này. “VẬY mai nhé?” tôi hỏi. Liệu nó có đến và đón tôi ở khách sạn không? Tầm giữa giờ chiều, thằng bé đáp – bốn giờ nhé? “Bốn giờ,” tôi bảo. “Lẽ vọng, nó bảo. “Lẽ vọng,” tôi đáp.

“Cô nghe nó rồi đấy,” cuối cùng tôi quay sang em.

“Tôi nghe ông mà.”

Em lại đang trêu đùa tôi. Và em đang cười. Một phần trong tôi nghĩ em sẽ ngả người hơn về phía mình, tính chuyện đứng dậy đổi chỗ sang cạnh tôi rồi đặt hai tay vào tay tôi. Liệu ý tưởng này đã lướt qua tâm trí em bao giờ chưa và liệu tôi có đang cảm thấy thôi thúc nơi em, hay tất cả chỉ là do tôi tự nghĩ ra bởi tôi mới là kẻ đang khao khát đi đâu ấy?

“Tôi rất mong chờ bữa trưa của hai cha con. Tôi chỉ muốn cười thoải mái với thằng bé và nghe nó kể về cuộc đời mình, về những buổi diễn, về công việc. Tôi còn mong rằng sẽ tìm thấy nó trên ga trước khi nó tìm ra tôi và thằng bé sẽ có một lúc để gặp cô.”

“Đâu phải là hồng hết rồi đâu. Mai ông sẽ gặp cậu ấy mà, bốn giờ nhé?” Lần nữa, tôi nhận thấy sự đùa cợt khi em nói. Và tôi yêu nó.

“Mia mai thay...” tôi định nói thêm, nhưng lại đổi ý.

“Mia mai thay?” em dò hỏi. Nàng không cho qua đâu, phải không, tôi nghĩ.

Tôi im lặng một lúc.

“Mia mai thay tôi cũng không thấy tiếc lắm khi thằng bé không tới. Tôi có kha khá việc cần làm trước khi buổi đọc diễn ra và có thể tôi sẽ tranh thủ

lúc ở khách sạn thay vì đi dạo quanh thành phố như mọi khi.”

“Sao đi đâu ấy lại đáng ngạc nhiên chứ? Hai người sống những cuộc đời riêng, bất kể chúng có giao với nhau bằng bao nhiêu lễ vọng đi nữa.”

Tôi thích đi đâu em vừa nói. Nó không tiết lộ đi đâu gì mà tôi không hay biết, nhưng lại thể hiện một mối quan tâm và chu đáo khiến tôi bất ngờ và chẳng có vẻ gì hợp với người đã cáu giận lúc nãy khi lên tàu.

“Sao cô lại biết nhiều vậy?” tôi hỏi, thấy phẫn chấn và nhìn em chăm chú.

Em cười.

“Trích lời một người tôi từng gặp trên tàu: “Ta đâu vậy cả thôi.”

Em thích chuyện này cũng nhiều như tôi.

Khi chúng tôi gần đến ga ở Rome, con tàu dần chậm lại. Vài phút sau, nó tiếp tục lăn bánh. “Tôi sẽ bắt taxi khi ta đến nơi,” em bảo.

“Tôi cũng vậy.”

Hóa ra nhà cha em chỉ cách khách sạn của tôi vài phút đi bộ. Ông sống dọc đường Lungotevere còn tôi thì ở Via Garibaldi, cách vài bước nơi tôi từng sống rất lâu về trước.

“Thế ta đi chung, em nói.

Chúng tôi lắng nghe thông báo từ sân ga Rome, và khi con tàu dần đỗ lại, chúng tôi ngẩng nhìn từng hàng những tòa nhà cao tầng và những kho lớn ốp đá travertine, đâu đâu cũng treo những biển hiệu quảng cáo cũ và bạc màu, bẩn thỉu. Không phải Rome mà tôi đã yêu. Cảnh tượng ấy làm tôi bối rối và mơ hồ về buổi đọc lần này cũng như việc trở lại nơi chứa đựng quá nhiều hồi ức, một vài vui vẻ, nhưng đa số là buồn. Bỗng nhiên, tôi quyết rằng mình sẽ thực hiện buổi đọc vào tối nay, làm vài ly xã giao với đồng nghiệp cũ, rồi tìm cách chuồn khỏi những lời mời dùng bữa thường tình, và nghĩ ra gì đó để làm một mình, có thể là xem phim, và ở lì trong

phòng đến hôm sau chờ thằng bé đến đón lúc bốn giờ. “Ít ra thì tôi mong họ đặt một căn phòng với bao lơn rộng và có thể nhìn hết các mái nhà bên dưới,” tôi bảo. Tôi muốn thể hiện rằng, dẫu cho cuộc gọi lúc này, tôi vẫn là người có thể nhìn về mặt tích cực. “Tôi sẽ nhận phòng, rửa tay, tìm một chỗ tốt để ăn, rồi đi nghỉ.”

“Sao? Ông không thích ăn bánh à?” em hỏi.

“Có chứ. Cô biết chỗ nào ăn trưa ngon không?”

“Có.”

“Ở đâu?”

“Nhà cha tôi. Đến cùng đi. Nhà chúng tôi cũng quanh khu đó.”

Tôi cười, cảm động vì lời mời tự phát. Em đang thấy thương cho tôi.

“Cô thật tử tế. Nhưng tôi nghĩ mình không nên. Cha cô đang trân trọng từng khoảnh khắc với người ông yêu thương nhất mà cô lại muốn tôi chen ngang sao? Còn nữa, với ông thì tôi là một người xa lạ.”

“Nhưng tôi quen ông mà,” em nói, như thể đi đâu ấy sẽ khiến tôi đổi ý.

“Cô còn không biết tên tôi.”

“Tưởng ông bảo ông là Người Xa Lạ?” Chúng tôi cùng cười.
“Samuel.”

“Đến đi mà. Mọi thứ rất đơn giản và thoải mái, tôi hứa.”

Dẫu vậy, tôi không thể nhận lời được.

“Cứ nói đồng ý đi.”

“Tôi không thể.”

Con tàu dừng hẳn. Em vợ lấy áo khoác và sách, đeo cặp lên vai, quấn dây xích chó vào tay, và lấy từ ngăn hành lý xuống chiếc hộp trắng. “Đây là chiếc bánh sinh nhật,” em bảo. “Thôi mà, nhận lời đi.” Tôi lắc đầu để thể hiện một lời từ chối vừa lịch sự mà dứt khoát.

“Thế này nhé. Tôi sẽ đi chọn cá và rau củ ở chợ Campo de' Fiori – tôi luôn mua cá, nấu và ăn chúng và trước cả khi ông nhận ra, tôi sẽ bày biện một bữa trưa thịnh soạn không quá hai mươi phút. Ông ấy cũng sẽ vui lòng nếu có một người bạn mới tới chơi.”

“Sao cô lại nghĩ chúng tôi sẽ có gì để trò chuyện cùng nhau? Mọi thứ sẽ ngại ngùng kinh khủng. Không chỉ thế, cô nghĩ ông ấy sẽ nghĩ gì chứ?”

Mất một lúc để em hiểu đi đâu vừa rồi.

“Ông ấy không nghĩ gì đâu,” rồi em nói.

Rõ ràng, em chưa từng nghĩ về chuyện đó.

“Còn nữa,” em nói thêm, “Tôi lớn rồi, ông ấy cũng đủ lớn để nghĩ gì cũng được.”

Một lúc im lặng lướt qua khi chúng tôi xuống ga và tiến vào chỗ sân đông đúc. Tôi không tìm được mà âm thầm nhìn lướt xung quanh. Có lẽ thằng bé đổi ý và định khiến tôi bất ngờ. Nhưng không có ai quanh đấy đợi tôi cả.

“Nghe này” – tôi phải nói ra – “và tôi còn chưa biết tên cô...”

“Miranda.”

Cái tên khiến tôi khựng lại. “Nghe này, Miranda, Cô thật tử tế khi mời tôi, nhưng mà...”

“Chúng ta là người lạ trên tàu, Sami, và tôi biết nói thôi thì chỉ là vô nghĩa,” em bảo, chưa gì đã đặt cho tôi một cái tên, “nhưng tôi đã mở lòng và ông cũng vậy. Tôi không nghĩ ai trong chúng ta biết nhiều người mà ta có thể thoải mái chân thành thế này. Hãy đừng biến đây trở thành một dịp diễn hình xảy ra khi đi tàu rồi trôi đi luôn cùng chuyến tàu như một chiếc ô hay đôi găng tay để quên đâu đó. Tôi biết chắc mình sẽ hối tiếc. Và không chỉ vậy, đi đâu này sẽ khiến tôi, Miranda, rất hạnh phúc.”

Tôi yêu cách em nói những lời ấy.

Rồi lại một thoáng yên lặng. Tôi không chắc chắn, nhưng tôi đoán ngay em đã nghĩ sự yên lặng của tôi là đồng ý. Trước khi nhắc máy gọi cho cha, em hỏi tôi không định điện cho ai sao, biết đâu? Cái biết đâu của em chạm đến tôi, nhưng tôi không chắc vì sao hay chính xác nó đang gợi ý điều gì, và tôi cũng không định suy đoán về nó rồi bị chứng minh mình sai. Cô gái này có thể nghĩ về mọi thứ, tôi nghĩ. Tôi lắc đầu. Không có ai để gọi cả.

“Cha. Ta sẽ có khách,” em hét lên vào máy. Chắc ông không thể nghe ra. “Một người khách,” em lặp lại. Rồi, cố giữ chú cún không nhảy chồm lên tôi: “Sao cha lại hỏi khách kiểu gì? Thì là khách. Ông ấy là giáo sư. Giống cha ý.” Em quay sang tôi để chắc là em truyền đạt đúng. Tôi gật. Rồi lại trả lời vào máy: “Không, cha sai bét. Con sẽ mang cá tới. Hai mươi phút là hết cỡ, hứa đấy.”

“Nói vậy sẽ cho ông ấy thời gian để ăn vận tươm tất,” em đùa.

Em có bao giờ ngờ tới rằng nếu tôi có hủy bữa tối với đồng nghiệp thì chính là vì, mà có lẽ tôi cũng sẽ không dám thừa nhận, phải chăng tôi đã tự ôm ấp cái ước mong xa xăm về việc được hẹn em tối nay? Liệu điều đó sẽ xảy đến thế nào?

Khi chúng tôi rẽ đến góc cầu Ponte Sisto, tôi bảo tài xế dừng xe. “Sao không để tôi cất hành lý lên phòng đã rồi chạy đến chỗ cha cô – tầm mười phút nhé.”

Nhưng em ôm lấy tay tôi khi xe chuẩn bị dừng. “Hoàn toàn không được. Nếu ông cũng giống tôi thì ông sẽ vào nhận phòng, cất đồ đạc, rửa tay, như ông đã nói mình đang rất muốn làm, và rồi sau mười lăm phút vừa vắn trôi qua, ông sẽ gọi và bảo mình đổi ý và quyết định rằng mình không thể đến được. Hoặc có thể ông sẽ chẳng thèm gọi. Có lẽ, nếu ông cũng giống tôi, ông sẽ còn chúc cha tôi sinh nhật an lành và còn chân thành là khác. Ông không giống tôi sao?”

Thật khiến tôi lung lay quá.

“Có lẽ.”

“Vậy nếu ông thật sự giống tôi thì chắc ông cũng thích bị lật tẩy, thừa nhận đi.”

“Còn nếu cô cũng giống tôi thì chắc hẳn cô đang nghĩ Tại sao tôi lại đi mời tên này chứ?”

“Vậy thì tôi không giống ông r ồi.”

Chúng tôi cười với nhau

. Có phải em cũng hiểu đi ầu ấ y không?

L ần cuối là lúc nào vậy?

“Gì cơ?” em hỏi.

“Không có gì.”

“Phải r ồi!”

Khi ra khỏi xe, chúng tôi chạy vội tới chợ Campo de? Fiori, nơi có hàng cá của em. Trước khi vào mua, em nhờ tôi cầm dây xích. Tôi còn lưỡng lự đứng cạnh chú cún, nhưng ở đó mọi người biết em, và em bảo không sao cả. “Ông thích cá gì?” “Loại dễ nấu nhất,” tôi trả lời. “Sò điệp thì sao, hôm nay có vẻ bán nhi ều – mẻ mới hôm nay à?” em hỏi. “Ngay bình minh,” người bán hàng trả lời. “Anh chắc chứ?” “Đương nhiên r ồi.” Họ đã mua bán thế này hàng năm trời. Khi em chọn mấy con sò, tôi nhìn từ sau lưng em. Đi ầu gì đó hối thúc tôi đặt tay quàng eo em, ôm đôi vai, và hôn em lên cổ và má. Tôi quay đi và nhìn về hàng rượu đối diện. “Cha cô có thích một chai vang không ngọt từ Friuli không?”

“Ông ấy không được uống rượu, nhưng tôi thì thích vang không ngọt từ bất cứ đâu.”

“Tôi sẽ lấy một chai Sancerre nữa.”

“Ông không định giết cha tôi đấy chứ?”

Khi người ta gọi lại cá và sò, em nhớ ra cần mua rau. Khi dạo tới quầy kế tiếp, tôi không ngừng được: “Sao lại là tôi?”

“Sao lại là tôi gì?”

“Sao cô lại mời tôi?”

“Vì ông thích đi tàu, vì hôm nay ông bị cho leo cây, vì ông hỏi nhiều quá, vì tôi muốn biết ông rõ hơn. Như vậy khó lắm sao?” em bảo. Tôi không ép em giải thích. Có lẽ tôi không muốn nghe rằng em thích tôi cũng như việc em thích cá và rau, không hơn không kém.

Em chọn rau chân vịt, tôi nhặt một quả hòng nhỏ, chạm, rồi ngửi, và thấy rằng chúng đã chín. Đây là, tôi bảo, lần đầu tiên trong năm nay tôi ăn hòng.

“Thế thì ông phải ước.”

“Là sao cơ?”

Em và cáu. “Mỗi lần ông ăn quả gì lần đầu trong năm thì ông phải ước. Thật là ông lại không biết.”

Tôi nghĩ một chốc. “Tôi chẳng nghĩ ra gì để ước.”

“Thật là một cuộc đời,” em bảo, nghĩa là hoặc đời tôi quá đổi đẹp để khi nhìn lại đến mức chẳng có gì phải ước mong – hoặc rằng nó nghèo nàn nên vui thú đến mức tuyệt vọng mà dẫu có ước ao một điều gì xa hơn thì cũng chẳng đáng để nghĩ.

“Ông phải ước. Nghĩ kĩ đi.”

“Tôi nhượng đi đâu ước cho Cô được không?”

“Tôi đã có rồi.” ♪

“Khi nào?”

“Lúc trên taxi.”

“Là gì?”

“Sao lại nhanh quên thế: là có ông đến cùng ăn trưa.”

“Cô phí cả một đi đầu ước để tôi đến ăn thôi sao?” “Đúng rồi. Và đừng khiến tôi hối hận.”

Tôi không nói gì cả. Em siết cánh tay tôi khi rẽ vào hàng rượu.

Tôi quyết định rẽ ngang qua hàng hoa gần đây.

“Ông ấy sẽ thích hoa.”

“Bao năm rồi tôi chưa mua hoa.”

Em gạt đầu một cái chiếu lệ.

“Chúng không chỉ dành tặng ông ấy,” tôi bảo. “Tôi biết,” em đáp lại nhẹ nhàng, gần như vờ rằng không để ý đi đầu tôi nói.

Nhà cha em là căn hộ trên tầng cao nhất, nhìn ra bờ Tiber. Ông đã nghe thấy tiếng thang máy đi lên và đứng chờ sẵn trước cửa. Chỉ một bên cửa để mở, nên khó mà vừa cho chú cún, chiếc bánh, cá, sò, và rau, hai chai rượu, túi đồ của tôi, ba lô của em, túi hồng, và cả hoa – tất cả đều như muốn chen lên trước cùng một lúc. Cha em cố giúp với mấy túi đồ. Nhưng rồi em đưa cho ông chú cún, nó biết ông từ trước và lập tức chồm lên rồi dúi đầu vào ông.

“Ông ấy yêu con cún hơn cả tôi,” em bảo.

“Ta không yêu nó hơn con. Nhưng mà nó thì dễ yêu hơn.”

“Quá tệ nhị cho con, cha ạ,” nói rồi, lập tức không chỉ hôn ông, mà em để nguyên tay quàng đầy những túi, lao vào người ông và hôn ông lên hai má. Đây chính là, tôi nghĩ, cách mà em yêu: mãnh liệt, không chút rào cản.

Khi vào trong, em cất túi, lấy áo khoác của tôi, và đặt nó phẳng phiu lên tay ghế sofa trong phòng khách. Em cất túi tôi chỗ tấm thảm trải gần sofa rồi đập phồng tấm nệm sofa còn hằn dấu đầu người vừa nằm vài phút trước. Khi vào bếp, em cũng tiện chỉnh thẳng lại hai bức tranh treo xô lệch trên tường, rồi, mở hai cái cửa chớp hướng ra sân hiên ngập nắng, than rằng phòng khách quá ngọt ngào vào một ngày thu tuyệt đẹp thế này. Trong

bếp, em cắt bớt cuống hoa, tìm một cái bình, và cắm chúng vào đó. “Tôi thích hoa lay ơn,” em bảo.

“VẬY ông chắc là người khách” người cha nói với tôi như một cách chào mừng. “Piacere, hân hạnh,”

ông nói, trước khi trở lại nói tiếng Anh. Chúng tôi bắt tay, lưỡng lự ngoài bếp, và rồi cùng nhìn em soạn ra cá, sò, và rau. Em lục tìm quanh chạn, tìm được gia vị, và châm lò bằng một cái bật lửa. “Chúng ta sẽ uống chút rượu, nhưng, cha, cha phải quyết xem muốn uống ngay hay để tí uống cùng với cá.”

Ông cân nhắc một hồi. “Cả bây giờ và với cá.”

“VẬY là ta đã bắt đầu rồi đấy,” em nói giọng như trách.

Vừa như bị phạt ý, ông không nói gì rồi làm bộ bực bội, “Con gái! Con làm gì được ta nào.”

Đúng là cha nào con nấy. Ông dẫn tôi xuống một hành lang treo những khung tranh thành viên gia đình từ trước tới nay, tất cả đều đóng bộ trang nghiêm đến nỗi tôi chẳng nhận ra Miranda trong số họ. Người cha đeo một chiếc cà vạt ascot sặc sỡ, dưới một chiếc áo sọc hồng rất chói; quần jean xanh của ông có những nếp gấp còn mới và như thể chỉ vừa được mặc một phút trước. Mái tóc bạc dài được vuốt ngược ra sau khiến ông vẻ ngoài cổ tích như một ngôi sao điện ảnh già. Nhưng ông đi một đôi dép cũ và rõ ràng chưa kịp cạo râu. Con gái ông thật chu đáo khi đã báo có khách tới. Phòng khách được bài trí thanh đạm trang nhã theo một Đan Mạch đã lỗi thời vài thế kỷ trước nhưng sắp sửa thịnh hành một lần nữa. Cái lò sưởi cổ xưa đã được trùng tu để hợp với đồ đạc xung quanh nhưng vẫn như tàn tích quá cố đọng lại từ thời xưa cũ trong cuộc đời căn hộ này. Bức tường trắng bóng treo một bức tranh trừu tượng nhỏ của Nicolas de Stael.

“Tôi thích bức này,” cuối cùng tôi lên tiếng, CỐ gắng bắt chuyện khi ngẩng nhìn cảnh biển ngày đông.

“Bức này là vợ tôi tặng mấy năm trước. Lúc đầu tôi không thích nó lắm; nhưng giờ thì hóa ra đây là thứ đẹp nhất tôi từng có.”

Người đàn ông tội nghiệp, tôi nhận ra, chưa từng dụi đi nỗi đau sau lần ly dị.

“Bà nhà khi trước cũng có gu khá đấy,” tôi nói, vừa dứt lời đã thấy hối hận vì dùng thì quá khứ mà chẳng để ý liệu mình có lạc vào một chủ đề dễ tổn thương. “Và cả những bức này nữa,” tôi bảo, nhìn sang mấy bức tông nâu đỏ về cuộc sống thời La Mã đầu thế kỷ mười chín, “nhìn giống tranh Pinellis, phải không?”

“Chúng chính là tranh Pinellis,” người cha nói đầy tự hào mà có lẽ cũng vì nghĩ nhận xét của tôi có phần coi thường.

Tôi đã định bảo là tranh chép theo kiểu Pinellis nhưng kịp ngăn bản thân lại.

“Tôi mua nó để tặng vợ nhưng bà ấy chẳng màng tới. Nên chúng phải ở lại cùng tôi. Sau cùng thì, ai mà biết được. Có lẽ một ngày bà ấy sẽ đến lấy chúng. Bà ấy có một phòng tranh thành công tại Venice.”

“Nhờ cha mà có chứ.”

“Không, nhờ bà ấy và chỉ mình bà ấy thôi.”

Tôi định không để ông biết rằng tôi biết về chuyện hai người. Nhưng rồi chắc hẳn ông đoán rằng Miranda đã kể với tôi. “Chúng tôi vẫn là bạn,” ông nói thêm như thể làm rõ mọi chuyện, “có khi bạn tốt là khác.”

“Và họ,” Miranda nói, đưa cho mỗi người chúng tôi một ly vang trắng, “Có một đĩa con gái toàn bị lôi kéo sang bên nọ bên kia giữa hai người. Con rót cho cha ít rượu hơn khách của chúng ta, cha ạ, em nói khi đưa cho ông ly vang.

“Ta biết rồi, ta biết rồi, người cha đáp, đặt tay lên má em bằng một cử chỉ nói lên tất cả tình yêu thương trên thế gian này.

Chẳng có gì bàn cãi. Em thật dễ được yêu.

“Và sao hai người lại biết nhau?” ông hỏi, quay sang tôi.

“Thực ra thì, tôi không thật sự biết cô ấy,” tôi đáp. “Chúng tôi vừa gặp nhau trên tàu hôm nay, chưa đầy ba giờ trước.”

Ông có vẻ lúng túng và vụng về cố che giấu cảm xúc. “Và thế...”

“Và thế là chẳng có gì, cha ạ. Ông ấy bị hủy hẹn với con trai và con thấy thương nên nghĩ rằng sẽ nấu một chút cá, cho ông ấy ăn một chút rau, có thể thêm vào ít rau diếp puntarelle còn trong tủ lạnh, và cho ông ấy về khách sạn vì ông chỉ mong đi ngủ và không dây dưa gì tới cha con mình nữa.”

Ba chúng tôi cùng bật cười. “Con bé kiêu này đấy. Cứ như tôi phải chịu đựng một con nhím gai xù lông nhất thế gian ngay trước mặt mình.”

“Đi đâu tuyệt vời nhất cho từng làm đấy ông lão ạ. Nhưng cha phải thấy mặt Sami khi ông ấy nhận ra mình bị cho leo cây.”

“Tôi nhìn tẻ đến thế sao?” tôi hỏi.

“Con bé thích phóng đại, như mọi khi,” ông nói. “Ông ấy dối suốt từ lúc con lên tàu ở Florence.”

“Tôi đâu có dối suốt từ lúc cô lên tàu ở Florence,” tôi nhại lại từng lời.

“Ồ, ông dối quá đi chứ. Trước cả khi ta trò chuyện. Ông còn không thèm nhường lối cho con cún của tôi. Tưởng tôi không biết à?”

Một lần nữa chúng tôi cười lớn.

“Đừng để ý nó. Con bé luôn châm chọc mọi người. Cách khởi động của nó đấy.”

Em dán mắt vào tôi. Tôi thích cách em cố đọc phản ứng của tôi sau điếu cha em nói. Hoặc chỉ là em muốn nhìn tôi, và tôi cũng thích điếu ấy.

Thực sự thì lần cuối là khi nào vậy?

Một bức tường khác trong căn phòng treo đầy những khung ảnh đen trắng về những bức tượng cổ, tất cả đều là gam màu của đen, xám, trắng, và bạc.

Và rồi tôi quay ra nhìn em, cả cha và con cùng thấy cái liếc nhìn ấy.

“Chúng đều là của Miranda. Con bé chụp đấy.”

“Vậy đây là việc cô làm à?”

“Đây là việc tôi làm,” em biện hộ, gần như nói rằng, đây là tất cả những gì tôi biết làm. Tôi hối hận cách mình nhấn giọng trong câu hỏi.

“Chỉ đen và trắng. Không bao giờ có màu,” cha em nói. “Con bé du lịch khắp nơi - nó đến Cambodia, Việt Nam, rồi Lào và Thái Lan, những nơi mà nó rất yêu, nhưng chưa bao giờ hạnh phúc với công việc của mình.”

Tôi không tìm được. “Có người hạnh phúc với Công việc của mình sao?”

Miranda cười với tôi bằng sự biết ơn vì đã nói đỡ cho em. Nhưng cái nhìn ấy cũng có thể mang nghĩa Khá đấy, nhưng tôi không cần ai cứu mình đâu.

“Tôi không hề nghĩ cô là nhiếp ảnh gia. Chúng rất tuyệt.” Rồi, thấy em không đáp lại, tôi nói thêm, “Đẹp lắm đó.”

“Tôi bảo gì nào? Không bao giờ hạnh phúc với bản thân mình. Ông có ba hoa mãi thì con bé vẫn sẽ không chấp nhận lời khen đâu. Nó được mời tới làm việc cho những chỗ lớn...”

“...nơi mà con bé sẽ không nhận lời,” em nói. “Chúng ta sẽ không bàn về việc này đâu cha.”

“Tại sao?” ông hỏi.

“Vì Miranda yêu Florence,” em bảo.

“Chúng ta đâu biết lý do của con bé chẳng liên quan gì tới Florence,” người cha nói, làm vẻ khôi hài nhưng nhìn con gái ông một cách nghiêm túc rồi nhìn sang tôi. “mà liên quan đến cha nó,” ông nói.

“Cha thật ngờ ngẩn, cha ạ, rằng cha tin mình là trung tâm của vũ trụ và rằng với lời cầu ước của mình thì tất cả những vì sao đêm trên thiên đàng sẽ lui tàn và hóa tro bụi,” em nói.

“Chà, ông già ngờ ngẩn này cần thêm chút vang trước khi lão hóa tro bụi – đi đâu mà, nhớ đẩy Mira, lão đã nhấn mạnh trong di chúc.”

“Không nhanh thế đâu,” em bảo, đẩy chai rượu ra khỏi tầm với của ông.

“Đi đâu mà con bé không hiểu – vì nó còn trẻ, tôi nghĩ – chính là khi đã quá một ngưỡng nhất định thì việc ăn kiêng và việc cứ sẫm soi món mình ăn...”

“...hoặc uống...”

“- chẳng được gì và thực ra còn hại hơn là lành. Tôi nghĩ những người tuổi ta nên được cho phép sống như cách họ muốn. Trước đoạt đi đâu ta muốn trong khi Thần Chết ngay trước mắt rồi thì có vẻ vô nghĩa, nếu không muốn nói là ác độc, ông thấy phải không?”

“Tôi nghĩ một người nên được làm đi đâu mình muốn,” tôi bảo, bị lôi kéo về phe lý lẽ của người cha.

“Ý kiến của người biết chính xác mình muốn gì, phải không?” là lời đáp trả mỉa mai từ người con gái, em vẫn chưa quên những gì chúng tôi nói trên tàu.

“Sao cô biết là tôi biết hay không đi đâu mình muốn?” tôi đáp lại.

Em không trả lời. Em chỉ nhìn tôi mãi không ngừng. Em không chơi trò mèo-vờn-chuột với tôi nữa. “Vì chính tôi cũng vậy,” cuối cùng em bảo. Em đã nhìn thấu tôi. Và em biết là tôi biết. Đi đâu có lẽ em không ngờ chính

là tôi cũng yêu trò đối đầu vui vẻ này và cô không cho qua bất cứ điều gì nếu là đến từ tôi. Nó khiến tôi thấy mình quan trọng kỳ lạ, như thể chúng tôi đã luôn quen biết và sự thân quen này không làm giảm bớt sự quan tâm nhau. Tôi cần phải vuốt ve em, cần quàng tay mình quanh em.

“Tuổi trẻ ngày nay quá sáng dạ so với chúng ta.” người cha cắt ngang.

“Không ai trong hai người biết gì về tuổi trẻ ngày nay cả” em lập tức đáp. Lại một lần nữa tôi bị quy vào thế giới của nhà dưỡng lão sớm hơn so với tuổi của mình chẳng?

“Chà, vậy thì đây là một ly nữa cho cha. Vì con yêu cha. Và một ly cho ông nữa, Ngài S.”

“Họ không cho uống ở chỗ ta sắp tới, con yêu, trắng hay đỏ, thậm chí cả vang hồng, và thực lòng ta muốn nốc càng nhiều càng tốt trước khi người ta đẩy cáng đi. Rồi ta sẽ lén mang một hai chai vào dưới tấm vải liệm để dành cho lúc được gặp Người, cha sẽ bảo, Nhìn này, xem tôi đem gì từ trần thế hỗn loạn của Người này.”

Em không đáp gì mà trở lại bếp rồi mang bữa trưa vào phòng ăn. Nhưng rồi em đổi ý và bảo trời này đủ ấm để ba chúng tôi ngồi ăn ngoài hiên. Chúng tôi cần ly và dao nĩa bạc ra ngoài sân. Lúc ấy, em bày món branzina, cá vược châu Âu đã được nướng trong chảo đá, lọc bỏ xương, và bày vào những đĩa khác nhau rau chân vịt và puntarelle còn trong tủ lạnh, ngay khi chúng tôi ngồi vào thì em rắc dầu olive và nạo pho mát lên đĩa.

“Vây kể tôi nghe về ông đi,” người cha bảo, quay sang tôi.

Tôi nói rằng mình vừa hoàn thành viết một cuốn sách và sẽ sớm trở lại Liguria, nơi tôi sống. Tôi vạch cho họ những nét qua loa của sự nghiệp giáo sư môn văn minh cổ điển và dự án hiện tại về bi kịch sụp đổ của thành Constantinople năm 1453. Tôi kể một chút về cuộc đời mình, về người vợ cũ hiện sống ở Milan, về cậu con trai là nghệ sĩ dương cầm đang trên đà

thành công, và rồi kể rằng tôi nhưng nhớ việc mỗi sáng thức dậy cạnh bờ biển nhiều thế nào.

Sự sụp đổ của thành Constantinople khiến người cha tò mò.

“Người dân bấy giờ có biết thành phố của họ sắp thất thủ không?”

“Họ biết.”

“Sao phần lớn họ không chạy trốn trước khi thành phố bị tấn công?”

“Cái đó phải hỏi người Do Thái Đức!”

Một thoáng im lặng.

“Ý ông là hỏi cha mẹ ông bà tôi và hầu hết những anh em mà tôi sẽ sớm gặp lại Ở Cổng trời ư?”

Tôi không biết liệu cha Miranda vừa hết cho tôi một gáo nước lạnh sau điều tôi vừa nói, hoặc chỉ là một cách để cập không-che-đây về sức khỏe đang giảm sút của ông. Dù thế nào, tôi cũng vừa mất điểm.

“Biết rằng kết thúc gần kề là một chuyện,” tôi nói thêm, cố hướng câu chuyện thật lịch sự ra khỏi vùng nước cạn, “nhưng tin vào nó lại là một chuyện khác. Ném cả cuộc đời lên một chuyến tàu để bắt đầu lại Ở một miền xa lạ có thể là một hành động anh hùng nhưng hoàn toàn liều lĩnh. Không nhiều người có thể làm vậy. Ta làm gì khi bị kẹt trong thế lưỡng nan, khi không có lối thoát và ngôi nhà thì đang cháy, và cửa sổ thì tận trên tầng năm, nên nhảy xuống không hẳn là một lựa chọn? Không có bờ để quay lại. Một vài người chọn cách tự vẫn. Nhưng hầu hết, tuy vậy, lại chọn kệ mặc tất cả và sống nhờ hy vọng. Đường phố của Constantinople ngập trong máu của hy vọng khi quân Thổ Nhĩ Kỳ tràn vào cướp phá tất cả. Nhưng tôi thì quan tâm tới những người dân Constantinople đã sợ kết cục ấy và chạy trốn, đa số họ đến Venice.”

“Liệu ông có trốn khỏi Berlin nếu ông ở đó những năm 1936 không?”

“Tôi không biết. Nhưng sẽ có người thúc giục hoặc dọa sẽ bỏ tôi lại nếu tôi không sẵn sàng chạy trốn. Nhắc tôi nhớ về một người nghệ sĩ vĩ cầm trốn trong nhà mình tại Marais ở Paris vì sợ cảnh sát sẽ tới tìm mình một đêm nọ. Và đêm ấy họ đã tới thật. Ông ta còn kịp thuyết phục để được mang theo cây vĩ cầm, và họ đã cho. Nhưng đó cũng là thứ đầu tiên họ tước đi của ông. Rồi ông bị giết, nhưng không phải trong hầm ga. Mà ở trong trại, họ đánh ông ấy tới chết.”

“Vây buổi đọc tối này là về Constantinople hả?” em hỏi, gần như với một thay đổi hoài nghi trong giọng điệu khiến em nghe như thất vọng. Tôi không rõ em đang cố tâm thường hóa công việc của tôi như cách tôi đã vô tình hỏi về em hay em đang thực lòng thấy ngưỡng mộ, nghĩa là Công việc đời ông mới tuyệt làm sao? Nên tôi đành trả lời bằng một vẻ nhu mì và lảng tránh. “Đúng rồi. Nhưng cũng có ngày công việc với tôi cũng chỉ là công việc thôi: bàn giấy, lại bàn giấy. Tôi không phải lúc nào cũng tự hào về nó.”

“Vây cuộc đời ông không phải là lang thang qua quần đảo Aeolian, định cư đâu đó tại Panarea, đi bơi lúc bình minh, viết lách suốt ngày, ăn đồ biển, uống vang Sicily vào đêm muộn với một nàng bằng nửa tuổi mình sao.”

Ý tưởng này từ đâu ra vậy? Và em luôn trêu đùa về đi đâu mà bất cứ người đàn ông ở tuổi tôi đâu mơ ước sao?

Miranda đặt nĩa xuống và châm một điếu thuốc. Tôi nhìn em vậy mạnh mẽ với cử chỉ dứt khoát trước khi thả nó vào gạt tàn. Bỗng em nhìn thật mạnh mẽ và cứng cỏi. Em đang thể hiện một mặt khác của mình, một mặt sẽ phê phán mọi người và đưa ra những buộc tội vội vàng, rồi khiến họ câm lặng và không bao giờ để họ trở lại trừ lúc mà em yếu lòng, chỉ để lại dùng nó để chống lại họ như em đã từng làm. Đàn ông cũng như diêm: họ

bén lửa và bị vấy tắt rồi thả vào cái gạt tàn đầu tiên đập vào mắt em. Tôi ngấm em nhả hơi đầu. Phải, cố ý và dứt khoát. Hút thuốc rồi quay đầu khỏi chúng tôi khiến em nhìn thật xa cách và vô cảm. Kiểu người sẽ luôn đạt được cái mình muốn. Không phải cô bé tốt bụng không muốn thấy người khác tổn thương.

Tôi thích ngấm em hút thuốc. Em thật đẹp và không thể chạm vào, và một lần nữa tôi cố kìm không quàng tay qua em và đặt môi tôi lên má, lên cổ, lên sau tai em. Em có nhận ra rằng ước mong được ôm lấy em khiến tôi vừa rung động và vừa kinh hãi, vì tôi biết sẽ chẳng có chỗ nào cho tôi trong thế giới của em không? Em mời tôi đến chỉ là vì cha mình.

Đi đâu gì đã khiến em hút thuốc vậy?

Ngấm em cần điều thuốc, tôi không thể không

CG nói ra: “Một nhà thơ Pháp từng nói, có người hút thuốc để đưa nicotine vào máu, vài người khác lại là để nhả ra những đám mây ngăn họ với xung quanh.” Nhưng rồi nghĩ rằng em sẽ coi đó là một câu chỉ trích châm chọc, tôi liền xoay câu chuyện về mình. Chúng ta đều có cách riêng để đặt ra những màn ngăn để giữ cuộc sống yên ổn. Tôi thì dùng giấy.”

“Ông nghĩ tôi giữ cuộc sống mình yên ổn sao?” Lời em là câu truy vấn thẳng thừng và vội vã, không phải lời châm chọc khơi mào cãi vã.

“Tôi không biết. Có lẽ trải qua những ngày thường với những vui thú và buồn đau tâm thường chính là cách chắc chắn nhất để giữ cuộc đời yên ổn.”

“Vậy có lẽ không có thứ gì gọi là cuộc đời cả. Chỉ có những vụng về, vụng vụng, ngày-quá-ngày thôi – có phải ông nghĩ thế không?”

Tôi không trả lời.

“Tôi chỉ mong có nhiều hơn là những ngày-quá-ngày. Nhưng tôi không bao giờ tìm được, có lẽ là vì kiếm tìm nó khiến tôi sợ hãi.”

Tôi cũng không trả lời câu này.

“Tôi chưa từng nói chuyện với ai về điếu này.” “Tôi tự hỏi sao chúng ta không nói.”

“Tôi cũng chưa,” tôi đáp.

Cô gái trên tàu nói. Thẳng thắn và xác đáng nhưng lại rất băng khuâng.

Chúng tôi cười nhạt với nhau. Rồi, nhận thấy cuộc trò chuyện đang rẽ một lối xa lạ và ngưng đọng: “Ông ấy cũng thích chuyện bàn giấy,” em thêm vào và ra dấu cho người cha.

Ông nhận lấy gợi ý ngay.

Phối hợp ăn ý lắm.

“Tôi có thích công việc bàn giấy. Tôi là một giáo sư giỏi đấy. Rồi tám năm trước, tôi nghỉ hưu. Tôi vẫn giúp mấy nhà văn và học giả trẻ. Chúng đưa mấy bài luận văn, và tôi sẽ sửa hộ cho. Công việc dẫu cô đơn nhưng dễ chịu và yên bình lắm. Và tôi luôn học hỏi được thêm nhiều. Tôi tiêu phần lớn thời gian như vậy, có lúc từ bình minh đến đêm. Rồi tối muộn thì xem TV để thư giãn một lúc.”

“Vấn đề là ông ấy không bao giờ lấy tiền cả.”

“Đúng, nhưng chúng quý ta và ta cũng đã dấn yêu quý từng đưa một, giờ thì ai cũng gửi email. Và thực lòng thì, ta không làm vì tiền.”

“Rõ ràng!” cô con gái vặn lại.

“Hiện giờ ông đang làm về gì?” tôi hỏi.

“Một bài luận khá trừu tượng về thời gian. Mở đầu bằng một câu chuyện, hay là một ví dụ như cậu ta gọi, về một phi công Mỹ trẻ tuổi trong Thế chiến II. Cậu đã kết hôn với người yêu từ thời trung học trong thị trấn nhỏ họ cùng lớn lên. Họ dành gần hai tuần cùng nhau tại nhà cha mẹ cô bé trước khi cậu phải đi đầu quân. Một năm lẻ một ngày sau, phi cơ của cậu bị bắn hạ tại không phận Đức. Người vợ trẻ phải nhận thư báo tử của chồng.

Nhưng lúc ấy không có thi thể hoặc mảnh vỡ phi cơ nào được tìm thấy. Không lâu sau đó, cô bé đăng ký vào một trường đại học và gặp một cựu binh nhìn rất giống chồng mình. Họ đã kết hôn và có với nhau năm đứa con gái. Khoảng một thập kỷ sau thì cô mất. Vài năm sau cái chết, người ta khoan vùng được chỗ máy bay rơi và tìm thấy thẻ bài quân nhân của người chồng đầu tiên và phần thi thể cuối cùng cũng được xác minh DNA thông qua một người họ hàng rất xa mà thậm chí không hay biết về cậu hoặc người vợ của cậu. Nhưng dẫu vậy, người họ hàng đó vẫn đồng thuận để xét nghiệm. Điều đáng buồn là khi phần thi thể của cậu được gửi về quê nhà để mai táng, thì vợ cậu, cả cha mẹ cô, và cha mẹ của cậu cùng tất cả các anh chị em đều đã qua đời. Cậu chẳng còn lại ai, không có gia đình để được nhớ tới, chứ chưa nói là khóc thương. Chính người vợ của cậu cũng chưa từng nhắc tới người chồng tử trận với các con. Mọi chuyện như thế cậu chưa hề tồn tại. Trừ một lần người vợ lấy xuống một hộp những đồ lưu niệm cũ, giữa những thứ đó, chiếc ví của người phi công được tìm thấy. Khi mấy cô con gái hỏi thứ ấy thuộc về ai, người mẹ chỉ chạy vào phòng khách và gỡ xuống tấm ảnh đóng khung của người chồng thứ hai và để lộ ra một bức ảnh cũ giấu ngay bên cạnh. Bức ảnh đây là gương mặt của người phi công nọ. Mấy đứa con không hề hay chuyện mẹ chúng đã từng kết hôn một lần. Chính cô cũng không bao giờ nhắc lại về cậu.

“Với tôi thì chuyện này chứng tỏ thời gian và cuộc đời không hề đồng bộ. Như thế thời gian đã phạm sai lầm và cuộc đời người vợ đã sống trên một bến bờ sai hoặc, tệ hơn, trên cả hai bờ của dòng sông, mà chẳng có bên nào đúng cả. Không ai trong chúng ta muốn một cuộc đời tách ra thành hai bờ khác nhau, một trong số đó lại được giấu bên dưới hoặc nằm ngay cạnh cuộc đời kia. Có những cuộc đời muốn được đến lượt chúng để sống vì chúng chưa từng được sống một chút nào, trong khi những Số khác lại

chết ngay khi chúng được phép sống lượt của mình, và lại có một vài đời chờ mòn mỏi để được tái sinh một lần nữa bởi vì chúng chưa hề được sống đủ. Về cơ bản, chúng ta không biết nghĩ sao về thời gian, vì chính thời gian cũng không hiểu thời gian như cách ta hiểu nó, vì thời gian cũng không quan tâm tới cách ta nghĩ về nó, bởi vì thời gian chỉ là một phép ẩn dụ mơ hồ, phỉnh phờ về cách ta nghĩ về cuộc đời. Bởi vì sau cùng thì thời gian không phải đi đâu sai lầm với chúng ta, cũng như ta không phải sai lầm với thời gian. Có thể cuộc đời chính bản thân nó đã là một sai lầm.”

“Sao cha lại nói thế?” em hỏi.

“Bởi vì tởn tãi cái chết. Vì cái chết, ngược lại với đi đâu người ta vẫn nói, không phải là một phần của cuộc đời. Cái chết chính là một sai lầm của Người, và hoàng hôn cùng bình minh chính là cách Người xấu hổ ngượng ngùng mong được ta tha thứ mỗi ngày. Tôi cũng biết đôi chút về chủ đề này.”

Ông trầm ngâm một hồi. “Tôi yêu bài luận văn này,” Cuối cùng ông lên tiếng.

“Cha đã nói về nó hàng tháng trời rồi, cha. Cha có biết anh ta sẽ làm gì với bài luận này không?”

“Chà, ta nghĩ chàng trai trẻ ấy sẽ vật lộn với nó, một phần vì cậu ta không biết đi tới kết luận thế nào. Thế nên cậu ấy tiếp tục nghĩ ra thêm những ví dụ mới. Có một câu chuyện nữa về một cặp vợ chồng rơi vào một khe nứt của một con sông băng vào năm 1942 và chết cứng. Thi thể họ được đưa về bảy mươi lăm năm sau, cùng với giày, một quyển sách, một chiếc đồng hồ bỏ túi, một chiếc ba lô, và một chai nước. Họ đã có bảy người con, tới nay thì năm người vẫn còn sống. Thảm kịch mất tích của cả cha lẫn mẹ phủ lên cuộc đời họ một bức màn đen tối, nhiễu loạn. Hàng năm, vào ngày cha mẹ họ mất tích, những người con lại leo lên những tầng

bằng và cầu nguyện. Đưa con út mới bốn tuổi khi mọi chuyện xảy ra. Xét nghiệm DNA đã xác minh danh tính cha mẹ họ và mọi chuyện xem như khép lại.”

“Con ghét từ này: khép lại,” Miranda bảo.

“Chắc là vì đi tới đâu con cũng để cửa mở toang hoang,” người cha vạch lại. Ông lườm em cùng vẻ đùa cợt, nghĩa là, Con biết ý ta là gì mà.

Em không đáp lại.

Thoáng im lặng không thoải mái trôi qua giữa họ. Tôi vờ phớt lờ đi.

“Một câu chuyện khác trong bài luận,” cho em tiếp tục, “về một người lính Italy sau khi kết hôn được mười hai ngày thì phải ra tiền tuyến tại Nga, nơi anh ta sau đó đã biến mất và bị cho vào danh sách mất tích. Tại Nga, dẫu vậy, anh ta không chết mà được một người phụ nữ cứu và nuôi nấng như con đẻ. Sau nhiều năm, anh trở lại Italy và thấy lạc lõng tại quê hương mà anh ta hầu như không nhận ra vì đã được nuôi nấng bởi nước Nga, bởi vậy mà cuối cùng anh đã quay về đây để được thấy như về nhà. Ông thấy đấy, hai cuộc đời, hai bên bờ, hai khoảng thời gian, mà chẳng có cái nào là đúng đắn cả.

“Có một câu chuyện khác về một người đàn ông bốn mươi tuổi lần đầu tiên về thăm mộ người cha hy sinh trong chiến tranh chỉ vài ngày sau khi ông được sinh ra. Điều khiến ông giật mình khi đứng thình lặn trước mộ cha mình chính là tháng năm ghi trên mộ cho biết người lính hy sinh khi vừa chớm hai mươi – bằng nửa tuổi ông bây giờ – và vậy nghĩa là người con giờ đã đủ tuổi để trở thành cha của cha mình. Lại Ở chỗ, ông không thể định xem mình đang đau buồn vì cha ông chưa từng được thấy mặt con, hay là vì chính bản thân ông chưa hề được gặp cha mình, hay bởi vì ông đang đứng cạnh mộ phần của một hình hài tưởng như là của một người con hơn là một người cha.”

Không ai trong chúng tôi định bình thêm gì về câu chuyện.

Người cha nói, “Tôi thấy những câu chuyện đó thực sự buồn lòng, nhưng tôi lại không giải thích nổi vì sao, trừ việc tôi cho rằng, dẫu cho bề ngoài là thế, cuộc đời và thời gian không được định sẵn mà sở hữu những lộ trình tách biệt. Miranda nói đúng. Sự khép lại, nếu như nó thực sự tồn tại, thì chỉ dành cho hoặc là thế giới bên kia hoặc cho những kẻ Ở lại. Cuối cùng thì, chính là cuộc đời sẽ kết thúc đời tôi, chứ không phải tôi. Ta chuyển giao lại bản ngã đen tối của mình và giao phó những gì ta đã học, đã sống, và được biết đến cho hậu thế. Ta còn gì hơn để để lại cho những người ta thương yêu ngoài một tấm ảnh cũ khi ta còn là đứa trẻ và chưa lớn lên để trở thành người cha mà đời chúng biết đến. Tôi muốn những người sống lâu hơn mình sống tiếp cuộc đời này, chứ không phải chỉ tưởng nhớ nó.”

Thấy hai chúng tôi đều yên lặng, ông bỗng thốt lên, “Mang cái bánh ra đây. Ngay lúc này ta muốn có một cái bánh đặt giữa bản thân và đi đâu đang chờ đợi phía trước. Có lẽ Người cũng sẽ thích một ít bánh, đúng không?”

“Con mua bánh nhỏ vì con biết cha sẽ ăn hết một cái to trước cả khi con rời đi hôm Chủ nhật.”

“Ông thấy đấy, con bé cứ muốn tôi sống. Để vì cái gì, tôi cũng chẳng hiểu.”

“Nếu không phải vì cha, thì là vì con, ông lão ạ. Còn nữa, đừng giả vờ: con vẫn thấy cha ngấm mấy cô nàng khi ta dắt con cún đi dạo đấy.”

“Đúng thôi, ta vẫn phải ngoái lại khi bắt gặp một cặp chân đẹp. Nhưng thật lòng mà nói, ta cũng chẳng nhớ tại sao lại thế.”

Chúng tôi cùng cười.

“Con chắc là mấy cô y tá đến chăm nom sẽ khiến cha nhớ thôi.”

“Có khi ta cũng chẳng muốn nhớ đến cái ta đã đánh mất.”

“Con nghe bảo cha phải uống thuốc đấy.”

Tôi chứng kiến những gây sự móc máy nhau của cha và con gái. Em rời bàn r ỗ vào bếp lấy thêm dao nĩa bạc.

“Con có nghĩ liệu sức khỏe của ta chịu được một tách cà phê nhỏ không?” ông nói vọng ra để em nghe. “Có lẽ một tách cho khách của ta nữa?”

“Hai tay cha, hai tay,” em vờ cầu nhàu, và một lúc sau mang ra chiếc bánh cùng ba chiếc đĩa nhỏ đặt trên chiếc ghế đầu r ỗ lại quay vào bếp. Chúng tôi ng ỗ nghe em chỉnh lại máy pha cà phê r ỗ đổ hết chỗ bã cà phê từ sáng vào bồn rửa.

“Đừng đổ vào bồn rửa chứ,” ông lầu bàu

. “Muộn r ỗ,” em đáp.

Chúng tôi nhìn nhau và cười. Tôi không thể ngừng: “Cô ấy yêu ông lắm, phải không?”

“Đúng vậy. Nhưng con bé không nên thế. Như thế tôi lại may. Dẫu rằng, tôi nghĩ như vậy chẳng tốt đẹp gì ở tuổi nó.”

“Tại sao?”

“Sao ư? Bởi vì tôi biết sẽ rất khó khăn cho con bé. Thêm nữa là chẳng cần phải là thiên tài để nhận ra tôi đang cản bước nó.”

Chẳng có gì để đáp lại cả.

Chúng tôi nghe em đặt những đĩa bẩn vào bồn rửa.

“Hai người đang th ần thì về cái gì đấy?” em nói khi bước ra hiên cùng cà phê.

“Không có gì,” cha em đáp.

“Đừng nói dối.”

“Chúng tôi nói về CÔ,” tôi bảo.

“Biết ngay mà. Ông ấy muốn có cháu ngoại chứ gì?” em hỏi.

“Ta muốn con hạnh phúc. Ít nhất là hạnh phúc hơn và với người mà con yêu,” cha em chen vào. “Và vâng, ta muốn có cháu. Thời gian chết tiệt. Lại một ví dụ nữa về cuộc đời và thời gian không song hành. Và đừng nói với ta con không hiểu.”

Em cười, nghĩa là em hiểu.

“Ta đang gõ cửa của thần chết, con biết mà.”

“Thế đã ai ra mở chưa?” em hỏi.

“Chưa. Nhưng ta có nghe thấy vị quản gia già đang lê thê gào ra “Tới ngay đây!” và khi ta gõ lần nữa, lão ta sẽ cáu lên, đã bảo là đang tới rồi còn gì?” Trước lúc họ mở cửa và đón ta vào, làm ơn ít nhất hãy tìm ai đó để yêu thương.”

“Tôi đã nói không có ai cả, nhưng ông ấy không tin,” em bảo, quay sang tôi, như thể tôi là bên trung gian của cuộc nói chuyện ấy.

“Sao lại không có ai được chứ?” ông đáp, cũng quay sang tôi. “Luôn luôn có ai đó. Mỗi lần tôi gọi đều có ai đó.”

“Và nhưng cũng không có ai cả. Cha tôi không hiểu đâu,” em nói, nhận thấy tôi sẽ muốn vèphe em hơn. “Những người đó luôn cho tôi những thứ tôi đã có rồi. Và tất cả những gì họ muốn có thì họ lại không xứng đáng, hoặc tôi lại không có để mà trao cho. Đang buồn là vậy.”

“Lạ lùng thật,” tôi bảo.

“Lạ gì?”

Em ngồi cạnh tôi, đối diện phía cha mình.

“Vì với tôi thì ngược lại. Tôi có rất ít thứ mà người ta muốn có lúc này và, về cái mà tôi muốn, tôi còn chẳng biết chúng là gì. Nhưng chuyện này thì cô đã hiểu hết rồi.”

Một lúc ấy em chỉ nhìn tôi. “Có lẽ tôi hiểu hoặc có lẽ không.” Nghĩa là: Tôi không chơi trò này với

ông đâu. Em biết, biết tôi sẽ làm gì trước cả khi tôi biết tôi định làm.

“Có lẽ ta hiểu hoặc có lẽ không,” cho em nhắc lại. “Con thật giỏi tìm ra những nghịch lý, và khi con vớt chúng ra từ trong túi những ý tưởng dễ dàng của mình thì lại nghĩ mình đã có câu trả lời. Nhưng nghịch lý thì không bao giờ là một câu trả lời, chỉ là một sự thật sứt mẻ, một đồng những khái niệm chẳng dẫn tới đâu. Nhưng ta chắc rằng khách của ta không đến để nghe mình cãi cọ. Thứ lỗi cho kiêu cãi nhau cha với con của chúng tôi.”

Chúng tôi theo dõi em lật ngược cái ấm và bịt miệng vòi bằng một cái khăn để cà phê không tràn ra. Cả hai cha con đều không uống cà phê với đường, nhưng em bỗng nhận ra tôi có thể muốn một ít, nên chẳng hỏi, vội vào bếp và mang một bát đường ra.

Thường tôi cũng không uống với đường, nhưng cảm kích vì hành động của em nên cũng bỏ vào một thìa. Rồi tôi tự hỏi sao mình lại làm vậy khi có thể từ chối dễ dàng.

Chúng tôi yên lặng uống cà phê. Khi xong rồi tôi đứng dậy: “Có lẽ đến lúc tôi về khách sạn và xem lại mấy ghi chú về buổi đọc tối nay rồi.”

Em không ngừng được. “Ông có thực sự cần xem lại chúng không? Chẳng phải lần nào cũng là đọc một bài giống nhau sao?”

“Tôi luôn sợ mình sẽ bị rối.”

“Tôi không thể tưởng tượng được khi ông bị rối, Sami a.”

“Giá mà cô thấy những điểu trong tâm trí tôi.”

“Chà, nói xem,” em bảo, không quên thêm một chút mưu mẹo tinh nghịch, khiến tôi ngạc nhiên. “Tôi đang tính sẽ tới buổi đọc của ông hôm nay nếu như được, tất nhiên rồi.”

“Tất nhiên tôi sẽ mời cô chứ, cả cha cô nữa.”

“Ông ấy ư?” em hỏi. “Hiếm khi nào ông ấy ra ngoài.”

“Ta có ra ngoài đấy,” cho em nói. “Sao con biết ta làm gì lúc con không ở đây.”

Em không đợi để trả lời và quay lại bếp và mang ra đĩa đựng quả h ồng cắt làm tư. Hai quả kia chưa chín lắm, em bảo. Rồi em rời hiên và lại mang ra một bát hạt óc chó. Có lẽ đây là cách em nín tội lại lâu hơn. Cha em với lấy một hạt. Em cũng vậy và tìm thấy cái kẹp hạt dẻ bên dưới đồng hạt. Ông không dùng nó, mà lại dùng tay mình để tách hạt. “Con ghét khi cha làm thế,” em nói. “Gì – đây á?” Và ông lại tách một hạt khác, bóc bỏ vỏ và đưa tôi phần hạt. Tôi bối rối. “Ông làm thế nào vậy?” tôi hỏi. “Dễ thôi,” ông đáp. “Không dùng cả nắm tay, chỉ ngón trỏ thôi, đặt vào kẽ hạt ở hai bên, thế này, và tay kia thì gõ mạnh vào. Voila!” ông nói, như đưa ra một cuộc thi cho con gái mình. “Thử đi,” ông bảo, đưa tôi một hạt mới. Và như mong đợi, tôi tách vỏ ra đúng cách ông đã làm.

“Ông sống và học hỏi.” Ông cười. “Tôi cần trở về với anh chàng phi công thôi,” nói thêm, ông đứng dậy đẩy ghế lại vào bàn và rời hiên.

“Nhà vệ sinh,” em giải thích. Em cũng đứng dậy và chạy vào bếp. Tôi rời chỗ và đi theo, không chắc liệu mình có muốn thế. Nên tôi đứng ở cửa và nhìn em dọn đĩa, từng cái một, xếp chúng vội vàng cạnh bồn rửa trước khi nhờ tôi cất vào máy rửa bát. Em đổ nước nóng và muối thô vào chiếc chảo đã r ồi chà sạch nó, chà mạnh như thể giận dữ chống trả mảnh da cá cháy đang bám trên chảo và không gào lên với miếng giẻ rửa chén kim loại. Em đang buồn bực sao? Khi rửa đến mấy ly thủy tinh, dầu vậy, em dịu tay hơn, nhẹ nhàng, như thể có thứ gì đó về tuổi thọ và dáng hình của chúng làm hài lòng và êm dịu lại, mong em phải nâng niu chăm chút. Vậy rồi cuộc em không giận. Việc lau rửa mất vài phút. Khi em xong, tôi để ý trên lòng bàn tay và những ngón tay em ửng h ồng, g ần như tím tái. Em có đôi tay đẹp. Em nhìn tôi khi lau tay vào chiếc khăn nhỏ treo trên tay nắm tủ

lạnh, cũng chiếc khăn em đã dùng để bịt vôi ấm cho cà phê khỏi tràn ra. Em không nói gì cả. Rồi em lấy một ít kem dưỡng gần bên rửa xoa lên tay.

“Cô có đôi tay đẹp.”

Em không nói gì. Tất cả những gì em đáp lại sau một thoáng im lặng là “Tôi có một đôi tay đẹp,” vọng lại lời tôi để chế giễu hoặc dò hỏi xem mục đích của chúng là gì.

“Cô không làm móng,” tôi nói thêm. “Tôi biết.”

Một lần nữa, tôi không thể đoán em đang thấy tiếc vì không làm móng hay em đang muốn nói tôi đi mà tự lo lấy chuyện của mình. Tôi định nói rằng em thật khác với rất nhiều phụ nữ cùng tuổi đang sơn đủ thứ màu mè lên móng họ. Nhưng chắc chính em cũng biết điều đó, chẳng cần nhắc lại. Vụng, tôi lại ăn nói vụng.

Khi em đã xong việc với căn bếp, em trở lại phòng ăn rồi tới phòng khách để lấy áo khoác của chúng tôi. Tôi đi theo em, và em hỏi tôi về buổi đọc lúc tối. “Về Photius,” tôi bảo, “một Tổ phụ Đại kết giữ một danh sách quý giá về những cuốn sách ông đã đọc gọi là Myriobiblion, nghĩa là mười ngàn cuốn sách. Nếu không có danh sách ấy ta sẽ chẳng thể biết được sự tồn tại của chúng - vì phần lớn chúng đã thất lạc hoàn toàn.”

Tôi có đang làm em chán không? Có lẽ em còn chẳng nghe tôi nói vì đang mải lướt qua mấy lá thư trên bàn.

“Vậy đây là điều ông ngăn giữa mình và cuộc đời xung quanh à – mười ngàn cuốn sách?”

Tôi thích kiểu đùa mỉa mai của em, nhất là khi nó nói ra từ một người, dù có vẻ mệt mỏi từng trải khi còn trên tàu lửa, có thể hóa ra lại thích nhiếp ảnh, lái mô tô, áo da, lướt ván, và những chàng trai rắn rỏi làm tình ít nhất ba lần mỗi đêm. “Tôi ngăn cách bản thân và cuộc đời bằng rất nhiều thứ,

cô không biết được đâu,” tôi nói. “Nhưng chắc những chuyện đó cô sẽ không hiểu.”

“Không, không phải. Tôi có hiểu một chút.”

“Ồ: Như nào?”

“Như là... ông thực sự muốn biết chứ?” em hỏi.

“Tất nhiên tôi muốn.”

“Như là tôi không chắc ông hạnh phúc. Nhưng như vậy ông cũng có nét giống tôi: những người có trái tim vỡ vụn không phải vì họ từng bị tổn thương mà rằng họ chưa từng tìm thấy một ai đủ quan trọng để tổn thương họ.” Rồi, thoáng nghĩ một giây, có lẽ em cảm thấy mình đã đi quá xa: “Coi như đó là một nghịch lý khác tôi vớt ra từ túi ý tưởng chất đầy của mình đi. Người ta có thể tan nát trái tim mà chẳng hay biết. Có khi ông sẽ không bao giờ biết được mình đang đón đau vì nó. Điêu này khiến tôi nhớ đến những gì họ nói về một thai nhi đã ăn chính người anh em song sinh cùng mình trước khi được sinh ra. Có khi sẽ chẳng còn lại dấu vết gì về một sinh mạng biến mất, nhưng đứa bé đó sẽ lớn lên trong cảm nhận thiếu vắng suốt cuộc đời mình - thiếu vắng tình yêu thương. Trừ cha tôi và những gì ông đã kể về cậu con trai, dường như đã có rất ít yêu thương hoặc gần gũi trong cuộc đời hai chúng ta. Nhưng tôi thì biết gì chứ.”

Em lưỡng lự một chút, và, có lẽ sợ rằng tôi sẽ phản kháng lại hoặc quá coi những điều em nói là nghiêm túc, nên thêm vào, “Tôi thấy, dấu vậy, rằng một phần trong ông sẽ không thích bị nói rằng mình không hạnh phúc.” Tôi cố gạt thật lịch sự, có nghĩa, Tôi sẽ chỉ xuôi theo những điều em nói và không tranh cãi gì. “Nhưng tốt ở chỗ là...” em nói thêm, rồi lại dừng lại lần nữa.

“Tốt ở chỗ là?” tôi hỏi.

“Tốt ở chỗ tôi nghĩ ông chưa chấp nhận kết cục và ngừng kiếm tìm. Hạnh phúc ỷ. Tôi thích đi ầu này ở ông.”

Tôi không nói gì – và có khi sự im lặng chính là câu trả lời.

“Thôi được rồi,” em thốt lên khi đưa lại áo khoác cho tôi, tôi mặc nó. Và em lại đột ngột chuyển chủ đề “Cổ áo ông,” em nói, hướng về áo tôi.

Tôi không hiểu em có ý gì. “Đây, để tôi,” em bảo, đứng trước tôi vào chỉnh lại cổ áo cho tôi. Chẳng nghĩ gì cả, tôi nắm lấy tay em khi chúng đặt trên ve áo trước ngực mình.

Tôi chẳng biết làm gì mà chỉ để kệ bản thân và chạm lên trán em bằng lòng bàn tay mình. Tôi rất ít khi bốc đồng đến vậy và để em thấy tôi không có ý vượt quá giới hạn, tôi đành bắt đầu cài áo khoác của mình lại.

“Ông không cần phải đi ngay,” đột nhiên em nói.

“Nhưng tôi nên vậy. Ghi chú của tôi, buổi đọc nhỏ, lão Photius già, tấm màn ngăn mong manh tôi đặt giữa mình và thế giới thực, chúng đang đợi, em biết mà.”

“Đi ầu này thật đặc biệt. Thật đấy.”

“Đi ầu này ư?” tôi hỏi, dù tôi không chắc rằng mình biết ý em là gì. Tôi cố rút đi nhưng rồi vuốt ve trán em một lần cuối. Rồi hôn lên đó. Lần này tôi nhìn thẳng vào em, em không né tránh. Và bằng một cử chỉ khiến tôi cũng không ngờ và có vẻ là đến từ ai đó rất lâu về trước, tôi đặt đầu ngón tay lên cằm em, nhẹ nhàng, như cách một người lớn nâng niu cằm một đứa trẻ giữa ngón cái và ngón trỏ của mình để nó ngừng khóc, rồi nhận ra, và chắc em cũng vậy, rằng, nếu em đứng yên, thì cái vuốt ve này chính là khúc dạo đầu cho đi ầu tôi sắp làm, khi tôi để ngón tay mình lướt xuống môi em – thật nhẹ nhàng. Em không quay đi mà cứ thế nhìn tôi. Tôi cũng chẳng thể nhận ra liệu có phải tôi đã khơi gợi em bằng cách nựng nịu trán em thế này,

hay rằng, vì ngạc nhiên, em vẫn đang cân nhắc xem nên phản ứng thế nào. Và em vẫn cứ nhìn, cứng cỏi và không né tránh. Cuối cùng tôi đành xin lỗi.

“Không sao,” em bảo, với điệu bộ như cố nhin cười. Em đã, tôi cho là vậy, nhìn ra mọi chuyện và tiếp nhận như một người chứng chạc. Tất cả những gì em làm sau đó là quay đi và, không nói gì cả, nhặt áo khoác của mình trên sofa. Cử chỉ của em lỗ mãng và dứt khoát đến nỗi tôi tưởng rằng mình đã làm em giận.

“Tôi sẽ cùng ông đến hội trường.”

Đi đâu ấy khiến tôi ngỡ ngàng. Tôi đã nghĩ rằng giờ em chẳng thiết tha gì tôi nữa sau chuyện vừa rồi. “Bây giờ?”

“Chứ sao?” Rồi, chắc là vì muốn dịu lại sự đường đột vừa rồi, em nói thêm, “Vì nếu tôi không để mất tới và theo ông khắp nơi thì tôi biết ta sẽ chẳng gặp lại nhau nữa.”

“Cô không tin tôi.”

“Tôi không dám chắc.” Rồi em quay lại với người cha đang ngồi trong phòng khách: “Cha, con đi nghe buổi đọc của ông ấy nhé.”

Ông bất ngờ và chắc chắn còn cả thất vọng vì em rời đi sớm vậy. “Nhưng con chỉ vừa tới. Con sẽ không đọc sách cho ta sao?”

“Mai con đọc. Hứa.”

Dạo này em đang đọc cho ông cuốn Hồi ký của Chateaubriand. Ông thường đọc cuốn đó cho em khi em còn thiếu niên; giờ thì đến lượt em, em nói.

“Ông ấy không hài lòng đâu,” tôi bảo khi chúng tôi chuẩn bị rời đi. Em khép mấy cánh cửa sổ chớp. Căn phòng bỗng tối mịt, và bóng tối nhanh chóng đúc thành một khoảng không u ám phản chiếu những nét thu cuối mùa cùng tâm trạng của cha em.

“Ông ấy không hài lòng. Nhưng cũng chẳng khác gì. Ông sẽ vờ là đi làm việc nhưng thực ra dạo này ông ngủ nhiều hơn. Dù sao, khi ông ngủ tôi sẽ thường đi mua sắm những thứ ông thích để chất vào tủ lạnh. Mai tôi sẽ mua. Máy người chăm nom sẽ lo mấy thứ còn lại. Chiều nay sẽ có người đến và sẽ cho cún đi dạo, nấu ăn, xem TV cùng ông, cho ông đi ngủ.”

Khi chúng tôi đã xuống dưới và ra khỏi tòa nhà rồi rẽ ra đại lộ Lungotevere, em đột ngột đứng lại và hít một hơi thật sâu không khí tươi mát cuối tháng Mười. Tôi ngạc nhiên.

“Để làm gì vậy?” tôi hỏi, ám chỉ rõ ràng đến âm thanh bị ai thoát ra từ cách em thở.

“Tôi làm vậy mỗi khi rời đi. Một cái thở phào nặng nề. Như thể tôi đã bị bóp nghẹt bởi bầu không khí trong đó. Một ngày, sớm thôi, tôi biết, tôi sẽ nhớ nhung những lần viếng thăm này. Tôi chỉ mong mình sẽ không thấy tội lỗi hoặc quên mất tại sao mình lại cần rời đi và khép lại cánh cửa ấy đến vậy.”

“Nhiều lúc tôi cũng thắc mắc liệu con trai mình cũng cảm thấy thế không khi thằng bé rời đi.”

Em không nói gì. Chỉ đi tiếp.

“Tôi cần một ít cà phê.”

“Không phải cô vừa uống sao?” tôi hỏi.

“Đấy là cà phê đã khử cafein,” em nói. “Tôi mua loại đấy cho cha, và coi rằng đấy cà phê thường.”

“Ông ấy có tin không?”

“Vừa đủ. Trừ phi ông ấy ra ngoài và tự mua cà phê thật mà không bảo tôi. Nhưng tôi không nghĩ thế đâu. Như tôi đã bảo, tôi tới đây mỗi cuối tuần. Nhiều khi, nếu có hôm rảnh, tôi sẽ lên tàu và ngủ một tối tại đây rồi quay về vào sáng hôm sau.”

“Cô có thích tới đây không?”

“Từng là vậy.”

Rồi tôi đã hỏi một điều mà tôi không nghĩ mình lại dám hỏi vậy.

“Cô yêu ông ấy không?”

“Khó nói lắm.”

“Dù vậy, cô vẫn là một người con tuyệt vời. Tôi đã thấy điều đó tận mắt.”

Em không đáp lại. Một nụ cười khó chịu có vẻ muốn bảo rằng ông không biết một tí gì đâu lơ lửng trên nét mặt em. “Tôi nghĩ tình yêu tôi từng có đã trải qua phần của nó rồi. Thứ còn lại giờ chỉ là một giả dược của tình thương, dễ khiến ta nhầm với yêu thương chân thành. Tuổi già, ốm đau, có thể cả sự khởi đầu của chứng sa sút trí tuệ sẽ dẫn đến điều này. Chăm sóc ông, lo lắng cho ông và gọi điện cho ông mọi lúc khi tôi không ở đó chỉ để chắc rằng ông không thiếu thứ gì – tất cả như bòn rút mọi thứ tôi có để trao đi. Ta không coi đây là tình yêu. Không ai coi là thế cả. Ông ấy cũng không.”

Rồi, như em đã làm trước đó, em tự ngắt lời mình:

“Miranda cần cà phê!” Và bỗng em bước nhanh hơn. “Tôi biết một chỗ gần đây.”

Khi chúng tôi trên đường đến quán cà phê của em, tôi hỏi liệu em có muốn tạt nhanh qua cầu tới chỗ này với tôi không. “Tôi muốn đưa cô tới một nơi.”

Em không hỏi ở đâu hoặc sao lại thế mà chỉ bước theo. “Ông chắc mình có thời gian chứ? Ông cần cất đồ, rửa tay, xem ghi chú, ai mà biết rồi gì nữa,” em nói cùng một cái cười thẫn.

“Kịp mà. Có thể tôi đã nói quá lên lúc nãy

“Chứ gì nữa! Tôi biết ngay là vậy mà.” Chúng tôi cùng cười. Rồi, bỗng nhiên: “Ông ấy ốm rất nặng, ông biết đấy. Và tệ nhất là, ông ấy biết đi đâu đó, dù cho không muốn nói về nó. Tôi chẳng biết là vì ông quá sợ khi nhắc tới hay chỉ đang cố không khiến tôi sợ. Chúng tôi đầu kháng kháng rằng làm vậy để bảo vệ nhau, nhưng tôi nghĩ chúng tôi chưa thể cùng nói chuyện về nó và sẽ trì hoãn việc phải đối mặt cho tới khi quá muộn. Nên không ai đặt nặng cả, và chỉ đùa về chuyện đó thôi. Con mang bánh không? Con mang. Một ít rượu nữa cho ta chứ?” Vâng, nhưng một ít thôi cha ạ.” Đã có một lúc ông ấy không thể thở, nên nếu ung thư không giết ông, viêm phổi sẽ làm việc đó. Chưa nói gì về chỗ morphine ông đang dùng mà cuối cùng sẽ gây thêm những tác hại ta đâu biết. Có thể tôi sẽ phải chuyển vào sống cùng ông nếu không anh chị

.” em nào làm đi đâu ấy. Chúng tôi đầu bảo sẽ lần lượt chăm sóc ông, nhưng ai mà biết có gì họ sẽ nghĩ ra khi tới lượt mình.”

Chúng tôi rẽ đường vòng và tới khách sạn của tôi. Tôi bảo sẽ vào gửi túi ở quầy tiếp tân. Người tiếp tân, đang xem dở TV, nói rằng cậu sẽ cho người mang lên phòng tôi. Miranda không vào sảnh mà ngó nghiêng nhà nguyện nhỏ trong khách sạn. Khi tôi ra thì em đang dùng mũi chân hất lên một viên gạch lát có vẽ khiến em hứng thú.

“Hai phút nữa thôi và cô sẽ thấy tôi định cho CÔ xem cái gì,” tôi bảo, nhận thấy sự cáu kỉnh của em. Tôi muốn nói gì đó về cha em, hoặc ít ra là kết thúc chủ đề đó bằng vài lời an ủi. Nhưng tôi không muốn nói ra những điều vô vị và mừng thầm khi em không nhắc đến chuyện đó nữa.

“Tốt nhất là nên xứng đáng đấy, em nói.

“Rất đáng với tôi.”

Vài phút sau chúng tôi đến bên một tòa nhà ở góc phố. Tôi dừng trước lại và đứng lặng.

“Đừng nói là... lẽ vọng!”

Em nhớ ra.

“Trên kia. Tầng ba, cửa sổ lớn.”

“Những ký ức hạnh phúc à?”

“Không hẳn. Chỉ là tôi từng sống ở đây.” “Và?”

“Nếu tôi có quay lại khách sạn kia mỗi lần tới Rome thì là bởi vì nơi đó cách tòa nhà này không xa.” Tôi bảo, chỉ lên cửa sổ bên trên mà chắc hẳn chưa được lau rửa hoặc thay mới hàng thập kỷ rồi. “Tôi thích lang thang quanh đây. Và rồi như thể tôi vẫn đang ở trên tầng, vẫn đọc về Hy Lạp Cổ, vẫn đang chấm bài cho sinh viên. Tôi đã học nấu ăn tại đó. Tôi thậm chí còn học tự đánh nút áo. Học tự làm sữa chua, tự nướng bánh mì. Học Kinh Dịch. Có thú nuôi đầu tiên vì bà người Pháp tầng dưới không muốn nuôi mèo nữa, và nó thì thích tôi. Tôi ghen tị với chàng trai trẻ trên lầu, dù anh ta không hề hạnh phúc. Tôi thích quay lại đây lúc tối trời chỉ để ngắm nhìn nơi này. Và rồi nếu như có một ít ánh sáng bật lên tại khung cửa sổ cũ ấy, trái tim tôi sẽ như lạc nhịp.”

“Tại sao?”

“Tại vì một phần trong tôi vẫn chưa từ bỏ mong muốn được quay ngược lại thời gian. Hoặc chưa hoàn toàn chấp nhận rằng tôi đã bước tiếp – nếu như tôi thực sự đã bước tiếp. Có lẽ tất cả những gì tôi thực lòng muốn là được nối lại với con người cũ mà mình đã đánh mất hoặc đơn giản là từ chối việc đổi thay. Có thể tôi sẽ không bao giờ muốn trở lại làm con người tôi ngày ấy, nhưng tôi rất muốn được gặp anh ta, chỉ vài phút thôi để tìm ra anh ta thực sự là ai khi chưa bỏ người vợ mình chưa gặp, chưa hề biết một ngày mình sẽ được làm cha. Chàng trai trẻ lầu trên không hề biết, một phần trong tôi muốn cập nhật cho anh và để anh hay tôi vẫn

còn sống, rằng tôi chưa hề thay đổi, và rằng tôi vẫn đang đứng ngay dưới này...”

“...cùng tôi,” em xen vào. “Có khi ta nên lên trên và chào một tiếng. Tôi sẵn lòng gặp anh ấy ngay bây giờ.”

Tôi không phân biệt nổi em đang nâng tầnnhững câu đùa của mình hay đang nghiêm túc hiểm có.

“Tôi chắc rằng anh ta sẽ chẳng muốn gì hơn khi mở cửa và thấy cô đang đứng đợi,” tôi nói.

“Lúc ấy ông sẽ để tôi vào chứ?” em hỏi. ”

“Cô biết câu trả lời mà!

Em đợi để tôi nói thêm gì đó, có lẽ muốn tôi nói rõ hơn. Nhưng tôi không nói.

“Tôi cũng cho là vậy.”

“Liệu bấy giờ cô có vào không?” cuối cùng tôi lên tiếng.

Em nghĩ một chốc.

“Không, em đáp.

“Tại sao?”

“Tôi thích ông bây giờ hơn.”

Đột nhiên lặng yên bao trùm lên chúng tôi.

“Một câu đáp khác hay hơn ư?” em hỏi, vuốt lên cánh tay tôi bằng cử chỉ dễ thấy rằng dù chỉ thoáng chốc, đã có một mối tri kỷ thiêng liêng và đáng tin hiện hữu giữa chúng tôi.

“Tôi già hơn em rất nhiều, Miranda,” tôi bảo.

“Tuổi tác là con số. Được chứ?” em đáp khi tôi đang nói dở.

“Được.” tôi cười.

“Vậy, ông đã từng bước vào trong hoặc lên trên gác chưa?” em đang đổi chủ đề

Những bóng hình, tôi nghĩ.

“Chưa, chưa từng.”

“Sao vậy?”

“Tôi không biết.”

“Quý cô Margutta khiến ông tổn thương đến vậy sao?”

“Tôi không nghĩ thế. Tòa nhà không hẳn liên quan đến nàng. Cũng có những cô khác đã tới đây, đâu vậy.”

“Ông thích họ không?”

“Tôi thích họ vừa đủ. Tôi nhớ một hôm bị ốm và phải hủy tất cả các lớp và bài giảng. Hôm ấy là ngày hạnh phúc nhất của tôi ở đây. Một Cô bé là sinh viên của tôi biết tôi bệnh và mang cho tôi ba trái cam, Ở lại một lúc, cuối cùng thì chúng tôi âu yếm nhau, rồi em về. Lát sau một cô khác mang cho tôi súp gà, cô thứ ba ghé qua và pha rất nhiều rượu brandy vào món toddy cho cả ba chúng tôi đến nỗi tôi đã nghĩ mình là kẻ đau ốm hạnh phúc nhất. Một trong hai nàng cuối cùng đến sống với tôi một thời gian.”

“Và thế, lúc này, tôi lại là cô đứng đây cùng ông. Điều đó đã xảy ra bao giờ chưa?”

Có gì đó nhói lên trong cách em nói, tôi không biết tại sao. Tôi tưởng chúng tôi vẫn đang tâm sự về quá khứ, như lúc còn trên tàu. Rồi tôi bật cười với em mà tôi biết nghe hơi ép buộc.

“Có gì buồn cười?”

“Không có gì, chỉ là em còn chưa được sinh ra khi tôi ở đây.”

Không ai hỏi chuyện gì đã xảy ra.

Em lấy ra chiếc máy ảnh nhỏ trong túi. “Tôi sẽ nhờ ai đó chụp ảnh chúng ta, để ông biết rằng tôi vẫn tại và không bị phai nhòa đi theo những ký ức thoáng qua như cô gái cùng ba trái cam mà tên, họ hay tên đệm của mình cả đời ông sẽ để trong quên lãng.”

Đây có phải là cơn phù phiếm điên cuồng của phụ nữ không? Em không phải kiểu người đó.

Em gọi một cặp du khách Mỹ đi ra từ cửa hàng gần đó và, đưa họ máy ảnh, nhờ cô gái tóc vàng chụp ảnh chúng tôi đứng trước tòa nhà. “Không phải thế này, em nói. “Quàng tay ông qua đây. Và đưa tay kia đây. Không chết đâu mà lo.”

Em nhắc Cô gái chụp một tấm khác thật đẹp.

Sau khi nhìn cô gái chụp một lúc, em cảm ơn và nhận lại máy. “Tôi sẽ sớm gửi ông ảnh để ông không quên Miranda. Hứa chứ?”

Tôi hứa

. “Miranda có thực sự quan tâm đến vậy không?”

“Ông vẫn chưa hiểu, phải không? Lần cuối ông ở cạnh một cô nàng Cỗ tuổi tôi, không xấu xí lắm và thực lòng đang cố nói ông hay một điều đúng ra rất rõ ràng rồi là khi nào?”

Tôi đã nghĩ em sẽ nhắc đến chuyện này, vậy tại sao đi đâu em nói lại khiến tôi giật mình và ước rằng mình đã hiểu lầm?

Nói rõ ra, Miranda, hoặc hãy nói lại.

Nhưng chẳng phải đã rất rõ rồi ư?

Vật hãy nói một lần nữa.

Thứ ngôn từ chúng tôi thốt ra vừa đủ mơ hồ khiến người kia không hiểu hoặc khiến chính chúng tôi cũng không hiểu bản thân đang nói gì, hầu cả hai đều nhận ra ngay, mà không biết tại sao, rằng chúng tôi đều hiểu ngụ ý chính xác của nhau bởi vì chúng không được nói thành lời.

Rồi tôi nảy ra một ý tưởng tuyệt vời. Tôi lấy điện thoại ra và hỏi liệu em có bận gì hai ba tiếng tiếp theo không.

“Tôi rảnh,” em đáp, “nhưng không phải ông có việc phải làm, ghi chú phải đọc, đồ phải cất, và chưa kể tới đôi tay cần phải rửa kia sao?”

Tôi không có thời gian giải thích và lập tức gọi cho một người bạn là nhà khảo cổ nổi danh ở Rome. Khi ông ấy nhấc máy, tôi bảo, “Tôi cần nhờ một chuyện, và tôi cần nhờ ngay.”

“Tôi cũng rất khỏe, cảm ơn đã hỏi thăm,” ông trả lời cùng sự hài hước như mọi khi. “Thế tôi giúp gì được?”

“Tôi cần sự cho phép cho hai người vào thăm Villa Albani.”

Ông ấy chần chừ một lúc. “Cô nàng đẹp không?” ông hỏi.

“Vô cùng.”

“Tôi chưa vào Villa Albani bao giờ,” em nói. “Họ không cho ai vào cả.”

“Em sẽ thấy.” Rồi, khi đợi người bạn gọi lại: “Cardinal Albani xây dựng ngôi biệt thự đó vào thế kỷ mười tám và sở hữu một bộ sưu tập những tượng điêu khắc La Mã dưới sự chăm nom của Winckelmann, và tôi muốn em thấy chúng.”

“Tại sao?”

“Chà, em cho tôi ăn cá và rau, và em thích điêu khắc, nên tôi sẽ cho em thấy bức phù điêu đẹp nhất em từng được chiêm ngưỡng. Đó là chàng Antinoos, nhân tình của hoàng đế Hadrianus. Rồi tôi sẽ cho em xem bức tôi thích nhất - Apollo giết con thần lùn, tác bởi Praxiteles, và có lẽ là nhà điêu khắc vĩ đại nhất từ trước tới giờ.”

“Thế cà phê thì sao?”

“Chúng ta có nhiều thời gian mà.”

Điện thoại tôi đổ chuông. Liệu hai người đến đây trong vòng một giờ được không? Cuộc tham quan không được lâu hơn một tiếng vì người bảo vệ phải về sớm. “Thứ Sáu mà,” bạn tôi giải thích.

Chúng tôi vẫy một chiếc taxi đỗ gần cầu và tới thẳng căn biệt thự. Em quay sang tôi lúc trên xe. “Sao ông lại muốn làm chuyện này?”

“Cách để cho thấy rằng tôi hạnh phúc khi lắng nghe em.”

“Dầu cho ông cầu nhàu?”

“Dầu cho tôi cầu nhàu.”

Em không nói gì cả, nhìn ra ngoài một thoáng, rồi quay lại với tôi.

“Ông khiến tôi bất ngờ.”

“Vì sao?”

“Vì có gì đó chu đáo, điềm tĩnh, thư thái ở ông.”

“Ý em là nhầm chán.”

“Không hẳn. Mọi người tin tưởng ông và sẵn sàng mở lòng, có lẽ họ thích bản thân mình khi được ở cạnh ông - như ngay trên xe lúc này.”

Tôi với tới, nắm tay em, rồi thả ra.

Chưa đầy hai mươi phút sau chúng tôi tới nơi. Người bảo vệ đã được báo về chuyến thăm viếng và đứng khoanh tay đợi sẵn ở bên cổng nhỏ, đây vể. cương bách và chống đối. Cuối cùng cậu ta nhận ra tôi và thái độ hoài nghi lúc đầu ấy liền đổi thành niềm tôn trọng. Chúng tôi đi vào trong và lên tầng rồi đi qua loạt căn phòng cho đến khi đến trước bức tượng Apollo. “Tên nó là Sauroktonos, kẻ diệt rắn. Ta sẽ đi qua chỗ bảo tàng và, nếu kịp, sẽ đi xem về khu văn minh Etrusca.”

Em nhìn chăm chú, nói rằng em đã từng xem một bản sao của bức tượng trước kia, nhưng không phải bức này.

Chúng tôi lướt vội qua những bức còn lại rồi tới chỗ Antinoos. Và em như ngơ ngàng trước vẻ đẹp đó. “Thật kinh ngạc.”

“Tôi đã nói gì nào?”

“Sono senza parole,” em nói. Không thốt nên lời. Cả hai chúng tôi đều vậy. Em quàng tay qua tôi, ngắm nhìn, rồi xoa nhẹ lưng tôi. Rồi chúng tôi bước tiếp.

Một lát sau đó tôi quay sang em và, chỉ vào bức tượng bán thân nhỏ gù lưng, thì thầm với em rằng hãy chụp lén vài tấm bằng cái máy nhỏ khi tôi cố gắng đánh lạc hướng người bảo vệ, vì ở đó không có ai được phép chụp ảnh. Tôi nhớ một lần cậu ấy đã nói về chuyện mẹ mình đang yếu dần, nên khi kéo cậu ấy ra, tôi hỏi mẹ cậu thế nào sau cuộc phẫu thuật. Câu hỏi cũng hàm ý delicatezza – tinh tế vì tôi hạ thấp giọng hết mức rõ để Miranda không nghe thấy. Cậu trân trọng sự tinh ý đó và bảo rằng purtroppo era mancata – tiếc thay bà đã qua đời. Tôi nói rằng mình đồng cảm với cậu và để giữ chân cậu lâu hơn, chắc rằng cậu đang quay lưng về Miranda, nói rằng mẹ tôi cũng mất rồi. “Ta chỉ được ban cho một lần,” cậu bảo. Chúng tôi gật đầu và chia buồn với nhau.

Trở lại ngắm Sauroktonos lần cuối, tôi giải thích rằng có hai bức thế này nữa ở Bảo tàng Vatican và Louvre, nhưng chỉ bức này và một bức ở Cleveland là được đúc bằng đồng. “Tuy vậy bức này không phải kích thích người thật,” người bảo vệ nói. “Bức ở Cleveland bằng Cỗ thật, tôi được biết, nó còn đẹp hơn.”

“Đúng vậy,” tôi đáp.

Rồi cậu bảo chúng tôi đi tiếp đến khu vườn kiểu Italy dẫn tới một khu khác trưng bày tượng. Đi tới đoạn giữa vườn, chúng tôi quay lại để chiêm ngưỡng mặt tiền và lối cửa tò vò tuyệt mỹ của một cung điện Tân cổ điển to lớn, nơi từng được coi và công trình đẹp nhất vào thời hoàng kim của nó.

“Tôi không nghĩ ta đủ thời gian để qua khu người Etruscan, cậu nói, “nhưng bù lại thì quý cô đây có thể chụp vài tấm những bức tượng này, cậu cười với vẻ tinh nghịch, “cô ấy có vẻ thích chụp ảnh.” Chúng tôi cùng nhìn nhau và cười. Cậu dẫn chúng tôi qua khu vườn rồi đến cổng ra, chỉ vào bảy cây thông mà cậu nói rằng là cổ kính nhất ở Rome này.

Khi nhấn mở cánh cổng điện, một ông lão đứng bên vỉa hè nhìn chúng tôi chăm chú và không thể không nói với người bảo vệ, “Gia đình ta đã sống ở Rome bảy thế hệ, và chưa có một ai được vào thăm căn biệt thự bao giờ.” Cậu ta lại khoác lên vẻ lãnh đạm và bảo với ông rằng nơi này bị vietato, cấm, cho bất cứ ai vào. Rồi cánh cửa đóng lại phía sau chúng tôi.

Trước khi vẫy taxi, em bảo muốn chụp một bức tôi đứng cạnh cổng.

“Tại sao?” tôi hỏi.

“Chẳng sao cả.”

Rồi, thấy tôi tạo dáng thật ảo não, “Ông đừng cau có nữa được không?” em nói. Nhưng rồi khi tôi cười: “Đừng cười kiểu Hollywood cứng nhắc – làm ơn!”

Em chụp vài tấm. Nhưng không hài lòng. “Sao ông nhăn mặt thế?”

Tôi không biết mình làm vậy, tôi bảo. Nhưng tôi biết.

“Thế mà sáng nay ông là người bảo tôi cau có đấy!”

Chúng tôi bật cười.

Em không có vẻ muốn tôi nói gì thêm. Tôi cũng chẳng gọi thêm để em giải thích. Nhưng khi em tiếp tục chụp, một ý thức rồi ren bắt đầu bám lấy tôi: ngày nào đó, đây sẽ lại là một lễ vọng và nó sẽ tên là Đừng cau có nữa! Có gì đó ấm áp, hiên đời ta, dịu và gần gũi mỗi lần em thôi thúc tôi thế này. Em khiến tôi nghĩ đến một người sẽ xông vào cuộc như lúc em làm với phòng khách nhà cha mình, lập tức lật gối ta lên, mở tung cửa sổ, chỉnh thẳng lại hai bức tranh cũ ta đã thôi không ngắm nhìn dù chúng chưa từng nhúc nhích khỏi kệ treo hàng năm trời, và bằng sự khéo léo của bàn chân sẽ đẩy phăng lại những nhãn nhúm trên tấm thảm cũ kỹ, chỉ để nhắc ta nhớ rằng, một khi em đã thêm hoa vào chiếc bình đã rỗng từ rất lâu rồi để phòng khi ta vẫn cố chối bỏ sự hiện diện của em, ta vẫn sẽ chẳng dám nài

nỉ thêm một tuần, một ngày hay một giờ nữa. Tôi đã tới gần một ai đó chân thật tới vậy, tôi nghĩ. Thật gần.

Có phải đã quá muộn không?

Có phải tôi đã tới muộn không?

“Đừng nghĩ nữa,” em nói.

Tôi với tôi và nắm lấy tay em.

Trong quán Caffè Trilussa đông đúc, trang trọng mà em thích, chúng tôi tìm được một chiếc bàn nhỏ, cũ kỹ và ngỗ đối diện nhau. Phía sau em là một chiếc điếu hòa sưởi đang chạy hết công suất. Em thích hơi ấm, em nói, rằng thật lạ làm sao khi chỉ vài giờ trước trời còn ấm áp đến nỗi có thể ăn ngoài hiên. Giờ thì em cần uống đồ nóng. Khi phục vụ tới, em gọi hai ly Americano đúp.

Americano là gì, tôi định hỏi, nhưng kìm lại và không nói. Mất một lúc để tôi nhận ra vì sao mình không hỏi.

“Một ly Americano là khi ta thêm nước sôi vào một shot espresso. Một ly đúp là khi cho nước sôi vào hai shot espresso.”

Em hạ mắt và nhìn xuống bàn để cố không cười. “Sao em biết tôi không biết Americano là gì?”

“Chỉ biết thôi.”

“Chỉ biết thôi,” tôi lặp lại.

Tôi yêu thế này. Tôi nghĩ cả hai đều vậy.

“Vì cha em không biết, nên em nghĩ tôi cũng vậy ư?”

“Sai rồi!” em nói, đoán ra ngay sao tôi lại hỏi vậy. “Đây không phải lý do, thưa ngài. Tôi đã nói với ông rồi.”

“Thế vì sao?”

Đột nhiên, nụ cười bốn cột trên gương mặt em tắt hẳn.

“Tôi biết ông, Sami, vậy đấy. Tôi nhìn vào ông lúc này, và cảm tưởng như tôi đã biết ông từ rất lâu rồi. Và còn một chuyện nữa, vì ta đang nói đến chuyện này và tôi là người duy nhất nói ra.”

Em định dẫn tôi tới đâu?

“Tôi không muốn ngừng biết ông. Đại loại là vậy.”

Tôi nhìn em một lần nữa, vẫn không chắc tất cả sẽ đi tới đâu. Đừng khiến tôi hy vọng, Miranda, đừng. Tôi còn không muốn nhắc tới chuyện ấy với em vì đó cũng chính là hy vọng.

Phục vụ mang đồ uống tới.

“Một ly Americano,” em nói, trở lại giọng điệu vui thú lúc trước, “là dành cho những người muốn uống espresso nhưng lại thích cà phê Mỹ. Hoặc chỉ là nếu ta muốn một ly espresso đọng lại lâu hơn...”

“Trở lại chuyện em vừa nói đi,” tôi xen ngang.

“Tôi đang nói gì cơ?” Em giễu cợt. “Rằng tôi đã biết ông từ rất lâu rồi á? Hay là về chuyện tôi không muốn ngừng biết ông? Hai cái đó gắn với nhau.”

Chuyện xảy ra khi nào? Lúc trên tàu, trên taxi, hiên nhà cha em, ở bếp, phòng khách, bên ngoài Villa Albani, khi ta nói về quý cô Margutta, hay là khi ta đi qua nơi tôi từng sống? Tại sao tôi lại cảm thấy em đang ném tôi đi sai hướng trong khi một phần trong tôi biết rằng em không hề làm vậy?

Chắc chắn em biết tôi cảm thấy thế nào; tất cả đúng ra đã rất rõ ràng ngay từ đầu mà một đứa bé cũng sẽ hiểu. Nhưng với Miranda, thì là khi nào? Một vài khoảnh khắc vui vẻ trước liệu có thể sẽ dễ dàng ứa tràn ngay khi tôi nhăm lẩn chúng với niềm chân thực? Và rồi ý nghĩ ập tới một lần nữa. Rất lâu về trước, trong một tòa nhà không xa chỗ này, tôi đang đọc về những học giả Đông La Mã, lạc lối giữa thế giới tiền Hồi giáo Constantinople, và phôi thai nhỏ nhoi của Miranda còn chưa thành hình.

Tôi ngắm em. Em cười với sự gương gạo, khác thường chẳng giống với cô gái vui vẻ, cứng đầu, thẳng thắn, biết mọi thứ về những ly Americano. Tôi có thể hỏi em, Sao vậy? Nhưng tôi không nói. Tất cả những gì em bảo sau khoảng yên lặng không thoải mái khi không ai trong chúng tôi chịu nói gì chỉ là một cái lắc đầu, như thể bất đồng với chính mình và gạt đi ý nghĩ viễn vông rằng em khôn ngoan hơn để không nói hết ra. Tôi đã thấy em làm vậy từ lúc em ngẩng chéo tôi trên tàu. Giờ thì em nhìn xuống Cốc cà phê. Sự yên lặng ấy khiến tôi bồn chồn.

Chúng tôi nhìn nhau, và chẳng ai thốt lên một lời. Tôi biết bất cứ một lời tôi nói ra tiếp theo sẽ phá vỡ những mê đắm này, nên chúng tôi chỉ ngẩng đầu, thỉnh lặng và ngắm nhìn, thỉnh lặng và ngắm nhìn, như thể chính em cũng chẳng muốn hóa giải thứ bùa mê ấy. Tôi muốn hỏi, Em sẽ làm gì với cuộc đời mình? Và những người quá trẻ trung và xinh đẹp có thực sự tồn tại không? Liệu họ có thật bên ngoài màn ảnh và sách báo không

Và đột nhiên một từ Hy Lạp cổ ở Opsico, lướt qua tâm trí tôi. Tôi cố không nói ra, nhưng lại không thể ngăn chính mình. Tôi bảo rằng opsico nghĩa là muộn một buổi tiệc, hoặc lỡ mất lượt gọi đồ cuối, hoặc để ăn mừng hôm nay bằng sức nặng của tất cả những tháng năm phí hoài.

“Và ý ông muốn nói là?” “Không gì cả.”

“Chính xác.”

Em như thúc nhẹ tôi, nghĩa là Đừng nói ra! Rồi em chỉ sang một người phụ nữ ngẩng một mình ở bàn khác. “Cô kia cứ nhìn ông mãi.” Tôi không tin em nhưng tôi thích ý nghĩ ấy. Một người khác đang vật lộn với trò giải ô chữ. “Cô ta không làm tốt lắm,” Miranda nói. “Có lẽ tôi nên đưa Cô ấy một gợi ý; tôi vừa hoàn thành trò đó sáng nay lúc Ở ga. Nhân tiện, cô kia lại liếc ông, hướng bốn giờ, bên phải ấy.”

“Sao tôi chẳng bao giờ để ý những đi đầu này nhỉ?”

“Có lẽ là vì ông không phải người sống trong hiện tại. Lúc này, chẳng hạn, là hiện tại,” em nói, với tới và hôn lên môi tôi. Đây không phải một nụ hôn sâu, nhưng nán lại mãi và lưỡi em chạm vào môi tôi. “Và ông rất thơm,” em bảo.

Được rồi, giờ thì ta là một đứa thiếu niên, tôi nghĩ.

Sau đây, trong khi nêu ra những miêu tả thương đau về sự cướp bóc ở Constantinople do quân Ottoman, tôi nhớ về cách em cầm tay tôi khi chúng tôi lách qua những con phố chật hẹp ở khu Trastevere, như thể em sợ sẽ lạc mất tôi vào đám đông ấy, trong khi chính tôi mới là người sợ rằng em sẽ thả tay ra và biến mất. Và nghĩ về em vùi vào vòng tay tôi khi cuối cùng tôi cũng ôm em lúc chúng tôi rời Caffè Trilussa và cách em đặt hai tay lên ngực tôi như thể cố đối phó lại cái ôm ấy và đẩy tôi đi rồi tôi nhận ra đây chỉ là cách em nép vào lòng tôi trước khi tôi để mặc bản thân và hôn em lần nữa. Tôi chưa từng hôn một người phụ nữ thật lâu, và chắc chắn không nhiều đam mê thế này và khi tôi định nói cho em hay, em chỉ bảo, “Giữ em đi, giữ em đi Sami, và hôn em.”

Ôi người phụ nữ này.

Và khi tôi vẫn đang nói tiếp và tiếp nữa về mất mát không thể tưởng tượng nổi về những tác phẩm được nhắc trong danh sách của Photius, tôi đã để dành phần hay nhất cho chúng tôi vào cuối cùng. “Tôi biết một đi đâu,” tôi bảo em. “Sao?” “Tôi sống với tôi. Tôi có một ngôi nhà bên bờ biển.” Ý nghĩ ấy chỉ vừa nảy ra khi chúng tôi đang nói chuyện và tôi nói với em ngay chẳng lưỡng lự. Tôi chưa từng nói đi đâu gì xa xăm như vậy trong cuộc đời mình. Nhưng em đáp lại giật mình và ngờ ngác hơn đi đâu tôi nói.

“Các bạn em sẽ thấy chuyện ấy thật điên rồ và nghĩ, rằng Miranda mất trí rồi.”

“Tôi biết. Nhưng em có muốn không?”

“Có.”

Rồi, em bỗng nói như thể đang suy nghĩ lại: “Trong bao lâu?” Và đi đâu này tôi cũng chưa từng nói ra bao giờ nhưng chân thành với từng từ một: “Bao lâu em muốn, bao lâu em còn sống cũng được.”

Chúng tôi cười. Cười vì không ai tin người kia đang nghiêm túc. Cười vì tôi biết mình không đùa.

Và rồi, không để lỡ mất mạch suy nghĩ khi tôi tiếp tục nhấn mạnh cho thánh giả của mình về những cuốn sách nhân loại đã đánh mất mãi mãi, tôi tưởng tượng em sẽ ra sao khi đỏ mặt và, với đôi đầu gối trần trụi dang rộng, cách em sẽ dẫn dắt tôi bằng chính đôi tay tôi đã cầm và một ngày sớm thôi sẽ ném vị mặn sau khi bơi ở biển Tyrrhenus lúc gần trưa mỗi ngày.

“Đây là đi đâu ta sẽ làm,” em bảo khi chúng tôi đi tới Via Garibaldi. “Em sẽ ngồi đâu đó khuất dưới chỗ người nghe và em sẽ đợi, vì em chắc người ta sẽ muốn nói chuyện với ông và hỏi về buổi đọc và những cuốn sách, và rồi mình sẽ lên ra và đi ăn tối ở đâu đó có rượu vang, vì tối nay em rất muốn uống. Rồi, khi ăn xong, ta sẽ làm vài ly nữa ở chỗ này em biết và ông sẽ kể cho em tất cả mọi thứ mà ông đã kể, về tất cả mọi người trong đời mình và em sẽ kể ông nghe mọi thứ ông muốn biết về em và sau đó em sẽ tiễn ông về khách sạn hoặc hãy tiễn em về chỗ cha, và có thể sẽ bảo ông rằng: lần đầu em tệ lắm.”

Tôi thấy phục em vì dám nói ra những đi đâu mà hầu hết mọi người sẽ chẳng dám bàn tới.

“Có ai không tệ vào lần đầu đâu?”

“Sao ông biết được?”

Chuyện ấy khiến chúng tôi cùng bật cười.

“Sao em lại tệ?” tôi hỏi.

“Em phải mất một thời gian để quen với ai đó. Có thể vì lo lắng, đầu em không lo lắng khi ở cạnh ông - vậy mà lại khiến em thấy càng lo hơn. Nhưng em không muốn lo lắng gì cả.”

“Miranda,” tôi nói, khi chúng tôi dừng ở đài tưởng niệm Tempietto nhỏ của San Pietro ở Montorio và tôi ôm lấy em khi cả hai chiêm ngưỡng kiệt tác của Bramante. “Có chút gì là chân thành không?”

“Ông nói em nghe đi, nhưng hãy nói ngay lúc này. Em không cần bằng chứng, và ông cũng thế. Nhưng em không muốn bị bất ngờ. Và không muốn tổn thương.”

“Được,” tôi nói. Và chúng tôi cười với nhau.

“Vậy là ta ổn rồi.”

Chúng tôi đến sảnh, và bị chen ngang bởi người giám đốc, ông muốn đưa tôi đến phòng chờ trước khi buổi nói diễn ra. Chúng tôi chia tay vội vàng. Em ra hiệu sẽ đợi tôi bên ngoài.

Chuyện xảy ra ngay sau khi tôi cất giấy tờ vào tập tài liệu da. Tôi bắt tay mấy người khách, rồi các giáo sư, rồi lại các giáo sư khác, và với tất cả những chuyên gia, đồng nghiệp, và những học sinh sau đó tiến lên bục giảng. Nhưng cử chỉ của tôi luôn thể hiện sự ra vội vàng. Một người bạn già, nhận ra tôi đang muốn rời đi gấp, mở đường để tiễn tôi ra nhưng cuối cùng lại dẫn tôi vào góc cửa và hỏi liệu tôi đã đọc bản thảo cuốn sách của ông về cuộc thám hiểm của Alcibiades và người Sicily hay chưa. Chủ đề này bỗng khó nói hơn mọi khi, ông ta bảo. “Ông không biết được những quan tâm của ta giống nhau thế nào,” ông nói tiếp. Tôi có thể giới thiệu biên tập viên của mình cho ông ấy không? Đương nhiên rồi, tôi nói. Ngay khi vừa thoát khỏi ông thì tôi lại bị kéo lại bởi một người phụ nữ đứng tuổi nói rằng bà đã đọc tất cả sách tôi viết. Tôi cần đếm từng phút cũng như

khoảng cách giữa hai người, bởi bà ta có thói vùng nước bọt ghê sợ khi nói chuyện.

Cuối cùng, tôi rời được khỏi khán phòng và chạy tới chỗ Miranda nơi em đợi. Nhưng khi tôi đến thì em không ở đấy.

Tôi vội xuống chỗ cầu thang chính nhưng em cũng không ở trên sảnh, nên tôi lại leo lên tầng hai và đi một vòng xung quanh sảnh chờ của khán phòng. Không một bóng người. Chúng tôi còn không lấy số nhau. Sao lại không cơ chứ? Tôi mở cánh cửa nặng nề đi vào chính phòng. Vẫn còn một vài sinh viên nán lại ở cửa, tất cả đều đang chuẩn bị rời đi, trong khi hai lao công đang nhặt Cốc giấy và rác ở lối đi. Cạnh cửa có một người lao công khác cầm một chùm chìa khóa lớn với vẻ mất bình tĩnh vì phải đợi cho tất cả mọi người, kể cả vị trưởng khoa, rời hết để các nhân viên có thể dọn dẹp.

Quay lại sảnh chờ và không thấy ai đợi, tôi thậm chí còn mở cửa nhà vệ sinh nữ và gọi tên em. Không ai đáp lại. Liệu em có xuống nhà vệ sinh dưới tầng hầm không? Nhưng tầng hầm lúc ấy tối mịt.

Khi tôi rời tòa nhà, tôi thấy hàng người đang đợi ngoài một quán cà phê góc phố. Chắc hẳn em ở trong đấy. Nhưng không. Tôi muốn rửa những người đồng nghiệp phiền nhiễu và người phụ nữ kiêu kỳ văng nước bọt và lải nhải vào tôi tới chết đi. Tôi đã bảo Miranda mình sẽ rời đi trong mười phút là lâu nhất. Tôi đã tính toán sai hết sao? Hay là tại tôi không thể từ chối những người hỏi xin chữ ký?

Tôi gặp lại người lao công lúc này đang soạn chùm chìa khóa để khóa một lối cửa ra. Tôi định ra hỏi anh ta xem có thấy một cô gái trẻ quanh đây không - nhưng tôi nên nói mình là ai? - cha em sao?

Tôi có nên tới nhà cha em để tìm không?

Rồi cuối cùng thì nhận thức ấyập tới. Sao tôi không nghĩ ra sớm hơn chứ? Em đã biến mất. Đổi ý, bỏ đi. Chẳng khác gì lúc em thú nhận sẽ trốn khỏi người ta mà chẳng có dấu hiệu hay cảnh báo gì. Chà, như lời em tự nói, em đi rồi!

Tất cả mọi thứ đều là ảo mộng. Tôi tự tạo ra hết. Chuyến tàu, cá, bữa trưa, Tempietto của Bramante, người phi công trẻ tuổi, cặp vợ chồng Thụy Sĩ ngã xuống kê bằng và biến mất mãi cho tới khi con cái họ già hơn họ, những người Hy Lạp thấy trước sự tận diệt của Đông La Mã và chạy trốn tới Venice và truyền tiếp chất Hy Lạp của họ cho hậu thế tới khi không một ai nhớ rằng tại sao lại có những từ tiếng Hy Lạp du nhập vào ngôn ngữ Veneto như vậy – tất cả, tất cả đều là ảo mộng. Thật ngu ngốc!

Từ ấy lướt qua cửa miệng tôi và tôi nghe chính mình thốt ra. Nó khiến tôi muốn bật cười. Và tôi nhắc lại lần nữa. Ít tức cười hơn khi nhắc lại lần hai, và ít hơn nữa vào lần thứ ba. Cha đã nghĩ cái gì vậy? Tôi có thể nghe thằng bé nói thế khi gặp ngày mai và nghe tôi kể một cô gái trên tàu tên Miranda, người dẫn tôi về thăm cha cô ấy và khiến tôi ao ước những đi đâu mà tôi tưởng đã vĩnh viễn đánh mất trong đời mình.

Trời dần tối và tôi dạo xuống con đường duy nhất tôi biết dọc tới Gianicolo và cuối cùng đi qua tòa nhà cũ của mình, như thể nó sẽ đặt lại bộ dạng tôi về như cũ và đưa tôi trở xuống mặt đất rồi nhắc nhở rằng tôi là ai. Tòa nhà đứng đó, hiện ra sớm hơn tôi định, già cỗi và nghiêng ngả với thời gian, như chính tôi và những lễ vọng viễn vông khác. Điêu này cũng khiến tôi muốn bật cười. Bảy nhiều năm và mi vẫn chưa rút ra được đi đâu gì, phải không, vẫn hy vọng một ngày nàngthị trước cửa và nói, Em Ở đây, thuộc về người.

Ee-jit. Ngu ngốc. Tất nhiên là em đã chạy trốn.

Trong hai năm tới khi họ lại mời tôi trở lại đây, tôi sẽ đi qua nơi này và cười nhạo vào kẻ tôi đã ước mong được trở thành, vào cuộc đời tôi khát khao sẽ chia ngôi nhà bên bờ biển. Hiện tại chỉ còn là những lẽ vọng. Một thoáng lướt qua tôi đã định bảo em, Ta sẵn lòng vứt bỏ mọi thứ. Ta không cần biết nơi đâu, khi nào, hoặc bao lâu em muốn. Ta không cần biết.

Tại đây, tối nay, tôi trở nên thiếu thốn.

Tôi còn không thấy giận, giận em hay chính mình. Thay vì đó là sự căm phẫn. Căm phẫn không phải vì em đã dối lừa, hay trêu đùa tôi, hay để những ảo ảnh đẹp đẽ của em làm xáo trộn lên, lao bổ vào những ảo tưởng của tôi, nhưng rồi em dối ý – và ai lại trách em vì làm vậy được? Căm phẫn vì tôi trao em sự tin tưởng, và chẳng hề nhận một chút niềm tin từ em. Em đã nghiến nát và ném trả nó lại mà chẳng ban cho lòng tin ấy hay chính bản thân tôi một phút nghỉ lại. Tôi muốn đòi lại tôi của sáng nay lúc trên tàu, và tôi muốn xóa hết tất cả - chưa có gì từng xảy ra. Ngu ngốc. Tất nhiên là chưa có gì xảy ra cả.

Sau chuyện này, tôi cứ suy nghĩ, ta sẽ tắt hết điện, khóa trái cửa, buông rèm xuống, và học cách không bao giờ hy vọng lần nữa. Không phải trong cuộc đời này.

Tôi không cần qua cầu. Tôi chỉ cần nhìn lên tầng trên cùng nơi cha em ở để thấy tất cả đèn đã tắt. Không có nhà. Những hình bóng.

Em biết có khi tôi sẽ tới và đã cố tình không về. Nên tôi trở lại khách sạn. Trước khi bước vào tôi nhận ra kế hoạch cũ của mình cũng không quá tệ. Tìm gì đó bỏ bụng, xem một bộ phim, uống gì đó, rồi đi ngủ – và rời Rome ngay sau khi gặp con trai mình. Và rồi để lại mọi thứ đằng sau.

Nhưng vậy đấy! Mọi chuyện lại trở nên sâu thẳm như vậy.

Tôi định bảo nhân viên khách sạn hãy gọi tôi dậy vào bảy rưỡi sáng mai thì tôi trông thấy Miranda. Em đang ngồi ở dãy bàn trà dọc hành lang

sảnh khách sạn, lật giở mấy trang tạp chí. “Em thoáng nghĩ rằng có thể ông định sẽ bỏ trốn. Nên em đợi. Không bao giờ em để ông rời khỏi tầm mắt mình nữa đâu.”

Thay vì nói gì đó, tôi chỉ ôm em vào lòng.

“Tôi cứ tưởng...”

“Ngớ ngẩn!” em bảo. Rồi, dịu giọng lại: “Nhưng ông đã tìm ra em.”

Tôi đưa cho nhân viên khách sạn tập tài liệu và chúng tôi bước ra.

Ông có hứa ta sẽ đi ăn.”

“Vậy thì đi.”

“Ông thường ăn ở đâu sau buổi đọc?”

Tôi nói tên nơi ấy. Em biết chỗ. Họ xếp cho chúng tôi một bàn yên ắng trong góc, và rượu vang rót hào phóng, dầu không phải hảo hạng, nhưng chúng tôi uống hết cả chai. Sau đó, chúng tôi lại đi qua tòa nhà cũ ấy. Khi nhìn lên, tôi thấy ánh đèn trên tầng ba. “Tồn thương sao?” em hỏi. “Không.” “Sao không?” Tôi nhìn em ra ý em đang moi móc và cười.

Em lấy ra chiếc máy ảnh lớn và bắt đầu chụp tòa nhà, chụp nơi cửa sổ của tôi đang sáng đèn. “Ông nghĩ anh ấy đang làm gì trên đó?”

“Ồ, tôi không biết.” Nhưng thực lòng tôi nghĩ: Chàng trai trẻ trên ấy đang đợi, vẫn đợi. Nhiều năm trước làm sao anh ta biết nổi rằng em còn chưa sinh ra? Vào những đêm mùa đông khi tôi nấu ăn trên tầng và thỉnh thoảng sẽ khóa cửa sổ bếp lại, tôi đã đợi, nhưng sẽ luôn là ai đó khác gõ cửa. Những buổi hội thảo, khi tôi châm một điếu thuốc – và những năm đó có thể em... tôi đã đợi em tới mở cửa. Trong một rạp phim đông đúc, trong những quán rượu với bạn bè, bất cứ đâu, tôi đã đợi. Nhưng tôi không thể tìm ra, và em không bao giờ tới. Tôi cứ mong sẽ va vào em tại rất nhiều buổi tiệc, và nhiều khi tôi tưởng chuyện ấy đã xảy ra, nhưng đó mãi chẳng phải em, em chỉ mới hai tuổi lúc ấy, và khi chúng tôi gọi đồ uống lần thứ

hai, cha mẹ em đang đọc em nghe câu chuyện trước lúc ngủ thứ hai. Và luôn luôn, như mọi khi, thời gian cứ trôi. Cuối cùng, tôi ngừng đợi, vì tôi ngừng tin rằng em sẽ lạc vào đời tôi và vì tôi không tin vào sự tồn tại của em nữa. Mọi thứ khác xảy đến - quý Cô Margutta, hôn nhân, nước Ý, con trai tôi, sự nghiệp tôi, sách của tôi – nhưng em thì không. Tôi ngừng đợi và học cách sống không có em.

“Nhưng năm ấy ông đã khao khát điều gì nhất?”

“Một ai đó hiểu tôi thật rõ, ai đó như tôi trong em, đại loại vậy.”

“Vào thôi,” em nói.

Một thoáng tôi tưởng em bảo chúng tôi lên gác và chạm mặt người chủ nhà phiên toái hiện tại. “Thôi đừng.”

“Ý em là vào trong sảnh.”

Em không đợi tôi trả lời mà mở cánh cửa lớn bằng kính.

Tôi bảo em rằng nơi đây vẫn có mùi y như nó đã từng, gần ba thập kỷ trước, trộn lẫn giữa mùi phân mèo, mùi mốc meo và những tấm ván gỗ đang mục dầm.

“Những sảnh đợi không bao giờ già đi, ông không biết sao? Lại đây,” em bảo, chụp thêm ảnh tôi đứng ở sảnh. Khi em lùi ra sau để căn tôi vào khung, tôi thấy như lại gần em hơn.

“Ông động đây mất rồi.”

“Miranda,” cuối cùng tôi nói. “Chưa có gì như thế này từng xảy ra với tôi. Và đây là chuyện điên rồ.” “Lần này sao?”

“Tôi đã có thể lỡ mất chuyến tàu và chẳng bao giờ hay cuộc đời mình trước nay cần cỗi đến thế nào.”

“Ông chỉ sợ thôi.”

“Vậy, sợ gì?”

“Rằng ngày mai mọi chuyện sẽ tan biến đi. Nhưng không cần phải như vậy.”

Và lần này, đứng tại sảnh đợi cũ mang mùi hương tôi đã quá quen, tôi muốn nói với em rằng thật lạ khi trở lại đây và cảm tưởng như tháng năm qua chỉ là một vùng hoang vắng của những vui thú bé nhỏ, tầm thường, tất cả làm hoen gỉ cả đời tôi. Ta muốn chà sạch chúng đi, bắt đầu lại, và làm lại tất cả mọi thứ cùng em.

Nhưng tôi không nói ra mà chỉ đứng đó.

“Gì vậy?” em hỏi.

Tôi lắc đầu. Thay vì vậy, tôi trích lời Goethe: “Mọi thứ trong đời ta chỉ là màn dạo đầu cho tới lúc này, chỉ là trì hoãn, chỉ là tiêu khiển, chỉ là phạm thì giờ cho tới khi ta gặp được người.”

Em hạ máy ảnh xuống và tôi tiến lại gần. Em biết tôi định hôn em, nên em tựa lưng vào tường. “Hôn em, hãy hôn em.” Tôi áp hai tay lên má em và đặt môi lên môi em, hôn em nhẹ nhàng, rồi với tất cả đam mê và khát khao tôi đã cố kìm lại từ ban trưa, từ khi nhìn em rửa đĩa, từ khi em vươn người ra nói chuyện với ông bán cá và khiến tôi muốn hôn lên khuôn mặt em, cổ em, vai em. Tôi tưởng tôi sẽ nhớ lại cô gái mình hơn nhiều năm về trước cũng tại nơi này, nhưng tất cả những gì tôi nhớ chỉ là mùi ẩm thấp từ tấm thảm mốc meo mỗi nán lại đây. Sảnh đợi không bao giờ già đi. Chúng ta cũng không, tôi nghĩ.Ồ, nhưng ta có già đi. Ta không lớn nữa.

“Em biết sẽ thế này mà” em nói.

“Thế này là thế nào em?”

“Em không rõ.” Rồi, lát sau, “Lại đi,” em nói. Và bởi vì tôi không phản ứng kịp, em kéo tôi lại vòng tay mình, và chẳng giữ lại gì, hôn tôi với khuôn miệng rộng mở và khiến tôi mê mị. Tay em đặt lên hai bên má tôi

rồi đột ngột hạ một tay ôm ấp chỗ tôi đang cương. “Em biết anh ta sẽ thích em mà.”

Chúng tôi rời tòa nhà cũ, dạo xuống dọc hàng dài những hàng quán bên đường dường như không lúc nào ngơi nghỉ. Những con hẻm xôn xao, tôi thích đám đông nhộn nhịp cùng những nhà hàng kín người và các enoteche – quầy rượu, nơi đâu cũng gắn những đèn sưởi hồng ngoại. “Em yêu những con hẻm nhỏ về đêm,” em bảo. “Em lớn lên ở đây.”

Tôi nắm hai bàn tay em và hôn em lần nữa. Tôi yêu việc biết về cuộc đời em. Tôi bảo tôi muốn biết tất cả.

“Em cũng vậy,” em nói. Rồi, một thoáng sau, “Nhưng có những chuyện ông sẽ không muốn nghe - về em, vậy đấy,” em nói thêm. Những lời em nói như bịt lại niềm vui và hơi ấm trong một chốc. Ý em là gì? “Em không nên nói ra nhưng em phải nói đi đâu mà em chưa từng cho bất cứ ai biết vì em chưa từng gặp người muốn em vì chính em hoặc, đúng hơn, vì con người em đã trở thành. Và em muốn ông biết về nó sớm, vì em sẽ buộc phải che giấu, thậm chí giấu ông, nếu bây giờ em không dám nói. Sau bí mật này, em chẳng còn gì che giấu. Ông không có những bí mật như vậy, bí mật bị chôn vùi đến mức nó hóa thành bức tường thành không thể đập đổ ư? Em muốn dỡ bức tường ấy của mình trước khi ta làm tình,” em nói.

“Tất nhiên tôi có bí mật. Ta đâu vậy,” tôi bảo. “Mỗi chúng ta giống như một tinh cầu chỉ hướng một vài khía cạnh của nó đến trái đất, chứ không phải toàn bộ. Hầu hết ta sẽ chẳng gặp được người sẽ hiểu ta trọn vẹn. Tôi chỉ cho người ta thấy những mảnh về mình mà tôi nghĩ họ sẽ thấu hiểu. Tôi lại cho những người khác thấy những mảnh khác. Nhưng sẽ luôn có những mặt tối giữ cho riêng mình.”

“Em muốn biết mặt tối ấy, nói với em đi. Ông nói trước, vì của em tệ hơn rất nhiều bất cứ thứ gì ông từng biết.”

Có lẽ thật tốt vì lúc ấy trời đã tối, và chúng tôi đang bước gần tới Vương cung thánh đường Santa Maria Trastevere, tôi kể em nghe về quý cô Margutta. “Thế này, lần đầu tiên và duy nhất của chúng tôi là trong một khách sạn tồi tàn, lụp xụp ở London. Chúng tôi cưới đồ ngay khi được người chủ dẫn lên phòng. Lúc ấy tằm xé chỉ khâu. Chúng tôi ôm ấp, hôn, rồi lại ôm nữa, và phải có quá nhiều, nhưng chúng tôi cứ bất chấp, tưởng rằng nếu dục vọng có lấn trốn chúng tôi, thì cũng chỉ trong chốc lát và sẽ trở lại ngay. Nhưng không. Tôi còn trẻ và sung mãn, nên khi đó tôi hoang mang và nàng cũng vậy. Nàng thử làm rất nhiều kiểu nhưng đều cảm thấy không đúng, và tôi cũng có, nhưng cũng không thể khơi gợi được nàng. Có thứ gì đó lạc nhịp, và dù chúng tôi đã cùng thảo luận để tìm ra đó là gì, nhưng không ai phát hiện ra vấn đề cả. Đến tối thì chúng tôi mặc đồ lại và lang thang xuống phố Bloomsbury như hai bóng ma lạc lối, vì rằng mình đều đang đói và cần tìm một nơi để ăn. Thay vào đó cả hai uống rất nhiều. Khi chúng tôi trở lại phòng, mọi chuyện vẫn như cũ. Cuối cùng thì chúng tôi cũng làm, nhưng đó là tình dục vì cố chấp mà có, chứ không phải đam mê, và đỉnh điểm của mọi chuyện, vào khoảnh khắc bùng nổ cưỡng ép tới cùng cực, tôi đã gọi nàng bằng tên người phụ nữ khác. Tôi chắc rằng cả hai đều thấy nhẹ người khi được trở về Rome hai hôm sau đó. Nàng đã cố, rất cố để làm bạn với tôi nhưng tôi trốn tránh nàng, một cách máu lạnh, có lẽ bởi vì tôi không thể đối mặt với việc đã khiến nàng thất vọng, hoặc có lẽ tôi hiểu mình đã vấy bẩn tình bạn với nàng cũng như người đàn ông sẽ trở thành chồng nàng. Nhiều năm sau, khi nàng ốm đau và rõ ràng đang chết dần, nàng đã cố liên lạc với tôi vài lần, nhưng tôi vẫn né tránh nàng và không bao giờ trả lời. Tôi sẽ không bao giờ, không bao giờ quên đi điều đó.” Em lắng nghe nhưng không nói gì.

“Muốn ăn kem không?” tôi hỏi.

“Vô cùng.”

Chúng tôi bước vào tiệm kem. Em gọi kem chanh và tôi thì hạt dẻ. Em rõ ràng muốn biết thêm về những đi đầu tôi vừa kể nhưng tôi muốn nghe chuyện của em. “Tối lượt em,” tôi bảo.

“Hứa là sẽ không ghét em chứ?”

“Tôi sẽ không bao giờ ghét em.”

Khi chúng tôi bước ra khỏi quán kem, em bảo em yêu thế này, yêu cái diễn tiến của ngày hôm nay, cách chúng tôi gặp nhau, buổi đọc, bữa tối, đồ uống, cha em, và giờ là thế này. “Chuyện xảy ra khi em mười lăm,” em bắt đầu. “Anh trai em, hơn em hai tuổi, mời một người bạn tới nhà chơi một chiều nọ, và hai người cùng xem TV trong phòng anh. Em chen ngang đúng kiểu của một đứa-em-gái-phiền-nhiều hay làm, ngồi cạnh giường cùng họ như mọi khi vì em không muốn phải một mình ở phòng khách, và chúng em đang xem yên ổn thì anh ấy quàng tay qua vai em như anh vẫn thường làm. Nhưng rồi người bạn kia cũng làm theo. Dần dần, bàn tay cậu ta mò từ vai em xuống bên dưới áo, và anh trai em, chắc hẳn vẫn nghĩ chuyện mò mẫm ngực ấy sẽ kết thúc ngay khi em lên tiếng, chạm vào ngực em như muốn trêu đùa hơn là có ý gì khác, hoặc có lẽ để nhấn mạnh rằng chẳng có gì bất thường hoặc gây sốc trong việc cả ba đang làm. Nhưng em không phản đối và họ cũng không dừng lại. Rồi cậu bạn kia cởi quần, và đáng lẽ mọi chuyện vẫn sẽ chỉ là thoáng đùa cợt lấu lỉnh cho tới lúc anh trai em, có lẽ vì không muốn bị chú ý, cũng làm tương tự. Em hành xử như thể mọi chuyện đều bình thường và tiến một bước xa hơn bằng cách bảo hai người xuống nằm cạnh em, cả ba cùng ôm ấp, và vẫn xem TV. Em tin anh ấy và thấy an toàn vì biết anh sẽ không bao giờ để chuyện này đi quá xa, cho tới lúc em để cậu bạn kia cởi quần mình. Cậu ta chẳng lưỡng lự, và lập tức đè lên em. Mọi chuyện chỉ xảy ra trong vài giây. Nhưng sau

đấy tới đoạn em sẽ không bao giờ thấy hết nhục nhã. Thật ngu ngốc khi em nói rằng tới lượt anh đấy, và thậm chí thấy xấu hổ vì anh trai chần chừ mãi, cũng là lúc em nhận ra – và không phải trước đó – rằng mọi chuyện với cậu bạn chỉ là một cái mưu của em, vì em muốn anh trai mình, và em muốn làm tình với anh, không phải chỉ là quan hệ, mà vì đó sẽ là chuyện tự nhiên nhất giữa hai người, và có lẽ ấy mới chính là làm tình. Và đầu cậu bạn kia giục anh. Thôi, không được, con bé là em gái mình – em sẽ không bao giờ quên. Anh đứng đấy, mặc lại quần, và nằm lên giường tiếp tục xem TV. Kể từ đó, anh sẽ không bao giờ ở chung phòng một mình với em, và khi có dịp cả hai cùng ngồi trên sofa, anh sẽ cố ngồi ra thật xa. Chúng em không bao giờ nhắc lại mọi chuyện, và đến ngày nay em biết nó vẫn tồn tại giữa hai anh em khi hôn chào hoặc ôm tạm biệt, cả hai sẽ né tránh bất cứ lúc nào có thể. Em biết anh sẽ không bao giờ tha thứ cho chính mình hay em. Nhưng em mới là kẻ sẽ không tha thứ cho anh trai. Em đã muốn dâng cho anh tất cả bản thân mình, bởi vì em tôn thờ anh trai em.

“Kinh ngạc? Ghê tởm?”

“Không.”

Em ném đi phần còn lại của cây kem. “Em ghét phần ốc quế,” em nói.

Rồi, đổi chủ đề khi chúng tôi đến gần khách sạn, em bảo, “Chuyện này không phải chỉ về tối nay thôi.”

“Cũng không phải chỉ cho tôi.”

“Nói vậy thôi,” em bảo. “Em phải gọi điện. Ông có định gọi ai không?”

Tôi lắc đầu. “Em sẽ nói gì?”

“Ai, cha á? Ông ấy ngủ lâu rồi.”

“Bạn trai em cơ!”

“Em không biết, không quan trọng. Ông chắc không có ai cần gọi chứ?”

Tôi nhìn em. “Không có từ lâu rồi.”

“Chỉ để chắc chắn thôi.”

“Hãy đến khách sạn của tôi.”

Em gọi điện chưa đầy nửa phút. “Vội vàng và chiếu lệ,” tôi nhận xét.

“Lên giường với anh ta cũng vậy thôi. Anh ta bảo mình cũng chẳng ngạc nhiên. Nên vậy. Thế thôi. Em bảo, Miễn bàn.”

Tôi thích cái Miễn bàn. Một ngày em cũng sẽ dùng Miễn bàn với tôi.

Ngay khi chúng tôi vào phòng, tôi thấy túi đồ của mình trên kệ hành lý cạnh cái bàn dài. Chỉ có một chiếc ghế trong phòng. Tôi nhớ lúc soạn đồ sáng sớm nay, cảnh ấy bỗng nhiên trở nên xa xăm tựa như nó thuộc về một cuộc đời khác. Tôi nhớ chỗ của nó cạnh sofa nhà cha em. Nhân viên chắc hẳn đã mang nó lên đây lúc chiều và để đó. Nhìn quanh một vòng, tôi nhận ra căn phòng nhỏ đi nhiều, dù tôi luôn chọn phòng này. Nên tôi xin lỗi Miranda và bảo tôi thích nơi đây khi tôi đến Rome vì bao lơn của nó. “Ngoài kia ít nhất cũng rộng hơn trong này đến bảy lần. Cảnh Rome nhìn xuống đẹp vô cùng.” Nên tôi mở cửa chớp và bước ra bao lơn. Em đi theo. Bên ngoài se lạnh, nhưng cảnh cũng như ở nhà cha em, tuyệt đẹp. Tất cả mái nhà thờ La Mã như ánh lên và hiện hữu trước mắt. Dù vậy, căn phòng vẫn cảm thấy nhỏ hơn tôi nhớ, và gần như không có mấy không gian quanh chiếc giường lớn. Không đủ ánh sáng trong phòng. Nhưng không có gì khiến tôi thấy phiền. Tôi yêu nó như thế này. Tôi quay lại nhìn em; có vẻ em cũng không phiền.

Tôi muốn ôm em, rồi tôi nảy ra một ý tưởng kỳ lạ. Tôi không cởi đồ ngay. Và cũng sẽ không xé áo em như cách họ sẽ làm trong phim.

“Tôi muốn nhìn em trần trụi, tôi chỉ muốn nhìn.

Hãy cởi áo phông, áo, quần jeans, cả đồ lót, đôi boots nữa.”

“Cả giày boots và tất sao?” em búng bình vặn lại. Nhưng nghe theo, không chút ngần ngại, và bắt đầu cởi đồ, tới khi em hoàn toàn không mặc gì cả, đứng trần truồng trên tấm thảm cũ sờn chắc ít nhất cũng hai mươi năm tuổi.

“Ông thích chứ?” em hỏi.

Vì phòng chúng tôi đối diện với sân chính và hướng ra tất cả những phòng khác nên tôi lo có người sẽ nhìn. Nhưng rồi, Cho họ thấy. Em cũng chẳng quan tâm. Và đặt hai tay lên sau gáy, em đứng một dáng như muốn khoe ra ngực mình. Chúng không lớn nhưng săn chắc.

“Giờ tới lượt ông.”

Tôi lưỡng lự.

“Em không muốn thấy sự ô nhục, em không muốn bí mật. Mọi thứ sẽ được kể ra hết tới nay. Không tắm, hay đánh răng, không súc miệng, không khử mùi, không gì cả. Em đã kể ông nghe bí mật sâu thẳm nhất của mình, và ông cũng vậy. Khi chúng ta xong chuyện, sẽ không có bất cứ một cái nệm nào chèn giữa hai ta cả, hoặc giữa ta và thế gian, vì em muốn thế gian biết đến ta vì chính ta. Không thì sẽ chẳng có nghĩa lý gì cả, và em cũng sẽ về với cha ngay bây giờ.”

“Đừng về với cha em.”

“Em sẽ không về với cha,” em bảo và hai chúng tôi bật cười. Tôi đưa cổ tay trái về phía em, và em bắt đầu giúp tôi gỡ khuy măng sét. Tôi không nhờ em làm thế, nhưng chắc em đoán ra. Tôi bỗng có cảm giác em cũng từng làm vậy với những người đàn ông khác. Tôi không bận tâm.

Khi tôi hoàn toàn trần truồng, tôi chạm đến em lần đầu tiên và cảm nhận da em, toàn bộ cơ thể em đặt vào tôi.

Đây là tất cả những gì ta luôn muốn. Đây là em. Rồi, vì thấy tôi lưỡng lự, em nắm tay phải tôi và đặt vào em, nói, “Của ông đó, em bảo rồi, em

không muốn có bất cứ thứ gì phủ bóng lên ta, và không thỏa hiệp. Em không hứa, nhưng em sẽ làm tất cả. Nói với em ông cũng thể đi, nói với em ngay, và đừng rời tay đi. Nếu như ông không muốn...”

“...em sẽ về với cha. Tôi biết, tôi biết.” Nói chuyện như vậy khơi gợi tôi. “Giờ thì nhìn ngọn hải đăng nào,” em bảo.

Tôi thích cái tên này.

Tôi đẩy túi đồ khỏi kệ hành lý, ngẩng lên kệ, và ngay khi tôi ngẩng xuống, em đến ngẩng lên đuôi tôi và chậm rãi để tôi vào. “Tốt hơn chưa?” em nói khi chúng tôi ôm lấy nhau thật chặt. “Em sẽ nói ông nghe mọi điều ông muốn, mọi điều. Đừng di chuyển, dấu vậy.” Và khi nói em siết lấy tôi, khiến tôi kéo em lại gần hơn nữa. Em lại trêu đùa tôi và, giữ lấy tôi và nhìn chăm chú như lúc ở quán cà phê, cuối cùng em bảo, “Chỉ nói để ông hay, mấy năm qua em chưa từng thân cận ai tới vậy. Ông thì sao?”

“Chưa bao giờ.”

“Nói dối,” và em siết lấy tôi một lần nữa.

“Em làm vậy một lần nữa,” tôi bảo, “và tôi sẽ không tập trung được vào bất cứ thứ gì em nói nữa đâu.”

“Làm gì, đây à?”

“Cảnh báo đấy.”

“Nàng chỉ muốn nói xin chào.”

Nhưng không thể kiên chế hơn nữa, chúng tôi bắt đầu làm tình, và cuối cùng thấy thoải mái hơn khi trên giường. “Tất cả những gì em có, đây là tất cả con người em,” em bảo.

Sau đó, khi chúng tôi tiếp tục, tôi vuốt ve khuôn mặt em và mỉm cười. “Tôi sẽ tìm lại,” tôi bảo: “Em cũng vậy.” Em mỉm cười và sau khi chạm vào mình, chạm bàn tay còn ướt lên mặt, lên má và lên trán tôi: “Em muốn ông cảm nhận mùi hương này.” Và em chạm lên môi, lên lưỡi, lên mí mắt

tôi và tôi hôn em thật sâu, như thể đó là một dấu hiệu chúng tôi đầu hiểu, bởi vì đó, từ lúc khởi nguồn, chính là một món quà của loài người dành cho nhau.

“Người ta phát minh em kiểu gì thế?” tôi nói khi cả hai nằm nghỉ. Ý tôi định nói là tôi không biết nổi đời mình đã ra sao trước khi chuyện này xảy đến. Nên tôi trích lời Goethe lần nữa.

“Hy vọng mấy người thích tiết mục vừa rồi,” em nói với cái cửa sổ một lúc sau khi nhìn ra ngoài và thấy mấy cái cửa chớp vẫn mở. Tôi nhún vai. Cả hai đều chẳng bận tâm.

Tôi định di chuyển.

“Đừng đi vội. Em muốn ta cứ thế này.” Rồi em ngó về bên trái. Chúng tôi đều không để ý đèn đường rọi những ánh xanh đỏ vào căn phòng. “Phim Noir,” tôi nói.

“Vâng, trừ việc tôi không muốn nó trở thành một trong những bộ phim Hollywood mà vị giáo sư khi tỉnh rượu sẽ ngoan ngoãn khép mình trở lại với cuộc đời ông vừa bỏ lại và tất cả mọi thứ vừa sẽ chia với một cô gái vô danh trên tàu lửa chỉ là cơn run rẩy nhỏ bé nông cạn mà thậm chí không thể xem là người tình.”

“Không bao giờ!”

Nhưng em có vẻ buồn bực và tôi nghĩ mình đã thấy những giọt lệ đọng trên khóe mắt em. “Mọi thứ em có đều là của ông. Không nhiều, em biết,” em nói. Tôi để bàn tay mình lau những giọt nước mắt đang ướt má em.

“Em có tất cả những thứ tôi chưa từng có. Còn gì để ước ao nữa đâu? Đúng ra nên hỏi rằng: Tại sao em lại muốn tôi, khi em có thể có những thứ tốt đẹp hơn? Con cái, chẳng hạn?”

“Chà, thật ngốc quá. Em muốn có con chứ. Nhưng em muốn nó là của ông hơn bất cứ ai – kể cả nếu ta sẽ vĩnh viễn không gặp lại sau cuối tuần

này hay sau ngôi nhà bên bờ biển, hay bất cứ thứ gì khác. Em nghĩ mình chắc chắn đã biết lúc ở bên ngoài Villa Albani - có lẽ cả từ trước đó.”

“Khi nào?”

“Ngay khi ông định hôn em nhưng kìm lại.”

“Kìm lại?”

“Chứ còn gì!”

Suy nghĩ về đứa trẻ bỗng ứa trở về “Tôi cũng muốn đứa con của em. Và tôi muốn nó ngay lúc này.” Rồi tôi nán lại. “Nhưng tôi không nên áp đặt.”

“Áp đặt, Chúa lòng lành!”

“Tôi đủ ích kỷ để lấy mọi thứ em dâng hiến đó.” “Thế ông có thể mất trí đi được không?” em hỏi. “Vì em có thể.”

“Em có ý gì khi nói mất trí?”

“Là thực hiện tất cả mọi thứ của cuộc đời này mà ông không thể thực hiện trong cái buồn tẻ, ngày-quá-ngày, khô khan của cuộc đời kia ấy? Ông có muốn thực hiện với em – ngay bây giờ không?”

“Có. Nhưng em thực sự có thể từ bỏ mọi thứ - cha em, công việc của em sao?” tôi hỏi, gần như nhận ra rằng mình nghe như một kẻ đang cố viện đủ thứ có để trì hoãn việc phải quyết định.

“Em có hai chiếc máy ảnh. Chúng là tất cả những gì em cần. Mọi thứ còn lại em có thể mua bất cứ đâu.”

Em hỏi liệu tôi buồn ngủ chưa. Tôi chưa. Liệu tôi có muốn dạo quanh không? Vô cùng, tôi đáp. Via Giulia khi vắng bóng người là một chốn ảo mộng. “Có một quán rượu ở cuối đường bên phải.”

“Tắm không?” tôi hỏi.

“Sao ông dám!” em nói.

Chúng tôi nhanh chóng mặc đồ. Em mặc lại quần áo cũ. Tôi mặc quần trong cơn vui ngây ngất.

Bên ngoài khách sạn đường phố gần như hoang vu. “Em yêu linh hồn của Rome khi nó vắng vẻ và thế này.”

“Nhắc nhở em về gì à?”

“Không hẳn. Ông thì sao?”

“Không. Và tôi cũng không muốn được nhắc gì cả.” Chúng tôi nắm tay nhau.

“Ông muốn cuộc sống mới của mình sẽ thế nào?”

Tôi không biết nói gì. “Tôi muốn nó có em. Nếu như có những điều không chấp nhận ta là chính ta, hãy ném chúng đi. Tôi muốn đọc tất cả những sách em đọc, nghe âm nhạc em yêu, trở về những nơi em biết và nhìn cuộc đời bằng đôi mắt của em, học mọi điều em trân trọng, bắt đầu một cuộc đời với em. Khi em tới Thái Lan, tôi sẽ đi cùng, và khi tôi có một buổi giảng hoặc đọc, em sẽ ở đây chỗ hàng cuối cùng, y như hôm nay – và không bao giờ biến mất nữa.”

“Thế giới theo như ông và em. Ta sẽ dành phần đời còn lại để sống trong một cái kén sao? Ta sẽ ngốc thế sao?”

“Ý em là sẽ thế nào khi ta tỉnh dậy khỏi chuyện này ư? Chịu thôi. Nhưng tôi sẽ muốn thay đổi rất nhiều thứ về bản thân mình.”

“Ví dụ?” em hỏi.

Tôi luôn muốn có một chiếc áo khoác da, giống như em. Và tôi luôn muốn những bộ đồ sẽ không khiến mình trông như một kẻ chăm chỉ tới nhà thờ mỗi sáng Chủ nhật và tranh thủ cưỡi cà vạt trên đường đi đánh golf. Và tôi muốn đổi tên mình thành biệt danh, và em sẽ nghĩ gì nếu tôi cạo đầu hoặc đeo khuyên tai. Trên hết tôi muốn thôi viết về lịch sử - có lẽ chuyển sang viết tiểu thuyết.”

“Bất cứ thứ gì!”

“Hãy không bao giờ tỉnh dậy.”

Chúng tôi đang dạo qua Via Giulia. Em đã đứng. Nơi đây hoang vắng và tôi yêu sự yên lặng tuyệt đối và ánh lấp lánh từ sampietrini – vỉa hè lát đá kiểu Italy – lúc đêm, và từ hai cái đèn đường phủ những tia ánh cam tràn ngập khắp Rome. Con trai tôi đã từng kể về Rome buổi đêm. Nhưng tôi chưa từng thấy nó thế này bao giờ.

“Vậy ông đã biết từ khi nào – về em ấy?” em hỏi. “Tôi kể rồi mà.”

“Vậy thì kể lại đi.”

Trên tàu. Tôi để ý em ngay. Nhưng tôi không muốn nhìn. Toàn bộ những chuyện cao có lầu nhàu chỉ là giả. Và em?”

“Cũng là lúc trên tàu. Có một người biết về cuộc đời, em đã nghĩ, em không muốn ta ngừng trò chuyện.”

“Mà em không hề hay.”

“Mà em không hề hay mình sẽ dạo trên đường phố khi vẫn còn ướt với ông.”

“Những đi đâu em nói. Tôi vẫn nghĩ thấy mùi em khắp đây này.”

Em với tới cổ tôi và liếm nhẹ. “Ông khiến em yêu chính mình.” Và rồi nghĩ tiếp: “Em mong ngày ông khiến em ghét bản thân sẽ không tới. Giờ kể lại lúc ông biết về hai ta đi.”

“Cũng có một lúc khác bên hàng cá,” tôi nói tiếp, “khi em cứ chỉ về con cá em muốn và vươn người ra trước, là lúc tôi lướt nhìn vào cổ em, má em, tai em, và nhận ra mình chỉ muốn vuốt ve tất cả mọi chỗ da hở ra từ em. Tôi đã nghĩ về em trần trụi làm tình với mình. Và rồi tôi gạt đi ngay – Để làm gì chứ, tôi nghĩ.”

“Thế ông muốn được gọi bằng biệt danh gì nào?” “Không phải Sami,” tôi đáp. Rồi tôi nói cho em. Không ai gọi tôi bằng cái tên ấy từ hồi tôi chín

mười tuổi trừ những người họ hàng và anh em họ xa, một vài người vẫn còn sống tới giờ. Khi tôi viết thư cho họ, tôi vẫn ký bằng cái tên ấy. Nếu không họ sẽ chẳng nhớ tôi là ai.

Khi chúng tôi trở về, mọi thứ vẫn ập tới tôi dữ dội như sóng trào đêm hôm đó. Mọi chuyện vẫn phi thực tế – và chẳng có gì so sánh được - phi thực tế bởi vì tôi đủ hiểu biết để sợ rằng cơn sốt bùng bùng này sẽ không kéo dài – phi thực tế bởi vì nó khiến mọi thứ quanh tôi đều thật mỏng manh, đời tôi, bạn tôi, họ hàng, công việc, hay chính tôi.

Chúng tôi nằm sát cạnh nhau. “Một cơ thể,” em nói. “Trừ phi ta ăn hoặc vào nhà vệ sinh,” tôi nói thêm. “Không đâu!” em vặn lại. Chúng tôi cuộn lại vào nhau, đùi người này đan giữa người kia, nhắm mắt một lúc, tôi bắt đầu hiểu ra tại sao chuyện giữa chúng tôi hoàn toàn khác với mọi người phụ nữ tôi biết trong đời mình và tại sao cơ thể chúng tôi tự khắc có thể uốn nắn thành mọi thứ chúng tôi đòi hỏi và kiếm tìm ở chúng, miễn là có đòi hỏi và tìm kiếm. Điều khiến tôi bối rối nhất, khi tôi nhớ về những năm tháng của đời mình, chính là khoảng cách chúng tôi đi qua để khóa những cánh cửa nhà, sau khi chỉ vừa mới mở hé chúng vào đêm hẹn hò đầu tiên cùng người lạ. Em đã đúng về điều này: ta càng biết nhiều về một người, ta càng đóng

lại những cánh cửa giữa mình và họ - chứ không phải ngược lại. در
“Chuyện khiến tôi sợ,” tôi nói khi vẫn nhắm mắt. “Chuyện khiến ông sợ?” em hỏi, dường như sẵn sàng giễu lại điều tôi sắp nói ra. “Về hai ta...” tôi bắt đầu, nhưng em ngừng tôi lại ngay “Đừng nói ra, đừng,” em hét, đột nhiên vùng khỏi vòng tay tôi và đưa bàn tay lên ụp bít miệng tôi thật mạnh. Lúc đầu tôi không chắc, nhưng một thoáng sau, dù tôi khá thích cử chỉ vội vã ấy của em, tôi nếm thấy máu trong miệng mình. “Em rất, rất xin lỗi, em không định xúc phạm hay tổn thương ông” em thốt lên. “Không phải vậy.” “Thế là gì?” Và tôi kể em biết có máu trong miệng mình và nó nhắc tôi nhớ về lúc đánh nhau với một người bạn từ mẫu giáo rồi bỗng nếm thấy một vị

lạ lắm nơi đầu lưỡi và lần đầu tiên biết rằng đó là máu. “Tôi thích vị ấy nhờ em.” Nó kéo tôi vồ ngay điềm khởi đầu. Và bỗng nhiên tôi ngộ ra: Tôi đã cô độc quá lâu, kể cả những lúc tôi không nghĩ mình cô độc - và vị của thứ gì đó chân thật như máu bỗng trở nên tốt hơn rất, rất nhiều so với không gì cả, của những tháng năm phí hoài và cần cỗi, quá nhiều tháng năm rồi. “Vậy hãy đánh em,” bỗng em nói. “Em giận à?” “Em muốn ông đánh trả.” “Sao, để ta hòa ư?” “Không, vì em muốn ông tát em.” “Để làm gì chứ?” “Cứ tát em đi, lạ Chúa, và đừng hỏi quá nhiều nữa. Ông chưa từng”? tát ai bao giờ sao

“Không,” tôi nói, gần như xin lỗi vì chưa từng hại một con ruồi, chứ chưa nói đến con người. “Vậy làm đi!” Và với ba từ ấy em tự đánh vào má mình thật mạnh. “Như vậy đây. Giờ làm đi!” Tôi bắt chước và xoa nhẹ lên má em. “Mạnh hơn, mạnh nữa đi, cả lòng bàn tay lẫn mu bàn tay.” Nên tôi tát em một cái, khiến em giật mình, nhưng lập tức quay má bên kia, muốn nói rằng tôi nên tát bên này nữa, “Lại.” “Tôi không muốn tổn thương ai,” tôi nói. “Đúng, nhưng giờ hai ta gần nhau hơn cả những người đã sống cạnh nhau ba trăm năm rồi, đây cũng là ngôn ngữ của ông, dù ông thích nó hay không. Ông yêu hương vị ấy, em cũng vậy, giờ hãy hôn em.” Em hôn tôi và tôi hôn em. “Tôi có khiến em đau không?” “Không sao. Có khiến ông cứng không?” “Có.” “Tốt.” “Ngọn hải đăng của em,” em hôn hên, với ra người tôi và giữ tôi thật chặt. “Đây là chúng ta ngay cả khi ta mặc đồ hoặc làm đóm Ở chỗ đông người, ông ở trong em, tất cả mọi thứ.”

“Và đừng đánh lừa chính mình, đây không phải thứ đục tình mùa trăng mật đâu,” em nói khi chúng tôi ng ồi ở anoteca, quán rượu mà em định dẫn tôi tới. Chúng tôi tìm được bàn trong góc và gọi hai ly vang đỏ. Rồi một đĩa pho mát sữa dê, và khi xong, gọi thêm một đĩa thịt nguội, và rồi hai ly vang nữa. “Em muốn ta thế này.”

“Mười hai giờ trước ta là hai kẻ hoàn toàn xa lạ. Tôi là gã đàn ông mơ ngủ còn em là cô gái với chú cún trên đùi.”

Tôi nhìn xung quanh. Tôi chưa tới đây bao giờ. “Nói với em gì đó đi, gì cũng được,” em bảo.

“Tôi yêu chuyện ngắm nhìn Rome bằng đôi mắt của em. Tôi muốn quay lại đây tối mai cùng em.”

“Em cũng vậy,” em nói.

Rồi không ai nói gì nữa. Chúng tôi là hai trong những thực khách cuối cùng rời đi ngay trước lúc đóng cửa.

Thời điểm này trong năm khách sạn thường vắng khách, các nhân viên mặc đồ trắng vào sáng hôm sau đang mài trò chuyện và cười đùa với nhau dưới nền nhạc sến sẩm.

“Em ghét nhạc này và em ghét họ cứ liến thoắng,” em bảo, ý chỉ những nhân viên. Em không chần chừ quay ra sau một người bồi bàn đang đứng ngay cạnh vào bảo họ nhỏ giọng lại. Cậu ta giật mình bởi câu than phiền nhưng không trả lời hay xin thứ lỗi; mà chỉ lặng lẽ cúi người và lùi về phía những phục vụ và bồi bàn khác đang đứng cười đùa ồn ào. Lập tức họ cũng trật tự.

“Tôi sẽ trở nên ghét cái khách sạn này mất,” tôi nói, “nhưng tôi luôn tới đây khi đến Rome vì bão lớn bên ngoài. Vào những ngày ẩm áp, tôi yêu việc ngồi dưới bóng dù lớn để đọc. Sau đó lúc tối sẽ làm vài ly cùng bạn bè nơi bao lơn hoặc sân hiên rộng trên tầng ba. Nơi ấy là chốn thiên đường.”

Sau bữa sáng, chúng tôi qua cầu và định rẽ lên hướng đồi Aventine nhưng rồi đổi ý và quay lại dọc về Lungotevere. Lúc ấy vẫn là sáng sớm Chủ nhật, và Rome rất yên ắng. “Trước kia từng có rạp chiếu phim ở đây.” “Nó đóng cửa lâu lắm rồi.” “Và từng có một cửa hàng đồ cổ đâu đó quanh đây. Tôi đã mua một bộ cờ tạo cáo sản xuất ở Syria, được dát xà cừ toàn bộ. Một người bạn mượn nó, rồi làm vỡ hoặc đánh mất – tôi không bao giờ thấy lại nó nữa.” Em nắm tay tôi khi cả hai lang thang dọc tới gần

chợ Campo de' Fiori. Gần đó, quầy cá đang bày biện độ. Hàng rượu vẫn chưa mở. Cảm giác như hàng thế kỷ đã trôi qua từ khi chúng tôi qua đây.

“Bọn con sẽ dành tuần này ở Rome,” em bảo cha khi ông ra mở cửa cho chúng tôi. Em mua đủ đồ ăn cho ông tới ba tuần.

“Tuyệt!” ông lấp bắp, không kìm được vui mừng. “Và hai người các con sẽ làm gì cả tuần?”

“Chẳng biết. Ăn, chụp ảnh, thăm thú, ở bên nhau.”

“Đi dạo nữa,” tôi nói thêm. Rõ ràng cha em đã hiểu chúng tôi đang yêu và không hề ngạc nhiên, hay ít nhất là cố tỏ ra như vậy. Tôi có thể đọc đi đâu ấy trên khuôn mặt ông: Mới hôm qua còn là hai kẻ xa lạ trên tàu chưa đụng chạm... và giờ thì ông phang con gái tôi. Tuyệt! Con bé sẽ chẳng bao giờ thay đổi.

“Con sẽ Ở đâu?” ông hỏi Miranda.

“Với ông ấy. Chỉ cách đây năm phút đi bộ thôi, nên cha sẽ gặp con nhiều hơn bất cứ lần nào cha từng mặc cả.”

“Và đấy là tin xấu à?”

“Tin tốt chứ. Con để con cún lại với cha nhé?”

“Nhưng thế còn công việc?”

“Tất cả những gì con cần là máy ảnh. Hơn nữa, con ngán vùng Viễn Đông lắm rồi. Có lẽ con sẽ khám phá Rome hoặc phía bắc Italy qua đôi mắt của ông ấy. Hôm qua chúng con đã tới Villa Albani, nơi con chưa từng thấy bao giờ.”

“Tôi cũng sẽ đưa cô ấy tới Bảo tàng Khảo cổ học ở Naples. Bức tượng nàng Dirce bị trói vào một con bò bởi hai người anh trai cần được chụp bởi chuyên gia.”

“Ta sẽ đi Naples khi nào?”

“Nếu em muốn, ngày mai cũng được,” tôi nói.

“Lại đi tàu nữa. Tuyệt vời.” Em có vẻ thực lòng vui mừng khôn xiết.

Khi Miranda rời phòng, cha em kéo tôi ra một góc: “Con bé không phải tất cả những thứ nó thể hiện ra, ông biết đấy. Nó bốc đồng, và sẽ luôn có một chút biến động ẩn sâu trong tâm trí nó, nhưng nó mong manh hơn cả thứ đồ sứ dễ vỡ nhất. Làm ơn hãy tốt với nó, và hãy kiên nhẫn.”

Chẳng có lời nào để đáp lại đi đâu ấy. Tôi nhìn cha em rồi mỉm cười, và cuối cùng đặt tay lên tay ông. Làm vậy có nghĩa muốn trấn an ông, một cử chỉ truyền lại hơi ấm, sự yên lặng, và tình tri kỷ. Tôi hy vọng nó không gây cảm tưởng như một kiêu hạ cố.

Bữa trưa yên lặng và cảm tưởng như chỉ là một phần kèm theo bữa sáng. Miranda làm một phần trứng omelet to. Cha muốn trứng thế nào, em hỏi. “Trứng không thôi,” ông nói. “Thêm một ít gia vị nhé?” Ông muốn thêm gia vị. “Và không phải trứng khô khốc đâu đấy. Gennarina làm trứng tệ lắm.”

Trời trở ấm và chúng tôi cũng lại ngồi ăn ở ngoài hiên. “Thế còn hạt thì sao?” sau cùng ông bảo.

“Hạt, đương nhiên rồi.”

Em vào trong, cầm ra một bát lớn hạt óc chó và rồi bước trở vào phòng sách, tìm cuốn sách mình cần và bảo em sẽ đọc cho nghe trong hai mươi phút.

Tôi chưa đọc Chateaubriand, nhưng khi nghe em đọc, tôi bèn quyết rằng đây chính là đi đâu mình khát khao cho đến cuối đời mình. Mọi ngày, sau bữa trưa, khi nhâm nhi cà phê như lúc này, nếu em muốn và không bận gì, hai mươi phút văn chương của tác gia người Pháp ấy sẽ khiến ngày của tôi thật đẹp.

Khi uống xong cà phê, cha em không tiễn chúng tôi ra cửa nữa, thay vì vậy ông ngồi lại sân hiên, nán lại trên bàn, và nhìn chúng tôi rời đi.

“Không dễ dàng gì cho ông ấy,” tôi bảo khi em đóng cửa lại.

“Thực ra là rất tệ. Và đóng lại cánh cửa này sau lưng em luôn là một nỗi khổ sở.”

Trên đường tới Piazza di San Cosimato, em nhìn lên bầu trời đang tối dần và nói, “Nhìn như sắp mưa rồi. Quay lại thôi.”

Còn quá sớm để trở về khách sạn, nên chúng tôi lang thang vào một cửa hàng đồ gia dụng. “Hãy mua hai cái cốc khác nhau, một cái với tên viết tắt của ông, một cái của em, em nói.

Em nhất định phải mua cốc, của tôi có chữ M lớn, của em có chữ S. Nhưng em chưa hài lòng. “Xăm hình thì sao? Em muốn ông vĩnh viễn khắc ghi trên cơ thể em. Như dấu ấn. Em muốn một ngọn hải đăng nhỏ. Còn ông?”

Tôi nghĩ một lúc.

“Một quả sung.”

“Vây xăm nhé? Em biết một chỗ, em bảo.

Tôi ngắm em. Tại sao tôi lại chẳng hề chần chừ “Xăm chỗ nào được?” tôi hỏi.

“Bên cạnh... ông biết mà.”

“Trái hay phải?”

“Phải.”

“Vây thì phải.”

Em yên lặng một lúc.

“Với ông mọi chuyện có đi quá nhanh không?” “Tôi yêu mọi chuyện theo cách như vậy. Có đau không?”

“Em không biết. Em chưa từng xăm bao giờ. Em còn không xỏ khuyên tai. Nhưng em biết rằng mình không muốn cơ thể chúng ta như trước kia nữa.”

“Vậy ta sẽ ng ỡ xem nhau xăm,” tôi nói. “Và khi tôi phải đi gặp Đấng sáng tạo của mình r ỡ được bảo c ởi hết đ ồ và tr ần trụi thì ông ta sẽ thấy hình trái sung này ngay cạnh chỗ ấy của tôi, em nghĩ ông ấy sẽ nói gì? Giáo sư, có gì đó bên cạnh kẻ ba hoa của ông này?” “Một hình xăm, tôi sẽ đáp. Hình trái sung, phải không?” Đúng r ỡ, Chúa ời. Và lý do để phá hỏng cơ thể mất tận chín tháng để sản xuất này?” Vì đam mê. Phải r ỡ, và ông ta nói. “Tôi muốn một dấu ấn khắc lên người mình để nói rằng tôi muốn mọi thứ đổi thay, bắt đầu là cơ thể tôi. Bởi vì một lần trong đời tôi đã biết sẽ chẳng có gì phải hối tiếc. Có lẽ cũng là cách để khắc ghi lên chính mình bằng thứ gì đó mà tôi luôn sợ sẽ biến mất dễ dàng như cách nó đến. Nên tôi khắc biểu tượng của nàng lên người mình để ghi nhớ. Nếu Người có thể khắc lên h ần tôi tên nàng, Người hãy làm ngay đi. Người thấy đấy, Chúa ạ - tôi gọi thế nhé? tôi gọi thế nhé? – Tôi đã gần như từ bỏ, chịu sống một cuộc đời của kẻ đã chấp nhận bản án của chính mình, và cúi mình trước kiếp người đầy đọa bé nhỏ ấy, sống như thế cả đời này là một phòng chờ rộng lớn lạnh lẽo, tới khi đột nhiên xuất hiện sự giao thoa tuyệt đẹp ấy – tôi biết mình đang dùng những từ ngữ to tát, nhưng r ỡ Người sẽ hiểu, Chúa ạ – và từ con đường tối tăm, âm lạnh, chật hẹp, l ầy lội là đời tôi đây, nó đã nở thành một tòa dinh thự tráng lệ đối diện một cánh đ ờng rộng mở với cảnh biển khắp xung quanh và những căn phòng khang trang cùng cửa sổ lớn mà sẽ chẳng bao giờ kêu c ốt kết, rung lắc hay bị đóng s ầm lại khi biển khơi lùa gió qua ngôi nhà chưa một lần nhìn thấy bóng tối kể từ ngày Người thấp ánh nền đ ầu tiên và nó đã biết ánh sáng thật tuyệt.””

“Vậy ra ông là diễn viên hài! Thế Chúa sẽ làm gì?” “Chúa sẽ để tôi vào, tất nhiên. Vào đi, người lương thiện, ông sẽ nói. Nhưng rồi tôi sẽ hỏi, Thứ lỗi, Đấng Toàn năng, nhưng ở thiên đàng có gì tốt cho tôi?”

“Thiên đàng là thiên đàng. Nó không thể tốt hơn đâu. Ông không biết người ta đã từ bỏ những gì để được tới đây sao? Muốn nhìn qua các lựa chọn không? Ta có thể cho ông xem. Thực ra, ta có thể đưa ông xuống và cho ông thấy nơi ông sẽ dễ dàng bị xiên và nướng lên vì cái dấu tích vô nghĩa ông có kia. Nhưng ông đang bủi môi. Tại sao?” “Tại sao ư? Vì tôi ở đây và nàng thì ở đó. Gì? Ông muốn cô ấy chết sớm để ông có thể ôm ấp nâng niu và chơi trò thụt-thò trong vương quốc của ta à?” “Tôi không muốn nàng chết. Ông ghen tị rằng cô ấy có thể sẽ tìm một ai đó khác ư, bởi vì cô ấy chắc chắn sẽ tìm một ai đó khác. Tôi cũng không bận tâm đi đâu ấy.” “Vậy là gì, người lương thiện của ta?? Là vì tôi rất mong có thêm một giờ nữa, một giờ ít ỏi thôi trong hàng triệu tỷ giờ của vĩnh cửu để được bên nàng, một phần nhỏ bé không là gì cả của quỹ thời gian bất tận. Người sẽ chẳng mất gì, tôi chỉ muốn trở lại đêm thứ Sáu ấy nơi enoteca, nắm tay nhau khi người ta tiếp tục dọn lên rượu và pho mát cho tới khi nơi ấy chẳng còn ai ngoài những nhân tình và những người bạn thân thiết nán lại, và tất cả những gì tôi muốn là có cơ hội nói với nàng rằng những chuyện xảy ra giữa chúng tôi, nếu như nó chỉ kéo dài hai mươi bốn giờ, là vô cùng đáng để chờ đợi những năm ánh sáng vô cùng trước cả khi tiến hóa từng bắt đầu, và sẽ đi theo tro bụi của ta cho đến lúc chúng chẳng còn là tro bụi nữa, cho tới một ngày kia ở một ngàn triệu triệu năm sau này trên một hành tinh ở một chòm sao khác khi một Sami và Miranda khác sẽ gặp nhau lần nữa. Tôi cầu chúc cho họ những đi đầu tốt đẹp nhất. Nhưng hiện tại, Chúa thiện lành, tất cả những gì tôi muốn là có một giờ nữa thôi. Nhưng ông không thấy sao?” ông ấy sẽ nói. Tôi không thấy gì?” Ông không nhận ra

mình đã được thêm một giờ rưỡi. Và ta đã không chỉ cho ông thêm một, mà tới hai mươi bốn giờ nữa. Ông có biết khó thế nào để ta khiến mớ nội tạng của ông làm được điều thường chúng sẽ không thể ở tuổi ông không, chưa nói đến hai lần?” “Thực ra: ba lần, thưa Chúa, ba lần. Ông ấy sẽ ngừng lại một lúc. Và hơn nữa, nếu ta cho ông một giờ nữa, ông sẽ muốn một ngày, và nếu ta cho ông một ngày, ông sẽ đòi một năm. Ta biết ông mà.

“Ngay lúc này, Chúa có vẻ đang cho ta thêm thì giờ. Không phải chính thức, và Người sẽ phủ nhận nếu tôi nói cho bất cứ ai biết khác ngoài em. Em sẽ yêu ngôi nhà bên bờ biển. Mỗi ngày ta sẽ dạo quanh nơi vùng quê, đi bơi, và ăn trái cây, rất nhiều trái cây. Ta sẽ xem những bộ phim cũ và nghe nhạc. Tôi sẽ chơi đàn cho em nghe nơi phòng khách nhỏ và để em nghe mãi và nghe mãi khoảnh khắc tuyệt diệu ấy của bản sonata Beethoven khi đoạn cao trào lắng xuống quyến rũ sau phần đầu tiên và tất cả những gì em sẽ nghe thấy là tiếng vỗ về của những nốt chậm, rất chậm, và rồi lại yên lặng trước khi thứ gì đó như một cơn bão sẽ ào ạt trở lại. Ta sẽ như Myrrha và Cinyras, trừ việc Cinyras sẽ không cố giết con gái vì đã ngủ với mình, và nàng sẽ không phải chạy trốn khỏi giường của cha và biến thành một cái cây, và nếu ta thực sự may mắn, sau chín tháng, như Myrrha, em sẽ hạ sinh một Adonis.”

“Em thuộc về người tình của mình, và người tình ấy cũng thuộc về em. Vậy cảnh thiên đàng đó sẽ kéo dài bao lâu?”

“Ta cần phải biết sao? Bất tận.”

Người xăm hình kín lịch cả ngày. Nên chúng tôi không xăm nữa. Thay vào đó cả hai đi dạo xung quanh cho tới khi quyết định trở về khách sạn. Ở trong phòng: “Tôi không thể tin em đẹp tới vậy. Nói tôi nghe điều em thích ở tôi... Em có thích điều gì không?” tôi hỏi. “Em không biết. Nếu em có thể mở toang ông ra và chui vào rồi kéo khóa lại từ trong, em sẽ làm, để em

có thể nâng niu những giấc mơ yên ả của ông và để ông mơ giấc mơ của em. Em sẽ là cái xương sườn chưa thành hình, vui vẻ được ở đây và, như ông bảo, ngắm nhìn thế giới bằng đôi mắt của ông, chứ không phải qua mắt em, và nghe ông vang vọng lại những suy nghĩ của em và tin rằng chúng thuộc về ông,” Em ngả xuống giường và bắt đầu cởi thắt lưng của tôi. “Em chưa làm chuyện này một thời gian rồi.” Rồi em kéo khóa quần tôi và cởi đồ rồi nhìn thật sâu vào mắt tôi với ánh nhìn như nói rằng nếu tình yêu chưa từng được tồn tại trên hành tinh này, thì nó đã được sinh ra ngay trong một căn phòng khách sạn nhỏ bé, cũ kỹ hướng ra dãy phố hẹp cùng vô số cửa sổ mà mọi người đều được chào mừng để nhìn vào. “Hôn em đi,” em nói, nhắc nhở tôi rằng mình đã may mắn như thế nào khi được chứng kiến khoảnh khắc chân thực, hoang dại, nhếch nhác, thô ráp và thật bất chợt thế này trong đời. Sau cái hôn dài, em nhìn tôi với một vẻ gì như muốn thách thức. “Giờ ông đã biết”, em nói. “Ông có tin em?” Cuối cùng em hỏi. “Em đã cho ông mọi thứ mình có, và những gì em chưa dám hiến có nghĩa rằng chúng chẳng là gì, chẳng có gì. Câu hỏi là em sẽ phải dâng thêm gì vào tuần tới, và

ông thậm chí có muốn nữa không?”

“Vậy hãy cho tôi ít hơn. Tôi chấp nhận một nửa, hoặc một phần tư, hoặc một phần tám. Tôi tiếp tục nhé?” Một lát sau: “Em không thể trở về cuộc đời kia. Và em cũng không muốn ông trở lại, Sami ạ. Ký ức đẹp duy nhất trong ngôi nhà của cha em là khi có ông ở đây. Em muốn trở lại thời khắc lúc ông nắm tay em khi em sửa cổ áo cho ông và em cứ nghĩ mãi, Ông ấy thích mình, ông ấy có thích mình, nhưng sao ông lại không hôn? Vậy nên em nhìn ông lúng túng cho tới khi ông chạm lên trán em, như một đứa bé, và rồi em biết, Ông ấy nghĩ mình còn quá trẻ.”

“Không, là tôi quá già – đây là đi đâu tôi đã nghĩ.” “Ông thật ngốc.” Em đứng dậy và tháo bỏ giấy bọc xung quanh mấy cái CỐC mới mua. “Chúng đáng yêu quá.”

“Tôi có một ngôi nhà, em có những chiếc cốc, còn lại chỉ là phụ. Mỗi ngày vào bữa trưa ta sẽ ăn những thứ giản đơn: cà chua, cắt làm tư, với bánh mì mà tôi thích tự nướng, húng quế, dầu olive tươi, một hộp cá mòi, trừ phi em muốn nướng một con cá đốm bữa, cà tím từ vườn, và cho tráng miệng sẽ là sung tươi vào cuối hè và h ồng khi sang thu, dâu tằm lúc đông tới, và bất cứ thứ gì khác mọc từ trên cây - đào, mận, và mơ nữa. Tôi mong chờ đến lúc đàn cho em nghe một chương biến tấu ngắn từ bản sonata của Beethoven. Ta sẽ cùng dành thời gian như vậy, cho tới khi em chán và cảm thấy quá đủ, và nếu trước lúc ấy em muốn một đứa con, ta vẫn sẽ cùng nhau mãi cho tới khi thời gian của tôi cạn kiệt, r ồi ta sẽ đầu biết. Và trong tôi sẽ không có một chút khổ đau, em cũng vậy, bởi vì em sẽ biết như tôi biết rằng bất kể thời gian nào em trao cho tôi, thì đời tôi, từ ấu thơ, những năm học hành, r ồi đại học, những năm tôi làm giáo sư, làm nhà văn, và tất cả còn lại đều là để dẫn tôi tới gặp em. Và vậy với tôi là đủ r ồi.”

“Tại sao?”

“Vì em khiến tôi yêu đi đâu này, chỉ thế này thôi. Tôi chưa bao giờ là một fan cuồng nhiệt của hành tinh Trái đất này, và chưa từng đặt một niềm tin mãnh liệt vào thứ gọi là cuộc đời, nhưng được thưởng thức cà chua tươi với muối và dầu olive cho bữa trưa và uống vang trắng ướp lạnh khi ta ng ồi trên trời trên bao lơn để tắm nắng vào một sớm ban trưa khi ngắm biển, viễn cảnh ấy khiến từng đốt xương của tôi run lên.”

R ồi một ý nghĩ lướt qua tâm trí tôi. “Nếu tôi mới ba mươi thì chuyện này có hấp dẫn hơn không?”

“Chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra nếu ông mới ba mươi.”

“Em không trả lời tôi.”

“Nếu ông ở tuổi em, em sẽ vờ như mình hạnh phúc, em sẽ vờ như mình yêu Công việc của mình, Công việc của ông, cuộc đời ta, nhưng em sẽ giả và như em đã từng giả vờ với tất cả những người mà em biết. Vấn đề của em là khám phá ra không giả vờ là thế nào – và đi đầu ấy thật khó khăn và khiến em sợ, vì lúc nào em cũng luôn hướng về người em nên trở thành, chứ không phải chính em, về thứ em nên có, chứ không phải đi đầu em không hề biết mình luôn khát khao, về cho cuộc đời khi em tìm thấy, chứ không phải cuộc đời em đã nghĩ rằng chỉ có trong mộng tưởng. Ông là khí ôxy của em, và trước giờ em đã sống trong buồng mê-tan.”

Chúng tôi nằm trên tấm khăn trải giường mà em bảo rằng chắc chưa từng được giặt. “Biết bao nhiêu người đã nằm đây trần trụi và nhể nhại như ta bây giờ nhỉ?”

Chúng tôi bật cười. Không nói gì cả rồi chúng tôi tắm lần đầu tiên kể từ lúc lên tàu và chuẩn bị để gặp Elio.

Elio đang đứng trước lối vào khách sạn. Chúng tôi ôm, và sau khi tôi thả thằng bé ra thì nó để ý ngay người đứng cạnh tôi không phải một người lạ mặt tình cờ rời khách sạn cùng lúc với tôi. Miranda lập tức giơ tay ra và họ bắt tay nhau. “Tôi là Miranda,” em nói. “Elio”. Hai người họ mỉm cười với nhau. “Tôi đã nghe nhiều về cậu, em nói. “Ông ấy chỉ nói về cậu thôi.” Thằng bé cười. “Ông ấy làm quá lên đấy, đâu có gì nhiều để kể.” Khi chúng tôi đi bộ dọc xuống sân rải sỏi, Elio nhìn tôi kín đáo dò hỏi Ai đây? Em hiểu cái nhìn soi xét ấy, và nói ngay: “Tôi là người ông ấy ngủ cùng sau khi ông ấy nhặt được tôi từ chuyến tàu hôm qua.” Thằng bé cười, dù có một thoáng mất tự nhiên. Rồi em nói thêm: “Nếu hôm qua cậu đợi ông ấy ở ga thì tôi sẽ chẳng thể ở đây để nói đi đầu này với cậu.” Em liền lấy

máy ảnh và bảo chúng tôi đứng cạnh cổng. “Em muốn làm chuyện này,” em bảo.

“Cô ấy là nhiếp ảnh gia,” tôi giải thích, như muốn nói xin lỗi.

“Vậy ta sẽ làm gì?” con trai tôi hỏi, gần như không biết phải xử lý thế nào.

Miranda phân tích tình hình bấy giờ ngay. “Tôi biết hai người có những lẽ vọng để thực hiện, nên tôi không muốn chen ngang đâu,” em bảo, nhấn mạnh vào từ lẽ vọng để cho thấy em đã quen với những tiếng lóng cha-và-con của chúng tôi. “Nhưng tôi có thể đi theo và tôi thề sẽ không nói gì dù một từ.”

“Thề không cười chúng tôi nữa,” thằng bé bảo, “vì chúng tôi ngổ lăm.”

Cái cách chúng tôi đi – cùng nhau nhưng không cùng nhau – đã khiến cho một chút ngượng ngùng chen vào. Tôi cố đi cùng với em mà không để thằng bé nghĩ vị trí của nó trong đời tôi bằng cách nào đó sẽ thay đổi hoặc giảm đi vì sự hiện diện của em; nhưng rồi, đi vài bước nữa, tôi lại thấy mình đi quá gần thằng bé, giống như đang muốn bỏ mặc em. Tôi cũng lo rằng thằng bé sẽ thấy buồn bực về sự xuất hiện của em và có thể đã muốn nói về những chuyện riêng tư quan trọng. Có lẽ nó chưa sẵn sàng để gặp em, và chắc chắn không phải đột ngột thế này. Nó chắc cũng thấy sự không thoải mái của tôi và chu đáo đi lên trước hai người. Tôi biết nó cố ý làm vậy, gần như để chiều theo em, vì hai cha con thường đi ngang nhau. Nếu như có chút căng thẳng giữa ba người, sự di chuyển ấy đã giúp xoa dịu đi và mang về lại tình gắn kết khi ba người chúng tôi cùng băng qua cầu.

Chúng tôi đã bàn có nên đi bộ tới Nghĩa trang Tin lành không, nhưng trời nhiều mây và cũng đã bắt đầu muộn. Nghĩa trang là điểm ghé thăm hoàn hảo vào một sáng trong tuần yên tĩnh và nắng ấm, tôi bảo, không phải

một chiều thứ Bảy đông đúc. Nên chúng tôi quyết định sẽ quay lại Via Giulia và tới một tiệm cà phê cả ba đều biết.

Trên đường tôi hỏi Elio nó đã chơi gì vào tối qua, và thằng bé kể cho chúng tôi về các bản concerto cung Mi giảng trường và cung Rê thứ của Mozart cùng dàn giao hưởng đến từ Ljubljana. Nó đã phải tập suốt đêm trước khi buổi diễn bắt đầu, và suốt cả sáng hôm đó nữa. Nhưng buổi diễn đã rất thành Công. Nó phải tới Naples cho một buổi diễn khác vào chiều Chủ nhật.

“Vậy ta sẽ bắt đầu với lễ vọng nào hôm nay?” Miranda hỏi. “Hay là để ngạc nhiên?”

Một lần nữa tôi lo rằng lễ vọng chỉ là của hai cha con thôi, không phải cho một người khác. Nên để khiến không khí phấn chấn hơn, tôi bảo rằng mình đã ăn gian và đã thăm trước một chỗ với Miranda: tòa nhà ba tầng ở Roma Libera nơi tôi sống khi còn là thầy giáo trẻ.

“Cái cô em với trái cam à?” nó hỏi.

Đi đâu ấy khiến cả ba chúng tôi cùng cười.

“Có một cô nữa ở Via Margutta phải không?” Miranda hỏi.

“Đúng, nhưng đừng gặp nàng ấy hôm nay.”

“Thực ra, quán cà phê ta tới cũng coi như là một lễ vọng,” Elio bảo.

“Của ai, của cậu hay Sami?” em hỏi.

“Chà, chúng tôi không chắc,” tôi bảo. “Lúc đầu là của Elio, nhưng vì thường xuyên quay lại đó cùng thằng bé, nó trở thành của tôi luôn, và cuối cùng là của chúng ta. Nên em có thể coi như ta đã viết đề lên và sống những ký ức của nhau. Vậy nên tới đây có ý nghĩa hơn nhiều, thứ gì đó xa xăm mà một giáo sư là tôi cũng chẳng biết tả bằng từ ngữ gì. Và giờ, Miranda, em cũng hiện diện trong những lễ vọng ấy.”

“Thấy không, đây là đi đầu tôi thích ở ông ấy,” em bảo, quay sang Elio, “cách ông ấy xoay chuyển mọi thứ, như thể cuộc sống được hợp thành từ những mảnh giấy vô nghĩa rồi được biến hóa thành những mẫu origami nhỏ nhắn ngay khi ông ấy bắt đầu gấp chúng. Cậu có giống như thế này không?”

“Tôi là con trai ông ấy mà.” Nó gật gù, rất tự ý thức.

Caffe Sant'Eustachio đông tới nỗi chúng tôi không thể tìm được bàn trống và đành uống và phê bên quầy rượu. Elio nói thêm rằng từng ấy năm lui tới đây, nó chưa bao giờ có thể ngõ vào bàn. Khách du lịch ngõ hàng giờ chiếm hết các ghế, đọc bản đồ và sách hướng dẫn du lịch. Thằng bé nhất định phải kiếm một ít đồ uống. Khi nó len vào đám đông những người hoặc đang đợi gọi đồ hoặc đang thanh toán ở quầy, em nghiêng sang tôi và hỏi, “Ông có nghĩ em khiến cậu ấy bất ngờ quá không?”

“Không đâu.”

“Ông có nghĩ cậu ấy thấy phiền vì em chen vào không?”

“Tôi không thấy thế đâu. Thằng bé cứ lảng nhảng nhắc tôi tìm lấy ai đó sau lần ly dị.”

“Thế ông đã tìm thấy ai chưa?”

“Tôi nghĩ là thấy rồi. Nàng ấy nói là sẽ ở lại với tôi.”

“Ai sẽ ở lại với cha cơ?” Elio hỏi, cầm một tờ hóa đơn và cố vẫy người đàn ông phía sau máy pha cà phê.

“Cô đây.”

“Cha đã nói cho cô ấy biết mình sắp vướng vào chuyện gì chưa?”

“Chưa. Nhưng rồi nàng sẽ phát hoảng lên sớm thôi.”

Một lát sau ba ly cà phê được đặt trên quầy trước mặt chúng tôi.

“Tôi tới đây ba năm trước, cố gắng có một lễ vọng riêng tư với một cô gái và mọi chuyện đã diễn ra thật thảm hại,” Elio nói.

“Thế nào?” Miranda hỏi.

Elio giải thích rằng khi ấy nó đang thăm thấu sự có mặt của cô gái ấy trong tiệm như là một điều thật ý nghĩa, nhất là khi nơi đây đã gắn với nhiều sự kiện khác trong đời nó, thì hai người cãi nhau. Cô gái đó nói cà phê quán này chẳng có gì đặc biệt, nó cãi rằng quan trọng không phải là cà phê mà là về việc cùng uống cà phê ở đây. Sự bất hòa ấy không chỉ phá hỏng buổi lễ vọng và còn khiến thằng bé ghét cô gái. Hai người uống cà phê nhanh nhất có thể rồi bỏ đi hai hướng khác nhau và không bao giờ gặp lại.

“Chỉ mới vài năm trước, đây là nơi tôi có những nhận thức đầu tiên về chuyện sống cuộc đời nghệ sĩ giữa những nghệ sĩ thì sẽ ra sao. Cha tôi và tôi tới đây mỗi lần ông ấy ghé qua Rome.”

“Và những năm tháng nghệ sĩ của cậu có như cậu tưởng tượng không?” Miranda hỏi.

“Tôi mê tít lắm, nên tôi sẽ cẩn thận với những gì mình nói,” nó đáp, “nhưng chúng trấn an tôi rất nhiều – những năm tháng chơi dương cầm, vậy đấy. Còn lại thì, chà, thôi ta không bàn về số còn lại.”

“Và số còn lại lại là điều ta muốn biết,” tôi nói, nhận ra bản thân gần như đang vang vọng lại lời cha của Miranda. Tới lúc này, Miranda biết rằng cuộc trò chuyện đang rẽ hướng sang riêng tư và xin thứ lỗi để đi tìm nhà vệ sinh.

“Số còn lại, cha à,” thằng bé tiếp tục, “là một quyển sách đóng chặt những ngày này. Nhưng lần đầu tiên tới đây con mới mười bảy và con đã đi cùng những người đọc rất nhiều, yêu thơ ca, và liên quan sâu sắc tới điện ảnh, và biết mọi thứ cần biết về âm nhạc cổ điển. Họ quy nạp con theo cùng và mọi kỳ nghỉ con có ở trường và ở đại học, con đầu tới Rome để ở với họ và để được học hỏi.”

Tôi không nói gì, nhưng thằng bé thấy ánh nhìn ấy trong mắt tôi.

“Nhưng hơn cả tình bạn của con với họ, hơn tất cả cha mới là người khiến con trở thành chính con hôm nay. Chúng ta không bao giờ có bí mật, cha biết về con, và con biết về cha. Về mặt này, con coi mình là đứa con trai may mắn nhất thế gian. Cha dạy con cách yêu – cách yêu những cuốn sách, âm nhạc, những ý tưởng đẹp đẽ, con người, cảm giác vui thú, và kể cả chính con. Hơn cả vậy cha dạy con chúng ta chỉ có một cuộc đời thôi và thời gian vẫn luôn chống lại ta. Biết nhiều thế này, còn trẻ thế này. Chỉ là đôi lúc con quên mất những bài học ấy thôi.”

“Sao con lại nói đi đâu này với ta?”

“Vì giờ con có thể thấy cha – không như một người cha, mà như một người đàn ông đang yêu. Con chưa từng thấy cha thế này. Nó khiến con rất hạnh phúc, gần như ghen tị khi thấy cha như vậy. Bỗng nhiên cho thật trẻ. Chắc hẳn là vì tình yêu.”

Nếu mọi chuyện chưa xảy đến với tôi lúc ấy, thì giờ tôi biết mình thực ra là người cha may mắn nhất từng sống. Mọi người đang xô đẩy quanh chúng tôi, một vài đang cố chen lối để đến chỗ quầy thanh toán. Nhưng không ai có vẻ như xen ngang được khoảnh khắc chân thành bấy giờ. Chúng tôi dường như đang có một buổi tâm sự yên tĩnh bên lò sưởi ngay ở trong một tiệm cà phê nhộn nhịp nhất Rome.

“Yêu dễ lắm,” tôi nói. “Sự dũng cảm để yêu và tin tưởng mới quan trọng, và không phải ai cũng sẽ có cả hai. Nhưng đi đâu mà con không biết chính là con dạy ta nhiều hơn rất nhiều những gì ta đã dạy con! Những lẽ vọng này, chẳng hạn, có lẽ chỉ không gì hơn là khát khao của ta được men theo dấu chân con, để chia sẻ với con bất cứ và tất cả mọi thứ và hiệu hữu trong đời con, cũng như con sẽ luôn có mặt trong đời ta. Ta đã dạy con cách đánh dấu những khoảnh khắc khi thời gian dừng lại, nhưng những

khoảnh khắc ấy mang ý nghĩa rất nhỏ bé trừ phi được vang vọng từ người con yêu thương. Nếu không thì chúng sẽ chỉ đọng lại trong con hoặc sẽ mục rữa suốt cuộc đời hoặc, nếu như con may – nhưng ít người gặp may lắm – con sẽ có thể truyền chúng lại vào thứ gọi là nghệ thuật, và với con là âm nhạc. Nhưng hơn tất cả, luôn là sự can đảm của con khiến ta ghen tị, cách con tin tưởng tình yêu của mình cho âm nhạc, và sau đó là tình yêu dành cho Oliver.”

Ngay lúc ấy, Miranda quay lại và quàng tay qua tôi.

“Ta chưa bao giờ có niềm tin ấy, dù là dành cho người tình của mình, và nếu con tin, ngay cả trong công việc của ta,” tôi nói tiếp, “nhưng ta đã tìm thấy gần như một cách vô tình ngay khi cô đây mời ta đến ăn trưa hôm qua, dù cho ta chỉ có thể nói, Không cảm ơn, không, tôi không thể, không và không - nhưng nàng không tin, và nàng đã không để ta lui thủi trở lại vỏ ốc của mình.”

Tôi thấy mừng vì đã nói ra.

“Như con vừa nói, ta chưa từng có bí mật, cha và con. Mong rằng sẽ không bao giờ có.”

Chúng tôi rời Sant'Eustachio sau khi uống nhanh mấy ngụm cà phê và quyết định đi về hướng Corso.

“VẬY tiếp theo là đâu?” Miranda hỏi.

“Tôi nghĩ là Via Belsiana,” tôi đoán, nhớ ra rằng Elio và tôi luôn đi tới Via Belsiana để làm điếu thẳng bé gọi là cuộc đi dạo. Nếu như yêu qua một tiệm sách, để tưởng nhớ một tập thơ xuất bản mười năm trước.

“Không, hôm nay thì không Via Beluiana gì cả. Con muốn đưa cha đến nơi ta chưa tới bao giờ.”

“Chuyện mới đây à?” tôi hỏi, mong rằng thằng bé sẽ kể tôi nghe chuyện tình gần đây của nó.

“Không mới lắm. Nhưng nó đã đánh dấu nơi mà chỉ trong ngắn ngủi con đã được nắm lấy cuộc đời mình trong tay và nó sẽ không bao giờ như cũ nữa. Đôi lúc con nghĩ đời mình đã dừng lại ở đây và được bắt đầu lại chỉ ở đây thôi.”

Nó như bị cuốn đi trong tâm trí. “Con không hề biết liệu Miranda có muốn không và có lẽ là cha cũng sẽ không. Nhưng ta đã tâm sự với nhau đến thế này thì không thể dừng lại được. Nên hãy để con dẫn hai người đến. Chỉ cách đây đôi phút đi bộ thôi.”

Khi chúng tôi tới Via della Pace, tôi tưởng thằng bé sẽ dẫn chúng tôi đến một trong những nhà thờ ưa thích của tôi ở khu này. Nhưng thay vì thế, ngay khi chúng tôi vừa trông thấy nhà thờ thì nó rẽ phải rồi dẫn chúng tôi tới Via Santa Maria dell'Anima. Rồi, sau vài bước nữa, và y như lúc tôi làm với Miranda ngày hôm trước, thằng bé dừng lại nơi góc phố trước một cái đèn đường cũ gắn vào tường. “Con chưa nói với cha đi đâu này bao giờ, cha ạ, nhưng một đêm khi say khướt, con đã nôn cạnh bức Pasquino và không thể bối rối hơn trong đời mình khi dựa vào bức tường này, con biết, dấu rất say, rằng chính đây, cùng với Oliver đang đỡ lấy con, là cuộc đời mình, rằng tất cả mọi thứ trước đây với ai khác thậm chí còn chẳng phải được như phác họa thô hay cái bóng của một bản thảo cho những gì sắp xảy đến với con.

Và giờ là mười năm sau, khi con nhìn vào bức tường cũ bên dưới cái đèn đường cũ này, con được trở lại với anh và con thề rằng, chẳng có gì thay đổi. Trong ba mươi, bốn mươi, năm mươi năm nữa cũng sẽ không. Con đã gặp rất nhiều phụ nữ và cả đàn ông trong đời mình, nhưng đi đâu hẳn lên bức tường này sẽ phủ bóng lên mọi người mà con gặp. Khi con tới đây, con có thể một mình hoặc cùng với ai đó, cùng cha chẳng hạn, nhưng con sẽ luôn tới cùng anh. Nếu con đứng hàng giờ ở đây nhìn ngắm bức tường,

con sẽ được ở cùng anh hàng giờ. Và nếu con nói chuyện với bức tường, nó sẽ đáp lại.”

“Nó nói gì?” Miranda hỏi, hoàn toàn nhận ra điếu thằng bé vừa bảo quan trọng thế nào.

“Nó nói gì ư? Đơn giản thôi: “Hãy kiếm tìm anh, hãy tìm thấy anh.”

“Và cậu sẽ nói gì?”

“Tôi cũng sẽ nói điếu tương tự. Hãy kiếm tìm em, hãy tìm thấy em. Và chúng tôi sẽ đều hạnh phúc. Giờ thì chị biết rồi đấy.”

“Có lẽ điếu con cần là ít kiêu hãnh và nhiều dũng cảm hơn. Kiêu hãnh là cái tên ta đặt cho nỗi sợ. Con đã từng không sợ gì cả. Sao vậy?”

“Cha đã sai về sự dũng cảm của con,” thằng bé bảo. “Con còn chưa từng đủ can đảm để gọi cho anh, viết thư cho anh, chứ chưa nói tới thăm anh. Tất cả những gì con làm khi một mình là thầm thì tên anh trong bóng tối. Nhưng rồi con lại tự cười nhạo mình. Con chỉ ước sẽ không thầm gọi tên anh khi con ở cùng với ai đó.”

Miranda và tôi yên lặng. Em đến bên và hôn nó lên má. Chẳng còn gì để nói cả.

“Thầm gọi tên ai đó chỉ xảy đến với ta một lần, nhưng ta nghĩ nó đã đánh dấu ta cả đời,” tôi nói, quay sang Miranda, em hiểu ngay.

“Với ông ấy... nhưng em nói được không?” em hỏi tôi.

Tôi gật.

“Ông ấy thì đã gọi tên người phụ nữ này khi đang ngủ với một người phụ nữ khác,” Miranda nói. “Gia đình ta kỳ thật!”

Chẳng có gì để nói thêm cả.

Vài phút sau chúng tôi quyết định làm vài ly Ở Sergetto's.

Chúng tôi tới ngay khi enoteca vừa mở và chọn được bàn, nên ba người ngồi chỗ tôi và em đã ngồi tối qua. “Thấy chứ, em cũng bắt nhịp

được chuyện lễ vọng này rồi,” Miranda bảo. Tôi thích nơi ấy không sáng hết đèn và quán có cảm giác mờ ảo, khiến cho lúc ấy có vẻ muộn hơn thực tế. Người đàn ông bên quầy rượu nhận ra chúng tôi ngay và hỏi có muốn dùng loại vang đỏ như trước không. Tôi hỏi Elio có muốn uống Barbaresco không. Thằng bé gật, rồi nhắc tôi rằng tối nay nó phải lái xe về Naples cùng một người bạn. Nó đã đến tận Rome chỉ để gặp tôi.

“Bạn thế nào?” tôi hỏi.

“Bạn có xe.” thằng bé đáp, nhại lại với cái nhìn trố trêu và lắc đầu, ý là tôi đã hoàn toàn chệch hướng rồi.

Khi rượu tới, người phục vụ quay lại quầy và mang một ít đồ ăn vặt ra. “Quán mời,” anh ta nói.

“Chắc vì ta boa khá nhiều tối qua. Hai người bọn ta là hẳn là những người khách cuối cùng trước khi họ đóng cửa.”

Chúng tôi cùng nâng ly vì niềm hạnh phúc của nhau.

“Con biết không, chúng ta có thể đến buổi biểu diễn ngày mai sau khi đi Bảo tàng Khảo cổ học - nếu như chúng ta đi.”

“Làm ơn, hãy đi nhé. Con sẽ dành vé cho hai người, để tại phòng vé,” Rồi thằng bé mặc lại áo len và đứng lên. “Con sẽ nói đi đâu này. Cha đã nói với con nhiều năm về trước, giờ đến lượt con: Con ghen tị với hai người. Và đừng phá hỏng đấy.”

Tôi đang ở cạnh hai người tôi thương yêu nhất thế gian này.

Chúng tôi hôn tạm biệt. Rồi tôi ngẩng xuống và quay sang Miranda. “Tôi nghĩ mình thật hạnh phúc.” “Đây cũng vậy. Ta có thể cứ thế này đến cuối đời thôi.”

“Ta có thể chứ.”

“Đi đâu đầu tiên ông muốn làm tuần tới khi đến bờ biển là gì nếu thời tiết vẫn còn đẹp?”

“Tôi muốn bắt taxi ở ga, về nhà, mặc đồ bơi, leo xuống mấy tầng đá, và cùng em lặn xuống biển.” “Em đi đồ bơi ở Florence mất rồi.”

“Trong nhà có nhiều lắm. Hay nếu được: mình sẽ bơi trần.”

“Vào tháng Mười một ư?”

“Vào tháng Mười một nước vẫn còn ấm.”

CADENZA



“Cậu đang đỏ mặt,” anh nói.

“Không, tôi không có.”

Anh nhìn tôi ngờ vực, thích thú từ bên kia bàn. “Cậu chắc chứ?”

Tôi nghĩ một lúc rồi đành bỏ cuộc. “Tôi cho là vậy, phải không?”

Tôi còn trẻ và ghét bị nhìn thấu dễ dàng, nhất là trong một thoáng yên lặng ngại ngùng với một người gần gấp đôi tuổi mình, nhưng tôi cũng đủ trưởng thành để thoải mái với việc đỏ mặt khi nói đi đâu gì đó mà chính tôi còn lưỡng lự. Rồi tôi nhìn anh.

“Ông cũng đỏ mặt,” tôi nói.

“Tôi biết.”

Đây là chuyện của hai giờ sau.

Tôi gặp anh lúc nghỉ giải lao trong một buổi hòa nhạc thính phòng tại Nhà thờ Thánh U. bên Hữu ngạn sông Seine. Ấy là một hôm Chủ nhật đầu tháng Mười một, chưa se lạnh, nhưng cũng không còn ấm áp, một tối với nét thu tràn đến quá sớm và báo hiệu một tháng đông dài sắp về. Nhiêu thính giả đã an vị tại chỗ ngồi và đeo găng tay; một vài người khác còn chưa kịp cởi bỏ mũ. Tuy khí lạnh vẫn ních chặt vào không khí xung quanh, nhưng khi mọi người yên lặng ngồi vào các hàng ghế, họ rõ ràng vẫn rất há hốc mong chờ buổi biểu diễn. Đây là lần đầu tôi đến nhà thờ này và tôi đã chọn cho mình chỗ ngồi sau cuối, phòng khi âm nhạc không hợp với tôi và tôi muốn rời đi mà không phiền đến người khác.

Tôi tò mò muốn nghe buổi biểu diễn có lẽ là cuối cùng của Tứ tấu Florian. Thành viên trẻ tuổi nhất chắc cũng đã gần tám mươi. Họ thường xuyên chơi trong nhà thờ này, nhưng tôi chưa nghe họ chơi trực tiếp bao

giờ và chỉ biết tới nhờ những bản thu âm hiếm hoi, không còn được phát hành và vài buổi diễn khác phát trên website. Họ vừa biểu diễn bản tứ tấu của Haydn và sau thời gian giải lao sẽ chơi bản Đô thăng Thứ của Beethoven. Không như những người khác – mà cũng không có quá bốn mươi người có mặt hôm Chủ nhật đó – tôi tới muộn và mua vé từ một trong những nữ tu ngồi trên chiếc bàn nhỏ cạnh lối ra vào. Gần như mọi thánh giả khác đều nhận vé qua thư và vào nhà thờ khi đã cầm sẵn tấm vé bản lớn mà họ sẽ được yêu cầu giữ phẳng khi một nữ tu lưng còng, lớn tuổi sẽ cẩn thận đi chép tên đầy đủ của từng người bằng một chiếc bút máy xanh cũ kỹ. Bà ít nhất cũng đã tám mươi và chắc hẳn đã làm Công việc này hàng thập kỷ, có khi với cùng chiếc bút ấy và theo cùng một vẻ run rẩy, cũ kỹ như thế. Những con số ứng với mã vạch nhỏ trên tấm vé có lẽ là cố gắng để thể hiện một hình ảnh tân thời mà nhà thờ muốn cho các giáo dân chứng kiến, nhưng người nữ tu già đã rất khó khăn chép lại chúng trước khi đóng dấu từng tấm vé. Không ai phàn nàn gì về sự chậm rãi của bà lão và đã có những nụ cười thông cảm trao đi giữa những người chưa đến lượt.

Trong lúc giải lao, tôi xếp hàng để lấy nước quả mà vẫn người nữ tu già vừa rồi đang cẩn thận rót vào những cốc nhựa bằng chiếc muôi bà vất vả nhấc lên khi đây. Mọi người đều quyên góp nhiều hơn giá tiền €1 ghi trên mảnh giấy dính ở tấm bảng thông báo được đặt cạnh thùng nước quả lớn. Tôi không thích nước quả lắm, nhưng mọi người khác có vẻ thích, nên tôi cũng đứng đó và chờ tới lượt mình, rồi tôi đặt năm euro vào hộp và bà cảm ơn rồi rút. Người nữ tu già tinh ý. Bà lập tức nhận ra đây là lần đầu tôi tới nhà thờ này và hỏi liệu tôi có thích Haydn không. Tôi trả lời ngay là có.

Anh đứng trước tôi trong hàng, và sau khi tôi trả tiền nước quả của mình, anh chỉ quay lại và hỏi, “Tại sao một người trẻ như cậu lại hứng thú

với Tứ tấu Florian? Họ già quá rồi.” Rồi, có lẽ nhận ra sự đường đột của câu hỏi, anh nói thêm, “Người chơi vĩ cầm thứ hai – chắc hẳn phải tám mươi. Những người còn lại cũng không thể trẻ hơn được.”

Anh cao, mảnh khảnh và lịch thiệp, một bờm tóc xám trên cổ áo khoác blazer xanh.

“Tôi đã luôn tò mò về người chơi trung hộc âm và nghe đồn rằng cuối năm nay họ sẽ đi lưu diễn và sau đó có thể là thôi chơi, và cơ hội nghe tận nơi biết đâu sẽ không bao giờ tới nữa. Nên tôi đã đến.”

“Không phải người tuổi cậu có nhiều thứ hay hơn để làm sao?”

“Người tuổi tôi á?” tôi hỏi, giọng ra ý ngạc nhiên và trố trêu.

Một thoáng yên lặng ngại ngùng giữa chúng tôi. Anh nhún vai, có lẽ đây là cách anh xin lỗi mà không cần nói ra, và có vẻ như anh định quay đi và tới chỗ cổng nơi người ta hút thuốc, một vài người đang tán dóc và giãn gân giãn cốt. “Chân ta thường sẽ bị lạnh khi ngồi lâu trong nhà thờ,” anh nói khi quay lại và đi tới chỗ cửa. Đây là một câu chào băng quơ.

Rồi nhận ra có lẽ tôi đã hắt hủi anh bằng giọng điệu của mình, tôi hỏi, “Ông thích nhóm Florian phải không?”

“Không hẳn. Tôi còn không thích âm nhạc thánh phòng. Nhưng tôi cũng biết khá khá về họ vì cha tôi thích nhạc cổ điển và đã hỗ trợ kinh phí cho những buổi diễn ở nhà thờ này, và giờ thì tôi cũng làm vậy, dù thật lòng thì tôi thích jazz hơn. Nhưng tôi tới đây vì trước tôi hay theo ông tới vào những tối Chủ nhật khi tôi còn trẻ, và giờ cách vài tuần tôi lại tới để nghe, có lẽ là để tưởng tượng được cạnh ông ấy một lúc – nhưng tôi chắc đây hẳn là một lý do ngớ ngẩn để tới nghe họ chơi.”

Cha ông từng chơi nhạc cụ gì, tôi hỏi.

Dương cầm.

“Cha tôi không bao giờ chơi ở nhà. Nhưng mỗi cuối tuần, khi chúng tôi còn ở trong nước, lúc tối muộn ông sẽ đến góc nhà và từ phòng ngủ của tôi trên gác, tôi có thể nghe tiếng đàn như thể nó được chơi bởi một người bơ vơ, lén lút và luôn sẵn sàng dừng ngay khi anh ta nghe thấy có bước chân từ trên lầu. Ông không bao giờ kể gì về chuyện ấy, và mẹ tôi cũng chưa từng nhắc tới, và đi đâu tốt nhất tôi có thể làm vào mỗi sáng là nói rằng con lại mơ về cây dương cầm tự chơi khi không có người. Tôi nghĩ ông ấy ước rằng mình đã tiếp tục chơi nhạc chuyên nghiệp, cũng như chắc hẳn ông muốn tôi cũng sẽ yêu âm nhạc cổ điển. Ông là người hiếm khi áp đặt ý mình lên người khác, chứ chưa nói là nói chuyện với một người lạ – hoàn toàn không như con trai mình, chắc cậu cũng thế ấy.” Lúc ấy anh cười. “Ông rất tế nhị nên không mời tôi đến xem những buổi biểu diễn cùng ông vào Chủ nhật, và chấp nhận đi một mình. Nhưng mẹ tôi không muốn ông ra ngoài lúc khuya mà không có ai đi cùng, nên bà bảo tôi đi theo. Cuối cùng thì chuyện ấy trở thành một thói quen. Sau buổi diễn ông sẽ mua cho tôi bánh ngọt. Chúng tôi sẽ ngồi với nhau một chỗ gần đây thôi, và, khi tôi lớn hơn một chút, hai cha con sẽ cùng đi ăn tối. Nhưng ông không bao giờ kể về thời còn chơi dương cầm, và hơn nữa, tâm trí tôi cũng luôn thờ thần đâu đâu vào những năm tháng ấy. Tối Chủ nhật luôn luôn là lúc để hoàn thành bài tập vào phút chót, nên tới đây cùng ông nghĩa là tôi sẽ phải thức khuya để làm bài mà đáng lẽ tôi có thể đã xong từ trước. Nhưng tôi mừng khi được ở bên ông, hơn là được nghe nhạc, và cậu thấy đấy, tôi vẫn men theo thói quen ấy. Tôi nói nhiều quá rồi, phải không?”

“Ông có chơi nhạc không?” tôi hỏi, để anh biết rằng tôi không thấy phiền khi anh nói.

“Không hẳn. Tôi nối nghiệp cha mình. Ông ấy là luật sư, cha của ông cũng là luật sư, và rồi tôi cũng vậy. Cả hai cha con tôi đều không muốn làm

cái nghề này, nhưng vậy đấy... đời mà!” Anh cười đắm chiêu. Đây là lần thứ hai anh cười và r ồi lại nhún vai. Nụ cười ấy tươi tắn, đáng mến và đột ngột sẽ khiến ta như mất cảnh giác, nhưng với sự trớ trêu ẩn dưới từ đời mà, xem ra có rất ít niềm vui trong đó. “Thế còn cậu chơi gì?” anh hỏi, đột nhiên quay sang tôi. Tôi không muốn cuộc trò chuyện kết thúc và lấy làm bất ngờ khi nhận ra anh cũng vậy.

“Dương c ầm,” tôi đáp.

Công việc hay thú vui?”

“Công việc. Mong là vậy.”

“Đừng từ bỏ, chàng trai, đừng.” Nói vậy r ồi anh đặt một cánh tay nhẹ nhàng lên vai tôi như thế chiếu lệ. Tôi không biết vì sao, nhưng tôi với tới bàn tay đang đặt lên vai mình và chạm vào nó. Mọi chuyện thật tự nhiên, tôi quay lại nhìn anh và cả hai mỉm cười, thế có nghĩa là bàn tay anh, đúng ra nên rời đi, thì có thể nán lại một lúc. Anh quay đi nhưng r ồi lại nhìn tôi, và bỗng nhiên tôi thấy có gì như thôi thúc mình lao vào lòng anh và quàng tay ôm eo anh ngay bên dưới lớp áo khoác. Chắc hẳn anh cũng cảm thấy gì đó, vì trong sự yên lặng ngại ngùng sau đi ều anh vừa nói, anh nhìn tôi chăm chú và tôi cũng vậy, không nao núng, tới khi tôi nhận ra biết đâu mình đã hiểu lầm tất cả những tín hiệu này và bắt đầu muốn quay đi. Dẫu vậy, tôi thích khi mắt anh vẫn còn ngấm nhìn mình, chúng khiến tôi cảm thấy mình thật đẹp đẽ và làm mê đắm, có gì đó m ền mại, nựng nịu mà tôi muốn níu lấy và không muốn thoát khỏi trừ phi là để vùi vào ngực anh. Tôi như một lời hứa, trong cách anh nhìn, v ề một thứ gì đó thật tốt đẹp và chân thành.

Nhưng r ồi, có lẽ để vội vàng biện minh cho nụ cười ấy, anh bảo, “Cậu tới đây vì âm nhạc còn tôi tới vì cha mình. Ông mất đã gần ba mươi năm, nhưng r ồi nơi này chẳng thay đổi gì.” Anh cười. “Vẫn món nước quả ấy,

vẫn mùi hương, những bà nữ tu già, vẫn những đêm tháng Mười một ngọt ngào. Cậu thích tháng Mười một chứ?”

“Đôi khi, nhưng không phải mọi lúc.”

“Tôi cũng vậy. Tôi còn không thích nhà thờ, dù cho tôi thích tới đây vào những tối thế này... và, chà, me voici, tôi đã tới.” Tôi nhận thấy anh đã hết thứ để nói và đang mò mẫm kéo dài câu chuyện. Yên lặng. Một lần nữa lại là nụ cười ấm áp, quyến rũ, pha trộn giữa khôn ngoan, trớ trêu, và một chút buồn để nhắc tôi rằng chẳng có gì vui tươi về người đàn ông lịch thiệp, và có thể là không hạnh phúc này.

Khi chúng tôi thấy nhóm tứ tấu trở vào vị trí và đã đến lúc cho Beethoven, anh hỏi tôi đang nghĩ đâu. Tôi không hiểu anh hỏi để làm gì, nhưng rồi cũng chỉ về chỗ ở góc dưới những hàng ghế cuối nơi tôi để ba lô và áo khoác.

“Lựa chọn khôn ngoan.” Anh hiểu. “Nhưng đừng lên đi đấy,” và nói thêm. Tôi nghĩ anh đang thuyết phục mình hãy cho nhóm tứ tấu thêm một cơ hội trước khi chọn rời đi vội vàng nhưng tôi đã đổi ý ngay sau Haydn và không hề muốn ra về trước khi buổi hòa nhạc kết thúc. Nhưng rồi để làm rõ mọi thứ nên tôi đã hỏi thẳng: “Ông muốn tôi chờ không?” Sự thay đổi trong giọng điệu của tôi có thể hoàn toàn là sai lầm. Tôi nghe như thể đang hỏi thăm xem một người đứng tuổi có cần mình giữ cửa cho khi ông lão khó khăn lê bước qua không. Nên tôi nói lại: “Tôi sẽ đợi ông bên ngoài.”

Anh không nói gì, chỉ đơn giản gật. Nhưng đó không phải cái gật của sự xác nhận, ý là có; đó là một cái gật trăn ngâm, mơ hồ, bộ tịch của một người thường sẽ chọn cách không tin bất cứ điều gì chính mình nói ra.

“Được, sao lại không, chờ tôi,” cuối cùng anh nói. “Và tôi là Michel.” Tôi bảo anh tên mình. Chúng tôi bắt tay.

Tôi đã nghĩ anh sẽ rời đi sau khi phần đầu tiên kết thúc, nhưng nửa tiếng sau chúng tôi gặp nhau trên bậc cầu thang của nhà thờ, như đã hứa, trừ việc tôi cảm tưởng như anh đã quên mất về cuộc gặp. Anh đang nói chuyện với một cặp, và cả ba có vẻ đang định cùng đi đâu đó. Nhưng ngay khi thấy tôi, anh quay lại, rồi nhanh chóng kết thúc câu chuyện và bắt tay tạm biệt họ. Anh xin lỗi vì không giới thiệu tôi. Tôi còn loay hoay quàng khăn quanh cổ, đây là cách tôi cố đổi hướng lời xin lỗi. Tôi nhận ra mình đã cố tỏ vẻ ngạc nhiên vì anh đã đợi hoặc vì anh nhớ rằng chúng tôi có hẹn nhau. Hay thực ra anh chỉ đợi để nói lời tạm biệt một lần nữa trước khi cả hai đều ra về?

Thay vì vậy, anh gợi ý chúng tôi nên đi ăn gì đó Ở một quán đêm nhỏ không xa bên kia cầu. Tôi bảo anh mình đã khóa chiếc xe đạp gấp được gần đây. Có phiền nếu tôi đi lấy và dắt nó theo? Không hề.

Lúc ấy khoảng mười giờ vào một đêm Chủ nhật, và đường phố đã vắng gần hết. “Và tôi mời,” anh nói, để đảm bảo với tôi tiền nong không phải vấn đề Tôi chấp nhận. Tôi thích đi bộ thế này, nhất là vì lúc buổi hòa nhạc diễn ra trời đã mưa và giờ những phiến gạch lát lấp lánh dưới ánh đèn đường. “Như thể một bức ảnh của Brassai vậy.” “Tôi bảo. “Phải, thật vậy,” anh nói thêm. “Và cậu làm gì khác ngoài chơi dương cầm?”

Tôi nhận ra anh hay bắt đầu nói bằng từ và, có lẽ là để làm dịu đi sự đường đột hoặc chuyển tiếp vu vơ giữa những chủ đề chẳng liên quan với nhau, nhất là khi nhắc đến những điều dò hỏi, cá nhân hơn. Tôi bảo anh mình đang dạy Ở nhạc viện. Tôi có thích dạy học không? Rất nhiều. Rồi tôi bảo mỗi tuần một lần tôi cũng chơi miễn phí và cũng là vì vui thích tại một khách sạn lớn. Anh không hỏi tên nơi ấy. Tinh ý đấy, tôi nghĩ, hoặc đó chỉ là cách anh thể hiện mình không phải người thích dò hỏi hay quan tâm.

Khi tới cầu, chúng tôi gặp một nhóm biểu diễn người Brazil, một nam một nữ, hát trước một đám đông những người vây quanh họ. Giọng của người đàn ông cao, của người phụ nữ thì khỏe. Cùng nhau, họ hát rất tuyệt. Tôi dừng và đứng lại một lúc, một tay giữ ghi đông. Anh cũng đứng lại, giữ đầu còn lại của ghi đông, như muốn giúp tôi cân bằng chiếc xe. Tôi có thể thấy anh hơi ngại ngùng. Khi người ca sĩ trẻ hơn kết thúc bài hát, mọi người quanh cầu đều vỗ tay và tán dương, và hai người tiếp tục phần song ca tiếp theo. Tôi muốn nghe phần đầu của bài hát thứ hai và không nhúc nhích, nhưng ngay khi họ vừa bắt đầu hát thì chúng tôi quyết định đi tiếp, khi đến bờ bên kia, tôi nghe thấy đám đông lại vỗ tay khi họ hát xong. Anh thấy tôi ngoái nhìn, rồi quay lại nhìn người ca sĩ nam hạ cây guitar xuống, khi cô gái chậm rãi lướt về phía đám đông, tay cầm mũ. Tôi có nhận ra bài hát không, anh hỏi. Có, tôi nói. Còn anh? “Có lẽ, tôi nghĩ vậy.” Nhưng tôi biết là anh không biết, vì anh có vẻ lúng túng khi nghe nhạc Brazil trên cầu, hoặc ở bất cứ đâu.

“Bài hát nói về một chàng trai trở về nhà sau khi bận rộn với công việc và bảo tình nhân của mình hãy sửa soạn rồi cùng ra ngoài và nhảy múa cùng chàng. Giai điệu hạnh phúc của họ như tràn ra khắp con đường và cuối cùng cả thành phố ngập trong niềm vui thú.”

“Bài hát hay đấy,” anh bảo. Tôi muốn anh thấy đỡ ngượng ngùng và siết chặt lấy vai anh một thoáng.

Nhưng anh dường như hoàn toàn thoải mái khi mở cửa vào quán. Nơi đây thực sự rất nhỏ, như anh đã bảo, nhưng cũng rất sang trọng. Đáng ra tôi nên biết. Chiếc áo khoác Forestière xanh, chiếc khăn lớn, in họa tiết mượt mà, và đôi giày Corhay làm tôi cứ lờ lợ. Đi ăn nhẹ của chúng tôi hóa ra lại là một bữa trang trọng. Anh gọi một chai whiskey đơn cất, Caol Ila là loại anh thích nhất, anh bảo. Anh hỏi tôi có muốn một chút không. Tôi bảo

vâng dù chẳng hề biết “đơn cất” là cái gì. Tôi thấy anh có vẻ nhìn ra, và có lẽ đã nhìn ra nhiều lần trước kia. Tôi thích cách anh hành xử, nhưng nó khiến tôi đôi chút áy náy. Anh giải thích thực đơn. “Ở đây không có nhiều món thịt,” anh bảo. “Nhưng họ có một hầm rượu vang rất tuyệt, và tôi thích các món rau. Cá cũng rất ngon.” Anh gấp thực đơn ngay khi vừa ở nó ra. “Tôi luôn gọi như mọi lần, nên tôi chẳng buồn nhìn đâu.” Anh đợi tôi gọi món. Tôi không thể chọn gì. Rồi tôi làm một chuyện hoàn toàn bốc đồng. “Gọi cho tôi đi,” tôi bảo. Tôi thích cách này, và hình như anh cũng vậy. “Dễ thôi. Tôi sẽ chọn món tôi hay gọi cho cậu.”

Anh gọi phục vụ và đặt món. Rồi sau khi nhấn nháp ly whiskey, anh nói rằng cha mình, người đã đưa anh tới đây lần đầu, cũng thích gọi những món giống nhau. “Ông bị tiểu đường,” anh giải thích, “nên tôi học cách tránh những món người bệnh này không nên ăn.” Khi nói, anh phết bơ và rắc muối lên cuộn bánh pain Poilane nhỏ, cười rồi đưa lên miệng. “Tôi thường không đi lên vết xe đổ của cha mình, nhưng cái bóng của ông thì khó mà tránh được. Chính tôi cũng đầy mâu thuẫn.”

Dừng lại một lát. Anh nói tiếp về việc ăn uống của cha mình, nhưng tôi muốn biết về những mẫu thuẫn của anh, chúng khiến tôi tò mò và có lẽ sẽ cho tôi biết thêm về con người anh và cách anh nhìn nhận bản thân mình. Anh có vẻ lưỡng lự giữa việc mở lòng và tiếp tục nói về những món và chế độ ăn. Thậm chí còn có một thoáng căng thẳng, như thể cả hai chúng tôi đều nhận ra hai người chỉ đang cố tạo dựng một cuộc hội thoại và có thể dễ dàng kẹt trong những câu chuyện phiếm. Để vượt qua được sự ngưng ngừng này, tôi kể cho anh nghe về hai ông báo của mình, đầu tôi chưa từng gặp họ nhưng họ nổi danh là những thợ bánh mì hiệu biết và đã mở ba tiệm bánh lớn ở Milan để rồi cuối cùng bị bắt như những người theo chủ nghĩa xã hội trong chiến tranh. “Họ bị đưa tới trại tập trung Birkenau. Mẹ tôi luôn

kế về họ suốt thời niên thiếu của tôi. Họ cũng thế, giống như cha ông, phủ một cái bóng lớn lên gia đình mẹ tôi.”

“Bóng thế nào?” anh hỏi, không hiểu ý tôi.

“Rằng bà ấy có thể nướng bánh rất ngon.”

Anh bật cười. Tôi thấy vui vì anh hiểu câu đùa. “Nhưng tôi biết: có những cái bóng không bao giờ phải đi,” tôi nói thêm.

“Cậu đúng. Cái bóng của cha tôi không bao giờ mờ đi. Ông mất hai năm sau khi tôi kế thừa nghề luật của ông. Lúc ấy tôi mới bằng tuổi cậu.”

Nhưng rồi anh lại dừng lại và nghĩ ngợi, như thể anh bất chợt nhận thấy một liên kết vô hình giữa đi đầu anh vừa nói và đi đầu mà, có lẽ tôi đã không nhận ra, đang đè nặng lên tâm trí anh. “Và cậu biết rằng tôi gần gấp đôi tuổi cậu.”

Đây là khi tôi đỏ mặt. Một khoảnh khắc căng thẳng và khó xử, một phần có lẽ là vì anh đã đề cập về một chuyện chừng như quá sớm và quá gần với đi đầu cả hai đang cẩn trọng lảng tránh, vượt qua những đi đầu mà thậm chí chưa được viết ra và tốt hơn hết nên giữ im lặng, ít nhất là trong một thời gian dài nữa. Nhưng đi đầu anh nói cũng khiến tôi ngờ ngác không biết trả lời gì, và, khi tôi lục lọi tâm trí mình để tìm những từ ngữ phù hợp, sự đỏ mặt chắc hẳn đã thể hiện nỗi khó xử ấy. Có lẽ đây là cách anh mở lời về cái muốn nói và khiến tôi nói ra gì đó để xoa dịu nỗi lo lắng của chính anh. Tôi cố xua đi sự yên lặng ấy nhưng không thể. Cuối cùng thì, “Ông chưa đến tuổi đấy đâu,” tôi bảo, cách tôi Cố lảng tránh câu đáp.

“Ý tôi không phải vậy” là câu đáp lại tức khắc của anh.

“Tôi biết ý ông là gì.” Và để cho thấy chẳng có gì hiểu lầm giữa chúng tôi: “Đáng lẽ tôi đã không ngồi đây với ông, phải không?” Tôi có lại đỏ mặt không? Tôi hy vọng là không. Sự yên lặng kệt giữa hai người không khiến anh nản lòng, và anh lại gật, vẫn cái gật bộ tịch và ngẫm nghĩ, theo

sau là điệu bộ lắc đầu nhẹ mơn màng, không phải để phản đối mà là vẻ gì đó gần như không tin và sự tự vấn tâm lặng về cái cách cuộc đời đôi khi cũng hòa theo trò đùa. “Tôi không có ý khiến mọi chuyện ngưng ngừng cho cậu.”

Anh đang xin lỗi. Hoặc có lẽ không. Tới lượt tôi lắc đầu.

“Không phải ngưng ngừng,” tôi bảo. Rồi, dừng một lúc, “Và giờ ông là người đổ mắt.”

Anh mím môi. Tôi với đến nắm lấy tay anh một lúc như một cử chỉ thân thiện, mong anh thấy thoải mái. Anh không rút tay lại.

“Cậu không tin vào số phận, phải không?” Anh hỏi.

“Tôi không biết,” tôi nói. “Tôi chưa từng thực sự nghĩ về nó.”

Đây là cách trò chuyện không quá quanh co như tôi muốn. Tôi có thể nhận thấy anh đang muốn hướng đến điều gì, và tôi không thấy phiền vì sự thẳng thắn; nhưng tôi cũng không muốn bàn về chuyện đó quá cởi mở. Có lẽ anh thuộc về thế hệ sẽ kiếm tìm những điều khó nói rồi bàn luận về nó, còn tôi thuộc thế hệ không đề cập tới những điều đã đủ rõ ràng. Tôi đã quen cách tiếp cận trực diện không đòi hỏi nói gì thêm cả, hay chỉ cần một cái liếc mắt, một tin nhắn vội vàng. Nhưng lời dài dòng, ẩn giấu lại khiến tôi thấy rối ren.

“Vậy nếu không phải số phận, điều gì đã đưa ông tới buổi diễn tối nay?”

Anh nghĩ, rồi, hạ mắt xuống rồi nhìn xa khỏi tôi, bắt đầu mân mê vẽ những đường vân trên tấm khăn trải bàn bằng chiếc nĩa sạch chưa dùng tới. Chúng nhìn như những luống rãnh nông, tạo ra những vòng xoắn bất chợt xung quanh đĩa bánh mì. Anh như bị cuốn theo những gì đang lướt quanh tâm trí mình đến nỗi tôi chắc rằng anh không còn tập trung vào câu hỏi của tôi nữa, và tôi thấy vui lòng, vì khi nghĩ kỹ ra tôi lại mong rằng anh

sẽ bỏ qua những cản trở qua lại ấy. Nhưng rồi anh ngẩng lên nhìn tôi và nói rằng lời đáp cho câu hỏi vừa rồi không thể đơn giản hơn.

“Thế là gì?” tôi hỏi, tin chắc anh sẽ nói đi đâu đó về cha mình.

Nhưng thay vì thế anh bảo, “Cậu.”

“Tôi ư?”

Anh gật. “Phải, cậu.”

“Nhưng ông không biết ông sẽ gặp tôi
.”

“Một chi tiết vô nghĩa. Số phận vẫn sẽ như vậy khi tiến lên, bước lùi, rẽ chéo và sẽ chẳng màng tới việc ta nhìn nhận mục đích của nó thế nào với những cái trước đây và sau này mong manh.”

Tôi hiểu đi đâu ấy. “Quá, quá sâu sắc cho tôi.” Lại một thoáng yên lặng nữa giữa hai người.

“Cậu thấy đấy, cha tôi tin vào số phận,” anh nói tiếp.

Quả là một tâm hồn phóng khoáng, tôi nghĩ. Anh cảm nhận được tôi muốn vòng qua chủ đề ấy và đã tinh ý đưa câu chuyện trở lại về người cha. Nhưng rồi quay tôi không thực sự để tâm – và anh nhận ra vậy. Rồi anh dừng lại. Chắc hẳn anh vẫn đang đấu tranh nên đề cập đến những đi đâu không thành lời giữa chúng tôi thế nào, vậy nên anh mới liếc nhìn tôi vương vấn, đi ngay. Cái khiến tôi bất ngờ, dấu vậ, là đi đâu anh bảo sau khi chúng tôi đứng dậy và chuẩn bị rời đi. “Tôi sẽ gặp lại câu chứ? Tôi rất muốn.”

Đi đâu anh hỏi khiến tôi giật mình. Tôi lăm bầm trong yếu đuối nhưng lại quá vội vàng “Có, tất nhiên rồi.” Câu trả lời ấy đến quá nhanh và nghe hoàn toàn không chân thành. Tôi đã mong đợi nhiều hơn rất nhiều so với một lời tạm biệt.

“Nhưng chỉ khi cậu muốn thôi,” anh nói thêm.

Tôi nhìn anh. “Ông biết là tôi muốn mà.” Và đây không phải là rượu đang nói thay tôi đâu.

Anh gật, lại cái kiểu đặc trưng. Nhưng anh không tin. Nhưng cũng không mất lòng.

“VẬY THÌ VẮN NHÀ THỜ, CHỦ NHẬT NÀY.”

Tôi không liêu minh để nói thêm gì cả. Vậy tối nay sẽ không có trong kế hoạch, tôi nghĩ.

Chúng tôi là những người cuối cùng rời đi. Chuyện ấy rất rõ ràng qua cách những người phục vụ như cuống lên vì họ không thể chờ để đóng quán ngay khi chúng tôi bước ra.

Ngoài vỉa hè, chúng tôi theo lệ ôm lấy nhau. Nhưng đó là một cái ôm tạm bợ, vụng về giống như sự do dự hơn là sự âu yếm luyện lư tôi đã mong chờ được nép trong vòng tay anh lúc trước khi gặp giữa lúc giải lao. Anh dần buông lỏng vòng tay ra. Một lần nữa tôi cảm thấy cái thôi thúc được cuộn vào lòng anh và đặt tay mình quanh anh và, dù cho tôi kìm lại, trong thoáng bối rối tức khắc thôi, tôi hôn anh không phải lên má, mà hoàn toàn vô tình, bên dưới hai tai anh. Lần này chắc chắn là do rượu. Tôi biết anh để ý. Nhưng tôi vẫn thấy thích đi đâu mình vừa làm. Rồi tôi nghĩ kỹ lại về nó. Thế này khó xử quá, tôi nghĩ. Khó xử hơn nữa khi tôi nhận ra ba người phục vụ đang nhìn chăm chăm qua cửa sổ dưới tấm rèm muslin để mở. Họ biết anh và chắc đã chứng kiến đi đâu tương tự nhiều lần trước kia rồi.

Anh tiên tôi tới chỗ tôi khóa xe, nhìn tôi mở nó, trò chuyện vu vơ về kích thước nhỏ của chiếc xe đạp, thậm chí còn bảo anh đã nghĩ tới sẽ mua một chiếc như vậy. Nhưng rồi, trước khi rời đi, anh nấn ná đặt tay lên má tôi – một cử chỉ hoàn toàn khiến tôi ngỡ ngàng và như run rẩy rồi ngập tràn

với những cảm xúc. Nó đến với tôi thật bất chợt. Hãy bên em, được không, chỉ để giúp em không còn bối rối nhiều thế này.

Tôi nhìn anh quay lưng bước đi.

Anh không làm thế mà chỉ bước đi, tôi nghĩ, và quá cứng nhắc nữa. Tôi muốn anh đưa tay kia lên má và giữ lấy khuôn mặt tôi, giữ lấy khuôn mặt tôi và để tôi được đúng vai người trẻ tuổi hơn giữa cả hai, và rồi hôn thật sâu. Điều này cảm tưởng như chúng tôi vừa cùng lên giường, rồi anh liên lạc với tôi rồi đơn giản chỉ biến tan đi mất.

Cảm giác ấy ở lại với tôi suốt đêm, và tôi cứ thức dậy rồi lại thiếp đi mãi. Đêm vẫn còn chưa muộn và chúng tôi đã có thể dễ dàng đi đâu đó khác để uống gì đó. Tôi đã có thể chạy vội theo anh và mời anh uống gì đó tại một quán cà phê gần đây – chỉ để được bên nhau và không phải tạm biệt quá sớm. Dù vậy đi nữa vẫn có gì đó giữ tôi lại và cuối cùng một giọng nói trong tôi nhắc tôi rằng bản thân tôi không thực sự thất vọng lắm vì cách buổi tối ấy diễn ra sau một ngày Chủ nhật dài nhàm chán chẳng thể ngờ có gì giống chuyện này xảy ra. Có lẽ anh đã thấy rằng đôi khi tốt nhất là nên dừng lại khi chuyện đã hoàn hảo rồi hơn là kéo dài mãi và chứng kiến chúng trở nên tệ đi.

Tôi dắt xe đi giữa đêm tháng Mười một đẹp đẽ ấy: những hè đá vắng người ánh lên lấp lánh, hiệu ứng Brassai chúng tôi từng nói tới, nụ hôn vụng về của tôi dưới tai anh, và cả chuyện tôi gần như trẻ bằng nửa tuổi anh, tất cả khiến tôi phấn chấn lên và gần như là hạnh phúc. Có lẽ anh hiểu chuyện hơn tôi; và nếu anh hiểu, thì anh sẽ biết điều gì đó nơi tôi, mà chính tôi còn chưa thấu ở chính mình: rằng có khi chính tôi mới là người chưa sẵn sàng, chứ không phải anh, không phải tối nay, hay tối mai, hay thậm chí không phải tuần sau, mà chính lúc ấy tôi mới nhận ra có khi anh sẽ không đến buổi hòa nhạc nữa, không phải vì anh không muốn mà là vì

anh đã nhận ra rằng, ngay phút cuối trước tối Chủ nhật ấy, tôi mới là kẻ sẽ tìm ra được lý do để không tới nữa.

Hai đêm trôi qua, khi tôi vừa dạy xong một lớp nâng cao về phần kết thúc trong bản sonata Rê thứ của Beethoven thì đột nhiên, chò ở cửa, anh xuất hiện, đứng đấy với hai tay đút trong túi áo khoác, nhìn thoáng bên trong so với bên ngoài quá đối lập lắm, đầu vậy không chút gượng gạo gì. Anh giữ cửa cho sáu bảy người rời khỏi hành lang, và nhìn họ bước ra mà không màng giữ cửa hay cảm ơn, anh cười với họ, cuối cùng cảm ơn họ vì nhường lối. Tôi hẳn là trông rạng rỡ lên. Thật là một cách đáng yêu để làm ai đó bất ngờ.

“Vậy là cậu không phật ý?”

Tôi lắc đầu. Cần phải hỏi sao?

“Cậu định làm gì sau khi dạy xong?”

“Tôi hay đi uống cà phê hay nước quả đâu đó.” “Phiền không nếu tôi đi với?” .

“Phiền không nếu tôi đi với?” Tôi nhại lại

Tôi dẫn anh tới quán cà phê ưa thích của mình, nơi tôi hay ghé qua sau khi dạy và thỉnh thoảng đi cùng một đồng nghiệp hoặc học sinh rồi chúng tôi sẽ ngồi và ngắm nhìn người ta ngược xuôi trên đường phố tần giờ ấy – những người bận bịu với những chuyện gấp giờ cuối, một vài mong ngóng được về nhà và khóa trái cửa tách khỏi thế giới này, và số khác vội vã chạy từ góc này của đời họ sang góc kia. Những bàn quanh chúng tôi đều kín người, và vì vài lý do mà tôi chẳng bao giờ có thể nói rõ ra, tôi thích khi tất cả xúm gần như vậy, tay chạm tay với những người lạ. “Vậy cậu thực sự không phật ý khi tôi đến chứ?” anh hỏi lần nữa. Tôi mỉm cười rồi lắc đầu. Tôi bảo anh mình vẫn chưa thấy hết bất ngờ.

“Thế là một bất ngờ dễ chịu, phải không?”

“Một bất ngờ rất dễ chịu.”

“Nếu tôi không tìm được cậu Ở nhạc viện,” anh bảo, “tôi sẽ tới tất cả những khách sạn cao cấp có dương cầm. Rất đơn giản.”

“Thế thì chắc mất thời gian đấy.”

“Tôi sẽ dành ra bốn mươi ngày đêm, và cuối cùng tôi sẽ tìm tới nhạc viện. Nhưng thay vì vậy tôi đã tìm Ở nhạc viện trước.”

“Nhưng không phải ta hẹn vào Chủ nhật tới sao?”

“Tôi không thực sự chắc.”

Tôi không phản đối hay nói gì đó ngược lại với giá định của anh và đi đầu đó chắc hẳn đã xác định niềm nghi ngờ ấy là đúng. Thật vậy, sự yên lặng của cả hai về buổi hòa nhạc Chủ nhật tới khiến chúng tôi mỉm cười khó xử. “Tôi đã có một đêm Chủ nhật tuyệt vời,” tôi đàn lên tiếng. “Tôi cũng vậy,” anh đáp.

“Cô bé đáng yêu tập đàn với cậu là ai vậy?” anh hỏi.

“Cô ấy là một học sinh năm ba tài năng đến từ Thái Lan, rất, rất tài năng.”

“Cách hai người nhìn nhau khi tập rõ ràng gợi lên đi đầu gì đó nhiều hơn tình thân thiết thầy trò.”

“Vâng, cô ấy đến tận đây để học với tôi mà.” Tôi có thể nhận ra anh đang dẫn dắt câu chuyện tới đâu và lắc đầu với ý trách móc hơi giễu cợt.

“Và liệu tôi có thể hỏi lát nữa cậu bận gì không?” Táo bạo đấy, tôi nghĩ.

“Ý ông là tối nay á? Tôi không.”

“Người như cậu không có một người bạn, người yêu, hay ai đó đặc biệt à?”

“Người như tôi á?” Chúng ta sẽ lặp lại cuộc trò chuyện Chủ nhật trước sao?

“Ý tôi là một người còn trẻ, thú vị, rõ ràng rất hấp dẫn, và chưa kể đến rất điển trai nữa.”

“Không có ai cả,” tôi đáp, rồi quay đi.

Tôi đang cố kìm anh lại ư? Hay thực ra rằng chính tôi cũng thích đi đâu ấy mà không muốn thể hiện ra thôi?

“Cậu không thích được khen, phải không?”

Tôi nhìn anh rồi lại lắc đầu, nhưng lần này không có ý gì đùa cợt cả.

“Vậy không có ai cả?” cuối cùng anh hỏi.

“Không có.”

“Kể cả qua lại...?”

“Tôi không qua lại bao giờ.”

“Không bao giờ sao?” anh hỏi, như giật mình. “Đúng.”

Nhưng tôi biết giọng mình nghe rất cứng nhắc. Anh đang đùa cợt, chọc ghẹo, gần như là tán tỉnh, và tôi thì đang tỏ ra vô hồn, nghiêm khắc, và, tệ hơn là, đạo đức.

“Nhưng chắc hẳn phải từng có một người đặc biệt chứ?”

“Từng có.”

“Sao lại kết thúc?”

“Chúng tôi là bạn, rồi là người tình, rồi nàng rời đi. Nhưng chúng tôi vẫn là bạn.”

“Liệu đã có người đàn ông nào chưa?” “Rồi.”

Chuyện kết thúc thế nào?”

“Anh ấy kết hôn.”

“À, lại là cái mác hôn nhân!”

“Khi ấy tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng họ đã bên nhau nhiều năm rồi. Họ đã yêu nhau từ trước cả lúc xảy đến chuyện giữa anh ấy và tôi.”

Lúc đầu, anh không nói gì cả dẫu anh có vẻ thắc mắc rất nhiều. “Hai người vẫn làm bạn chứ?”

Tôi không chắc liệu có muốn anh hỏi mình vậy không, dù sao thì tôi vẫn thích anh hỏi.

“Chúng tôi không liên lạc lâu lắm rồi, và tôi không biết chúng tôi vẫn là bạn không, dù tôi chắc chắn rằng sẽ luôn như vậy. Anh ấy nhìn thấu tôi rất rõ, và tôi có cảm giác anh ấy ngờ rằng nếu tôi không bao giờ thư từ gì thì không phải vì tôi không quan tâm mà là vì một phần trong tôi vẫn và sẽ luôn quan tâm, cũng như tại sao tôi biết rằng anh cũng quan tâm, và vậy nên anh cũng không viết gì cả, được biết đi đâu ấy thôi với tôi là đủ rồi.”

“Dù cho cậu ấy kết hôn?”

“Dù cho anh ấy kết hôn,” tôi nói. “Và hơn nữa, tôi nói thêm, như có thể sẽ xua tan được những mơ hồ, “anh ấy dạy học ở Mỹ, và tôi Ở đây, Paris – coi như xong chuyện rồi, đúng không? Vô hình nhưng luôn hiện hữu.”

“Không có vẻ như là xong chuyện. Sao cậu không đuổi theo, thậm chí dù cậu ta đã kết hôn chẳng nữa? Sao lại từ bỏ dễ dàng vậy?”

Giọng điệu như muốn trách móc của anh khiến tôi khó mà lờ đi được. Sao anh lại trách tôi? Chẳng phải anh không để tâm sao?

“Vậy, chuyện bao lâu rồi?” anh hỏi.

Tôi biết câu trả lời sẽ khiến anh rối lòng. “Mười lăm năm.”

Bỗng anh ngừng hỏi và yên lặng. Như tôi đã nghĩ, anh không lờng trước nhiều năm đã trôi qua tới vậy mà tôi vẫn mãi vẫn vương một người mà gần như đã thành hư vô.

“Chuyện thuộc về quá khứ rồi,” tôi bảo, cố gắng gỡ gạc.

“Không có gì thuộc về quá khứ cả.” Nhưng rồi lập tức anh hỏi tôi: “Cậu vẫn nghĩ về cậu ấy, phải không?”

Tôi gật đầu vì tôi không muốn nói thành lời.

“Cậu nhớ cậu ấy chứ?”

“Khi tôi cô đơn - đôi lúc, có. Nhưng đi đâu ấy không phiền, không khiến tôi buồn. Tôi có thể trải qua một tuần không hề nghĩ về anh. Đôi khi tôi muốn kể với anh ấy chuyện này chuyện nọ, nhưng rồi lại thôi, và thậm chí tôi tự nhủ như vậy sẽ khiến tôi vui lòng khi không nói, cho dù chúng tôi có thể sẽ không bao giờ nói với nhau gì nữa cả. Anh ấy dạy tôi mọi thứ. Cha tôi nói chẳng có gì là cấm kỵ khi trên giường; người tình của tôi đã giúp tôi tất cả. Anh là người đầu tiên.”

Michel lắc đầu với một nụ cười trêu mếu khiến tôi thấy được trấn an.
“Bao nhiêu người sau cậu ấy rồi?” anh hỏi.

“Không nhiều. Chỉ toàn ngắn ngủi thôi. Cả nam lẫn nữ.”

“Tại sao?”

“Có lẽ là vì tôi chưa bao giờ thực sự buông bỏ hay để mình đắm chìm vào với họ. Sau những ham muốn nhất thời, tôi luôn trở lại là chính con người đơn độc của mình.”

Anh uống nốt ngụm cà phê cuối.

“Một lúc nào đó trong đời này cậu sẽ cần phải gọi cho cậu ấy. Thời khắc ấy sẽ tới thôi. Nó luôn tới. Nhưng có lẽ tôi không nên nói ra.”

“Tại sao?” tôi hỏi.

“Ồ, cậu biết tại sao mà.”

Tôi thích đi đâu anh vừa bảo, nhưng câu nói lại khiến cả hai im lặng.
“Con người đơn độc của cậu, vậy,” cuối cùng anh lên tiếng, trốn tránh đi đâu vừa lướt qua chúng tôi vài giây trước. “Khó khăn lắm, đúng không?”

“Cha tôi cũng từng nói như thế, bởi vì tôi không bao giờ có thể quyết định đi đâu gì cả, làm gì với đời mình, nơi nào để sống, cái gì để học, hay ai để yêu thương. Trung thành với âm nhạc, ông bảo. Sớm hay muộn, những

điều khác sẽ tới. Ông bắt đầu sự nghiệp của mình khi đã ba mươi hai – nên tôi vẫn còn thời gian, dẫu không nhiều, nếu như tôi cũng tính thời giờ theo nhịp của ông ấy. Chúng tôi luôn rất thân thiết, từ khi tôi còn là một đứa trẻ. Ông ấy là một triết gia và thường viết những luận văn tại nhà còn mẹ tôi là một bác sĩ trị liệu ở bệnh viện, nên ông sẽ luôn lo chuyện bím sữa và mọi thứ khác. Chúng tôi có người giúp việc nhưng tôi luôn dính lấy ông. Ông là người đã dạy tôi yêu âm nhạc - trùng hợp thay, cũng chính là bản nhạc tôi đang dạy khi ông bước vào chiều nay. Khi chơi nó tôi vẫn có thể nghe thấy giọng ông ấy bên mình.”

“Cha tôi cũng dạy tôi nhạc. Nhưng tôi lại là một học sinh t ối.”

Tôi thích những trùng hợp như tụ vào nhau thế này dẫu cho tôi cũng không muốn khiến chúng thành ra quá nhiều. Anh cứ nhìn tôi mãi và không nói gì. Nhưng rồi anh nói điều khiến tôi như mất cảnh giác một lần nữa: “Cậu thật đẹp.” Câu nói ấy nảy ra từ vô thức, nên thay vì phản ứng gì đó, tôi tìm cách đổi chủ đề, chỉ là khi cố làm vậy tôi nghe thấy chính mình lẩm bẩm một điều còn vô thức hơn. “Ông khiến tôi b ối ch ối.”

“Sao cậu lại nói vậy?”

“Tôi không biết. Có lẽ là vì tôi không thực sự biết ông, hay lúc nào ông muốn tôi dừng lại và không tiến xa hơn nữa.”

“Đáng ra mọi chuyện nên rất rõ ràng rồi chứ. Nếu có gì thì tôi mới là người phải b ối ch ối.”

“Tại sao?”

“Vì có lẽ tôi chỉ là một vui thú bất chợt của cậu, hoặc là một cái gì đó cao hơn một lần qua lại.”

Tôi giấu cười đi đâu anh vừa bảo.

“Và nhân tiện” – dù lưỡng lự trước khi nói ra nhưng tôi chợt thấy như rất cần phải nói – “tôi không giỏi đạo đầu đầu.”

Anh bật cười, “Nói trước đi đâu ấy là vì lợi ích của tôi à?”

“Có thể.”

“Chà, nhưng để quay lại với đi đâu tôi đang nói: Cậu thực sự rất đẹp. Và vấn đề hoặc là chính cậu cũng biết và nhận thức được sức quyến rũ của nó đối với người khác hoặc rằng cậu cần tỏ ra không phải vậy – đi đâu không chỉ khiến cậu khó để thấu hiểu mà là, với một người như tôi, rất nguy hiểm.”

Tôi chỉ gật phỉnh phờ. Tôi không muốn bảo anh rằng đi đâu anh vừa dứt lời là sai lầm. Nên tôi chỉ nhìn anh, mỉm cười, và nếu ở một hoàn cảnh khác có thể tôi đã chạm tay lên hai mí mắt anh trước khi hôn chúng.

Trời d'ần tối, ánh đèn trong quán chúng tôi ng'õ và quán bên cạnh được mở lên. Chúng chiếu một ánh chói lọi, bất định lên nét mặt anh, và lần đầu tiên, tôi được nhìn rõ bờ môi, trán, và đôi mắt anh. Anh mới là người điển trai, tôi nghĩ. Đáng lẽ tôi nên nói, và đó là lúc để nói ra. Nhưng tôi cứ im lặng. Tôi không muốn chỉ nhắc lại lời anh; nói vậy sẽ nghe như một nỗ lực căng thẳng và mưu mô để vẽ ra sự tương thích giữa hai người. Nhưng tôi thực lòng say mê đôi mắt ấy. Và anh vẫn nhìn tôi mãi.

“Cậu khiến tôi nhớ về con trai mình,” cuối cùng anh lên tiếng.

“Chúng tôi nhìn giống nhau à?”

“Không, nhưng cũng trạc tuổi. Thăng bé cũng thích âm nhạc cổ điển. Nên tôi từng hay đưa nó tới nhà thờ mỗi tối Chủ nhật, như cách cha tôi đã làm.”

“Hai người vẫn hay đi chứ?”

“Không. Thăng bé giờ sống ở Thụy Điển, chắc vậy.”

“Nhưng hai người vẫn thân thiết chứ?”

“Tôi ước vậy lắm. Sau khi chúng tôi ly hôn thì dường như mọi thứ giữa hai cha con đều sụp đổ, dẫu tôi chắc rằng vợ tôi không hề gây tổn thương

gì đến mối quan hệ ấy. Nhưng thằng bé biết đi đâu tôi đã làm và, tôi nghĩ vậy, nó sẽ không bao giờ tha thứ. Hoặc là nó chọn ấy là cái cớ để xa lánh tôi, đi đâu nó đã luôn muốn kể từ lúc thành niên, Chúa mới biết tại sao.”

“Sao họ lại biết chuyện?”

“Vợ tôi phát hiện ra trước. Một chiều nàng về sớm rồi thấy tôi nằm nghe slow jazz và nhấm nháp rượu trong phòng. Tôi đang một mình và chỉ bằng cách quan sát nét mặt tôi là nàng biết ngay rằng tôi đang yêu. Thật đúng là trực giác phụ nữ! Nàng đặt túi xách bên bàn trà, ngồi xuống cạnh tôi bên sofa, và thậm chí với tay ra rồi uống một hớp rượu của tôi: “Cô ấy có phải ai đó em biết không? nàng hỏi sau một hồi im lặng lâu, rất lâu. Tôi hiểu ý nàng ngay và chẳng có nghĩa lý gì để giấu giếm nữa. Không phải một cô đâu, tôi đáp. À, nàng nói. Tôi vẫn còn nhớ những vụn vỡ cuối cùng của ánh mặt trời vương trên tấm thảm và la liệt trên ghế, mùi khói phảng phất từ ly whiskey, và con mèo nhỏ cuộn lại cạnh chân tôi. Ánh nắng, mỗi khi tôi ngẩng nhìn từ phòng khách của mình, vẫn nhắc tôi nhớ về hôm ấy. Vậy thì tệ hơn em tưởng, nàng bảo. “Tại sao?” tôi hỏi. “Vì nếu với một người phụ nữ thì em vẫn còn cơ hội, nhưng với một người giống anh, thì em chẳng thể làm được gì nữa. Em không thể thay đổi anh. Và vậy là kết thúc gần hai mươi năm hôn nhân. Sau đấy thì con trai tôi cũng tìm cách để sớm biết chuyện, và rồi nó đã biết.”

“Bằng cách nào?”

“Tôi nói với nó. Tôi đã nghĩ biết đâu nó sẽ hiểu. Nhưng không.”

“Tôi rất tiếc” là tất cả những gì tôi có thể nói ra.

Anh nhún vai. “Tôi không thấy hối hận về những rẽ ngang trong cuộc đời mình. Nhưng tôi thực sự hối hận vì đã đánh mất thằng bé. Nó không bao giờ liên lạc khi tới Paris, không thư từ gì, và không bao giờ nghe máy khi tôi gọi.”

Anh nhìn đồng hồ. Đã đến lúc phải đi rồi sao?

“VẬY là tôi không sai lần khi bám theo cậu chứ?” anh hỏi lần thứ ba, có lẽ là vì anh muốn nghe tôi bảo rằng hoàn toàn không đau, và tôi cũng muốn nói như vậy rất nhiều.

“Không hề sai.”

“Và cậu không buồn lòng với tôi về tội nọ chứ?” anh hỏi.

Tôi biết chính xác ý anh là gì.

“Có lẽ là có – một chút.”

Anh mỉm cười. Tôi biết anh có vẻ muốn rời khỏi quán, nên tôi ngẩng sát lại cạnh anh, vai chạm vai. Và rồi anh quàng tay quanh tôi và kéo tôi gần kề, như muốn tôi tựa đầu lên vai anh. Tôi không biết rằng anh làm vậy là để trấn an tôi hay đơn giản chỉ là để chiều ý một chàng trai trẻ đã mở lòng ra và nói những điều cảm động với một người già dặn hơn. Hoặc có lẽ đây chỉ là cách anh sẽ ôm chào tạm biệt. Vậy nên, vì sợ rằng sẽ phải nói câu chào không thể tránh được, tôi nói bật ra, “Tối nay tôi không bận gì đâu.”

“Vâng, tôi biết. Cậu bảo tôi rồi.”

Nhưng chắc hẳn anh nhận ra rằng tôi đang hồi hộp hoặc là giọng anh đang kỳ quặc.

“Cậu thật tuyệt vời và...” anh không nói hết câu. Anh định trả tiềN nhưng rồi tôi níu tay anh lại. Và khi giữ lấy, tôi bắt đầu chăm chú vào nó.

“Cậu làm gì vậy?” anh hỏi như muốn trách móc. “Trả tiềN.”

“Không, cậu nhìn chăm chăm vào tay tôi.

“Tôi đâu có,” tôi phản lại. Nhưng tôi có nhìn thật

”.

“Người ta gọi là tuổi tác,” anh bảo. Rồi một thoáng sau: “Chưa đổi ý đúng không?” Anh khẽ cắn môi dưới nhưng rồi dừng ngay. Anh đang đợi tôi trả lời.

Nhưng bởi vì tôi chẳng nghĩ được gì để nói với anh dù cho nhận thấy sự thôi thúc cần phải nói ra gì đó, gì cũng được, “Hãy đừng chào tạm biệt, chưa phải bây giờ.” Dẫu vậy tôi nhận ra nói như thế có thể sẽ bị hiểu lầm thành một lời van nài được kéo dài thời gian vốn vẹn ở lại quán, nên tôi quyết định nói một điếu khác táo bạo hơn. “Đừng để tôi về nhà tối nay, Michel,” tôi bảo. Tôi biết lúc ấy mình lại đỏ mặt, và đã sẵn sàng soạn ra điếu gì đó để nói xin lỗi và rút lại những lời này, thì điếu anh trả lời như đã giải thoát cho tôi.

“Tôi cũng đang nghĩ cách để nói ra điếu tương tự nhưng mà, một lần nữa, cậu lại nhanh hơn tôi. Thật lòng thì,” anh tiếp tục, “tôi không làm chuyện này thường xuyên. Thực ra, tôi đã không làm lâu lắm rồi.”

“Chuyện này hả?” tôi nói, pha một tí bỡn cợt.

“Chuyện này.”

Chúng tôi rời đi ngay sau đó. Cả hai đã đi bộ và dắt theo chiếc xe đạp của tôi tầm hai mươi hoặc ba mươi phút để tới nhà anh. Anh bảo có khi nên bắt taxi. Tôi bảo thôi, tôi thích đi bộ hơn; hơn nữa, chiếc xe này gấp lại không dễ dàng gì, và mấy người lái taxi luôn phàn nàn. “Tôi thích chiếc xe này. Tôi thích cậu có một chiếc thế này.” Rồi, anh tự nhận ra: “Tôi đang ba hoa rồi, phải không?” Chúng tôi đi gần sát nhau với khoảng cách không bao giờ quá một bước chân và tay của cả hai cứ lướt chạm vào nhau suốt. Rồi tôi với lấy tay anh và nắm nó một lúc. Như vậy sẽ đẹp đi sự ngượng ngùng, tôi nghĩ. Nhưng anh không nói gì. Một vài bước nữa qua những phiến đường lát đá, và tôi thả tay anh ra.

“Tôi thực sự yêu chuyện này,” tôi bảo.

“Chuyện này hả,” anh trêu. “Ý nói hiệu ứng Brassai sao?”

“Không, hai ta cơ. Đây là chuyện đáng lẽ ta phải làm từ hai đêm trước.”

Anh hạ mắt nhìn vĩa hè, mỉm cười. Có phải tôi đang đẩy mọi chuyện quá nhanh không? Tôi thích cuộc đi bộ lần này của hai người là một sự lặp lại của tối ấy. Đám đông và bài hát trên cầu, những phiến đá lát lấp lánh, chiếc xe đạp với túi treo sườn mà sau đấy tôi sẽ khóa vào một cột rào, và những lời bình vạ vợ của anh ước rằng sẽ mua được một chiếc giống thế.

Đi đâu không bao giờ khiến tôi thấy hết ngạc nhiên và phủ một vầng sáng xung quanh buổi tối này là từ khi chúng tôi gặp nhau, cả hai đã luôn suy nghĩ cùng một mạch, và khi mà chúng tôi lo sợ rằng không phải vậy hay cảm thấy bản thân đang hiểu sai ý người kia, thì đó chỉ là vì cả hai đều đã biết rõ ta không nên mong mỗi sẽ tồn tại một người thứ hai cũng có cùng suy nghĩ với mình, và đi đâu đó là lý do tôi luôn thấy lúng túng trước anh và bất bình với tất cả những sự thôi thúc trong tâm trí mình và cảm thấy chẳng thể hạnh phúc hơn khi hai người có thể dẹp bỏ những bức ngăn ấy dễ dàng tới vậy. Tuyệt làm sao khi cuối cùng có thể nói ra đi đâu đã luôn chất chứa trong tôi kể từ Chủ nhật ấy: Xin đừng để em về tối nay. Tuyệt làm sao khi anh nhận ra tôi đã đổ mắt vào tối nọ và khiến tôi muốn thừa nhận rằng mình thực sự đã vậy, để rồi chỉ lúc ấy anh mới nhận ra rằng chính anh cũng đổ mắt. Hai người mới ở bên nhau chưa tới bốn giờ đồng hồ có thể có ít bí mật riêng mình đến thế này ư? Tôi tự hỏi cái bí mật đầy tội lỗi mà chính tôi đang nén lại trong những giả dối hèn hạ của mình là gì?

“Tôi dối ông về chuyện qua lại,” tôi bảo.

“Tôi cũng đoán được,” anh đáp, gần như lơ đi sự khó nhọc trong cách tôi bày tỏ.

Khi chúng tôi bước vào thang máy kiểu Pháp nhỏ và chật hẹp đến nỗi cả hai phải ép sát với nhau, “Giờ hãy ôm lấy tôi được chứ?” tôi hỏi. Anh đóng cửa thang máy lại và nhấn nút lên tầng của anh. Tôi lắng nghe tiếng những động cơ cần đã bắt đầu kéo thang máy lên, rồi bất chợt anh không chỉ

ghì lấy mà còn đặt hai bàn tay anh lên má tôi rồi hôn tôi thật âu yếm. Tôi nhắm mắt lại và hôn anh. Tôi đã mong chờ điều này quá lâu rồi. Tất cả những gì tôi nhớ là lắng nghe tiếng thang máy nặng nề và chơi với kéo lên tầng trên trong khi tôi thầm mong mỗi rằng âm thanh ấy vĩnh viễn không dứt và thang máy này cứ đi tiếp mãi mãi.

Rồi, khi anh đóng cửa căn hộ của mình lại, đến lượt tôi bắt đầu hôn anh, như anh vừa mới làm. Tôi biết anh cao hơn mình, và tôi biết anh cũng khỏe hơn. Tôi chỉ muốn anh biết rằng tôi đã chẳng còn e dè giữ kẽ gì cả và cũng sẽ không như vậy.

“Có lẽ ta cần gì đó để uống,” anh nói. “Tôi có một ít rượu whiskey. Loại đơn cất em thích, đúng chứ?”

Câu hỏi về đồ uống khiến tôi bất ngờ, nhất là khi tôi đang định cởi ba lô và áo khoác, áo len rồi bảo anh hãy ôm mình lần nữa. Tim tôi loạn nhịp, rồi bỗng tôi thấy xấu hổ, dẫu cho những chuyện thế này chẳng xa lạ với tôi là bao. Tôi cứ mong anh đừng lảng xảng qua lại như vậy nữa. Nhưng tôi không nói gì và nhân lúc ấy cởi ba lô rồi đặt nó lên một chiếc ghế tựa.

“Em muốn cởi áo khoác chứ?” anh hỏi.

“Một lát nữa,” tôi đáp.

“Tôi thích chiếc ba lô đấy,” anh nói, quay lại.

“Nó là một món quà. Từ một người bạn.” – và bởi vì có đôi chút lưỡng lự trong nét mặt anh – “chỉ là bạn thôi.”

Anh chỉ lên sofa bảo tôi ngồi đó và nói rằng anh sẽ mang ly tới. Nên tôi ngồi xuống. Tôi không biết tại sao nhưng tôi bỗng thấy lạnh, nên tôi đứng dậy lần nữa khi anh đang ở sảnh trước và dựa gần máy sưởi. Thấy hơi ấm vẫn chưa đủ, tôi đặt tay lên trên nó.

“Em thấy ổn chứ?”

“Vâng, chỉ lạnh thôi,” tôi nói. Tôi đã suýt nữa nói với anh rằng bỗng nhiên tôi thấy như sắp cóng run lên.

“Vậy để tôi khép cửa sổ.” Và anh đóng lại.

Tôi có muốn thêm ít đá trong rượu của mình không?

Lắc đầu.

Nhưng tôi không rời cái máy sưởi và cứ áp mãi tay và cả thân mình cạnh nó. Anh đặt hai ly rượu lên bàn trà, đến bên tủ đằng sau lưng và bắt đầu xoa bóp vai tôi. Tôi yêu cách anh nắn bóp cổ và hai bả vai mình.

“Tốt hơn chưa?” anh hỏi.

“Nữa đi,” tôi nói. Rồi chẳng biết vì sao: “Tôi bảo mình bần thần rồi mà.”

“Vì tôi sao?”

Tôi rùn vai xuống, biết rằng anh sẽ hiểu đó nghĩa là Em không biết, có lẽ không phải anh, không phải tối nay, ai mà biết, nhưng đừng dừng lại.

Anh có đôi tay khỏe – và anh biết, như cách tôi muốn anh biết – rằng người tôi như nhũn ra từng chút một mỗi lần anh nắn bóp vào vùng cổ ngay dưới sọ tôi và truyền đi những cơn rung mình đầy kích thích chạy dọc xuống tủy sống. Khi xoa bóp xong, anh đặt tay quàng quanh tôi và ép sát ngực anh vào lưng tôi, hai tay anh luồn xuống dưới áo. Tôi không thấy phiền đâu nếu anh chạm xuống thấp hơn nữa, nhưng anh không làm vậy, dù tôi biết chắc rằng chuyện ấy đã lướt qua suy nghĩ anh, bởi vì tôi nhận ra trong một phần triệu giây ấy đã có sự lưỡng lự. Thật dịu dàng, anh kéo tôi ngồi về sofa.

Nhưng rồi anh bắt đầu với whiskey, rót một ít vào hai ly của chúng tôi, chợt nhớ ra gì đó và vội đi vào bếp, đem ra hai bát lớn, một đựng hạt dẻ, một đựng những chiếc bánh quy nhỏ rắc muối. Anh ngồi xuống Ở đâu kia sofa, chúng tôi chạm ly, nâng lên, và uống ngụm đầu tiên. Anh muốn biết

tôi nghĩ gì. Tôi không biết mình nghĩ gì. Nên tôi nói tôi vẫn còn lạ lẫm với whiskey đơn cất nhưng mà tôi thích chúng. Anh đưa bát mời tôi thử hạt dẻ, nhìn tôi lấy một ít, rồi đặt nó lại trên bàn trà mà không ăn. Tôi nhấp ngụm thứ hai và nói rằng mình vẫn lạnh. “Tôi có thể uống trà thay vì thế này không?” Tôi thích loại nào, nhà có nhiều lắm, anh bảo. Gì cũng được, tôi đáp, chỉ cần nóng là được. Khi đứng dậy để vào bếp, anh chạm nhẹ lên má và dọc xuống cổ tôi. Cảm giác ấy khiến tôi nhớ về mẹ mình khi tôi không khỏe và bà làm vậy để kiểm tra liệu tôi có sốt không. Nhưng cái chạm của anh không phải để kiểm tra bị sốt, và tôi mỉm cười. Và phút sau, ngay sau khi tiếng bíp của lò vi sóng, anh trở ra và tôi giữ chiếc cốc ấm

áp bằng cả hai bàn tay mình. “Tốt hơn nhiều rồi.” tôi bảo, gần như bật cười vì cách tách trà này có thể khiến tôi thấy hạnh phúc tới vậy.

Một lần nữa anh đứng lên, và mở nhạc.

Tôi lắng nghe một lúc. “Brazil?”

“Chính xác.” Anh có vẻ hài lòng. Anh mới mua đĩa CD này hôm nọ, anh nói.

Qua nụ cười của tôi, anh biết tôi hiểu được lý do anh mua nó.

Tôi hiểu tiếng Bồ Đào Nha không, anh hỏi. Cả hai cùng bật cười. Cả hai đang hồi hộp.

Một chút, còn anh?

Không một từ.

Chúng tôi trò chuyện chủ yếu về những người tình cũ. Của anh là một kiến trúc sư người mà cuối cùng đã chuyển về Montreal nhiều năm trước. “Còn em?” anh hỏi. “Và ý tôi không phải về cái cậu kết hôn rồi.” Vậy là anh có nhớ đến người đã rời xa và ném đời tôi vào bất định. Tôi kể với anh về mối tình dài nhất của mình với một cậu bé tôi quen từ hồi tiểu học, chúng tôi gặp lại gần mười lăm năm sau trong một quán bar đồng tính tí

tận ngoại ô tũn tàn của Rome. Cậu ấy khiến tôi ngạc nhiên khi thú nhận rằng đã thích thân tôi từ hồi cả hai mới tám tuổi. Tôi bảo rằng mình đã hoàn toàn bị cậu bỏ bùa khi lên chín. Sao cậu không nói gì? Sao tôi cũng vậy? Sao chẳng ai trong hai ta biết về chính mình?

Tất cả những gì chúng tôi muốn là được bù đắp lại cho khoảng thời gian đã mất ấy. Tôi nghĩ chúng tôi không thể tin được hai người đã may mắn ra sao mới gặp lại được nhau.

“Hai người bên nhau bao lâu?”

“Gần hai năm.”

“Sao lại chia tay?”

“Tôi từng tin rằng cảm giác êm ấm cũ kỹ và thân thương ấy đã giết chết những gì cả hai có với nhau. Nhưng chuyện không chỉ vậy. Cậu ấy muốn nhận nuôi một đứa trẻ, thậm chí còn muốn tôi sẽ làm cha của nó. Cái cậu muốn là một gia đình.”

“Và em thì không sao?”

“Tôi không biết rằng mình không muốn. Tôi chỉ biết mình chưa sẵn sàng, tôi từng hoàn toàn tận tâm với âm nhạc và giờ vẫn vậy. Sự thật là, tôi cứ mong lại được một mình.”

Anh nhìn tôi như bắn khoả: “Liệu có khi nào đây là một lời cảnh báo dành cho tôi không?” anh hỏi.

“Tôi không biết.” Tôi mỉm cười để giấu đi nỗi xấu hổ. Câu hỏi của anh hoàn toàn làm tôi bất ngờ. Nhưng rồi, nếu là anh, tôi cũng sẽ hỏi đi đâu tương tự như vậy.

“Có lẽ tôi không nên nói gì thì hơn, nhưng tôi đang đứng nhìn mọi chuyện từ một khía cạnh khác cơ. Tuổi tác. Tôi chắc rằng em cũng đã nghĩ về điều ấy rồi.”

“Tuổi tác chẳng phải vấn đề.”

“Vậy sao?”

“Tôi đã nói vậy hôm Chủ nhật rồi mà. Hai ta quên nhanh quá.”

“Tôi không nhớ.”

“Ông đang trí mất rồi.”

“Tôi bị bối rối thôi.”

“Và tôi thì không vậy sao?”

“Tôi đã luôn nghĩ về em kể từ lúc ta nói tạm biệt ngoài quán ăn. Tôi đi ngủ và nghĩ về em, tỉnh dậy và nghĩ về em, và tương tư về em suốt ngày hôm sau ấy, chỉ là tôi cứ tự trách mình mãi. Bây giờ tôi còn chẳng tin được là em đang ngồi ngay cạnh đây bên tôi.”

Anh ngừng lại, nhìn tôi, và nói, “Và tôi muốn hôn em.”

Tôi thấy ngạc nhiên hơn cả lúc tôi và anh cuốn lấy nhau trong thang máy. Tôi cảm thấy như cả hai chưa từng được hôn trước đây bao giờ và cái bóng của nỗi khó xử khi dạo bước cạnh mà chẳng thể nào nắm tay anh vẫn chưa được xua tan. Anh đặt ly của mình xuống, dịch lại gần tôi, và hôn nhẹ lên môi, gần như lúng túng, cùng lúc, như một bản nhạc nền dịu êm của nụ hôn trước đây, đằng sau tiếng người ca sĩ Brazil mờ ảo ngân lên trong căn phòng tôi cứ nghe thấy âm thanh của chiếc thang máy đang đi xuống để nhắc tôi nhớ rằng khi hôn nhau giữa tiếng thang máy cũ kỹ di chuyển lên và xuống cũng giống như hôn dưới tiếng lộp độp của một cơn mưa rào dưới một mái nhà tại một vùng quê, và rằng tôi thích âm thanh đấy và không muốn nó dừng lại bởi vì tôi cảm thấy thật ấm cúng, được bảo vệ, và an toàn dưới sự mê hoặc của nó, bởi vì, không chỉ không xâm phạm giữa hai chúng tôi, mà nó còn lên tiếng cho cuộc đời tẻ nhạt tại bên ngoài phòng khách của anh và nhắc tôi rằng tất cả chuyện này không phải chỉ là một giấc chiêm bao mà tôi tự tạo. Cái anh thực sự muốn có lẽ là để hai người được chậm rãi và không vội vàng, và, nếu cần, có thể rút lui nếu

chuyện diễn ra nhanh hơn mong muốn. Tôi chưa làm như thế này bao giờ. Rồi anh hôn tôi lần nữa, cũng vẫn thật nhẹ nhàng.

“Khá hơn chứ?” anh hỏi.

“Nhiều rồi. Ôm tôi nữa đi, xin đấy.” Tôi muốn được ôm và quàng tay mình quanh anh. Tôi thích cảm giác chiếc áo len của anh chạm lên mặt mình, mùi của gỗ, và, sau lớp len dưới tay anh, một mùi hương dịu nhẹ chỉ có thể là từ cơ thể anh.

Nên tôi thì thầm những câu trong bài hát Bồ Đào Nha ay:

De que serve ter o mapa se o fim está traçado De que serve a terra à vista se o barco está parado

De que serve ter a chave se a porta está aberta

“Dịch nào,” anh bảo.

Bản đồ để làm gì nếu điểm tận cùng đã biết trước? Bến bờ để làm gì nếu thuyền bè đều vô dụng: Chìa khóa để làm chi nếu cánh cửa kia luôn rộng mở?

Anh yêu câu hát, anh bảo, và bảo tôi đọc lại lần nữa đi, và tôi đọc.

Sau đó, anh nói, “Nằm xuống đi.” Anh dẫn tôi tới phòng ngủ. Tôi định cởi cúc áo mình, nhưng “Đừng,” anh nói, “để tôi.” Tôi muốn trần trụi đứng trước anh nhưng không biết phải nói ra thế nào. Nên tôi để anh cởi đồ mình mà không đụng tới quần áo anh. Anh dường như không bận tâm. “Là vì” – và anh lưỡng lự – “tôi muốn chuyện này thật đặc biệt,” anh bảo.

Và khi nằm xuống, chúng tôi ôm ấp và kiếm tìm môi nhau. Nhưng tôi có thể cảm nhận được hai người vẫn không ổn định và chấp chới. Có thứ gì đó không trọn vẹn. Không phải là thiếu mất đam mê; chúng tôi đang thiếu đi sự quả quyết. Có phải chúng tôi, biết đâu, đã làm chuyện chậm dần đến mức ngừng hẳn? Tôi khiến anh thất vọng rồi sao? Hai ta đang đối ý ư? Có lẽ anh cũng đang cảm thấy vậy, đó là một cảm giác không ai có thể che

đây đi hoặc phớt lờ đi được. Anh nhìn tôi chăm chú rồi nói rằng, “Em sẽ để tôi khiến em hạnh phúc chứ, hãy để tôi, tôi muốn vậy.”

“Làm bất cứ điều gì ông muốn. Như vậy em sẽ vui lòng.”

Nghe thấy điều ấy và anh chẳng còn chần chừ được và hôn tôi lần nữa rồi bắt đầu cởi hết cúc áo. “Em muốn tôi cởi áo em chứ?” Hỏi kiểu gì vậy, tôi nghĩ rồi gật đầu. Rồi, khi anh giúp tôi: “Tôi yêu da em, ngực em, vai và mùi hương em. Em đỡ lạnh chưa?” anh hỏi, cùng lúc ấy nhẹ nhàng vuốt ve ngực tôi.

“Rồi,” tôi bảo, “giờ thì hết rồi.”

Một lần nữa anh khiến tôi bất ngờ: “Tôi muốn ta hãy đi tắm nước nóng.”

Chắc hẳn tôi đã nhìn anh bằng đôi mắt lúng túng hơn cả. “Sao không, nếu ông muốn.”

Chúng tôi đứng dậy, rồi bước vào nhà tắm của anh. Nó còn lớn hơn cả phòng khách nhà tôi.

Tôi không thể tin vào số lượng chai lọ xếp hàng trên sàn phòng tắm rộng vách kính. “Hai cho tôi, hai cho em,” anh bảo, soạn ra bốn chiếc khăn tắm màu xanh biển đem được gấp gọn gàng. Với một nỗ lực đem tới một chút hài hước vì cả hai chúng tôi đều đã cởi đồ và đụng chạm, tôi hỏi liệu khách sạn có phục vụ đồ ăn sáng không. “Có chứ,” anh đáp. “Một bữa sáng thịnh soạn luôn được kèm theo cho tất cả khách trọ.” Chúng tôi trần trụi và đang cương khi hôn nhau lần nữa.

“Nhắm mắt lại và tin tôi,” anh nói. “Tôi muốn khiến em hạnh phúc.” Tôi không biết anh có ý định gì nhưng tôi làm theo điều anh bảo. Tôi nghe thấy anh cầm lên một chiếc khăn, và lập tức tôi nhận ra mùi hương của sữa tắm, vì nó có mùi của hoa cúc, gợi nhắc tôi về ngôi nhà của cha mẹ mình và, đầu cho thời tiết ngoài trời đêm nay, hương thơm ấy đưa tôi trở về với

mùa hè của mình ở Ý, và làm cho tôi cảm giác như được về nhà ngay tại một nơi không phải nhà của mình. Anh bắt đầu xoa khắp cơ thể tôi, và tôi để mặc bản thân mình hòa với cảm giác ấy. “Đừng mở mắt ra,” anh nhắc khi xoa nhẹ nhàng một lớp bột lên mặt tôi và hỏi liệu anh có thể gọi đầu cho tôi không, rồi tôi bảo đương nhiên, và khi bột bông lên trên tóc tôi sau khi anh xoa lên, tôi nghe thấy anh tắm cho mình, ngay sau đó lại là cảm giác được những ngón tay anh chà và xoa bóp trên gáy tôi lần nữa. “Đừng có mà lén nhìn đấy,” anh bảo, và tôi biết được qua giọng của anh rằng anh gần như bật cười về chuyện cả hai đang làm trong nhà tắm.

Sau khi xong, và khi tôi vẫn phải nhắm mắt, anh mở cánh cửa kính và giúp tôi từ từ bước ra ngoài, rồi nhất quyết muốn lau người, lau tóc, lưng và nách cho tôi, và rồi dắt tôi vào phòng ngủ và bảo tôi nằm lên giường anh. Tôi yêu chuyện không mặc gì cả và được ngắm nhìn, yêu chuyện chiều chuộng thế này, yêu khi anh bắt đầu thoa kem dưỡng lên tôi và mỗi lần anh đổ ra nhiều hơn vào lòng bàn tay rồi chạm lên khắp người tôi. Tôi thấy mình như một đứa bé được tắm tã và chăm nom bởi cha mẹ mình, đi đâu ấy lại mang tôi về với thời ấu thơ khi cha tôi tắm cho tôi trong vòng tay ông. Chắc hẳn tôi đã từng vậy – tại sao mọi chuyện lại ưà về ngay lúc này, và tại sao nó bỗng nhiên như giải thoát tôi khỏi chiếc hộp với cái nắp đóng chặt đã tước đi của tôi không khí và ánh sáng và âm thanh và tước cả mùi hương thơm ngát của hoa và cỏ cây mùa hè? Tại sao tôi như thế được thoát khỏi chính mình và rằng tôi chính là người khổ sai với nơi tù đầy không đâu khác là chính tôi đây và chỉ mình tôi thôi? Và kem dưỡng này mà tôi chưa từng cảm nhận được nó trước đây trên da mình là gì vậy? Tôi mong muốn đi đâu gì từ người đàn ông này và tôi sẽ phải đem trao lại cho người ta những gì? Có phải tất cả đi đâu anh làm là vì tôi đã nói với anh rằng mình bần chần, là vì tôi đã cảnh báo anh mình rất tệ những lúc dạo đầu

không? Tôi để anh làm những gì anh muốn, vì tôi thực sự thích thế này, cảm thấy mình được khao khát và ngược lại càng thêm khao khát anh nhiều hơn, hơn cả khi tôi gặp anh ở nhà thờ và tìm lại không ôm dụi vào ngực anh. Tôi tưởng mình đã biết anh sẽ làm gì tiếp theo, nhưng đi đâu anh làm, một lần nữa, tôi không hề lường được, vậy nên khi anh cuối cùng cũng bảo tôi mở mắt và nhìn thẳng vào anh, tôi đã hoàn toàn thuộc về anh và khi anh hôn tôi lần nữa và lần nữa thì tôi không cần nói hay nghĩ gì cả, tôi không cần phải làm gì ngoài dâng hiến bản thân mình cho một người dường như biết tôi, biết cơ thể tôi và biết đi đâu nó khát khao rõ hơn cả chính tôi biết, bởi vì có lẽ anh đã biết ngay từ lúc bắt chuyện trong nhà thờ và tôi khẽ chạm lên tay anh, biết khi anh bảo tôi đợi bên ngoài và rồi mời tôi đi ăn tối, biết khi chúng tôi dừng lại nơi mà đáng ra tối đó cả hai có thể tới thay vì vội vàng nói chúc ngủ ngon, biết tất cả về tôi khi anh thấy tôi đỏ mặt dễ dàng và rồi nói mãi về người cha tuyệt vời để xem tôi sẽ phản ứng thế nào, biết rằng tôi đã đánh mất linh hồn mình quá lâu rồi và giờ thì nhận ra rằng bấy lâu nay nó vẫn luôn quanh quẩn đây thôi nhưng tôi chẳng biết tìm nó nơi đâu hay bằng cách nào khi không có anh – Lạc mất linh hồn mình, lạc mất linh hồn mình, tôi muốn nói, và rồi nghe thấy chính mình lầm bầm từng lời, Lạc mất linh hồn mình, bao năm nay. “Đừng,” anh nói, như thể sợ rằng tôi sẽ bật khóc. “Hãy nói là tôi không làm em đau đi,” anh bảo. Và tôi gật. “Không, nói ra đi em, nói Ông không khiến em tổn thương, nói ra lời vì em thực sự thấy như thế.” “Ông không khiến em tổn thương,” tôi nói. “Hãy nói lại, lặp lại nữa đi em.” Và tôi nói, “Ông không khiến em tổn thương,” bởi vì tôi thực sự thấy thế, “Ông không tổn thương em, ông không tổn thương em, không hề, không hề” rồi nhận ra dấu tôi lặp lại những lời ấy nhiều lần hơn anh bảo, đi đâu anh làm cũng đã khiến tôi bỏ lại mọi thứ tôi đã đem theo đêm ấy, suy nghĩ của tôi, nhạc của tôi, giấc

mơ của tôi, tên tôi, tình yêu của tôi, sự ngấn ngại đè nặng tôi, xe đạp của tôi, và mọi thứ khác trong áo khoác và ba lô của tôi đặt ở phòng khách hoặc trong túi treo sườn mắ vào chiếc xe đạp bị khóa vào một cột trụ chỉ đường tít tận dưới tầng kia trước khi chúng tôi vào thang máy, thứ mà một lần nữa, giờ khi chúng tôi làm tình, phát ra âm thanh kể chuyện của nó, bởi vì ai mà biết được người thuê nhà nào đã nhấn nút kéo thang máy từ tầng dưới lên và sẽ sớm thôi bước vào trong, nhấn đóng lại cánh cửa mỏng sau lưng mình, và đi một chuyến chơi vơi xuống nơi chẳng ai biết là tầng nào, và tôi cũng không cần biết, bởi vì tôi cứ ngẫm nghĩ mãi về những đi ầu hỗn loạn ấy chính là vì tôi đang cố và vẫn đang thất bại mỗi khi tự nhủ rằng tôi không hề mất kiểm soát khi tôi biết rõ rằng tôi đang ra sức nắm chặt từng mảnh thực tại và cảm nhận chứng cứ tuột khỏi mình, và ngắt ngảy mỗi lần như vậy, bởi vì tôi yêu việc anh chứng kiến đi ầu đang xảy đến với tôi, và tôi muốn anh thấy cảm giác ấy trên gương mặt tôi trong khi anh thực hiện việc hào hiệp nhất thế gian này, đó là đợi và vẫn chờ đợi trong khi tôi vẫn lặp lại rằng anh không khiến tôi đau, không khiến tôi thương tổn, như anh vừa bảo tôi nói thế, cho tới khi tôi nhận ra mình đang cầu xin anh đừng đợi nữa, bởi vì đây là một yêu cầu lịch sự, mong rằng anh cũng sẽ quyết hộ cho tôi, bởi vì lúc này cơ thể anh biết rõ cơ thể tôi hơn là tôi biết về chính mình.

Chỉ có một vài vấp vấp ngại ngần ngần xảy ra trong khoảnh khắc gần gũi hoàn hảo giữa hai người đàn ông mà trước lúc ấy vẫn chưa thấy nhau trần trụi. Nó xảy ra trong nhà tắm khi anh nắm lấy dương vật tôi và mắt tôi vẫn nhắm chặt tránh bọt xà bông. “Tôi không biết phải hỏi thế nào,” anh đã bảo vậy, “nhưng...” Và rồi anh lại chần chừ.

“Sao?” Anh đã khiến tôi bần chần và giờ tôi lại chẳng thể mở mắt nữa.

“Em là người Do Thái à?” cuối cùng anh lên tiếng. “Thật ư?” tôi đáp, suýt phá ra cười. “Ông không nhận ra à?”

“Tôi đã cố phỏng đoán dựa trên những sự thật khác chứ không phải đi đâu hiển hiện trước mắt.”

“Đi đâu hiển hiện khẳng định khá rõ ràng đấy. Ông đã thấy bao nhiêu người Do Thái và Hồi giáo trần truồng r ối?”

“Chưa một ai,” anh đáp. “Em là người đầu tiên.” Sự thật thà vô tư của anh kích thích tôi hơn nữa, và r ối tôi ép người anh sát lại thân mình.

“Fabiola,” anh giải thích khi chúng tôi giật mình tỉnh dậy bởi tiếng sập cửa buồng cho phục vụ phòng.

“Bà ấy luôn để cửa mở r ối gió thổi sập thế đấy.” Tôi nhìn đồng hồ, đã quá tám giờ sáng r ối và tôi có lớp vào mười một giờ. Nhưng tôi thấy thật biếng lười quá. Còn anh, dẫu vậy, đã thả tôi ra khỏi vòng tay mình và ng ối dậy, khi bàn chân anh, tôi nghĩ, khua khoảng khắp nơi tìm dép đi trong nhà.

“Quay lại giường đi,” tôi nói.

“Gì, nữa á?” anh hỏi, làm bộ ngỡ ngàng. Tôi yêu cảm giác được ôm gọn trong vòng tay và áp lưng lại với anh khi hơi thở anh luồn vào gáy mình. Tôi không kìm nén đi đâu gì cả.

Đã có một thoáng lưỡng lự ngay sau khi chúng tôi làm tình đêm qua khi tôi bỗng thấy có lẽ mình nên mặc lại đồ và rời đi. “Em không định rời giường đấy chứ?” anh đã hỏi.

“Đi vệ sinh mà,” tôi bảo.

Tôi đã dối anh.

“Vậy là không rời đi.”

“Không đi.” Nhưng câu này tôi cũng đã dối.

Tôi đã muốn rời đi, kể cả nếu tôi làm vậy theo thói quen của mình. Tôi đã định giải thích rằng tôi thường luôn như vậy sau khi làm tình, là bởi vì

tôi muốn thể hoặc tôi nhận ra người còn lại sốt ruột cho thấy tôi rời đi, bởi vì sau cùng chính tôi cũng luôn muốn những lần qua lại ấy biến đi ngay. Xỏ tất nhanh lên, nhét đại vào túi cũng được, nhưng mà nhanh đi đi. Thậm chí tôi đã thành thạo vô cùng cái nghệ thuật tỏ ra lịch lãm một cách chiếu lệ chỉ để trì hoãn sự ra đi vội vàng của mình, cách mà sẽ khiến người chủ nhà đôi khi phải vờ như ngỡ ngàng khi thấy ta từ chối một ly nước hoặc đi ăn nhẹ đâu đó trong khi ta chỉ đang cố gắng trốn chạy khỏi thế giới của người, đồ đạc của người, khỏi mùi hương trên tóc, ga giường và khăn tắm của người. Không khí lúc này bỗng hơi lạ lùng, và tôi không nói gì cả. Tôi thực lòng không muốn rời khỏi giường nhưng lại không đọc thấu anh, càng ít tin vào vẻ đằm thắm ngạc nhiên của anh. Và tuy vậy, tôi đã nhận ngay ra từ lúc hai người dạo bước cạnh nhau trên đường tới nhà anh và thấy thích thú với cái cách bàn tay chúng tôi luôn lướt qua nhau dẫu có lạc nhịp, đây không phải là thứ dục tình giữa hai kẻ xa lạ.

Sau khi làm tình đêm qua, anh nói rằng hai chúng tôi nên đi ăn gì đó. “Tôi đói meo rồi.” “Em cũng thế,” tôi đáp lại. “Nhưng ta nên nhanh lên.” Chúng tôi đều không để ý đã quá nửa đêm rồi. “Chúng ta có nhìn giống như vừa phang phịch gì không?” “Có,” tôi bảo. “Có khi người ta sẽ biết.” “Tôi muốn họ biết.” “Em cũng vậy.”

Chúng tôi ăn tối ở một quán ăn nhỏ nhưng luôn ồn ào và thường mở cửa muộn. Những phục vụ nơi ấy biết anh, và một vài khách quen cũng biết anh. Điều này khiến hai chúng tôi bỗng rùng mình khi nhận ra rằng họ đang nghi ngờ chuyện cả hai vừa làm chưa đầy mười lăm phút trước.

“Em muốn một cái ôm nữa,” sáng hôm ấy tôi đã nói vậy.

“Chỉ ôm thôi à?”

Trước khi tôi nhận ra, hai chân tôi đã quắp lại và quàng quanh eo anh.

“Và liệu tôi có thể hỏi em chuyện này chứ?” anh bảo, gương mặt anh chỉ cách tôi chưa tới vài phân, anh áp tay lên trán và vuốt những sợi tóc khỏi vầng vào mắt tôi.

Tôi chẳng thể biết anh đã nghĩ đi đâu gì – có lẽ, tôi tưởng tượng, là đi đâu đó về cơ thể cả hai hay gì đó gợi ra sự ngại ngùng, là về một sự phô diễn, hay là ấp ôm bảo vệ:

“Tối nay em bận không?”

Câu hỏi ấy khiến tôi bật cười. “Rất rảnh,” tôi đáp. “Thế thì tới nhà hàng nhỏ của mình đi?”

“Mấy giờ?”

“Chín?”

Tôi gật.

Tôi quên mất địa chỉ chính xác của nơi ấy. Anh đã nhắc tên phố. Rồi, khi cố gắng để nghe không quá tự đắc, anh bảo họ thường dành một bàn riêng cho anh ở chỗ ấy. “Tôi thường mời khách hàng tới đó ăn trưa hoặc ăn tối.”

“Và cả người khác nữa à?”

Anh cười.

“Giá mà em biết.”

Người giúp việc chắc hẳn đã được báo là anh có khách – có thể là lúc tôi đang tắm – bởi vì khi anh dẫn tôi tới phòng ăn, bữa sáng cho hai người đã được dọn. Cà phê và nhiều thứ chu đáo khác, bánh mì, pho mát, và mứt đều có vẻ là nhà làm. Anh bảo mình thích mứt mộc qua và mứt sung. Thường mọi người thích dâu và cam. “Nhưng cứ tự nhiên nhé.”

Anh phải vội tới văn phòng. “Chín giờ nhé?”

Chúng tôi rời đi cùng nhau. Tôi bảo anh tôi sẽ đạp xe về nhà để thay đồ rồi tới nhạc viện, sau đó là lịch trình buổi trưa với một người đồng nghiệp.

Tôi không hiểu tại sao mình lại đưa ra nhiều thông tin về ngày của tôi tới vậy. Anh lắng nghe, nhìn tôi mở khóa chiếc xe, khen ngợi chiếc khung của nó lần nữa, bảo tôi lần sau hãy gấp nó lại đem vào nhà, rồi anh đứng đó, và, khác với lần đầu, anh nhìn tôi rời đi.

Nhưng lúc ấy vẫn còn sớm. Nên tôi đạp xuống dọc hết con phố này tới con phố khác, băng qua cầu, chẳng màng tới chuyện đi đâu, nóng lòng muốn tìm một tiệm bánh để có thể dừng chân, ngồi xuống, uống thêm một ly cà phê nữa và nghĩ về anh, tôi không muốn những lịch trình buổi sáng xua đi cảm xúc hoặc ký ức về đêm qua, về cách chúng tôi ôm hôn nhau nằn lún lúc cuối khi tất cả những gì tôi muốn nghe là sự yên ắng và âm thanh đầy trấn an từ chiếc thang máy cũ đang đi lên và xuống mà mỗi lần như vậy đều khiến tôi biết rằng hai chúng tôi không còn là những người cuối cùng dùng nó nữa.

Thường thì, tôi sẽ quên, hoặc cố dẹp đi những gì đã xảy ra đêm trước, và thường sẽ chẳng khó khăn gì vì mọi thứ hiếm khi kéo dài hơn một hoặc hai giờ. Đôi khi mọi chuyện cảm giác như chưa từng xảy ra, và tôi sẽ thấy vui vẻ khi không nhớ nhưng gì.

Ngồi xuống vào một sáng trời trong thế này, tôi thích quan sát người ta bận bịu tới chỗ làm trong khi tôi thì thấy như mình đang trong những ngày nghỉ thêm cho Giáng Sinh. Tình dục đã không có gì lạ lẫm cả, nhưng tôi thích cách anh để ý đến mọi chuyện, từ khoảnh khắc anh đưa cho tôi khăn tắm tới lúc anh quan tâm tới cơ thể tôi, khoái cảm của tôi, quan tâm tới mọi chuyện, và luôn luôn chu đáo và tử tế, với gì đó như trân quý dành cho một cơ thể trẻ hơn anh nửa số tuổi. Kể cả cái cách anh xoa và vuốt ve bàn tay và cổ tay tôi, để tôi tin cậy anh, rồi khi mắt tôi nhắm lại, anh cứ xoa xát cổ tay rồi nhẹ nhàng áp nó xuống giường, cử chỉ tử tế nhất mà một người đàn ông có thể biết. Tại sao chưa từng có ai nắm tôi như vậy và khiến tôi hạnh

phúc đến thế chỉ với những nâng niu nhỏ bé và dường như tằm thường vô cùng? Nếu như anh quên, tôi sẽ bảo anh hãy chạm vào cổ tay tôi lần nữa như cái cách anh đã làm trước đó. tay

Tôi đặt tờ báo xuống rồi vô thức bẻ CỔ áo khoác lên và cảm nhận nó chạm lên da mình. Nó khiến tôi nhớ về đôi má chưa cạo của anh sáng nay, khi cả hai làm tình lần nữa. Tôi muốn áo khoác mình có mùi của anh. Anh dùng kem cạo râu gì vậy? Mùi thật nhạt nhẹ, nhưng mà tôi muốn biết. Tôi sẽ học cách cạo má tôi lên má của anh vào sáng mai.

Và rồi tôi nhớ cha tôi đã nói rằng ông sẽ ở Paris vào mùa Giáng Sinh này trong vài tuần. Tôi tự hỏi đến lúc đấy Michel và tôi còn bên nhau không. Tôi muốn cha mình gặp anh và tự hỏi ông sẽ nghĩ gì. Ông và Miranda đã hứa lần này sẽ đưa cả thằng bé theo – đây sẽ là lần đầu tôi gặp lại em trai mình, ông bảo. Tôi sẽ dẫn họ tới quán cà phê của mình ở đây, và nếu Michel vẫn còn hiện diện trong đời tôi khi ấy, Miranda và tôi đơn giản sẽ ngồi đó quan sát hai người đàn ông cố đoán trong hai người bọn họ ai là người trẻ tuổi hơn.

Phần còn lại của ngày hôm ấy trong tôi trải qua trong cảm giác say say lâng lâng. Ba học sinh công thêm một bài giảng được soạn trong mười lăm phút trước khi lên lớp. Lúc ăn trưa tất cả những gì tôi nghĩ tới là bữa tối nọ, whiskey đơn cất, hạt dẻ và bánh quy muối, và khoảnh khắc anh lấy hai chiếc khăn tắm cho tôi và hai cho anh. Đêm nay liệu anh có chu đáo vậy nữa không hay anh sẽ trở thành một con người khác mà tôi không hề quen biết? Tôi mong rằng chiếc áo đẹp nhất của mình được là lựa cẩn thận, và, khi tôi kiểm tra, thì đúng là vậy. Tôi đã định đeo caravat nhưng lại thôi. Tôi chải tóc dầu cho tôi nóng lòng đợi anh vuốt trán mình bằng bàn tay của anh. Rồi trên đường rời đi, tôi rẽ qua chỗ người thợ giày để đánh bóng đôi giày.

Em nghĩ mình hạnh phúc. Tôi sẽ nói với anh như vậy. Em nghĩ em hạnh phúc. Tôi biết nên tránh nói như thế sau chỉ ba tối bên nhau, nhưng tôi không quan tâm. Tôi muốn nói ra.

Khi đến nhà hàng tối đó, tôi không thể tìm thấy anh và nhận ra một nỗi nhục nhã vô cùng rằng tôi chẳng hề biết tên họ anh là gì. Điều ấy khiến tôi cảm giác hoàn toàn bối rối. Tôi sẽ chẳng bao giờ dám nói rằng mình tới đây để gặp Michel hay Monsieur Michel. Nhưng trước khi tôi có thể nói gì đó khiến chính mình mất mặt, một người bồi bàn nhận ra tôi và đưa tôi tới bàn hai người đã ngồi ba đêm trước. Tôi hiểu ra rằng, dẫu Michel phủ nhận, tôi không phải chàng trai trẻ đầu tiên bước vào quán cùng vẻ ngượng ngùng mà những người phục vụ đã học được cách nhận ra rằng đây là chính một trong những người khách của anh. Tôi bỗng thấy chạnh lòng, nhưng rồi quyết định sẽ không để bụng hay áp ủ nó thành niềm ganh ghét. Có lẽ tất cả là do tôi tưởng tượng ra thôi. Và có khi là vậy thật, bởi vì khi tôi được đưa tới bàn chỉ cách cửa chưa đầy tám bước chân, anh đã ngồi ngay đó, nhấm nháp ly rượu khai vị. Giữa lúc bối rối ấy tôi không nhận ra rằng anh đã quan sát mình từ nãy đến giờ.

Chúng tôi ôm nhau. Và rồi, không thể ngừng lại được, tôi bảo anh, “Em vừa mới có ngày tuyệt vời nhất năm.”

“Vì sao?” anh hỏi.

“Em cũng không biết,” tôi nói, “nhưng có thể nó dính dáng tới đêm qua.”

“Với tôi là đêm qua và sáng nay nữa.” Anh mỉm cười. Tôi thích cách anh không tỏ ra miễn cưỡng khi mang ý rằng anh trân trọng chút vội vã dư âm ban sáng. Tôi thích tâm trạng anh, nụ cười của anh, thích tất cả mọi thứ. Thoáng lặng im trôi qua và tôi không thể không bảo anh rằng: “Ông thật tuyệt vời, em đã muốn nói với ông, ông thật tuyệt!”

Ngay khi tôi gỡ khăn ăn, tôi mới cảm thấy nó ập đến. Tôi mất hứng dùng bữa rồi. “Em không thấy đói,” tôi bảo.

“Giờ thì em mới là người tuyệt vời.”

“Tại sao?”

“Tại vì tôi cũng không đói nhưng tôi không định lên tiếng đâu. Về nhà thôi. Có lẽ là nhấm nháp gì đó. Whiskey đơn cất nhé?”

“Vâng. Hạt dẻ và bánh gì đó nữa?”

“Chắc chắn là hạt dẻ và bánh gì đó.”

Anh bảo với người bồi bàn: “Xin cáo lỗi với đầu bếp nhé, nhưng chúng tôi đổi ý rồi. À demain – hẹn gặp vào ngày mai.”

Khi tới nhà anh, chúng tôi mặc kệ mối bận tâm về đồ ăn thức uống. Cả hai cởi đồ, ném chúng ngay xuống sàn, chẳng tắm, và đến thẳng giường.

Thứ Năm tuần đó chúng tôi gặp lại lúc chín giờ cũng tại nhà hàng ấy.

Ăn trưa thứ Sáu.

Và rồi cả ăn tối.

Sau bữa sáng vào thứ Bảy, anh bảo anh sẽ về thăm vùng quê và muốn tôi đi cùng anh – nếu tôi rảnh, anh nói thêm cùng nỗi cẩn trọng và khiêm nhường thường thấy, sự trớ trêu ẩn trong giọng điệu của anh ngụ ý anh hoàn toàn thông cảm và chấp nhận rằng tôi có cuộc sống của mình phải lo ngoài quãng thời gian bên anh và rằng anh sẽ không bao giờ hỏi tại sao, nơi đâu, khi nào, hay với ai. Nhưng khi nói ra, chắc hẳn anh cũng thấy cần phải nói đến cùng: “Ta có thể quay về vào tối Chủ nhật vừa kịp giờ cho buổi hòa nhạc kỷ niệm một tuần của cả hai.” Tôi không biết điều gì đã khiến anh bỗng như đang khó xử, lời mời dành một cuối tuần cùng anh hay niềm ý thức rằng chúng tôi đã có cả một ngày để kỷ niệm với nhau. Để gỡ rối bằng sự cẩn trọng thường thấy anh nhanh chóng nói thêm rằng, nếu tôi

muốn đi cùng, anh sẽ đưa tôi ghé qua nhà tôi, chờ trong xe khi tôi vào lấy một ít quần áo ấm – vì trời trở lạnh về đêm – và chúng tôi sẽ đi xa.

“Đi đâu?” tôi hỏi, cũng là cách tối nhanh chóng bày tỏ, đương nhiên là em sẽ đi rồi.

“Tôi có một ngôi nhà cách thành phố một giờ lái xe.”
“Tôi đùa rằng cảm tưởng như mình là Lọ Lem vậy. “Sao lại thế ㄱ

“Khi nào thì đồng hồ điểm? Khi nào thì tuần trăng mật kết thúc?”

“Khi nào kết thúc thì sẽ kết thúc thôi.”

“Có hạn sử dụng không?”

“Nhà sản xuất vẫn chưa quyết. Nên ta đành tự lo thôi. Và hơn nữa, chuyện này khác,” anh nói.

“Ông nói vậy với tất cả mọi người đúng không?”

“Đúng. Tôi đã nói thật. Nhưng em và tôi có gì đó rất đặc biệt, và đối với tôi đi đầu này thực sự bất thường. Nên nếu em cho phép, tôi muốn chứng minh cho em thấy qua cuối tuần này.”

“Chắc em tin,” tôi bảo. Chúng tôi bật cười.

“Trớ trêu thay chính là biết đâu khi tôi chứng minh được nó – và rồi ta sẽ ra sao?” Anh nhìn tôi. “Và đó – nếu em muốn biết – là phần khiến tôi sợ hơn một chút.”

Tôi đã có thể bảo anh hãy nói kỹ hơn đi, nhưng, một lần nữa, nhận ra rằng đi đầu ấy có thể sẽ dẫn cả hai dấn thân vào cái lãnh địa mà không ai trong chúng tôi muốn có mặt ở đó cả.

Ngôi nhà ấy, chúng tôi tới nơi sau hơn một giờ lái xe, không phải tòa Brideshead nhưng cũng không phải Howards End. “Tôi lớn lên ở đây,” anh bảo. “Nó đồ sộ, già cỗi, và luôn luôn, luôn luôn lạnh. Kể cả những chiếc xe đạp cũng cũ mềm và gỉ sét, không như chiếc của em. Có một cái hồ bên kia

khu rừng và tôi mê nơi ấy lắm. Đó là nơi để tôi phục h ồi. Lát tôi sẽ dẫn em đi xem quanh. Còn nữa, ở đây có một cây Steinway cũ đấy.”

“Tuyệt vời. Nhưng nó được lên dây chưa?”

Anh bỗng thoáng ngưng ngừng. “Tôi mời thợ chỉnh r ồi.”

“Khi nào thế?”

“Hôm qua.”

“Không vì lý do gì, em cho là vậy.”

“Không vì gì cả.”

Chúng tôi mỉm cười với nhau. Những khoảnh khắc thân mật bất chợt và ấm r ực thế này khiến tôi muốn hét lên, Bao năm trôi qua r ồi em mới có cảm giác như vậy với ai đó.

Tôi đặt tay mình quanh vai anh. “Vây là ông biết em sẽ tới.”

“Không biết. Mà hy vọng.”

Anh dẫn tôi đi xem quanh, r ồi vào bên trong phòng khách lớn.

Chúng tôi không bước hẳn vào trong mà nán lại ngoài hành lang như hai vị quân chủ trong bức họa của Velázquez. Sàn gỗ không tuổi trải rộng quanh những tấm thảm Ba Tư lớn đang lấp lánh ánh vàng sau hàng năm trời được chải chuốt và đánh bóng. Có tấm còn tỏa mùi sáp đánh thảm. “Tôi luôn luôn nhớ,” Michel nói, “rằng nơi đây thường trở nên cô đơn ra sao vào mùa thu lúc thời điểm tựu trường gần kề và chúng tôi dành cuối tuần ở tại đây. Những ngày tháng ấy cảm tưởng như những chủ nhật mưa dầm lê thê được bắt đầu từ chín giờ sáng và cứ như vậy cho tới khi đông sang và bốn chúng tôi mới được quay lại Paris cùng sự yên lặng ảo não trong xe trước bốn giờ chiều. Cha mẹ tôi căm ghét nhau nhưng không bao giờ nói ra cả. Điêu duy nhất gợi lên sự vui tươi – và nó mang cảm giác giải thoát hơn là vui - là tối Chủ nhật khi chúng tôi về tới nhà và mở khóa cửa, bật hết đèn n ọ đèn kia, cho tới khi cuộc đời như được nối nhịp lại với cái

hứa hẹn về buổi diễn, mà đó là lúc đời tôi như được cất cánh khỏi những bàng hoàng lắt léo của chuyện học hành, bài tập, bữa cơm tối, mẹ tôi, nỗi lặng yên cô độc, và, tệ nhất chính là, một thời thơ ấu đằng đẵng. Tôi ước không một ai phải dành thêm một tuổi thơ hay thời niên thiếu nào tại ngôi nhà này. Cuộc đời tại đây giống như ở một phòng chờ tại bệnh viện và lượt của tôi chẳng bao giờ đến.”

Anh nhìn tôi mỉm cười. “Tất cả những gì tôi từng làm ở đây là bài tập và thủ dâm. Tôi nghĩ chẳng có căn phòng nào trong dinh thự này tôi chưa nghĩ làm bài tập cả.”

“Và thủ dâm.”

Câu nói khiến cả tôi và anh bật cười.

Chúng tôi ăn một bữa trưa đơn giản, gần như là đạm bạc trong phòng ăn. Từ những phỏng đoán, tôi cho rằng anh hay tới đây vào gần trưa thứ Bảy và sẽ về vào chiều hôm sau. “Thói quen,” anh bảo.

Ngôi nhà chữ L rộng lớn, với mặt tiền được thiết kế theo phong cách Palladian cuối thế kỷ 18: rất tối giản và không khoa trương, gần như nhạt nhòa trong sự đối xứng không mấy bất ngờ, đi đâu mà chắc hẳn đã giải thích cho vẻ duyên dáng tuy bị đè nén nhưng vẫn vô cùng chan hòa của nó. Tiếp đó là bên chái nhà bên phải đầy bí ẩn, tạo nên một không gian ấm cúng nối liền với một khu vườn phong cách Italy bán lộ thiên. Mái nhà mansard với cửa sổ im lìm lập tức khiến tôi nghĩ tới một căn phòng lạnh lẽo nơi một cậu bé lẻ loi mà một ngày nọ trở thành nhân tình của tôi đang ngồi trên bàn và cẩn thận làm bài tập khi trong đầu lại ấp ủ đủ mọi thứ suy nghĩ lẩn quẩn. Tôi thương thay cho cậu bé ấy. Người mẹ luôn bắt anh mang theo bài tập; nên anh cũng ít có thời gian làm gì khác ở đây, nói gì là chơi đùa vui vẻ, anh bảo.

Tôi hỏi anh về trường lớp. Anh theo học ở Lycée J. “Tôi ghét nơi ấy,” anh bảo, “nhưng cha tôi thỉnh thoảng sẽ ghé vào thăm và sắp xếp để đưa tôi ra khỏi đó trong vài giờ. Đó là bí mật của chúng tôi. Ông cũng từng học ở đó, nên được dạo quanh với ông dọc khu dân cư vào những ngày trong tuần rồi thăm thú các cửa hàng giống như được chu du trong một thế giới sống động, chín chắn mà tôi chưa từng được chạm vào, trong khi tôi chắc rằng dạo quanh thế giới nhỏ bé của tôi lại là cách ông sống lại những tháng năm của một lycéen, một người học trò, chỉ để có thể cảm ơn ngôi sao may mắn của mình đã gác chúng lại mãi mãi vào quá khứ. Ông sẽ không lấy làm ngạc nhiên, ông nói, nếu tôi ghét trường lớp. Một buổi chiều tôi dẫn ông tới xem gian phòng học trống không của mình, ông đã ngỡ ngàng khi thấy mọi thứ chẳng đổi thay chút nào kể từ những ngày trước khi chiến tranh nổ ra. Mùi hương nồng nặc từ những chiếc bàn gỗ cũ vẫn ám trong căn phòng, ông bảo, và rằng những đồ bóng mờ ảo của ánh chiều ta có thể bóp chết tất cả những suy nghĩ không đoan chính trong tâm can của một cậu bé vẫn đang quét qua lớp bụi bặm vương trên tất cả những thứ đồ đạc nâu tối trong căn phòng học nâu tối hôi hám ở Lycée J.”

“Anh nhớ ông ấy chứ?”

“Nhớ ư? Không hẳn. Có lẽ bởi vì, không như mẹ tôi, bà mất tám năm trước, ông ấy đối với tôi sẽ không bao giờ mất. Ông chỉ vắng mặt thôi. Đôi khi cảm giác như thể một lúc nào đó ông sẽ đổi ý và lên vào nhà qua đường cửa sau. Vì thế mà tôi chưa bao giờ thực sự khóc thương cho ông. Ông vẫn vô sự chỉ là ở nơi nào đó khác.” Anh thoáng ngẫm nghĩ.

“Tôi vẫn luôn giữ hầu như mọi thứ của ông, nhất là những chiếc cà vạt, súng trường, bộ gậy golf, kể cả cái vợt đánh tennis cũ bằng gỗ. Tôi đã nghĩ mình sẽ giữ chúng như những kỷ niệm, như cách tôi cất hai chiếc áo của ông vào túi nhựa dán kín hy vọng chúng có thể lưu lại mùi ông ấy. Sự chết

không phải là đi đâu tôi khước từ, mà là sự tuyệt diệt. Tôi sẽ chẳng bao giờ dùng đến cái vọt cong queo được đan bằng chỉ cát-gút cũ gin ấy. Lý do lớn nhất làm tôi đau lòng khi chẳng thể ở bên con trai mình khi thằng bé giờ có cả con cái, không phải là vì tôi biết mình sẽ là một người ông tuyệt vời, mà là vì tôi ước thằng bé có thể gặp cha tôi, và thương yêu ông như tôi đã yêu, để rồi hai cha con có thể ngả xuống cùng nhau vào những ngày tháng Mười một thế này và tưởng nhớ về ông. Tôi chẳng có ai để cùng nhớ về ông cả.”

“Em được không?” tôi hỏi hoàn toàn ngây ngô.

Anh không đáp.

“Nhưng để tôi nói em hay, nếu có một đi đâu duy nhất khiến tôi hối hận ngay lúc này sau hơn ba mươi năm thì chính là ông ấy sẽ không bao giờ gặp được em. Hôm nay đi đâu này đè nặng lên tôi, như thể đời tôi đã mất đi một mạch nối, tôi không biết tại sao nữa. Có lẽ đây là lý do tôi muốn mang em tới đây cuối tuần này.”

Tôi định hỏi có khi không phải là quá sớm để ra mắt cha mẹ anh đâu – và ý nghĩ ấy khiến tôi mỉm cười – nhưng tôi quyết định không nói gì cả, không phải là vì một câu đùa sẽ không hợp vào lúc này, mà bởi vì có một giọng nói bỗng nói với tôi rằng không phải quá sớm nữa rồi, và thực sự đây là lúc để tôi được gặp hoặc, nghe về cha mẹ anh.

“Ông khiến em hơi sợ đấy,” tôi bảo, “bởi vì như vậy có nghĩa là em sẽ chẳng bao giờ xứng đáng trừ phi được cha ông chấp thuận, và vì ông ấy sẽ không bao giờ biết em, nên ông sẽ không bao giờ chấp thuận phải không?”

“Sai rồi. Tôi biết ông ấy sẽ ủng hộ. Nhưng vấn đề không phải vậy. Tôi nghĩ ông sẽ hạnh phúc lắm nếu biết cả tuần qua tôi đã hạnh phúc thế nào.” Anh ngừng lại một hồi. “Hay thế này là quá nhiều áp lực cho những người thế hệ em?”

Tôi lắc đầu và cười, nghĩa là Ông nghĩ sai về em và thế hệ này quá!

“Tôi đã ba hoa quá nhiều về cha mình rồi và tôi biết em chắc đang nghĩ tôi hẳn phải bị ám ảnh bởi điều đó. Tôi ít khi nghĩ đến ông lắm. Nhưng tôi có nằm mơ về ông. Những giấc mơ đó thường rất dịu dàng và an yên. Và buồn cười là đây này: ông ấy còn biết về em nữa. Chính ông trong một cơn mơ đã dẫn dắt tôi thay vì tìm em ở những khách sạn hãy hướng thẳng đến nhạc viện trước. Tuy rõ ràng đó là tiềm thức tôi đã lên tiếng thông qua ông ấy.”

“Nếu không phải thì liệu ông có tìm em không?” “Chắc là không.”

“Nếu vậy thì thật uổng.”

“Liệu em có tới buổi hòa nhạc vào Chủ nhật không?”

“Ông đã hỏi câu này rồi.” “Nhưng em chưa trả lời.” “Em biết.”

Anh gật, nghĩa là Tôi cũng nghĩ vậy đấy. Sau khi ăn trưa anh hỏi tôi có muốn thử cây dương cầm không. Tôi ngẫm xuống, đàn một đoạn ngắn để thử âm, làm dáng điệu hết sức nghiêm trọng, và rồi bắt đầu chơi bản “Chopsticks” Anh bật cười. Trước khi tôi biết cái gì đã ám mình, tôi bắt đầu biến tấu bản “Chopstick” tới khi tôi dừng và chơi sang một bản chaconne mới được hòa âm gần đây theo một phong cách cũ. Tôi chơi nó rất khó vì đây là bản tôi đánh cho anh, vì nó hợp với mùa thu, vì nó như chuyện trò với ngôi nhà cũ, với cậu bé sẽ luôn sống bên trong anh, và với những năm tháng giữa hai chúng tôi mà tôi ước có thể xóa nhòa.

Khi dừng lại tôi hỏi anh chính xác đang làm gì khi bằng tuổi mình bây giờ.

“Chắc là làm việc tại công ty luật của cha tôi, hoàn toàn khổ sở, vì tôi ghét nó, nhưng cũng là bởi vì hồi ấy chẳng có ai, không một ai đặc biệt trong đời tôi ngoại trừ những... qua lại.”

Rồi, bỗng nhiên, anh hỏi tôi lần cuối làm tình là khi nào.

“Không được cười nhé?”

“Ừ.”

“Tháng Mười một năm ngoái.”

“Nhưng đây là một năm trước rồi.”

“Và đầu vậy...”

Nhưng tôi không nói hết câu.

“Chà, lần cuối tôi đưa ai đó tới đây chắc phải là khi tôi bằng tuổi em và cậu ấy dành một đêm ở đây rồi cả hai không bao giờ gặp lại nữa.” Anh ngừng lại mà không nói hết đi đâu anh định nói. Chắc anh đã lập tức nhận ra đi đâu vừa hiện lên trong suy nghĩ tôi: rằng khi anh mang nhân tình của mình tới đây thì tôi còn chưa sinh ra. Rồi, để chuyển chủ đề, anh nói thêm, “Tôi chắc chắn cha mình sẽ mê bản em vừa chơi lắm.”

“Sao ông ấy lại ngừng chơi nhạc?”

“Tôi không bao giờ biết. Ông ấy chỉ đàn cho tôi nghe đúng một lần. Lúc ấy tôi khoảng mười lăm, mười sáu. Ông bảo đó là một đoạn rất khó chơi. Bấy giờ ông đã hoàn toàn không trông mong gì vào khiếu âm nhạc của tôi rồi. Ông ngồi ngay trên cây dương cầm này vào một ngày Mẹ phải tới Paris và rồi nó đã xảy đến: một bản rất ngắn, mà theo tôi, tuyệt mỹ vô cùng, La Chapelle de Guillaume Tell của Liszt. Tôi biết ngay, chẳng nghi ngờ gì, rằng cha mình là một nghệ sĩ dương cầm tài hoa. Tôi đã được thấy rất nhiều ảnh của ông mặc áo đuôi tôm ngồi bên cây dương cầm hoặc sau khi cúi chào khán giả. Nhưng tôi chưa từng thực sự được chạm mặt cuộc đời một người nghệ sĩ của ông. Đó là một cánh cửa đóng chặt. Câu hỏi mà tôi mãi không thể trả lời chính là tại vì sao ông lại ngừng chơi, hoặc lý do ông không bao giờ nhắc đến chuyện đó. Thậm chí lần tôi nói với ông rằng mình nghe thấy ông đàn lúc đêm và âm nhạc đã vang vọng lên phòng tôi từ tít nơi chái nhà xa xôi, ông cũng phủ nhận. Chắc hẳn đó là đĩa nhạc, ông

bảo. Sau khi ông đàn xong bản của Liszt lần đó ông chỉ đơn giản hỏi tôi, Con thích nó không? Tôi không biết đáp lại thế nào. Tất cả những gì tôi có thể thầm thì là, Con tự hào vì cha quá đi. Ông chưa bao giờ ngờ rằng tôi sẽ nói vậy. Tuy chỉ gật đầu một vài cái, nhưng tôi biết là ông cảm động. Rồi ông đóng phím đàn lại, và không bao giờ chơi cho tôi nghe nữa.”

“Lạ lùng thật.”

“Dẫu vậy ông không phải người khép kín đâu. Ông thích trò chuyện về phụ nữ, nhất là khi tôi ở giai đoạn gần cuối tuổi thiếu niên và sau những buổi hòa nhạc ở nhà thờ. Ông sẽ nói về âm nhạc nhưng đôi khi sẽ đổi hướng và rồi là về tình yêu, về người phụ nữ ông đã gặp khi còn trẻ, và ông sẽ nói về cái thứ VÔ hình gọi là khoái cảm ấy, cái mà phần lớn không ai biết phải mở lời thế nào, và điều này là lý do tôi học được nhiều về cả khoái cảm và ham muốn từ ông khi hai cha con trở về từ buổi hòa nhạc hơn là từ những người đứng ra phải giúp tôi khám phá chúng. Ông là người luôn nuôi dưỡng khoái cảm, dù tôi nghi ngờ không biết có phải là với mẹ tôi không. Chính ông đã bảo vậy một lần rằng dành nửa tiếng tốt đẹp với một người phụ nữ ta có thể chẳng bao giờ gặp lại còn hơn là dành thì giờ cho người sẽ chỉ khiến ta thấy cô đơn sau vài ba phút tán tỉnh giữa hai chân nàng. Ông đã nói kiểu đấy. Ông hài hước lắm.

“Một hôm sau buổi hòa nhạc tối Chủ nhật ông bảo rằng nếu tôi muốn thì ông biết một nơi mà một phụ nữ sẽ dễ dàng dạy tôi đi đâu mà người lớn làm với nhau. Tôi đã tò mò và sợ, nhưng ông chỉ tôi chỗ nào, phải hỏi ai, và đưa cả tiền nữa.

“Một tuần sau, cũng vào tối Chủ nhật thường lệ cùng nhau, hai cha con cùng cười đùa trên đường. “Thế đã làm chưa?” là tất cả những gì ông hỏi. Làm rồi, tôi đáp. Điều ấy khiến chúng tôi thân thiết hơn. Một vài tuần sau nữa tôi tìm ra được một kiểu khoái cảm khác mà ông sẽ không bao giờ

biết. Nghĩ lại thì, tôi hối hận vì đã không nói. Nhưng mà thời ấy...” Anh không nói hết.

Tôi có muốn đi dạo không, anh hỏi.

Có chứ.

Michel nói anh từng nuôi một con cún, và họ sẽ cùng nhau đi bộ rất lâu, chỉ trở lại khi trời đã tối. Nhưng từ khi nó mất anh không muốn nuôi thêm con gì nữa. “Nó phải vật vã nhiều trước khi chết hẳn, nên tôi cho nó thuốc ngủ, nhưng tôi sẽ không bao giờ trải qua cảm giác mất mát như vậy thêm một lần nào nữa đâu.”

Tôi không hỏi. Nhưng vì tôi không hỏi nên anh càng biết rằng tôi rất muốn hỏi.

Một lúc sau chúng tôi tới bờ rừng. Anh nói sẽ dẫn tôi đi xem bờ hồ. “Nó nhắc tôi nhớ đến Corot. Nơi đây luôn là buổi chiều tà và vĩnh viễn không hừng nắng. Corot luôn chấm một vệt đỏ trên cái nón người lái thuyền trong tranh của mình – như thể đó là một mạch nhỏ của niềm vui tươi trên một cánh đồng tháng Mười Một ảm đạm nơi chưa từng có tuyết. Nhớ tôi nhớ về mẹ mình – luôn luôn ngấn lệ nhưng không bao giờ nước nở thành tiếng. Nơi này khiến tôi hạnh phúc, có lẽ bởi vì nó mang cảm giác ỉu rĩ hơn cả chính tôi.” Khi hai chúng tôi tới bên hồ “Đây là nơi anh phục hồ à?” tôi hỏi.

“Chính tại đây!” Anh biết tôi đang trêu chọc anh. Chúng tôi định ngẩng lên cỏ, nhưng đất ẩm nên cả hai lang thang dọc bờ hồ một lúc, rồi quay lại.

“Tôi không biết phải nói với em thế nào, nhưng có một lý do tôi đưa em đến đây.”

“Ý ông là chuyện này không liên quan gì tới ngoại hình, tuổi trẻ của em hay trí tuệ khôn ngoan xuất chúng của em, chưa nói đến cả cơ thể bị xé toạc này ư?”

Anh ôm tôi vào lòng và âu yếm hôn lên môi.

“Chắc chắn là liên quan tới em – nhưng tôi hứa còn đi đâu này nữa sẽ khiến em bất ngờ.”

Trời bắt đầu dày mây. “Đây quả thực là vùng quê của Corot, phải không - bị ai xua giờ. Nhưng nơi đây lại khiến tôi thấy phấn chấn. Hoặc có thể là bởi vì có em bên cạnh,” anh nói.

“Rõ ràng là bởi vì có em bên cạnh.” Anh biết tôi lại đang trêu chọc anh lần nữa. “Hoặc có thể bởi vì em cũng đang hạnh phúc.”

“Thật không?”

“Em đang cố giấu đây, anh không thấy sao?”

Anh quàng tay ôm lấy tôi, rồi hôn tôi lên má. “Có lẽ ta nên quay lại. Một chút rượu Calvados sẽ rất tuyệt.”

Tên đường trở về, anh bảo đến lượt tôi nói về gia đình mình. Có lẽ anh muốn tôi biết anh sẽ không nói mãi về gia đình anh mà không cho tôi thời gian tương đương để kể về chuyện nhà tôi. Nhưng chẳng có gì nhiều để kể, tôi bảo. Cha mẹ tôi đều là những nhạc sĩ nghiệp dư, nên tôi giống như giấc mơ thành sự thật đối với họ. Cha tôi, một giáo sư đại học, là thầy dạy nhạc đầu tiên của tôi nhưng không được lâu, khi tôi lên tám, ông nhận ra khả năng của tôi đã sớm vượt xa ông. Ba chúng tôi thân thiết vô cùng. Họ chẳng bao giờ bất đồng với tôi, và trong mắt họ tôi chưa bao giờ làm đi đâu gì sai trái. Tôi là một đứa trẻ kiêu ngạo và trước khi mười tám hoặc tằm ấy, khuynh hướng của tôi đã bộc lộ ra hoàn toàn. Lúc đầu tôi không nói gì cả, nhưng tôi luôn luôn thấy biết ơn bởi cha tôi đã khiến bộc bạch ra dễ dàng hơn nhiều cái vấn đề mà đa số phụ huynh sẽ luôn lưỡng lự khi nhắc tới. Sau khi tôi lên đại học thì họ ly hôn. Tôi nghĩ có lẽ họ không biết, nhưng tôi là chính mối ràng buộc họ với nhau, khi họ luôn có những vui thích khác, sống những cuộc đời khác, và có những người bạn khác. Rồi một

ngày mẹ tôi gặp lại một người bà quen trước khi gặp cha tôi và quyết định chuyển đến Milan với người đó. Cha tôi sau đó đã hoàn toàn từ bỏ ý định tìm kiếm ai khác nhưng vài năm sau ông gặp một người, trên một chuyến tàu Vô tình, và giờ thì tôi vừa là người đỡ đầu vừa là anh cùng cha khác mẹ với con của hai người. Có thể nói rằng, mọi người đều khá hạnh phúc.”

“Họ có biết về tôi không?” anh hỏi.

“Có chứ. Em kể với cha hôm thứ Năm khi ông ấy gọi. Miranda cũng biết.”

“Họ biết tôi lớn tuổi hơn em rất nhiều chứ?”

“Họ biết. Cha em, tình cờ là, cũng gần gấp đôi tuổi Miranda.”

Anh dừng lại và lặng im một hồi.

“Sao em lại kể?”

“Bởi vì nó quan trọng, vậy thôi. Và đừng hỏi em sao lại vậy.”

Chúng tôi dừng chân. Anh cạy giày mình vào một cành cây rơi, trước một chổi non để làm sạch nốt chiếc giày kia, rồi nhìn sang tôi.

“Có lẽ em là người đáng yêu nhất tôi từng biết. Và đi đâu ấy cũng có nghĩa em có thể tổn thương tôi, hủy hoại tôi. Những người thế hệ em có nói thế này không?”

“Nói về thế hệ em đủ rồi! Và đừng nhắc chuyện thế này nữa. Những chuyện này khiến em buồn đấy.”

“Thế thì tôi không nói nữa. Những người em biết Có bao giờ dùng từ ngữ to tát không?”

Tôi biết nó đang tới. “Hãy ôm em, chỉ ôm em thôi.” Anh đặt tay quanh tôi rồi siết nhẹ tôi vào lòng.

Chúng tôi dạo bước trong yên lặng, tay trong tay, cho tới khi đến lượt tôi phải cạy giày mình. “Vùng quê của Corot thế đấy!” Tôi rửa. Cả hai chúng tôi bật cười.

Trở lại nhà: “Tôi muốn cho em xem căn bếp. Hàng thế kỷ rồi nó vẫn chẳng khác gì.” Chúng tôi bước vào gian bếp nơi rõ ràng chưa bao giờ dành cho chủ nhà ngồi uống trà hay ăn nhẹ. Nồi và chảo đủ loại được treo trên tường, chứ không như phong cách miền-quê-Pháp để trưng lộn xộn cho đẹp mắt như trong các tạp chí và mục trang trí nhà cửa. Nó cổ kính và vô dụng, và không ai cố gắng che giấu đi đâu ấy cả. Khi quan sát căn bếp tôi đã nghĩ chắc chắn tại đây sẽ có nhiều dây điện, ống gas hay ống nước từ vài thập kỷ trước, có khi nhiều thế hệ trước rồi, rất cần được tháo ra và thay mới.

Chúng tôi rời khu bếp và hướng tới phòng khách rồi anh mở tủ trưng bày đồ cổ bằng gỗ, lấy một chai rượu, và hai ly snifter anh cầm trên một tay với những ngón tay kẹp vào thân chúng. Tôi thích cách anh làm vậy.

“Tôi sẽ cho em xem một thứ mà tôi tin chưa ai từng thấy bao giờ. Nó đến tay cha tôi không lâu sau khi lính Đức rời căn nhà này. Lúc ấy tôi gần ba mươi, và chỉ vài ngày trước khi cha tôi hôn mê – ông biết thời khắc đã tới, và chẳng ai ngu ngốc mà phủ nhận đi đâu đó nữa – ông bảo tôi, khi chỉ có hai cha con, mở cái hộp lưu niệm bé và lấy ra cái phong bì lớn bằng da này.

“Cha tôi nói phong thư đến tay ông khi ông còn trẻ hơn tôi lúc bấy giờ.”

“Bên trong là gì?” tôi hỏi, cầm lấy nó.

“Mở ra đi.”

Tôi cho là một dạng chứng thư, di chúc, hay chúc thư, hay một tập tài liệu quan trọng gì đó. Thay vì vậy, khi tôi mở tấm giấy da ra thì bên trong là một bản nhạc được ghi kín hai mặt trên tám tờ giấy phơi lụa. Những đường kẻ được vạch ra run rẩy bởi một người không dùng tới thước. Mặt trước ghi: Léon gửi Adrien, 18 tháng 1, 1944.

“Adrien, cha tôi, không bao giờ giải thích. Tất cả những gì ông nói là, Đừng hủy nó, đừng đưa cho thư viện hay nhà lưu trữ, hãy chuyển lại cho người biết phải làm gì với nó. Trái tim tôi đã nhói đau bởi ánh nhìn trên gương mặt ông khi ông nói những lời ấy, tôi biết rằng chẳng còn ai khác trong đời ông hay cả đời tôi để trao nó lại. Tôi cũng nghĩ ông biết, chỉ biết thôi – về tôi, vậy đấy. Và lạ lùng là, khi nhìn tôi với ánh mắt sâu lắng, mong mỏi của một người biết rằng mình sắp chết, thì tất cả mọi thứ giữa chúng tôi, tất cả những giây phút thương yêu, những thất vọng, hiểu lầm, những ánh nhìn ẩn ý đều biến tan hết. Tìm ai đó, ông nói.

“Tất nhiên ngay khi nhìn vào bản nhạc, tôi đã hoàn toàn mất phương hướng. Ngoài vài năm học dương cầm, tôi chẳng biết chút nào về âm nhạc cổ điển, và ông, về phần mình, chưa từng ép buộc tôi. Nên tôi chẳng bao giờ bận tâm về bản nhạc này.

“Nhưng có một lý do khác khiến tôi thực sự bối rối khi xem xét nó. Tôi được sinh ra hai mươi năm sau ngày tháng được ghi trên bản nhạc và dấu vậy đây lại là một người tôi chưa từng gặp, chưa từng nghe nói, một người mang tên đệm của tôi, Léon. Tôi hỏi cha mình người này là ai, nhưng ông chỉ nhìn tôi vô thức, đưa tay xua đi, và bảo sẽ mất rất nhiều thời gian, thêm nữa ông đang mệt và không muốn nói, không muốn nghĩ, “Con khiến ta nhớ lại, và ta thì không muốn nhớ.” ông nói. Tôi không thể biết liệu đây là tác dụng của morphine đang bao trùm lên tâm trí ông hay là vì ông đang chập vào câu cửa miệng của mình – Ta không nên nói thì bạn – khi muốn lần tránh một chủ đề tế nhị, nhất là khi ông muốn ta biết rằng nếu thốt ra thêm một từ nào nữa thì chiếc hộp của Pandora sẽ bật nắp. Nếu như tôi cứ nằng nặc hỏi, chắc hẳn tôi sẽ nhận lại sự cục cằn, không động lòng thương của ông mà cũng chính là cách ông đối xử với những người ăn xin khi ông không thể kiên nhẫn thêm với họ. Nhưng tôi vẫn định sẽ hỏi ông tới cùng,

nhưng bản nhạc đã lướt khỏi tâm trí tôi vì phải bận bịu chăm nom ông, tình trạng khi ấy của ông ngày càng tệ. Bây giờ nhìn lại, tôi gần như nhận ra điều duy nhất giữ ông sống sót suốt thời gian đau ốm là sự cấp thiết nhân lúc cơ hội tới để đưa tôi bản nhạc khi mẹ tôi không để ý. Vài tháng sau khi ông mất, tôi dò hỏi xung quanh và biết được rằng chẳng có họ hàng bên nội hay ngoại nào có tên Léon cả. Cuối cùng tôi đành hỏi mẹ mình, “Léon là ai?” Bà nhìn tôi bằng sự ngơ ngác và thích thú: Con, chứ còn ai nữa. Ngoài ra có Léon nào khác nữa không, tôi hỏi. Không. Léon là ý tưởng của cha tôi. Họ cãi nhau vì cái tên mãi. Bà ấy muốn là Michel, theo tên ông nội tôi, người đã nhượng lại cho chúng tôi toàn bộ tài sản. Cha tôi nằng nặc muốn là Léon. Mẹ tôi thắng, như mọi khi. Léon được đặt là tên đệm của tôi như một cách nhượng bộ. Nhưng không một ai gọi tôi như thế cả.

“Khi ấy tôi mới hiểu rằng có khi mẹ tôi cũng không hề hay biết về sự tồn tại của Léon hay bản nhạc. Nếu bà từng thấy bản nhạc, bà cũng sẽ thắc mắc ai là Léon và sẽ không bỏ cuộc cho tới khi xới tung tất cả lên. Mẹ tôi là vậy đấy – quấy rầy đến không thể hiểu được khi bà muốn biết một chuyện gì đó. Bà khẳng khái tôi phải trở thành luật sư – và không được trái ý bà dù một ly.

“Cuối cùng sau nhiều lần dò hỏi những người giúp việc chăm lo hậu sự cho cha tôi, một người giúp việc gia đã nhớ ra một Léon cụ thể. Léon le juif, gã Léon Do Thái, họ gọi ông ấy như vậy, bắt đầu từ ông tôi, ông ghét người Do Thái lắm, rồi tới đầu bếp và các hầu gái. Nhưng, như lời kể của người đầu bếp già, “chuyện ấy từ lâu lắm rồi, trước cả khi cha mẹ cậu gặp nhau? Tôi biết chắc phải vật rằng ông ta thì lão mới nói thêm, nên tôi để mọi chuyện lắng xuống, nhận ra rằng tôi nên hỏi vào lúc khác và không để ông lão nghĩ tôi đang nóng lòng được biết câu trả lời. Tôi hỏi lão về những người lính Đức từng đóng chiếm ngôi nhà, nghĩ rằng gọi chuyện về thời

ấy biết đâu có thể liên quan ít nhiều đến Léon, nhưng lão chỉ kể rằng lính Đức thực ra là de vrais gentlemen, những quý ông đích thực luônboa tiề cho người hầu rất hậu và cư xử với gia đình tôi hết mực tôn kính, không như tên Do Thái kia, lão nói, nhớ ra rằng tôi đã hỏi về Léon. Ông lão là người cuối cùng trong gia đình tôi biết về Léon, nhưng sau khi cha tôi mất thì lão nghỉ việc và chuyển lên miền bắc, rồi cũng mất tăm luôn. Nên manh mối tới đó là kết thúc.

“Khi mẹ tôi mất, tôi quyết định sẽ xem qua giấy tờ trong gia đình – nhưng cũng chẳng tìm được gì liên quan tới cậu Do Thái. Điều tôi không thể hiểu được là vì sao cho tôi lại giữ kín bản nhạc trong một hộp khóa chặt và tại sao tôi lại được đặt tên theo Léon. Chuyện gì đã xảy ra với ông ta? Tôi đã mong có thể tìm thấy một cuốn nhật ký hoặc theo dõi lý lịch tại trường cha tôi học nhiều năm trước. Nhưng cha tôi không bao giờ viết nhật ký. Tôi có tìm được một vài bằng khen và chứng chỉ cùng vô số những bản nhạc trong chỗ giấy tờ của ông, một vài được viết trên giấy giòn đến nỗi chúng vụn ra ngay khi chạm tay vào. Lại ở chỗ, dẫu vậy, tôi chưa một lần thấy ông xem qua chỗ giấy tờ ấy. Một vài dịp, khi ông tình cờ nghe tiếng dương cầm phát trên đài, ông sẽ chỉ trích cách họ chơi, thường sẽ luôn bảo, Nhấn phím đàn như thế thì thà bóp cò súng đi làm ơn. Hoặc là về một nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng khác, Đàn thì khá đấy nhưng soạn nhạc thì kinh khủng.

“Tôi không thể hiểu trở thành một luật sư đã thay đổi ông ra sao, hoặc nói chung, tại sao ông lại bỏ dở nghiệp nghệ sĩ. Hoặc, nói trắng ra là, tôi chưa bao giờ được biết về người đàn ông ẩn sau người tôi ngỡ là cha mình. Tôi chỉ biết về người luật sư nhưng chưa một lần trông thấy, gặp gỡ hay được sống cạnh người nghệ sĩ cả. Người tôi quen biết là thân phận thứ

hai của ông. Tôi ngờ rằng ta có bản thể thứ nhất rồi theo sau là bản thể thứ hai, thậm chí thứ ba, bốn, và năm rồi nhiều sau nữa.”

“Thế em đang trò chuyện với ai,” tôi hỏi, biết rằng anh đang xúc động, “thứ hai, ba hay bản thể đầu tiên?”

“Thứ hai. Tôi nghĩ vậy. Tuổi tác, em ạ. Nhưng một phần trong tôi sẵn sàng chết ngay nếu có thể mang em tới gặp một tội trẻ tuổi, để có em ở đây trong ngôi nhà này khi tôi bằng tuổi em. Trớ trêu thay khi bên em tôi cảm nhận được tuổi trẻ của em, chứ không phải tôi bây giờ. Chắc chắn đi đâu này cuối cùng cũng phải trả một cái giá thôi.”

“Ông bị quan quá.”

“Có lẽ vậy. Nhưng bản thể trẻ tuổi của tôi đã chùn bước và lỡ mất quá nhiều đi đâu. Con người thứ hai giản dị hơn, cẩn trọng hơn, và do vậy miễn cưỡng - hoặc là vô vọng hơn – khi lao vào đi đâu mà anh ta sợ rằng sẽ không bao giờ tìm lại được nữa.”

“Nhưng ông có em tại đây và ngay lúc này.”

“Ừ, nhưng trong bao lâu?”

Tôi không đáp. Tôi đang cố lẩn tránh nhắc về tương lai, nhưng hóa ra câu đáp lại nghe khờ dại hơn cái anh mong đợi.

“Bây giờ, hôm nay, như hôm qua,” anh bảo, “như thứ Năm, hay thứ Tư, là một món quà. Tôi có thể dễ dàng không bao giờ tìm ra em, hay vô tình gặp được em một lần nữa.”

Tôi không biết phải nói gì, nên tôi mỉm cười.

Và rồi anh rót cho chúng tôi thêm Calvados. “Tôi hy vọng em thích.”

Tôi gật, như tôi đã gật với món rượu whiskey đơn cất.

“Số phận, nếu như nó thực sự tồn tại,” anh nói, “có một cách riêng để cười nhạo ta bằng những khuôn mẫu có khi còn chẳng phải là khuôn mẫu nhưng lại ẩn giấu những tàn tích của ý niệm vẫn đang được vận hành. Cha

tôi, cha em, cây dương c`âm, luôn là cây dương c`âm, và r`ồi em, như con trai tôi, nhưng không giống nó, và cả ni`ền kết nối của Do Thái chạy dọc đời cả hai ta, tất cả nhắc nhở tôi rằng đời này không gì hơn chỉ là những đào bới khai quật những đi`ều luôn luôn bén rễ sâu hơn ta tưởng. Hoặc có lẽ chúng chẳng là gì, chẳng là gì.

“Dù sao thì, tôi sẽ để em lại với bản nhạc. Tôi sẽ đi xem họ chuẩn bị gì cho bữa tối. Trong lúc đó, hãy để tôi biết em nghĩ gì. Nhớ đấy, em là một trong số ít, rất ít người từng thấy nó.”

Anh đóng cửa thật nhẹ, như thể hiện rằng việc tôi chuẩn bị làm yêu cầu một sự tập trung căng thẳng và anh tuyệt đối sẽ không làm phiền.

Tôi thích ở một mình trong căn phòng này. Nó mang cảm giác ấm cúng, dẫu cho rất rộng. Tôi còn thích cả mùi hương của tấm rèm treo tường cũ dày cộp sau lưng mình, thích tấm gỗ gụ lâu đời trên tường cùng chiếc thảm trải sàn đỏ sẫm, thậm chí cả chiếc ghế bành bằng da cũ đến nỗi chỗ ngồi bị lún xuống, và cả ly Calvados tuyệt hảo. Mọi thứ đều có cảm giác cổ kính, được truyền lại với thời gian, và sắp xếp từ nhiều thế kỷ trước để nhiều thế kỷ sau nối tiếp trôi qua. Chiến tranh hay cách mạng sẽ chẳng bao giờ có thể thay đổi nơi này vì những di sản bướng bỉnh và tuổi thọ của nó dường như đã vĩnh viễn h`án những dấu ấn lên khắp xung quanh tòa dinh thự, lên cả ly rượu tao nhã tôi đang c`ầm trong tay. Michel đã lớn lên ở đây, được che chở ở đây, bị kìm nén cũng ở đây. Tôi tự hỏi liệu anh có ngồi trên chính chiếc ghế này khi lật giở mấy tấm ảnh gợi dục trên tạp chí khi còn là một cậu thiếu niên hay không.

Anh kỳ vọng tôi sẽ làm gì với bản nhạc này - nói với anh nó có hay hay không, nói rằng người Do Thái này quả là một thiên tài? Hay là một tên ngốc? Hay có phải anh đang kiếm tìm người đàn ông trước khi trở thành

cha anh rồi cuộc là ai và hy vọng tôi có thể giúp cứu anh ra khỏi đồng vụn vỡ từ những nốt nhạc này?

Tôi bắt đầu lướt qua bản nhạc, và càng nhìn vào trang thứ hai tôi càng thắc mắc tại sao những khuông nhạc lại được vẽ run tay tới vậy. Chỉ có thể là lúc viết chúng, người soạn đã không có bên mình đầy đủ dụng cụ. Hơn nữa, Léon hẳn đã nghĩ rằng Adrien sẽ lập tức nhận ra những nốt nhạc, hoặc ít ra sẽ biết phải làm gì với chúng.

Nhưng rồi tôi bắt đầu để ý một điều khác nữa. Bản nhạc không có phần dạo đầu thường thấy, có nghĩa hoặc nó chưa được hoàn thiện hoặc bản này được viết trong thời kỳ đỉnh cao của chủ nghĩa tân thời. Không chỉ vậy, nó vay mượn chắp nối, tôi nghĩ, sự trớ trêu khiến tôi phải mỉm cười. Tôi nhìn sang trang cuối của bản nhạc, cũng không mong đợi tìm được một khúc kết rõ ràng, và thật vậy, phần cuối không có gì hơn ngoài một âm láy rên chẳng dẫn tới đâu. Quá dễ đoán, tôi nghĩ, và quá nhạt nhẽo! Một kết thúc bất tận – tân thời một cách thô thiển.

Một phần trong tôi không nỡ nói với Michel về những điều này một chút nào. Tôi không muốn bảo rằng bản nhạc cha anh gìn giữ trung thành lâu đến như thế còn không đáng giá bằng tấm kẹp tài liệu Cartier bằng da bọc ngoài đặt trong tủ khóa. Tốt hơn hết nên để nó ngủ yên.

Rồi khi tiếp tục lật giở qua ba trang đầu, tôi dần nhận ra điều thực sự khiến trái tim mình thấp thỏm. Tôi đã từng đọc qua những nốt ấy. Lạy Chúa, tôi thậm chí còn đàn chúng năm năm trước ở Naples! Nhưng không hẳn là theo thứ tự này. Chẳng mất quá nhiều thời gian để tôi nhận ra. Ông bạn tội nghiệp đang chép nhạc của Mozart. Sáo rỗng làm sao! Và rồi, tệ hơn – tôi không thể tin nổi – cách vài khuông nhạc sau, chẳng cần tinh tế lắm mới nhận ra một đoạn rondo du dương đặc trưng được lấy từ bản

Sonate Waldstein của Beethoven. Léon tội nghiệp đang ăn cắp và chấp vá từ mọi nơi.

Tôi nhìn nét mực nâu đỏ đã phai. Có thể nó bị phai dần theo thời gian hoặc người soạn đã dùng mực pha loãng. Nó có vẻ được nguệch ngoạc ghi xuống cùng sự liêu lĩnh và hấp tấp, mà qua đó tôi có thể tưởng tượng Léon gửi nó đi từ Gare du Nord khi chuyển tàu dần nhích về nơi Chúa biết là đầu vào năm 1944. Tác giả của nó có khiếu hài hước chẳng, tôi nghĩ, khi đi chôm chĩa từng nốt nhạc một: Ông ta có thông minh không, hay là một kẻ đần độn? Liệu có thể nói đi đâu gì đó qua bút tích này không? Và khi soạn bản này thì ông đã bao nhiêu tuổi? Một kẻ chơi khăm ngoài hai mươi giống như Michel bấy giờ, hay liệu còn trẻ hơn?

Khi tôi đang cố đoán xem Léon thực ra là ai, tôi bỗng nhận ra lý do mình có thể nhận biết những nốt đầu dễ dàng như vậy. Chúng đã được biên soạn, hoặc biên một phần, bởi Mozart. Nhưng đây không phải một bản sonata, dạo đầu, khúc phóng túng hay tẩu pháp. Đây là một đoạn cadenza được soạn cho bản concerto dương cầm Rê thứ của Mozart, do đó cũng đã truyền cảm hứng cho Léon để lập lại một vài đoạn từ bản sonata Waldstein. Léon đang chơi đùa. Tất cả những gì ông đã làm là biên lại những phần Adrien chắc hẳn đã ứng biến sau cuối chương đầu tiên, sau khoảnh khắc huy hoàng khi dàn giao hưởng dừng lại để người chơi dương cầm được chơi tự do theo ý muốn, đó chính là lúc mà trí tưởng tượng, niềm táo bạo, tình yêu, tự do, lòng dũng cảm, tài năng và hiểu biết sâu rộng về điệu ản chứa trong trái tim của bản concerto của Mozart có thể hét lên tình yêu dành cho âm nhạc và tạo tác được đặt trong một bản cadenza.

Người viết cadenza đã tiên đoán được điệu Mozart chưa biên soạn xong và điệu Mozart ngỡ ngàng để những người nối tiếp ông hoàn thiện nó, kể cả nếu người đó soạn nó sống trong một thời đại hoàn toàn khác khi âm

nhạc có đổi thay ra sao. Điều ta cần để khám phá niềm bí ẩn trong sáng tác của Mozart không phải là đặt mình vào vị trí của ông, lặp lại đi đâu ông làm hay nhắc lại những câu, giọng điệu, niềm rung động, hay phong cách của ông; mà là có thể tái tạo lại ông theo một cách mà chính Mozart sẽ không bao giờ có thể ngờ tới, để dựng xây tiếp tại nơi ông đang dở, chứ không phải tạo nên một công trình tiếp theo mà Mozart vẫn sẽ nhận ra sự rung cảm của chính ông và chỉ thuộc về mình ông.

Khi Michel trở lại tôi lập tức nói với anh về bản nhạc. “Đây không phải một bản sonata, mà là cadenza...” tôi bắt đầu.

“Thịt gà hay thịt bò?” anh ngắt lời. Bữa khuya và niềm vui thú giữa hai người lấn át mọi thứ khác.

Tôi yêu đi đâu ấy khi là anh làm vậy. “Mình đang trên máy bay hay sao?” tôi hỏi.

99 “Ở đây chúng tôi cũng phục vụ đồ chay nữa, anh tiếp tục, bắt chước dáng điệu một tiếp viên hàng không Pháp. “Và cả vang đỏ hảo hạng đây này.” Anh ngừng lại một chút. “Thế em đang nói gì?”

“Không phải sonata mà là cadenza.”

“Cadenza. Tất nhiên rồi! Lâu nay tôi cũng nghĩ mãi.” Anh lại ngừng một lúc. “Thế nó là cái gì?” Tôi bật cười.

“Một chương ngắn khoảng một đến hai phút trong một bản concerto dương cầm khi nghệ sĩ solo sẽ ứng biến dựa trên nội dung của chính bản concerto. Thường thì, dấu hiệu để dàn nhạc biết đến lúc trở lại và kết thúc một chương là một đoạn dương cầm ngân dài ngày cuối bản cadenza. Lúc đầu nhìn đoạn ngân em không nhận ra nhưng giờ thì mọi thứ đều hợp lý cả. Tuy vậy, bản cadenza này được lặp đi lặp lại, em không chắc là trong bao lâu, nhưng chắc chắn là dài hơn năm đến sáu phút.”

“Vậy đây chính là bí mật động trời của cha tôi ư? Sáu phút chơi nhạc, và chỉ vậy thôi?”

“Em cho là thế.”

“Ngoài ra không có gì thêm sao?”

“Em không chắc. Em phải nghiên cứu nó thêm. Léon liên tục lặp lại bản Waldstein.”

“Waldstein.” Anh lập lại và cười. Một phải mất một lúc và rồi, một lần nữa, tôi hiểu vì sao anh cười. “Đừng nói là anh gấp đôi tuổi em mà chưa từng nghe Waldstein sonata đấy nhé.”

“Tôi thuộc lòng nó là đằng khác đấy.” Rồi lại cười.

“Ông đùa em. Em biết ngay mà.”

“Tất nhiên là tôi đùa rồi.”

Tôi đứng dậy, đến bên cây đàn, và bắt đầu chơi đoạn đầu của bản Waldstein.

“Waldstein, tất nhiên rồi,” anh nói.

Có phải anh vẫn đang đùa không?

Tôi ngừng lại rồi chuyển sang đoạn rondo. Anh nói anh cũng biết đoạn này. “Vậy thì hát đi,” tôi nói.

“Tôi không hát được đâu.”

“Hát với em,” tôi bảo.

“Không.”

Tôi bắt đầu hát và, sau một thoáng đắn đo bằng cách nhìn anh nài nỉ từ phía cây đàn, tôi bắt đầu nghe tiếng anh cất lên ngập ngừng theo giai điệu. Tôi chơi chậm lại, và rồi bảo anh hát lớn hơn một chút, cho tới khi đoạn cuối cả hai cùng đồng thanh hát. Anh đặt hai tay lên vai tôi, tôi nghĩ làm vậy để ra hiệu tôi ngừng lại, nhưng rồi anh nói, “Đừng ngừng,” nên tôi tiếp

tục đàn và hát. “Giọng em hay thật,” anh nói. “Nếu có thể, tôi muốn hôn lên nó.”

“Hát tiếp đi,” tôi bảo. Và anh tiếp tục hát. Khi kết thúc, tôi quay lại và nhận ra anh đang khóc. “Sao vậy?” tôi hỏi.

“Tôi không biết. Có lẽ là vì tôi chưa từng hát bao giờ. Hoặc có thể chỉ là: được bên em. Tôi muốn hát.” “Ông không hát trong khi tắm sao?” “Chưa bao giờ.” Tôi đứng dậy, đưa ngón tay cái lau nước mắt trên má anh. “Em thích khi ta hát,” tôi bảo. “Tôi cũng vậy,” anh nói. “Ông có buồn không?” “Không hề. Tôi chỉ xúc động thôi, như thể em đẩy tôi thoát khỏi chính mình. Tôi thích đi đâu em làm: giúp tôi thoát ra khỏi chính tôi. Hơn nữa tôi thấy ngượng quá vì mình mau nước mắt như ai kia dễ đỏ mặt vậy.”

“Ông, ngượng á? Em không nghĩ ông ngượng gì đâu.”

“Em không biết đâu.”

“Bỗng dưng ông bắt chuyện với em, còn chủ động nữa, ở nhà thờ và những chỗ khác, và rồi ông mời em đi ăn. Người hay ngượng không làm được thế đâu.”

“Mọi chuyện xảy ra như vậy là vì tôi không có kế hoạch gì cả, thậm chí còn không suy nghĩ. Tất cả cứ ập đến bất chợt, có lẽ nhờ em giúp đấy. Tất nhiên đêm ấy tôi cũng muốn mời em về nhà mình, nhưng tôi có dám đâu.”

“Vậy nên ông để em lang thang với cặp sách, xe và mũ bảo hiểm thui thủi một mình đi về Cảm ơn nhé!”

“Em nói không để tâm mà.”

“Em có. Em thấy tổn thương.”

“Và đầu vậy giờ em đang ở bên tôi trong căn phòng này.” Anh dừng lại một lúc. “Như thế này có quá nhiều với em không?”

“Lại là về thể hệ của em à?”

Chúng tôi cười.

Trở lại với Léon, tôi cần bản nhạc lên.

“Đề em giải thích cho ông về bản cadenza này.” Tôi lướt qua chỗ băng đĩa của anh – toàn nhạc jazz – nhưng rồi cũng tìm được một bản concerto của Mozart. Rồi tôi hướng về dàn phát nhạc nhìn rất phức tạp và đắt tiền đặt trên một chiếc bàn trà của thế kỷ mười tám. Khi tôi loay hoay xem nó hoạt động ra sao, tôi tránh ánh mắt anh để khiến cho đi đầu tôi chuẩn bị hỏi không có vẻ gì quá quan trọng. “Ai bảo ông mua cái này đấy?”

“Không ai cả. Tôi tự bảo. Được chưa?”

“Được rồi,” tôi nói.

Anh biết tôi thích câu trả lời ấy. “Và tự tôi cũng biết nó hoạt động thế nào. Em chỉ cần nhờ thôi.”

Mất một lúc, và chúng tôi bắt đầu nghe được tiếng vĩ cầm từ bản concerto của Mozart. Tôi để anh nghe một phần của chương đầu tiên rồi nhắc đầu kim của đĩa tới phần tôi cho là lúc đoạn cadenza sẽ bắt đầu. Bản cadenza này được soạn bởi chính Mozart. Chúng tôi lắng nghe nó cho tới khi tôi chỉ cho anh phần âm rung ngân dài báo hiệu trở lại cho toàn bộ dàn nhạc.

“Đoạn này được chơi bởi Murray Perahia. Rất tinh tế, mạch lạc, chỉ có thể nói là xuất sắc. Yếu tố quan trọng cho bản cadenza này là một vài nốt được lấy từ chủ đề chính. Em sẽ hát cho ông rồi ông hát nhé.”

“Hoàn toàn không được!”

“Đừng làm nũng chứ.”

“Không đâu!”

Tôi đàn những nốt chính trước, rồi bắt đầu hát và tiếp tục chơi, có ý khoe khoang một chút. “Đến lượt ông đấy,” tôi nói khi lặp lại những nốt ấy một lần nữa, và rồi quay về phía anh ra hiệu. Lúc đầu anh vẫn còn lưỡng lự nhưng rồi làm theo và bắt đầu ngâm nga. “Giọng ông tốt đấy,” tôi

bảo. Rồi, vì thấy hào hứng, tôi đàn một lần nữa rồi bảo anh hát lại, nói rằng, “Đi mà, em sẽ thấy vui lắm.”

Và anh hát lại, cho tới khi cả hai chúng tôi cùng hát. “Tuần sau tôi sẽ bắt đầu học đàn,” anh nói. “Tôi muốn dương cầm trở lại với cuộc đời mình. Có lẽ tôi sẽ học cả soạn nhạc nữa.”

Tôi không biết liệu có phải anh đang chọc tôi không.

“Ông sẽ để em dạy ông chứ?” tôi hỏi.

“Đương nhiên rồi. Hỏi lạ thật. Đi đâu cần phải hỏi là...”

“Ôi, trật tự nào!”

Rồi tôi bảo anh ngồi xuống khi tôi chơi hai bản cadenza của Beethoven và rồi là của Brahms viết cho bản concerto của Mozart. “Tuyệt vời,” tôi nói, khi bắt đầu đàn, cảm thấy rằng mình đang chơi rất khá. “Còn nhiều nữa cơ. Một bản còn được viết bởi chính con trai của Mozart,” tôi nói.

Tôi đàn. Anh lắng nghe.

Và rồi, bởi tôi thấy hào hứng, tôi đàn cho anh nghe đoạn ứng biến của chính tôi ngay lúc ấy. “Cứ như vậy có thể kéo dài mãi, nếu anh muốn.”

“Giá mà tôi có thể đàn như vậy.”

“Ông sẽ đàn được. Em có thể chơi tốt hơn nếu vẫn tập thêm sáng nay, nhưng có người lại kéo em đi làm việc khác.”

“Em có thể từ chối mà.”

“Nhưng em muốn đi.”

Rồi, bỗng nhiên: “Em đàn bản em chơi cho cô học trò từ Thái Lan được không?”

“Bản này hả?” tôi nói, biết chính xác anh có ý gì.

“Đi đâu thú vị ở đây là sau khi ông bạn Léon soạn ra một bản cadenza với một vài trích đoạn được lấy từ bản sonata Waldstein, một chuyện điên

rồi đã xảy ra.”

“Sao?” anh hỏi, gần như bị nhấn chìm bởi quá nhiều lý thuyết âm nhạc trong một ngày.

Tôi nhìn vào bản nhạc và rồi một lần nữa, để chắc chắn rằng tôi không nhầm lẫn gì. “Theo em thì, và em chưa hoàn toàn chắc đâu, sau khi trích dẫn bản Waldstein, Léon đã lúng túng một hồi cho đến khi quyết định chuyển từ Beethoven tới một bản mà rất có thể đã truyền cảm hứng cho một bản khác của Beethoven, được gọi là Kol Nidre.”

“Tất nhiên rồi,” anh nói, như đang bật cười.

“Kol Nidre là một bài kinh cầu của người Do Thái. Ông thấy đấy, nhạc của người Do Thái thường được giữ kín đi nhưng nó lại được mang vào đây... và linh cảm của em là trừ phi một người được đào tạo về âm nhạc bài bản, thì chỉ có người Do Thái đọc bản nhạc này mới có thể nhận ra cao trào trong bản cadenza này không phải là Beethoven mà là Kol Nidre. Cách này được lặp lại bảy lần, có nghĩa Léon biết chính xác mình đang làm gì. Rồi, tất nhiên, ông ấy trở lại với Waldstein, và rồi là đoạn ngân báo hiệu cho cả dàn nhạc.”

Để anh hiểu ý mình, tôi đàn đoạn cadenza và rồi bản Kol Nidre thật chậm rãi cho anh nghe.

“Kol Nidre là gì?”

“Đó là một bài kinh cầu tiếng Aram mở đầu cho Lễ chuộc tội, ngày lễ linh thiêng nhất trong lịch của người Do Thái, và tượng trưng cho sự trệ trệ của tất cả những lời tuyên thệ, thề nguyền, nguyền rủa, mọi nghĩa vụ đối với Chúa. Giai điệu ấy đã thu hút người soạn nhạc. Em nghĩ rằng Léon biết cha ông sẽ nhận ra điệu ấy. Nên đây giống như một thông điệp ngầm giữa họ.”

“Nhưng tôi biết giai điệu này,” đột nhiên anh nói.

“Ông nghe ở đâu?”

“Tôi không nhớ. Tôi chỉ không thể nhớ được. Nhưng tôi biết nó, có lẽ đã từ lâu, rất lâu rồi.”

Michel nghĩ một hồi, rồi, như thể chợt nhớ ra, nói rằng, “Tôi nghĩ mình nên đi ăn tối thôi.”

Nhưng tôi cần tìm ra ngọn ngành mọi chuyện.

“Có hai cách mà cha ông có thể biết về âm điệu này. Hoặc là Léon ngâm nga hoặc chơi nó cho ông ấy – tại sao, em không biết, trừ phi để chứng minh rằng lễ nghi của Do Thái giáo có âm nhạc tuyệt vời - hoặc cha ông đã tham dự Lễ chuộc tội, đi đâu đó có lẽ thể hiện một mối quan hệ thân thiết giữa hai người bọn họ. Ngày lễ đó không phải một dịp để du khách đến xem người Do Thái thực hiện ra sao đâu.”

Michel ngẫm nghĩ, rồi anh bảo, “Nếu em mời, tôi sẽ tới.” Tôi cầm tay anh, nắm lấy và hôn lên nó.

Suốt bữa tối chúng tôi bàn về những lý do vì sao bản cadenza lại được giấu kín. Một trò đùa ẩn ý? Hay là một tinh hoa nghệ thuật chưa được hoàn thiện? Một thử thách dành cho người nghệ sĩ dương cầm? Có lẽ là một thông điệp giữa người với người, một lời chào, lời tưởng nhớ về một tình bạn có thể đã mất, ai mà biết được. “Có quá nhiều điều em chưa có thời gian để xem xét hết,” tôi nói. “Trừ phi bản cadenza này được viết ra trong một hoàn cảnh tàn khốc và một người Do Thái đang phải trốn tránh đã soạn nó từ địa ngục theo nghĩa đen.”

“Có phải ta đã đọc quá nhiều không?” “Có lẽ.”

“Trong thị trấn có quầy bán thịt xuất sắc, nên món thịt hôm nay rất ngon. Và đầu bếp của ta rất thích rau, có thể là măng tây đấy nếu bà ấy tìm được vào mùa này, và bà nấu rất ngon dầu bà bị dị ứng. Tôi thích gạo Ấn,

người xem này,” anh nói, khéo léo quạt hương thơm của cơm về phía tôi. Anh biết anh đang trêu tôi.

Nhưng rồi tôi nói tiếp, vẫn còn thiếu chi tiết gì đó.

“Léon là người Do Thái, bị các ông bà của anh căm ghét, có thể họ coi đó là một ảnh hưởng tiêu cực tới sự nghiệp của cha ông, và những người giúp việc khác nghĩ rằng ông ấy thấp kém hơn họ. Pháp bây giờ đã bị chiếm và sớm thôi lính Đức sẽ sống dưới mái nhà này, nếu không phải chính họ đã ngồi ăn ngay trên chiếc bàn này, ông đã kể với em như thế. Léon không thể sống trong căn nhà này, trừ phi là trốn trên gác mái, đi đâu mà không một ai trong gia đình này chấp nhận được. Vậy làm thế nào mà bản nhạc lại đến tay cha ông được?”

Tôi đã mang nó lên bàn ăn cùng với mình.

“Thử vang này đi. Ở đây tôi có ba chai. Chúng đã được mở nắp cho thở trước từ trong bếp rồi.”

“Ông tập trung được không?”

“Được, tất nhiên. Em thấy rượu được không?”

“Nó rất ngon. Nhưng sao ông cứ cắt ngang thế

“Bởi vì tôi yêu cách em tập trung thế này và yêu cách em trở nên vô cùng nghiêm túc. Tôi vẫn chưa thể tin em đang ở đây cạnh tôi. Tôi không thể đợi được có em trên giường với mình – không đợi được.”

Tôi nhấp một ngụm rượu, rồi anh rót thêm cho tôi.

Khi bắt đầu cắt thịt, tôi không thể không nói thêm: “Ta vẫn cần phải tìm hiểu xem bản nhạc vào tay ông ấy bằng cách nào. Ai đã mang nó đến? Và bao giờ? Để một người Do Thái tới đây và trao bản nhạc vào năm 1944 có vẻ là bất khả thi. Thực chất, cách nó đến được đây có thể tiết lộ mọi đi đâu cần biết về bản nhạc. Có thể còn nhiều hơn những gì âm nhạc nói.”

“Nghe vô lý quá. Như thế nói rằng một bài thơ nổi tiếng đến với nhà in bằng cách nào quan trọng hơn chính nội dung bài thơ ấy vậy!”

“Trong trường hợp này thì có khi là vậy đấy.”

Michel nhìn tôi với sự lúng túng, như thể anh chưa từng nghĩ về chuyện này một cách rỗi ren đến vậy.

?”

“Nó được đưa đến qua thư à,” tôi hỏi, “chuyện tay, hay chính Adrien đã đi lấy nó? Có bên thứ ba liên quan không? Một người bạn, hay một người y tá từ bệnh viện, ai đó trong trại? Đây là 1944 và người Đức vẫn đang đóng chiếm Pháp. Nên có thể ông ấy đã chạy trốn hoặc bị bắt. Nếu ông ấy ở trong trại, thì đó là trại nào? Hay ông ấy đã trốn? Và liệu có sống sót không?”

Tôi ngẫm nghĩ về những chuyện này.

“Có hai đi đâu có thể cho ta biết thêm. Và cả hai đều bị thiếu. Tại sao người soạn nhạc lại vẽ tay những khuông nhạc? Và tại sao những nốt nhạc lại sát với nhau như vậy?”

“Sao đi đâu ấy lại quan trọng?”

“Bởi vì em đoán là có lẽ những nốt này không hẳn là được soạn ra trong vội vã.” Tôi lướt qua những trang giấy một lần nữa. “Để ý sẽ thấy, trên đây không có một dấu gạch xóa nào, không phần nào bị sửa vì người soạn đổi ý trong khi viết nó. Những nốt này được đã được chép lại, và tại một nơi mà không thể kiểm được giấy chép nhạc, nơi mà có khi tìm giấy bình thường để viết còn khó. Những nốt này quá sát với nhau – như thể ông ấy sợ mình sẽ hết giấy để viết.”

Tôi giờ từ đầu tiên lên trước cây nến đặt giữa bàn. “Em đang làm gì vậy?” anh hỏi.

“Tìm dấu chìm trên giấy. Nếu có một dấu chìm thì sẽ nói cho ta biết nhiều điều lắm: nơi tờ giấy này được làm ra, chỗ nào ở Pháp. Hoặc đâu đó khác, nếu anh vẫn đang nghe em.”

Michel nhìn tôi. Tôi vẫn nghe em.”

Không may là trên giấy không có dấu chìm nào cả. “Tất cả những gì em suy ra được là đây là một loại giấy phơi lụa rẻ tiền. Vậy là, người soạn bản cadenza này đã biết về nội dung và chép lại những nốt một cách nén sát với nhau. Ông ấy muốn cha ông có bản cadenza này. Đây là tất cả những gì ta biết.”

“Không, ta còn biết một thứ khác. Cha tôi từ bỏ chơi dương cầm và bắt đầu học luật. Thế giới về âm nhạc đã hoàn toàn đóng lại với ông ấy. Nhưng sao lại giữ nó nếu như ông ấy sẽ không bao giờ chơi nó, tại sao lại khóa chặt nó trong tủ bấy lâu nay – trừ phi ông hứa chỉ đàn cho Léon nghe? Hoặc trừ phi ông giữ kín nó để ai đó khác có thể cụ thể hóa và chơi nó? Ai đó như em, Elio ạ!”

Điều anh nói tăng bốc tôi nhưng tôi không muốn thể hiện ra rằng mình thừa nhận điều mà anh ám chỉ. “Anh có nghĩ liệu chủ ý của ông ấy là đem trao lại cho Léon hoặc ai đó thân thiết của Léon không? Hay chỉ đơn giản ông ấy không biết làm gì với nó và cũng không nỡ hủy đi – giống như cách ông vẫn luôn giữ chiếc vợt tennis của cha mình?”

“Có lẽ điều quan trọng nhất là phải tìm ra Léon là ai.”

Sau khi ăn tối, bằng máy tính của anh tôi nhập tên đầy đủ của Adrien và tìm được năm ông theo học tại nhạc viện. Cả ảnh của ông ấy cũng tìm lại được. “Bánh bao và lịch lãm đấy,” tôi nói, “và điển trai.” Tôi tìm kiếm tên thầy dạy trước, trong, và sau những năm ấy. Những hồ sơ tìm được đều rời rạc và không rõ ràng, và không một ai có tên là Léon cả. Tôi tra tất cả những tên họ của người Do Thái, Đức, và Slay hay bất kỳ cái tên nào có

chữ cái đầu là L. Không một kết quả. Tôi tra những học sinh có tên Léon. Không có gì. Chỉ có thể là ông đã dùng một tên khác hoặc thông tin về ông đã bị xóa khỏi hồ sơ trường. Hoặc ông ấy chưa từng học ở nhạc viện. “Không có Léon nào cả,” cuối cùng tôi đành lên tiếng.

“Vậy là kết thúc công việc thám tử của ta tại đây.” Lúc ấy, chúng tôi đang ngồi cạnh nhau trên sofa, ánh đèn mờ ảo, cùng uống thêm Calvados.

“Có lẽ cha ông học chung với Alfred Cortot. Nhưng em không chắc Léon cũng vậy.”

“Tại sao, em nghĩ vậy à?”

“Cortot là người bài xích Do Thái và ông ta trở nên tiêu cực hơn trong thời kỳ bị chiếm đóng. Em tin rằng nghệ sĩ vĩ cầm Thibaud, người mà Cortot thân thiết, đã chơi cho Quốc trưởng.”

“Thời kỳ tồi tệ.”

“Em còn nghĩ ra gì thêm về chuyện ấy không?” anh hỏi.

“Sao anh hỏi vậy?”

Anh lắc đầu mơ màng. “Chẳng sao cả. Tôi yêu chuyện được bên em như thế này. Trò chuyện như bây giờ, khi trời tối, trong căn phòng này, trên chiếc sofa này, dính lấy nhau khi em vọc cái máy tính, và hơn tất cả, yêu tháng Mười một này. Thật tuyệt khi em chăm chú vào việc ấy như vậy.”

“Em cũng yêu thế này, rất nhiều.”

“Và em còn không tin vào số phận.”

“Em nói với ông rồi, em không suy nghĩ theo cách ấy.”

“Vậy có lẽ khi em đến tuổi tôi và sự thiếu hụt những đi đầu cuộc đời này bạn cho càng hiện rõ hơn mỗi ngày, có lẽ lúc ấy em sẽ bắt đầu để ý hơn những Vô tình nhỏ bé hóa ra lại là những nhiệm màu và chúng có thể định hình lại đời ta và chiếu một ánh sáng chói lòa lên những đi đầu mà, khi xem

xét trong một tổng thể to lớn, có thể dễ dàng bị coi là vô nghĩa. Nhưng đi đâu này thì không hề vô nghĩa.”

“Đêm nay đi đâu này thật tuyệt vời.”

“Đúng, thật tuyệt.” Nhưng anh nói ra bằng một giọng buông bỏ đầy hoài niệm và chan chứa sự bị ai, như thể tôi là một món anh phải chứng kiến bị dọn đi trước khi kịp lấy phần. Liệu đây có phải chuyện sẽ xảy ra khi một người gần gấp đôi tuổi người còn lại không: họ đánh mất người kia trước cả khi kịp lạc lòng?

Chúng tôi cứ ngỡ như vậy mà không nói gì. Tôi trao anh một cái ôm nhẹ nhàng, nhưng đáp lại anh ôm lấy tôi thiết tha, âu sầu và vô vọng tới cùng cực.

“Sao vậy?” Tôi hỏi, lưỡng lự không muốn nghe đi đâu tôi nghĩ có thể sẽ là câu trả lời từ anh.

“Không sao. Nhưng rồi đây là đi đâu đáng sợ nhất - nếu em hiểu ý tôi – chính xác là vì chẳng sao cả.” “Rót cho em thêm rượu đi.”

Anh làm theo. Rồi anh đứng dậy, đến bên chiếc tủ nhỏ đằng sau dàn loa, và lấy thêm một chai nữa. “Loại này ngon hơn nhiều.”

Anh biết tôi đã đổi chủ đề. Tôi mong có gì đó sẽ xua đi đi đâu đang bất ngờ đè nặng giữa hai người, nhưng không có gì xảy đến cả, và cả anh và tôi cũng đều không làm dịu nó đi, có lẽ là vì cả hai đều không chắc đi đâu gì sẽ ẩn nấp đằng sau nó. Vậy nên anh nói với tôi về Calvados và lịch sử của của loại rượu ấy, và tôi lắng nghe, và rồi đọc dòng chữ viết tay nhỏ trên nhãn chai rượu về nơi sản xuất. Đó là lúc anh nảy ra một ý tưởng bất ngờ, và dùng cách nói mà đã trở thành câu cửa miệng của cả hai: “Tôi muốn làm em hạnh phúc.” Tôi biết chính xác anh đang có ý gì. “Vậy nên, cứ đọc nhãn chai nhé, tôi không muốn em mất tập trung. Tôi cũng không muốn em nhìn đâu.”

Anh nâng ly Calvados và nhấp một hơi. Rồi tôi cảm nhận được nó, cảm nhận được miệng anh, cảm nhận sự kích thích nhẹ nhàng. “Em yêu đi đâu ông làm,” cuối cùng tôi nói, nhắm mắt lại, cố gắng đặt chai rượu xuống đâu đó rồi quyết định đặt nó trên tấm thảm, ngay dưới chân sofa.

Tôi chợt nhớ ra người giúp việc.

“Về rồi. Em không nghe thấy tiếng xe sao?”

Chúng tôi dành ngày Chủ nhật trong nhà. Đúng như Michel nhớ, trời luôn mưa vào Chủ nhật, và khu rừng, nơi chúng tôi định đi dạo, qua mỗi giờ sẽ dần tối và ẩm đậm hơn. Cuối buổi sáng hôm ấy tôi tập đàn một vài giờ trong khi anh xem qua vài giấy tờ trong văn phòng. Nhưng phần lớn chúng chỉ là những hoạt động miễn cưỡng, và cuối cùng cả hai đều thấy nhẹ nhõm khi người kia khéo léo gợi ý tốt hơn nên trở lại Paris trước khi tình trạng giao thông trở nên quá căng thẳng ngày cuối tuần. Khi đến gần thành phố, có một thoáng ngượng ngùng hiện ra khi rõ ràng anh định đưa tôi qua nhà mình trước – và anh làm vậy là vì anh không muốn tôi thấy quá áp lực khi phải tới thẳng nhà anh hoặc là vì anh nghĩ tôi có một vài chuyện riêng phải làm trước buổi hòa nhạc tối nay của chúng tôi. Hoặc, tôi nghĩ, anh cần thời gian một mình. Dù sao thì, anh có thói quen trở lại Paris vào Chủ nhật, và ai mà biết được, có lẽ đây là điều anh đã làm hàng năm trời và không muốn thay đổi nó. Khi đỗ trước tòa nhà tôi ở, anh không tắt máy. Tôi bước ra. “Gặp lại sau nhé,” tôi bảo, anh không đáp lại gì mà chỉ yên lặng gật đầu cùng sự trầm ngâm như mọi khi. Và rồi tôi bỗng lấy hết dũng cảm. “Em không cần về nhà. Em không muốn về” “Vào lại đi,” anh nói. “Tôi mê đắm em, Elio, tôi tôn thờ em.” Chúng tôi tới thẳng nhà anh. Chúng tôi làm tình, ngủ mơ màng một lúc, rồi đi vội tới buổi hòa nhạc, uống nước quả lúc nghỉ giải lao, rồi ăn tối, và suốt thời gian ấy anh nắm tay tôi. “Mai là thứ Hai,” anh bảo. “Thứ Hai tuần trước chỉ toàn khổ sở.” Tại sao, tôi hỏi.

Nhưng tôi biết tại sao. “Vì tôi cảm thấy như đã lạc mất em – và vì sao chứ? Vì tôi sợ em sẽ từ chối và cố tỏ ra không có ác ý.”

Anh nhìn tôi một lúc. “Tối nay em phải về nhà không?”

“Ông có muốn em về không?”

“Ta sẽ chờ như vừa gặp tối nay và thay vì phải rời đi, em sẽ nói, “Em muốn ngủ với anh, Michel. Em sẽ vậy chứ?”

“Em đã muốn nói vậy lắm. Nhưng không! Chính ông nhé, thưa ông, đã rời đi!”

Sáng thứ Hai tôi quyết định bắt taxi và về nhà thay đồ. Nơi ấy nhìn thoáng chút xa lạ, như thể tôi đã không ở đó hàng tháng, hàng năm trời. Lần cuối tôi ở đây là sáng thứ Bảy khi vội lên tầng, lấy một ít quần áo, và chạy xuống khi anh đợi trong xe. Chiều hôm ấy, sau khi dạy xong, tôi hướng thẳng đến văn phòng của nhạc viện để tìm bất kỳ thứ gì có thể liên quan tới Léon.

Khi gặp Michel ở nhà hàng của chúng tôi tối ấy, tôi nói với anh rằng manh mối này không lần ra được điều gì cả. Không một dấu vết về Léon. Anh thất vọng hơn tôi tưởng, và vì vậy tôi có một kế hoạch khác cho thứ Ba. Tôi thử tới hai trường dạy nhạc và tìm trong hồ sơ hàng năm của họ. Nhưng một lần nữa, không có gì.

Chúng tôi đều đưa ra những phỏng đoán xác đáng rằng có thể Léon đã học ở nước ngoài hoặc, giống như những gia đình Do Thái khá giả thế kỷ trước, ông được theo học một gia sư.

Hai ngày trôi qua theo hướng đó. Tôi đã cạn manh mối.

Vào thứ Sáu, tuy vậy, tôi đã khám phá được danh tính của Léon trong những hồ sơ của trường trung học nơi cả Michel và cha anh từng theo học và người thư ký đã tìm trong chỗ hồ sơ ấy trước sự quan sát của tôi khi tôi nhận là một người cháu của Michel. Trên xe trở về vùng quê ấy ngày hôm

đó, tôi không thể tìm được và báo cho anh ngay. “Em còn tìm được địa chỉ cũ nữa. Tên họ là Deschamps. Vấn đề duy nhất là Deschamps không thực sự là một cái tên Do Thái.”

“Có thể là tên giả hoặc được đổi. Giống như Feldmann, Fledenstein, Feldenblum, hoặc chỉ Feld thôi.”

“Có thể lắm. Nhưng có rất nhiều Léon Deschamps trên mạng, có thể họ vẫn còn sống, thậm chí sống ngay tại Pháp. Việc tìm ra có thể mất hàng tháng.”

Anh như bối rối. Đi đâu tôi không thể ngừng nghĩ là vì sao anh không tự lần theo những mối liên hệ này. Cuối cùng, tôi hỏi anh tại sao sau chừng ấy năm anh vẫn muốn tìm ra Léon.

“Đi đâu ấy có thể nói cho tôi biết đi đâu gì đó về cha mình mà tôi không bao giờ biết. Tôi cũng muốn biết Léon biến mất khi nào và như thế nào.”

“Nhưng tại sao?”

“Tôi không biết tại sao. Có lẽ đó là một cách để tôi kết nối với cha mình, để biết đi đâu gì khiến ông từ bỏ đi đâu ông yêu thích nhất, và để hiểu tình bạn hoặc tình yêu của ông dành cho Léon, nếu đó là tình bạn hoặc tình yêu. Đó là một đi đâu cha tôi không bao giờ đề cập và thậm chí cả lúc tôi đã lớn và ông có thể dễ dàng mở lòng với tôi. Hoặc có lẽ tôi cũng không khác con trai mình là bao khi cố khiến cả hai phải xa cách. Hoặc đây là cách của tôi để chuộc lỗi lại vì không cố gắng thấu hiểu một người đàn ông đã từ bỏ đam mê của mình. Nhưng được bao nhiêu người trong chúng ta dành thời gian để tìm hiểu cha mẹ mình thực sự là ai cơ chứ? Có bao nhiêu bí mật ẩn dưới người ta tưởng mình luôn hiểu thấu chỉ đơn giản vì ta đã yêu thương họ?”

“Dẫu sao,” tôi nói, ngắt lời anh, “Em tìm được cả

ảnh của Léon trong album ảnh cuối năm. Đây, nhìn này.” Tôi đưa anh xem tấm ảnh tôi chụp lại hôm ấy tại văn phòng. “Ông ấy rất điển trai. Và nhìn có vẻ là người Công giáo, rất chính tề”

“Thật vậy. Rất điển trai,” Michel nói.

“Ông có nghĩ giống em không?” tôi hỏi.

“Tất nhiên là tôi nghĩ giống em. Đó là đi đâu lâu nay ta luôn nghĩ, phải không?”

Khi tới nơi, đi đâu đầu tiên anh làm sau khi cất túi và chào người đầu bếp là hướng thẳng tới phòng khách, mở ngăn kéo tủ dưới một chiếc bàn nhỏ bên cửa chớp, và lấy ra một phong thư lớn. “Nhìn này,” anh nói.

Đó là một tấm ảnh phóng to về một lớp học cũ, được chụp một hoặc hai năm trước bức tôi tìm được. Anh chỉ vào Adrien bằng ngón út; ông ấy nhìn trẻ hơn trong tấm này. Cả hai chúng tôi đều cố tìm Léon.

“Thấy không?” anh hỏi. Tôi lắc đầu. Nhưng rồi ông ấy ở đó, đứng ngay cạnh Adrien. Sự tương đồng của hai khuôn mặt trong tâm của tôi và tấm chụp lớp học cũ gần như khó tin. “VẬY lâu nay ông luôn biết!” tôi nói.

Anh lắc đầu với nụ cười như hồi lỗi. “Tôi biết về tấm ảnh. Nhưng tôi cần ai đó khác xác nhận nó.” Tôi ngắm nghĩ đi đâu ấy một lúc.

“Đó là lý do anh đưa em tới đây tuần trước sao?” “Tôi biết em sẽ hỏi vậy. Và câu trả lời là không.

Có một lý do khác, và tôi chắc chắn em đã đoán ra. Tôi muốn tặng em bản nhạc. Bằng cách trao nó cho em, và không ai khác, tôi sẽ hoàn thành ý nguyện cuối cùng của cha mình. Tất cả những gì tôi muốn là em hãy chơi nó trong một buổi diễn.”

Một sự yên lặng nặng nề bao trùm lấy chúng tôi. Tôi muốn từ chối và nói đi đâu người ta thường nói khi được tặng một món quà quá quý giá. Em

không thể nhận nó – và cũng có nghĩa là Em không xứng đáng với nó. Nhưng tôi biết nói vậy sẽ tổn thương anh.

“Em vẫn nghĩ khám phá của ta quá nhanh gọn, quá đơn giản.” tôi nói.
“Một phần em vẫn không tin. Hãy đừng vội kết luận đi đâu gì.”

“Tại sao?”

“Bởi vì em không thể hiểu tại sao một người Công giáo giàu có theo học tại Lycée J. Với cha mẹ người đó có lẽ còn tham gia vào Hành động Pháp lại liên quan tới Kol Nidre.”

“Ý em là gì?”

“Rằng có thể Léon ta cần tìm không phải Léon Deschamps.”

Để không bỏ sót bất cứ bí mật nào, tôi dành cả tuần sau đó tìm kiếm thêm các manh mối.

Có thêm nhiều ngõ cụt, nhiều thất bại nữa, nhưng rồi, chiều thứ Bảy hôm ấy trong căn nhà cổ của anh, nó bất ngờ ập đến với tôi.

“Có gì đó cứ làm em bứt rứt. Đầu tiên là cha ông tiếp tục đến nhà thờ Thánh U. để xem hòa nhạc mỗi Chủ nhật. Liệu nhà thờ ấy bằng cách nào đó có một mối liên hệ bí ẩn với Léon không? Có lẽ chính nhà thờ ấy có gì đó liên quan tới Tứ tấu Florian. Em biết họ đã chơi ở đó hàng năm trời và chính ông đã nói rằng cha ông đã trợ cấp kinh phí cho họ. Nên em đã tìm kiếm họ trên mạng và nhìn này, đúng như em nghi ngờ, không chỉ có một hoặc hai, mà tới ba thế hệ của nhóm Tứ tấu này. Florian đầu tiên được thành lập giữa thập niên 20, không phải tứ tấu mà là tam tấu: vĩ cầm, trung hồ cầm, và dương cầm. Và giờ là phần cho ông thấy rằng em thực sự là một thiên tài đấy. Người chơi dương cầm cho nhóm tam tấu bấy giờ không phải Léon Deschamps, như chúng ta lầm tưởng, mà là người đã tham gia nhóm tam tấu trong suốt mười năm, người vừa chơi dương cầm và vĩ cầm. Tên người đó là Ariel Waldstein. Nên em đã tìm hiểu về Ariel

Waldstein và chắc chắn rằng ông ấy là một người nghệ sĩ Do Thái, một người không chỉ qua đời trong trại mà còn bị đánh tới chết bởi sở hữu một cây vĩ cầm Amati và nhất quyết không chịu giao nộp nó. Lúc ấy ông sáu mươi hai tuổi.”

“Nhưng tên ông ấy là Ariel chứ không phải Léon,” Michel nói.

“Em ghép những mảnh ghép ấy lại sáng sớm nay - bằng cách nào, em cũng không chắc. Trong tiếng Hebrew, Ariel nghĩa là “con hổ của Chúa”: gọi tắt là, Léon. Nhiều người Do Thái có một cái tên tiếng Do Thái hoặc Latinh. Trong những năm hai mươi, người chơi vĩ cầm này được gọi là Ariel; những năm đầu thập niên ba mươi ông ấy trở thành Léon, có lẽ là vì sự căng thẳng gia tăng của chủ nghĩa bài Do Thái. Cách dễ nhất để tìm hiểu thêm về ông ấy là đi hỏi thăm ở khu tưởng niệm Yad Vashem ở Jerusalem.”

Tôi cảm thấy mình cần phải nói thêm gì đó, như thể tất cả việc đào bới và khai quật về cuộc đời của Ariel Waldstein cũng đang dần làm tỏ tường một điều có vẻ hoàn toàn ngẫu nhiên nhưng tôi biết rằng sẽ chỉ có một mối liên quan vô hình nếu như nó bao gồm quãng thời gian đã qua và sự khám phá lại về một người yêu dấu. Tôi như có thể cảm nhận được điều này sẽ dẫn tới đâu và chần chừ xem có nên khám phá thêm nữa vì sợ rằng những suy nghĩ của Michel sẽ dần hướng về điều đó. Anh không nhắc về nó, tôi cũng không. Nhưng tôi chắc chắn rằng nó đã lướt qua tâm trí của anh.

Chúng tôi tắm cùng nhau sáng Chủ nhật ấy, rồi ra ngoài đi dạo một lúc, đi bằng đường cửa sau, cánh cửa mà trước đó tôi chưa thấy bao giờ. Mọi người trong làng đều biết Monsieur Michel và vẫy chào mỗi khi thấy anh. Anh dẫn tôi tới quán cà phê ở góc phố mà nếu nhìn qua thì chẳng có gì đặc biệt về nó, nhưng ngay khi vừa đặt chân vào, tôi lập tức cảm nhận được sự ấm áp và được chở che. Quán kín những người đồ ô tô và xe van ghé vào

để thưởng thức chút gì đó ấm áp trước khi tiếp tục hành trình. Chúng tôi gọi hai ly cà phê và bánh sừng bò. Ba cô nàng khoảng gần ba mươi ng ồi cạnh chúng tôi, cầu nhàu về những người đàn ông trong cuộc đời họ. Tôi bật cười khi Michel, đang mãi nghe lén, mỉm cười rồi nháy mắt với tôi. “Đàn ông tệ lắm,” anh nói với mấy cô gái. “Quá tệ. Bọn em không hiểu làm sao đàn ông các anh có thể nhìn được mình trong gương mỗi sáng nữa.” “Không dễ dàng gì, nhưng bọn tôi phải cố thôi,” Michel nói. Mọi người đều cười. Người b ồi bàn tình cờ nghe được, nói rằng phụ nữ tốt hơn đàn ông nhiều và vợ của anh ta là người hoàn hảo nhất thế gian. “Tại sao thế?” một cô lên tiếng khi đang châm một điếu thuốc rồi phải ngừng lại để hỏi. “Sao ư? Vì nàng biến tôi thành một người tốt đẹp hơn. Và để tôi nói cô nghe, với tôi thì việc đó chỉ có thần thánh mới làm được.” “Vậy có lẽ Cô ấy là thánh thần rồi.” “Đừng phóng đại chứ. Ai lại muốn ngủ với một vị thánh bao giờ.” Mọi người cùng cười lớn.

Sau khi uống cà phê, Michel đuổi thẳng chân dưới bàn và có vẻ hết sức hài lòng với bữa sáng. “Nữa không?” anh hỏi. Tôi gật đầu, có chứ. Michel gọi thêm hai ly cà phê nữa. Chúng tôi không nói gì.

“Ba tu ần,” cuối cùng anh lên tiếng, có lẽ để lấp đầy im lặng. Tôi lặp lại lời anh. Rồi, bỗng dưng, anh với tới nắm lấy tay tôi. Tôi để yên như vậy, cảm thấy lúng túng vì nơi ấy có rất đông những người đang đứng bên quầy rượu. Chắc hẳn anh nhận ra sự bất an của tôi, và thả tay ra. “Tối nay họ sẽ chơi lại Beethoven.” Anh nói vậy như muốn âm thầm cố dỗ dành tôi.

“Em tưởng tối mình sẽ đi hẹn hò.”

“Chà, tôi không muốn đánh đ ờng vậy,” anh nói. “Thôi đi!”

“Tôi không ngừng được.”

“Nhưng tại sao?”

”

“Bởi vì một cậu bé vẫn còn nán lại trong tâm hồn tôi, và đôi lúc sẽ thốt ra vài câu, rồi lặn mất và trốn đi ngay. Bởi vì nó sợ phải hỏi, bởi vì cậu ta nghĩ em sẽ cười nếu cậu hỏi, bởi vì thậm chí tin tưởng còn quá khó. Tôi xấu hổ, sợ hãi, và tôi già rồi.”

“Đừng nghĩ như vậy. Chúng ta đã gần như đã giải mã được một bí ẩn trong hôm nay. Tất cả những gì ta cần phải làm tiếp theo là hỏi người chơi hôm nào xem ông ấy có nhớ gì về Ariel không. Ông ấy có thể quên, nhưng dẫu thế nào, ta cũng sẽ hỏi.”

“Làm vậy có đưa cha tôi trở lại không?”

“Không, nhưng đi đâu này sẽ khiến ông ấy hạnh phúc, và rồi chính ông sẽ hạnh phúc.”

Anh ngẫm nghĩ đi đâu tôi nói, rồi gật đầu như cách anh thường làm, để bộc lộ một niềm thấu hiểu lặng yên và chấp nhận. Rồi, như thể vượt qua tất cả những đi đâu vô hình giữa chúng tôi: “Em hứa là hãy chơi bản cadenza kia – một ngày nào đó, nhé?”

“Em sẽ chơi nó vào đầu mùa xuân này khi đi lưu diễn ở những tiểu bang, và cả vào mùa thu khi em trở lại Paris. Em hứa.”

Anh bỗng lưỡng lự và rồi tôi nhận ra vì sao. Giờ là lúc để nói ra.

“Tới Mỹ, em định sẽ gặp một người em đã không gặp lâu lắm rồi.”

Tôi nhìn anh suy ngẫm về chuyện ấy.

“Vậy em đi một mình à?”

Tôi gật đầu.

Một lần nữa tôi nhìn anh đắn đo từng lời tôi nói. “Cái cậu đã kết hôn sao?” cuối cùng anh lên tiếng. Tôi gật đầu. Tôi yêu cách anh có thể nhìn thấu tôi như vậy, và rồi tôi sợ đi đâu anh đang nhìn ấy. “Bên cạnh ông khiến em nhớ về anh ấy,” tôi nói. “Nếu em gặp anh ấy, đi đâu đầu tiên em muốn làm là kể cho anh nghe về ông.”

“Sao, vì tôi không đạt được như tiêu chuẩn đề ra à?”

“Không, bởi vì ông và anh ấy đều là chuẩn mực. Giờ khi em suy nghĩ lại, bấy lâu nay chỉ có hai người thôi. Tất cả những người khác đều chỉ là tạm bợ. ông đã cho em những ngày biền minh cho những năm dài em đánh mất anh ấy.”

Tôi nhìn anh, lần này là tôi với đến và nắm lấy tay anh.

“Đi bộ không?” tôi nói.

“Đi.”

Chúng tôi đứng dậy và anh nói rằng nên quay lại qua khu rừng để tới bên bờ hồ.

“Đi đâu em nghĩ ta nên làm là cố tìm ra Ariel Waldstein là ai. Có lẽ có ai đó sẽ biết thêm thông tin về ông ấy.”

“Có lẽ vậy. Nhưng khi mất ông ấy đã sáu mươi hai, vậy nên những người họ hàng nếu còn sống chắc chắn đã rất, rất lớn tuổi rồi.”

“Vậy nên Ariel có lẽ phải gấp đôi tuổi cha ông bấy giờ.”

Anh đột nhiên nhìn tôi và mỉm cười.

“Đồ đen tối!”

“Tôi không biết giữa bọn họ là thế nào. Có lẽ đây chính là đi đâu thôi thúc ta phải tìm ra tới cùng.”

“Ý ông là cả hai ta?”

“Có lẽ. Nếu như nhà thờ có hồ sơ lưu trữ, ta sẽ biết. Ta thậm chí có thể tìm địa chỉ của Ariel, có lẽ là trong một cuốn sổ liên lạc cũ. Và nếu ta tìm được nơi ông ấy Ở, đi đâu ta cần làm đặt một tấm đá tưởng niệm - Stolpersteine khắc tên ông ấy.”

“Nhưng nhớ đâu ông không còn con cháu gì, nhớ đâu gia đình ông không còn lại ai, chẳng một dấu vết gì về ông ấy và chẳng còn lại gì để biết cả thì thế nào?”

“Thì ta đã làm một điếu đúng đắn. Tăm đá sẽ là vật để tưởng nhớ tất cả những người đã nằm xuống và thậm chí không được thốt lên những lời cuối cùng để cảnh báo hoặc nói lời yêu thương hay thậm chí gọi tên của người họ yêu trước khi vào hầm khí độc. Ngoại trừ một bản nhạc với những lời cầu nguyện tiếng Hebrew. Gia đình em có ai từng qua đời trong cuộc thảm sát ấy không?”

“Ông biết về những ông bác của em rồi. Em cũng nghĩ rằng cụ ngoại của mình đã chết tại trại tập trung Auschwitz. Nhưng em không rõ. Ta chết và không ai nói gì về điếu ấy nữa, và trước cả khi ta nhận ra, không một ai hỏi, không một ai nói, thậm chí không một ai biết hay muốn được biết. Ta bỗng tuyệt diệt, chưa từng được sống, chưa từng yêu hay được yêu. Thời gian chưa từng rọi sáng lên ta và ký ức thì không bao giờ vương lại chút tro bụi.”

Tôi nghĩ về Ariel. Bản nhạc của ông là một bức thư tình gửi tới người nghệ sĩ dương cầm trẻ, một bí mật của ông. Hãy đàn nó bộ ta. Cầu Kaddish bộ ta. Nhớ giai điệu chứ? Nó ẩn mình ở đó, bên dưới Beethoven, ngay cạnh Mozart, hãy tìm ta. Ai mà biết được dưới thực tại khủng khiếp, không thể tưởng tượng nổi, gã Léon Do Thái ấy đã viết lên bản cadenza để nói rằng, Ta đang nghĩ về em. Ta yêu em, hãy đàn nó.

Tôi nghĩ về ông Ariel Do Thái già tới thăm nhà của Adrien đầu ông biết mình không được chào đón, Ariel tìm một nơi ẩn náu nhưng lại bị phát hiện ra hoặc, tệ hơn, bị tố cáo bởi người cha hoặc mẹ hoặc bởi những người hầu, có thể dưới sự ra lệnh của những người chủ. Tôi nghĩ về Ariel cố chạy trốn tới Bồ Đào Nha, hoặc Anh, hoặc tệ hơn nữa, bị bắt bởi quân Milice trong một cuộc đột kích kinh hoàng khi những người Do Thái già và trẻ bị lôi đi khỏi căn nhà của chính mình lúc nửa đêm và bị ép lên những chuyến xe tải chật ních. Rồi Ariel soạn nhạc ở nơi nào đó, Ariel trong xe

chở gia súc, và cuối cùng là Ariel bị đánh đập tới chết bởi vì không giao nộp cây vĩ cầm, vật có lẽ giờ đang nằm trong một ngôi nhà của người Đức nào đó không hề hay biết cây đàn ấy đã bị cướp đi sau khi người chủ của nó chết trong trại tập trung. Liệu có phải cha của Michel đã muốn đến tội vì không thể cứu Ariel không? Vì em không thể cho người và những người dẫu yêu một chỗ trú ẩn, em sẽ vĩnh viễn không chơi dương cầm nữa. Hoặc: Sau những điều bạo làm với người, âm nhạc với em đã chết. Tôi có thể nghe được những lời Léon đau đớn khẩn cầu: Nhưng em phải đàn. Đàn cho tình yêu của tôi, không bao giờ dừng lại, hãy đàn nó.

Và một lần nữa tôi nghĩ về cuộc đời mình. Liệu có ai đó một ngày sẽ gửi cho tôi bản một cadenza và nói, Anh đã mất đi, nhưng hãy đi tìm anh, đàn cho anh nhé:

“Tên bài kinh cầu Do Thái ấy là gì?”

“Kol Nidre.”

“Nó được đọc cho người đã mất à?”

“Không, bài kinh đó là Kaddish.”

“Em có biết nó không?”

”

“Tất cả những đứa trẻ Do Thái đều học nó. Bọn em được dạy để tập dượt cho cái chết của những người mình thương yêu trước cả khi bọn em biết cái chết là gì. Trớ trêu thay, Kaddish lại là bài kinh duy nhất ta không thể tự đọc cho chính mình.”

“Sao lại vậy?”

“Vì ta không thể vừa đọc nó và vừa chết cùng một lúc được.”

“Mấy người thật là!”

Chúng tôi cười. Rồi tôi nghĩ một lúc. “Anh biết đấy, gần như chắc chắn rằng tất cả chuyện về Léon Ariel này không gì hơn chỉ là tưởng

tượng.”

“Ừ, nhưng đây là câu chuyện thuộc về chúng ta. Tôi biết chính xác ta sẽ làm gì tối nay. Ta sẽ trở lại thành phố, tôi sẽ giống như cha mình, và em sẽ là chàng trai từng là tôi của những năm tháng ấy, hoặc em có thể là đứa con trai tôi chưa từng được gặp, và chúng ta sẽ ngồi bên nhau lắng nghe Tứ tấu

Florian, có lẽ giống như cách cha tôi đã làm, khi

ông ấy bằng tuổi em còn tôi là Léon. Em biết đấy, hóa ra cuộc đời không hề nguyên bản tới vậy. Nó có những cách riêng để lặn lòng để nhắc ta nhớ rằng, kể cả không có Chúa chẳng nữa, sẽ luôn có một tia sáng rực rỡ trong cách số phận chơi ván bài của nó. Nó sẽ không phát cho ta năm mươi hai lá; mà chỉ là bốn hoặc năm, và chúng tình cờ lại là những lá mà chính cha mẹ, ông bà, những thế hệ đi trước của ta đã được nhận. Những lá ấy đều sờn rách và nhăn nhúm cả. Lựa chọn để đánh một dây thì luôn bị hạn chế: đến một thời điểm những lá bài ấy sẽ tự động lật lại, hiếm khi theo thứ tự của ván chơi lắm, nhưng luôn luôn theo một mẫu có vẻ như là quen thuộc lạ thường. Đôi khi lá cuối cùng không hề được tung ra bởi một người mà đời họ đã kết thúc. Số phận không phải lúc nào cũng tuân theo cái mốc tận cùng của cuộc đời mà ta chọn. Nó sẽ phát ra lá bài cuối cùng cho những người tiếp sau. Đó cũng là lý do tôi nghĩ rằng mọi cuộc đời đều chịu cái án dờ dang. Đây chính là sự thật bi thảm mà ta phải chấp nhận. Ta tiến tới điểm kết thúc thế mà không cách nào xong việc được với cuộc đời, dù cố vươn người ra hết cỡ! Có những kế hoạch ta chưa kịp bắt đầu, những vấn đề do dự phải bỏ lại ở một nơi nào đó. Sống có nghĩa là chết dần trong những đi đâu hối tiếc không thể chịu đựng được. Như một nhà thơ Pháp từng nói, *Le temps d'apprendre à vivre il est déjà trop tard*, ngay khi ta học được cách sống, thì đã quá muộn rồi. Và dẫu vậy vẫn có những vui thú

bé nhỏ trong việc nhận ra rằng mỗi chúng ta được đặt vào vị trí để hoàn thành một cuộc đời của người khác, để đóng lại những dang dở và đánh lá bài cuối cùng thay cho họ. Còn gì hài lòng hơn khi biết rằng sẽ luôn phụ thuộc vào một người khác để hoàn thành và kết thúc đời ta? Một người ta yêu thương và cũng thương yêu ta không kém. Đối với tôi, tôi muốn nghĩ đó là em, kể cả khi ta không còn bên nhau. Giống như được biết rằng ai sẽ là người sẽ vượt mắt cho tôi. Tôi muốn đó là em, Elio ạ.”

Trong khoảnh khắc đó, ngay khi tôi nghe những gì Michel nói, tôi bỗng nhận ra rằng chỉ có một người trên đời này tôi muốn sẽ vượt mắt cho tôi. Và anh, tôi hy vọng, dẫu không nói với tôi một lời nào bấy lâu nay, sẽ bước qua một vòng trái đất để đặt tay anh lên mắt tôi, như tôi cũng sẽ làm với anh như vậy.

“Vâng,” Michel nói, “ta sẽ gặp người lớn tuổi nhất trong nhóm tứ tấu, như em rất muốn nghe ba tuần trước, và ta sẽ hỏi liệu ông ấy có nhớ. Nhưng trước lúc ấy, trong khi giải lao, ta sẽ mua nước quá nóng từ bà nữ tu già lụ khụ, có lẽ một lần nữa vờ như không quen biết nhau, hẹn sẽ gặp lại sau buổi diễn, biết rằng sau đấy cả hai sẽ cùng nhau đi ăn nhẹ.”

“Chúa ạ, em đã kể ông nghe em muốn ông ôm em và mời em về nhà đêm ấy chưa? Em suýt nữa đã nói ra nhưng rồi lại thôi.”

“Có lẽ lá bài đó không phải dành cho đêm ấy.” Anh mỉm cười.

“Có lẽ thế.”

Anh nhìn tôi khi quàng khăn quanh cổ mình. “Em lạnh không?” anh hỏi.

“Một chút,” tôi đáp. Tôi có thể cảm nhận được anh đang lo lắng về tôi nhưng không thể hiện ra. “Muốn về nhà không?”

Tôi lắc đầu. “Em sẽ lạnh khi h ồi hộp.”

“Sao em lại h ồi hộp chứ?”

“Em không muốn đi đâu này kết thúc.”

“Sao phải như vậy?”

“Không sao cả.”

“Em là lá bài tôi suốt nữa đã bỏ lỡ suốt đời mình. Tối nay sẽ là ba tuần, và nó có thể đã dễ dàng không bao giờ xảy đến. Tôi cần...” Nhưng rồi anh dừng lại. “Cần gì?”

“Tôi cần một tuần nữa, một tháng nữa, một mùa nữa, nghĩa là cả một cuộc đời nữa. Hãy cho tôi mùa đông. Xuân đến, em sẽ đi lưu diễn. Dưới tất cả những vỏ bọc ta đã khám phá hôm nay, tôi biết có một người dành cho em, và tôi không tin đó là mình.”

Tôi không nói gì cả. Anh mỉm cười đắm chiêu.

“Có lẽ là cái cậu đã kết hôn kia.” Rồi anh ngập ngừng một hồi, tôi nghe giọng anh thất lại. “Điều duy nhất tôi muốn trong cuộc đời này dành cho em là tìm được hạnh phúc. Còn lại thì...” Anh không thể nói hết câu. Anh lắc đầu ngụ ý rằng những điều còn lại chẳng quan trọng nữa.

Không ai trong chúng tôi nói thêm gì cả. Tôi ôm lấy anh và anh cũng vậy, và chúng tôi giữ nhau trong lòng mãi cho tới khi anh chỉ lên những con nham nhỏ bay trên trời. “Nhìn kia!” anh nói. Nhưng tôi không buông tay ra.

“Tháng Mười một,” tôi bảo.

“Ừ. Không phải đông hay thu. Tôi luôn yêu tháng Mười một ở miền quê Corot.”

CAPRICCIO



Erica và Paul.

Hai người chưa từng gặp nhau, nhưng họ vừa bước ra khỏi thang máy cùng một lúc. Em đi giày cao gót, còn cậu đi giày bệt. Khi hướng đến tầng của tôi, họ nhận ra mình đang cùng đến một địa chỉ và thậm chí còn quen cùng một người, cùng một Clive mà tôi không hề biết. Làm thế nào mà họ lại gọi được câu chuyện về anh chàng Clive này khiến tôi thấy lạ, nhưng rồi có gì lạ đâu khi mọi chuyện diễn ra vào một buổi tối đã mang quá nhiều hứa hẹn về những lạ lùng, khi hai người mà tôi hằng mong mỏi được gặp trong tiệc chia tay của mình lại đến nơi cùng một lúc. Cậu đến cùng người bạn trai lớn hơn nhiều tuổi, em đến cùng chồng, nhưng tôi vẫn không thể tin được rằng, sau hàng tháng trời muốn được gần gũi hơn với họ, cuối cùng thì lúc này tôi đã có cả hai bên mình vào những ngày cuối còn ở lại thành phố này. Có nhiều người khác cũng tới nhưng ai quan tâm về họ chứ: bạn trai cậu, chồng em, người dạy yoga, người bạn mà Micol liên tục giục tôi phải gặp, cặp đôi tôi quen từ mùa thu năm ngoái tại một hội thảo về người nước ngoài gốc Do Thái từ thời Đế chế thứ ba, người thầy châm cứu lập dị từ phòng 10H, nhà lý luận dở hơi cùng người vợ ăn chay trường, và cả bác sĩ Chaudhuri đáng yêu đến từ Mount Sinai, người đang rất hào hứng để định nghĩa lại thế nào là tiệc nhẹ cho tất cả khách khứa tối nay. Chúng tôi mở chai prosecco và tất cả đều uống mừng sự trở về của gia đình tôi ở New Hampshire. Những lời nâng ly vang vọng khắp và một vài sinh viên tốt nghiệp chúc tụng và trêu đùa tôi cùng sự cảm mến và khôi hài, thêm nhiều khách đến và đi.

Nhưng hai người quan trọng nhất đã ở lại. Có một lúc, khi những người khác quanh quẩn bên trong căn hộ nhằm chán, em bước ra bên ngoài bao lơn và tôi đi theo, rồi cậu cũng vậy, và rồi cả hai dựa vào lan can với ly champagne trong tay, trò chuyện về anh chàng Clive này, em bên trái, cậu bên phải, rồi tôi đặt ly của mình xuống và vòng tay quanh eo họ, thân thiện, gần gũi, hoàn toàn bình thường. Rồi tôi thả tay ra và tựa vào bao lơn, cả ba vai kề vai, cùng nhau ngắm hoàng hôn buông xuống.

Không ai lảng tránh. Cả hai đều kề sát bên tôi. Tôi đã mất hàng tháng trời để mang họ tới. Đó là một khoảnh khắc yên ả từ ban công ngắm nhìn xuống dòng Hudson vào một tối tháng Mười một ấm áp.

Khoa của cậu ở trường đại học năm cùng tầng với tôi, nhưng cả hai lại không hề có bất cứ mối liên hệ học thuật nào với nhau cả. Bằng cách quan sát, tôi cho rằng cậu có thể là một sinh viên tốt nghiệp đã hoàn thành luận án của mình, một nghiên cứu sinh hậu tiến sĩ hoặc một phó giáo sư mới được bổ nhiệm. Chúng tôi cùng đi chung lối cầu thang và ở cùng một tầng, thỉnh thoảng chạm mặt nhau ở phòng họp của giảng viên, hoặc thường xuyên hơn là ở tiệm Starbucks cách đó hai dãy nhà trên đường Broadway, thường là chiều muộn trước khi buổi hội thảo cho sinh viên tốt nghiệp bắt đầu. Chúng tôi cũng để ý sự có mặt của người kia khi vô tình gặp nhau vài lần tại một quán salad tự chọn bên kia phố và rồi không thể không mỉm cười với nhau khi bất ngờ gặp lần nữa sau bữa trưa lúc cả hai đánh răng trong nhà vệ sinh. Điệu ấy đã trở thành một kiểu cười chào thường trực khi hai người thấy nhau cùng hướng tới nhà vệ sinh nam với bàn chải đã có kem đánh răng sẵn. Cả hai, tôi để ý, đều không mang tuýp của mình vào. Một ngày cậu nhìn tôi và hỏi, “Aquafresh à?” và tôi bảo đúng vậy. Sao biết? Bằng những sọc bạc hà, cậu nói. Và để tiếp tục, tôi hỏi cậu dùng loại

gì. “Tom’s of Maine.” Đáng ra tôi nên biết. Cậu chắc chắn là người sẽ sử dụng lẫn khứ mùi của

Tom, xà phòng của Tom, và những sản phẩm không phổ biến chỉ có thể tìm thấy trong những cửa hàng ưu tiên sức khỏe người tiêu dùng. Đôi khi, lúc nhìn cậu súc miệng xong, tôi bỗng muốn được nếm vị dịu mát của tiêu h ỏi trong miệng cậu.

Chúng tôi không tán tỉnh nhau nhưng có một thứ gì đó như vô hình lơ lửng giữa cả hai. Mối quan hệ mờ nhạt của chúng tôi được dựng xây trên những buổi chiều vui thú ngược ngùng và r ồi bỗng cắt đứt Vội vàng khi chẳng ai màng nói lời chào một lần nữa vào sáng hôm sau nếu vô tình lại gặp trên cầu thang. Tôi khát khao một đi ều, và tôi nghi ngờ cậu cũng vậy. Nhưng tôi không bao giờ chắc chắn mình nhìn mọi thứ đủ rõ ràng để lên tiếng hay đẩy mọi chuyện đi xa hơn. Trong một cuộc trao đổi ngắn ngủi, tôi đã nhân cơ hội để nói với cậu rằng mình sắp kết thúc thời gian nghỉ phép và sẽ sớm trở về New Hampshire. Cậu nói rất lấy làm tiếc khi biết vậy; cậu đã định đến dự lớp tôi giảng về Triết học ti ền Socrates. “Nhưng thời gian!” cậu nói. “Thời gian!” cùng một nụ cười ngược ngùng, ân hận và cái thở dài đầy khiêm nhường. Vậy ra cậu đã xem lịch của tôi và biết về lớp ti ền Socrates. Đi ều này thật vinh hạnh. Cậu đang có hạn chót để hoàn thành cuốn sách của mình về một nghệ sĩ dương c ần tên Samuil Feinberg. Tôi chưa từng nghe về Feinberg bao giờ và cảm thấy rằng đi ều ấy cho tôi biết thêm về một khía cạnh khác của cậu mà tôi ao ước mình đã có thời giờ tìm hiểu. Nếu cậu rảnh và muốn tới bữa tiệc nhỏ tại căn hộ gần như đã dọn sạch đ ồ – có khi còn không tới bốn chiếc ghế chừa lại, tôi bảo – thì sẽ rất vui. Đến nhé? Đương nhiên r ồi, cậu bảo. Câu đáp ấy bật ra nhanh tới nỗi lúc đ ầu tôi đã không tin.

Và rồi Erica. Chúng tôi tham gia cùng một lớp yoga, đôi lúc em đến vô cùng sớm – sáu giờ sáng - có khi tôi cũng vậy, đôi lúc khác cả hai lại đến rất muộn, sáu giờ tối. Thậm chí có những hôm chúng tôi đến đó hai lần một ngày, cả sáu giờ sáng và tối, gần như là sẽ tìm kiếm nhau nhưng đều hiểu rằng không nên mong chờ được gặp lại tới hai lần. Em thích góc nhỏ của mình, và tôi luôn cách đó chỉ nửa mét. Kể cả khi em không tới, tôi vẫn sẽ trải thảm tập của mình cách tường một khoảng. Lúc đầu là vì tôi thích chỗ của hai chúng tôi, sau đó tôi nhận ra đó là một cách tinh ý để giữ chỗ cho em. Nhưng cả hai đều không tới đó thường xuyên, đó là lý do tại sao mất nhiều thời gian tới vậy mà hai người mới chỉ gật đầu chào nhau trong một vài lần cố gắng quýt. Đôi lúc khi nằm xuống và nhắm mắt lại, tôi sẽ bất chợt nghe thấy ai đó ném thảm tập xuống bên cạnh mình. Không cần phải nhìn, tôi biết đó là ai. Kể cả khi em tới bên tôi bằng chân trần, tôi đã học cách nhận ra nhịp thở dịu dàng, nhút nhát ấy, cách em hắng giọng mỗi khi đặt người xuống. Em không cố gắng che giấu khi tỏ ra bất ngờ và vui vẻ nếu thấy tôi ở đây. Tôi thì cẩn trọng hơn và sẽ VỖ vệt một cái liếc nhìn ngơ ngác đi trời, cô tới đây à? Tôi không muốn quá lộ liễu, cũng không muốn xông xáo gia cố thêm mối quan hệ tán dóc nhẹ nhàng, qua loa khi gặp nhau ngoài phòng tập lúc chưa mang giày và phải đứng chờ cho những người học viên ca trước rời đi. Có đi đâu gì đó luôn luôn lịch sự đều thoáng chút trố trêu khi chúng tôi trò chuyện về những điều tầm thường ở lớp yoga, hoặc phàn nàn về người giáo viên dạy thay dở tệ, hoặc thở dài, chúc nhau có một cuối tuần suôn sẻ khi nghe tin thời tiết được dự báo sẽ có bão. Chúng tôi đều biết những chuyện xoàng ấy sẽ chẳng dẫn tới đâu. Nhưng tôi thích đôi chân mảnh khảnh của em, bờ vai mịn màng như lấp lánh với nét r ám nắng của mùa hè có vẻ như còn đọng lại đó mùi hương phảng phất lưu luyến từ kem chống nắng cuối tuần trước. Hơn tất cả tôi thích v ăng

trán em, nó không phẳng mà tròn, và gợi lên những nghĩ suy mà tôi không thể miêu tả bằng lời nhưng tha thiết muốn được hiểu thêm, bởi vì luôn có một thoáng suy nghĩ lại gương gao hiện lên mơ màng trên nét mặt ấy mỗi lần em mỉm cười. Em mặc quần áo bó sát với bắp chân thon gọn lộ ra cho nên, nếu như để tâm trí mình thỏa sức lượn lờ tự do, tôi có thể dễ dàng tưởng tượng hai chân em đặt một góc chín mươi độ trong tư thế viparita karani với gót chân tựa lên ngực tôi, ngón chân chạm tới vai tôi, mắt cá chân khum gọn trong tay tôi khi tôi quỳ xuống. Rồi nếu như em cong chân lại và chậm rãi vòng hai đầu gối quanh eo tôi, tất cả những gì tôi cần sẽ là được nghe nhịp thở và tiếng rên rỉ từ em để biết rằng mình luôn muốn nhiều hơn chỉ là bạn tập yoga.

Tôi định mời giáo viên của ta tới buổi tiệc chia tay, tôi bảo. Em và chồng sẽ ghé qua chứ? Vậy thì tuyệt quá, em nói.

Vậy là cả hai tới. Hôm ấy ấm áp hơn so với một ngày tháng Mười Một, và cửa chớp của chúng tôi rộng mở, một làn gió thổi từ bên sông len lỏi khắp căn phòng, nên ánh nến thêm lung linh hơn trên bầu cửa sổ, và tất cả đều có cảm giác như đang ở trong một bộ phim vào phân đoạn một buổi tối thứ Bảy đầy mê hoặc mà sẽ chẳng có gì có thể phá hỏng. Tất cả những gì tôi cần làm là giới thiệu mọi người với nhau và đặt những câu hỏi, thật khéo léo, để chúng không nghe quá qua loa, và không có vẻ tập dượt trước, nếu tôi nhận ra một cuộc trò chuyện đang cạn chủ đề. Bà đã làm gì với cảnh cuối cùng trong phim: Cô nghĩ gì về bai diễn viên lớn tuổi ấy: Anh thích bộ phim này nhiều như bộ trước của người đạo diễn ấy chứ? Tôi thì thích những bộ phim bất ngờ kết thúc bằng một bài nhạc. Còn ông?

Dẫu đây là tiệc chia tay tôi nhưng tôi vẫn là chủ nhà. Tôi phải chắc chắn rằng prosecco vẫn được đồ đầy ly của mọi người, và tất cả đều hoàn toàn thoải mái. Có thể thấy trong cái cách hai người họ dựa vào tường và

tán dóc, và, khi ngẫu nhiên tham gia cùng với họ, tôi biết họ đang gần gũi hơn. Nếu như tất cả có rồi đi hết, chúng tôi cũng sẽ chẳng quan tâm tới và tiếp tục trò chuyện về những cuốn sách, những bộ phim hoặc kịch, tất cả những chủ đề nối tiếp nhau mà chẳng bao giờ nảy sinh bất đồng.

Họ cũng đặt những câu hỏi – về tôi, về nhau, và một hoặc hai lần sẽ quay sang người nào đó đến gần để kéo họ trò chuyện. Chúng tôi cười đùa và tôi cầm tay cả hai, và tôi biết họ đều thích như vậy khi đáp lại cái nắm tay này là cử chỉ siết lấy tay tôi nhẹ nhàng, không miễn cưỡng cũng không vì lịch sự đơn thuần. Có một lúc cậu, và sau đó là em, xoa nhẹ lưng tôi, thật dịu dàng, như thể họ thích cảm giác mềm mại từ áo len của tôi và muốn cảm nhận nó thêm lần nữa. Đó là một tối tuyệt vời, mọi người thưởng rượu, và không một ai bận nghe điện thoại dù chỉ một lần, và món tráng miệng của bác sĩ Chaudhuri sẽ sớm được dọn ra. Bữa tiệc hôm đó được dự kiến kết thúc lúc tám giờ rưỡi nhưng nó kéo dài lâu hơn nhiều và không ai có vẻ như muốn ra về.

Thi thoảng tôi sẽ lên quay lại về phía Micol cùng ánh nhìn bên em mọi thứ ổn chứ? và nhận lại một cái gật đầu vội vã ổn cả – anh thì sao? Khá tốt, tôi sẽ đáp. Chúng tôi là một đội hoàn hảo, và phối hợp chính là cách giữ cả hai bên nhau. Đó là lý do, tôi nghĩ, chúng tôi luôn biết cả hai sẽ là một cặp ăn ý. Biết phối hợp, phải rồi. Và đôi khi cả đam mê nữa.

Hai người đấy là thế nào thế: Nàng ra hiệu bằng một cái nghiêng đầu dò hỏi, ý chỉ hai người khách trẻ nàng chưa từng gặp. Nói cho em sau, tôi đáp. Nàng nhăn mặt và đôi chút nghi ngờ. Tôi biết cái nhìn nghiêm nghị ấy đang nói rằng, Em biết anh đang có âm mưu gì đấy.

Hai người họ đều vui tính và cười rất nhiều, đôi khi là cười nhạo tôi vì hiếm khi cập nhật những thứ mới mà có vẻ ai cũng biết. Nhưng tôi mặc cho họ được vui vẻ.

Có một lúc Erica ngắt lời và thì thầm: “Đừng quay lại, nhưng bạn của vợ anh cứ nhìn ta chăm chăm.”

“Muốn xin việc ở trường đại học đấy, nên tôi mới đang cố tránh mặt cô ta.”

“Không hứng thú à?” câu hỏi cùng một thoáng châm chọc.

“Hay không đủ thuyết phục?” em nói.

“Không ấn tượng,” tôi đáp. “Và ý tôi ở đây là không thấy thu hút.”

“Nhưng cô ấy đẹp mà,” Erica nói. Tôi lắc đầu cười trừ.

“Yên nào! Cô ta biết mình đang nói về ai.”

Cả ba luống cuống nhìn đi chỗ khác. “Còn nữa, người ta tên là Kirin,” tôi nói thêm.

“Không phải, Karen chứ,” cậu nói.

“Tôi nghe là Kirin mà.”

“Thực ra cô ấy nói là Kirin,” em bảo.

“Đấy là vì cô ta nói giọng vùng Michigan.” “Ý anh là giọng Minh-Chí-Gàn hả?”

“Nghe gần đỡ thực.” Cả ba bật cười. Chúng tôi không thể kìm bản thân mình lại.

“Người ta đang nhìn nhóm mình đấy,” cậu nói.

Khi chúng tôi đang cố nhin cười, tâm trí tôi bỗng nhận ra một đi ều. Tôi muốn có họ trong cuộc đời mình. Với bất cứ giá nào. Tôi muốn họ ngay lúc này, cùng bạn trai cậu, ch ồng em, gì cũng được, với những đứa con mới sinh hoặc mới nhận nuôi nếu họ có. Họ sẽ được chào mừng đến và đi khi muốn, chỉ cần hãy là một phần trong cuộc đời ắm đậm, ngày-quangày nhàm chán vô vị của tôi ở New Hampshire.

Và nếu như Erica và Paul thích nhau bằng một cách nào đó khác không thể đoán được – mà thực ra lại không hẳn khó đoán chút nào thì sao?

Điêu ấy còn khiến tôi thấy hẫ hẫ thay họ. Lòng ham mê nhục dục chấp nhận mọi trả giá, và những ham muốn gián tiếp thay người khác có mức trao đổi trực tiếp được coi là đủ tin cậy để cho là thực. Chưa một ai từng đến mức cùng quẫn vì vay mượn ham muốn của người khác cả. Ta chỉ cùng quẫn khi không ham muốn bất cứ ai. “Hai người có nghĩ Cô ấy có thể làm ai đó hạnh phúc không?” Tôi hỏi về người bạn của vợ mình, không thực sự hiểu sao bỗng dưng lại hỏi vậy. “Người như anh á?” cậu lập tức đáp lại như thể phóng đến một mũi tên, trong khi em mỉm cười ranh mãnh đầy ẩn ý, cùng với cậu, nói rằng có lẽ em hiểu ý nghĩa thực sự ẩn trong câu hỏi của tôi. Cả hai đều có vẻ đồng ý rằng tôi không phải người có thể dễ dàng làm cho hạnh phúc. “Giá mà hai người biết những điều tôi muốn đơn giản ra sao.” “Ra sao?” em hỏi, gần như quá đột ngột, như muốn tôi lúng túng hoặc phải xoay xở bịa đặt một lời nói dối. “Có tới hai người đã làm được đấy.” “Thế thì kể xem,” em hỏi, thách thức tôi ngay lập tức mà không nhận ra đã nói một cách quá gấp gáp và rằng câu trả lời mà tôi chuẩn bị đáp lại hoàn toàn không phải là điều em mong đợi. Nhận thấy tôi có vẻ bối rối, cậu bảo, “Có lẽ anh ấy không muốn nói đâu.” “Có lẽ anh ấy muốn lắm,” tôi bảo. Nụ cười bốn cợt một lần nữa hiện trên môi em. “Hoặc có lẽ không.” Vậy là em biết, chắc chắn em biết. Tôi biết mình đang khiến em thấy hẫ hẫ. Nhưng bây giờ, qua những kinh nghiệm tôi đã học, chính là lúc những câu hỏi táo tợn được thốt ra, hoặc thậm chí ta chẳng cần phải hỏi, bởi vì câu trả lời sẽ luôn là có. Nhưng em đang hẫ hẫ. “Dẫu vậy hầu như những điều ta muốn đều là do ta tưởng tượng cả, phải không nào?” Tôi bảo, một lần nữa cố gắng làm dịu lại điều tôi vừa nói để cho em một đường lui nếu như em đang cố thoát ra mà không biết làm thế nào. “Và một vài những ham muốn chân thành nhất của ta hóa ra lại mang nhiều ý nghĩa vô hình hơn ta tưởng - cậu thấy vậy không?”

“Tôi thì không nghĩ mình từng chờ đợi đủ lâu để biết một ham muốn bị kìm hãm là thế nào.” Cậu bật cười.

“Tôi thì r ồi, em nói.

Tôi nhìn họ, và họ nhìn lại tôi. Tôi thích những khoảnh khắc ngưng ngừng thế này. Đôi khi tất cả những gì tôi cần làm là gọi ra và không cố gắng quýt đẹp bỏ chúng đi quá vội vàng. Nhưng sự căng thẳng dường như dần hiện rõ và em bỗng muốn nói gì đó, gì cũng được, và khiến tôi biết em thực sự hiểu những điều tôi đã không nói thành lời: “Tôi chắc chắn rằng phải có ai đó từng khiến anh tổn thương, hoặc sợ hãi chứ.”

“Từng có,” tôi đáp. “Một vài người bỏ ta lại trong đau đớn và tổn thương.” Rồi tôi nghĩ một thoáng. “Dẫu trong chuyện ấy tôi là người đã làm người ta đau khổ, nhưng chính tôi lại không bao giờ bình phục.”

“Thế còn cô ấy?”

Tôi lưỡng lự một lúc. “Cậu ấy,” tôi sửa. “Ở đâu?” “Italy.”

“Italy, đương nhiên rồi. Ở đó người ta khác ở đây.”

Em thông minh đấy, tôi nghĩ.

Erica và Paul.

Nên là, có, họ có hợp nhau. Tôi để họ trò chuyện và dạo qua chỗ những người khách khác. Thậm chí còn ra cười đùa một chút với người bạn của Micol, và dẫu có vết bớt, cô nàng không kém đi vẻ xinh đẹp và sự mỉa mai duyên dáng, điều ấy khiến tôi biết nàng là một nhà phê bình tài năng và đầy tham vọng.

Một khoảnh khắc thoáng qua, tâm trí tôi dạo quanh về tất cả các ngày cuối tuần trong năm học vừa rồi khi bạn bè từ trường đại học sẽ thường đến dùng bữa cùng chúng tôi vào mỗi tối Chủ nhật. Chúng tôi sẽ chuẩn bị món gà hầm, bánh quiche – cả hai đều mua sẵn và được hâm nóng lại – cùng với món salad bắp cải chính tôi làm, sử dụng tất cả những nguyên liệu

tìm được trong bếp. Một vài người sẽ luôn đem theo pho mát, và một số khác sẽ mang món tráng miệng. Và sẽ có rất nhiều rượu và bánh mì thơm ngon. Chúng tôi sẽ bàn luận về những con tàu trireme của người Hy Lạp, súng lửa của họ, những đối chiếu về sử thi Homer và những hình tượng nhân vật Hy Lạp đã truyền cảm hứng cho nghệ thuật hiện đại. Tôi sẽ đánh mất tất cả những đi đầu ấy, như cách tôi sẽ đánh mất những thói quen vật vãnh khi rời New York, mất đi lúc nào chẳng hay, và rồi mới nhớ nhưng chúng khi đã quá muộn. Tôi sẽ đánh mất đồng nghiệp và những người bạn mới, chưa kể đến hai người họ, nhất là khi giờ chúng tôi đã có những mối liên hệ với nhau ngoài lớp yoga và học viện.

Tôi nhìn quanh và nhận ra nơi này giờ đã trông trái y như lúc Micol và tôi dọn vào tháng Tám năm ngoái. Một chiếc bàn, bốn chiếc ghế xếp quanh, một vài chiếc ghế nhỏ cũ kỹ, một chiếc tủ, những giá sách trống, một chiếc sofa cũ, một chiếc giường, một tủ quần áo với vô vàn những móc treo lung lẳng như những con chim bị nhỡ với đôi cánh vươn ra, và cây dương cầm lớn lè loi mà cả tôi và Micol đều chưa từng đụng tới, dán chỉ chút những poster nhạc kịch mà chúng tôi cứ tự nhủ sẽ mang về New Hampshire dẫu biết sẽ chẳng bao giờ có chuyện đó. Tất cả những đồ đạc khác đều đã được gói ghém và chuyển đi trước. Trường đại học đã kéo dài thời gian cho chúng tôi tới giữa tháng Mười Một, lúc mà người thuê tiếp theo, cũng trong khoa Văn minh cổ, sẽ dọn tới. Maynard và tôi học chung đại học và tôi đã viết cho anh một bức thư chào mừng tới đây. Máy sấy mất thời gian lắm và toi-fi thì kém. Tôi chưa từng thấy ghen tị với anh ấy. Nhưng giờ thì tôi sẵn lòng đổi chỗ cho anh không chút lưỡng lự.

Cuối cùng, đúng như tôi dự đoán, cả hai lại bắt đầu trò chuyện về anh chàng nhà báo Clive, người mà chẳng ai nhớ tên đầy đủ. Paul đang mặc một chiếc áo lanh trắng ngắn tay với các ngực phanh rộng. Khi cậu nâng

khuyết tay đặt lên trán để cố nhớ lại tên họ của Clive, tôi có thể thấy làn da cậu lộ ra tận xuống gần nhúm lông dưới cánh tay. Chắc hẳn cậu đã cạo chỗ đó, tôi nghĩ. Tôi yêu nơi cổ tay như ánh lên lấp lánh của cậu – chúng được tắm nắng cẩn thận. Tôi có thể dành toàn bộ buổi tối còn lại chỉ để cố bắt được khoảnh khắc cậu đặt tay lên trán một lần nữa khi cố nhớ tên ai đó.

Đôi lúc, tôi thấy cậu ngược ánh nhìn gấp gáp và khó hiểu về người bạn trai bên kia căn phòng. Bí hiểm và thân mật – một điều gì đó ngọt ngào trong cách họ như trông chừng lẫn nhau.

Erica mặc một chiếc áo cánh mỏng màu xanh lơ. Tôi không thể cứ nhìn chăm chăm vào ngực em vì đường nét của nó đủ tinh tế để không trở nên quá khô gò, nhưng tôi biết rằng em để ý mỗi lần tôi nhìn. Tôi chưa từng gặp em khi không mặc đồ tập. Chính đôi lông mày tối màu và đôi mắt to tròn màu hạt dẻ đã khiến tôi chú ý – chúng không chỉ chăm chú nhìn ta, chúng đang dò hỏi gì đó và rồi nán lại như thể thực lòng chờ đợi một lời hồi đáp, mà cái nhìn ngờ ngác, không biết nói gì hơn của ta bỗng như không đáp lời. Nhưng có lẽ chúng không thực sự hỏi gì cả – đó là ánh nhìn của sự thân quen VÔ cùng từ một người nào đó nhớ ra ta, và đang cố nhớ lại là ở đâu, và sự trêu ngươi trong ánh mắt em chính là cách em nói rằng ta chẳng giúp em nhớ được gì bởi vì em biết là ta nhớ nhưng chỉ vờ là không thôi.

Có gì đó, và tôi đã để ý tới điều ấy quá nhiều, mang một ngụ ý mỗi khi ánh mắt em lướt qua tôi; nó suýt nữa đã khiến tôi phải phá vỡ nỗi lặng yên khi một lần tình cờ gặp em đang đứng xếp hàng ở một rạp phim. Em đi cùng chồng, nói gì đó với anh ta, khi bỗng nhiên quay lại và nhìn tôi, và một thoáng cả hai đã ngừng nhìn cho tới khi nhận ra người kia, lùi lại trong im lặng, và đơn giản gật đầu chào, nghĩa là Yoga, đúng không? Đúng rồi, yoga. Rồi để cho ánh mắt ấy trôi qua.

Lúc này, Micol và người giáo viên yoga quyết định ra ban công để hút thuốc. Anh ta đang khiến nàng cười. Tôi thích khi nghe tiếng cười ấy. Nàng hiếm khi cười – chúng tôi hiếm khi cười. Tôi xin một điếu từ một người khách rồi tham gia cùng họ. “Chúng tôi dọn cả gạt tàn đi rồi, vợ tôi nói, cần một chiếc cốc nhựa với một nửa và nàng gõ nhẹ điếu thuốc để tàn thuốc bay xuống. “Không có quyết tâm,” người dạy yoga nói về chính bản thân mình. “Đây cũng thế,” nàng đáp, cả hai cùng cười rồi anh ta cũng hứng tàn thuốc rơi vào chiếc Cốc. Chúng tôi trò chuyện vãn vơ một lúc cho tới khi một điếu hoàn toàn bất ngờ xảy đến.

Ai đó đã mở cây dương cầm và đàn bản nhạc mà tôi lập tức nhận ra là một đoạn được cho là của Bach. Khi tôi bước vào phòng, một đám đông những người lộn xộn vây quanh cây dương cầm để nghe tiếng đàn mà đúng ra tôi nên biết là của Paul. Một thoáng trôi qua, và có lẽ bởi không ngờ tới, tôi đứng đó sửng sò. Chúng tôi đã chuyển thăm thăm đi nên âm thanh phát ra trong trẻo, rõ ràng hơn rất nhiều, và nó vang vọng khắp căn hộ trống, mang cảm giác như cậu đang đàn tại một thánh đường rộng lớn nhưng không một bóng người. Tại sao tôi lại không biết cậu có thể bị thu hút bởi cây dương cầm rồi tàn tới vậy, và sao tôi không đoán biết cậu sẽ đang chơi bản nhạc tôi đã không nghe lại nhiều năm rồi.

Tiếng đàn ngân vang vài phút và tất cả những gì tôi muốn làm là tới đằng sau ôm lấy và hôn lên gáy cậu để bảo rằng làm ơn, làm ơn, hãy đàn lại một lần nữa.

Không ai có vẻ như biết bản đó, và sau khi Paul chơi xong, một sự yên lặng đầy tôn trọng bao trùm khắp căn phòng. Bạn trai cậu cuối cùng đi qua đám đông và đặt tay dịu dàng lên vai cậu, chắc hẳn là để bảo cậu ngừng chơi, nhưng Paul bất ngờ đàn một bản của Schnittle khiến mọi người bật

cười. Cũng không ai biết bản này cả, nhưng tất cả đều cười khi cậu lập tức chuyển sang một đoạn cao trào trong “Bohemian Rhapsody.”

Khi cậu vẫn đang chơi, tôi ngó xuống tấm kim loại của bộ tản nhiệt đặt dưới bệ cửa sổ và Erica đến ngồi cạnh tôi, lặng lẽ, như một con mèo tìm cách rúc vào một góc chật chội mà không gây phiền hà hay đổ vỡ những đồ sứ. Tất cả những gì em làm là ngó xung quanh tìm chỗ mình, và khi làm vậy, em đặt khuỷu tay phải tựa lên vai tôi. Anh ta đang đứng bên kia căn phòng với hai tay cầm một ly vang, có vẻ không tự nhiên. Em mỉm cười. Anh ta gật đầu đáp lại. Tôi tự hỏi về hai người họ. Nhưng khi quay lại nhìn người đang chơi dương cầm, em không nhấc tay khỏi vai tôi. Em biết mình đang làm gì. Táo bạo nhưng chưa chắc chắn. Nhưng tôi không thể tập trung vào điều gì khác. Tôi ngưỡng mộ sự thoải mái vô tư đối với một cơ thể khác xuất phát từ biểu hiện tự tin được dùng để nhận biết một mối tương giao tốt đẹp ở mọi nơi. Nó khiến tôi nhớ về mình thời trẻ khi luôn nghĩ rằng người khác sẽ không ngại mà thực ra lại muốn tôi chạm vào họ. Lòng cảm mến trước sự tin tưởng vô tư ấy thôi thúc tôi chạm lên bàn tay em; nhẹ nhàng và thoáng chốc siết lấy nó như để cảm ơn tình bạn của em, dấu biết rằng khi làm thế sẽ làm khuỷu tay em dòi chỗ. Em không có vẻ gì bận tâm tới điều đó, nhưng rồi cũng rút tay lại. Micol, lúc ấy đang ở trong bếp, đã ra đứng cạnh tôi và đặt một tay lên bên vai kia của tôi. Khác hẳn với cảm giác từ Erica.

Bạn trai của Paul nói rằng đã tới lúc ngừng đàn và ra về vì hôm nay họ phải về sớm. “Một khi đã bắt đầu chơi là em ấy không chịu ngừng, và rồi tôi phải trở thành kẻ phá đám cuộc vui.” Lúc ấy, tôi đứng dậy và tới chỗ Paul vẫn đang mải mê đàn, quàng tay cậu, và nói rằng tôi nhận ra bản Arioso của Bach và rằng tôi không hề ngờ cậu sẽ chơi nó.

“Tôi cũng không ngờ vậy,” cậu nói, nét ngạc nhiên trong giọng cậu lúc ấy đây thật thà, quyến rũ và chân thành. Cậu thấy vui vì tôi nhận ra bản Capriccio của Bach. “Đây là một đoạn Bach viết, “Để tiễn biệt người anh trai dấu yêu của mình. Anh sẽ rời đi, nên không phải tự nhiên mà tôi đàn nó. Nếu anh muốn tôi sẽ đàn lại cho anh.”

Chàng trai đáng yêu, tôi nghĩ.

“Vì anh sẽ rời đi,” cậu nhắc lại, và tất cả đều nghe thấy, nét chân thành hiện lên trong giọng cậu như xé tan đi đâu gì đó trong tôi đến nỗi tôi không biết phải nói hay biểu hiện gì giữa bao nhiêu khách khứa.

Vậy nên, một lần nữa, cậu đàn bản Arioso. Và cậu đang đàn nó cho tôi, và mọi người đều biết cậu đàn cho riêng tôi, và đi đâu khiến trái tim tôi như Vỡ vụn chính là tôi biết, như cậu chắc chắn cũng biết, rằng đi đâu đáng sợ vô cùng về những lời chia tay và tiễn biệt chính là sự chắc chắn gần như tuyệt đối rằng chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại nhau lần nữa. Những đi đâu mà cậu không biết, và sẽ không thể biết, đó là chính bản Arioso này là những gì tôi đã nghe được nghe hai mươi năm trước, khi mà, chính tôi cũng từng là người phải ra đi.

Em đang nghe cậu ấy đàn chứ? Tôi hỏi một người vắng mặt ở đây, nhưng với tôi thì không bao giờ vắng mặt.

Em đang nghe đây.

Và em biết, biết rõ rằng anh đã luôn lạc lối suốt bao năm qua.

Em biết. Nhưng em cũng vậy.

Tiếng đàn em từng cho anh nghe mới tuyệt diệu làm sao.

Em muốn đàn cho anh.

Vậy là em chưa quên. Tất nhiên rồi,

Khi Paul vẫn đang đàn và tôi ngấm nhìn khuôn mặt cậu, không thể rời đôi mắt vẫn đang chăm chú nhìn lại tôi cùng một vẻ duyên dáng trong vô

thức và đầy dịu dàng mà tôi có thể cảm nhận sâu trong tim gan mình, tôi biết rằng những lời ẩn giấu và mê hoặc đang kể về cuộc đời tôi trong quá khứ, hiện tại trước mắt, và về những quá khứ và hiện tại tôi đáng ra đã có thể có nhưng không bao giờ chạm vào được, và rằng lựa chọn nằm lại ngay trên phím đàn và trong chính tay tôi.

Paul vừa chơi xong bản Arioso của Bach khi cậu lập tức giải thích rằng muốn chơi bản dạo đầu được cải biên bởi Samuil Feinberg, “Chưa tới năm phút đâu, em hứa đấy,” cậu bảo, quay sang người bạn trai. “Và khúc dạo ngắn ngủi này,” cậu nói, trước khi bắt đầu cất tiếng đàn, “có thể thay đổi đời anh đấy. Em nghĩ nó thay đổi đời em mỗi lần em đàn nó.”

Cậu đang nói với tôi ư?

Làm thế nào mà cậu biết về cuộc đời tôi? Nhưng rồi, chắc hẳn cậu đã biết – và tôi muốn cậu ấy biết. Cách âm nhạc đã thay đổi đời tôi mang một ý nghĩa rõ ràng tới không thể diễn tả nổi ngay khoảnh khắc cậu nói với tôi những lời ấy, và dẫu tôi đã nhận ra chính những từ ngữ ấy sẽ trốn chạy khỏi tôi chỉ trong chốc lát, như thể ý nghĩa của chúng sẽ vĩnh viễn mắc kẹt vào những giai điệu, vào một đêm Upper West Side khi một chàng trai trẻ đàn cho tôi nghe một đoạn nhạc tôi chưa từng biết và giờ thì ước ao giai điệu ấy sẽ mãi ngân vang. Hay là bởi một đêm mùa thu được thắp sáng lên bởi nhạc của Bach, hay là sự mất mát một căn nhà trống chứa đầy những người tôi đã dần trở nên thân thiết và thậm chí còn yêu quý hơn ngay lúc này nhờ có sự an ủi của âm nhạc? Hay âm nhạc chỉ là một điếm báo trước cho một đi đâu được gọi là cuộc đời, cuộc đời trở nên rõ ràng hơn, chân thực hơn – hay dân không thực nữa - bởi vì những giai điệu và bùa mê đã bị nhốt lại trong những khuôn nhạc ấy? Hay chính bởi gương mặt cậu, chính gương mặt cậu khi nhìn lên tôi và nói rằng, Nếu anh muốn thì em sẽ đàn lại cho anh?

Hoặc có lẽ ý cậu là thế này: Nếu âm nhạc không thể thay đổi anh, ít nhất nó sẽ nhắc anh nhớ một đi đâu sẽ luôn luôn thuộc về anh và dẫu có vô tình để lạc mất, nhưng thực ra nó sẽ không bao giờ biến mất và vẫn sẽ đáp lại khi được chào đón bằng những nốt nhạc đúng, như một linh hồn nhẹ nhàng khuấy động một giấc ngủ quá sâu chỉ bằng cái chạm nhẹ của đầu ngón tay và những khoảng lặng yên đúng đắn nằm giữa những nốt nhạc. Em sẽ đàn lại cho anh. Một người đã nói những lời ấy hai thập kỷ trước: Đây là Bach được cải biên bởi em.

Khi tôi nhìn sang Erica đang ngồi cạnh mình trên vỏ của bộ tản nhiệt và rồi nhìn sang Paul bên cây dương cầm, tôi cũng muốn cuộc đời họ sẽ thay đổi vì đêm nay, vì âm nhạc, vì tôi. Hoặc có lẽ tất cả những gì tôi khát khao là nhờ họ mang lại chút gì đó từ quá khứ của tôi, bởi vì nó là quá khứ, hoặc thứ gì đó như quá khứ, như ký ức, hoặc có lẽ không chỉ là ký ức, mà ẩn dưới những tầng và những lớp sâu hơn, như một dấu chìm vô hình của cuộc đời mà tôi mãi vẫn không thể nhìn thấy được.

Một lần nữa em lên tiếng. Là em, phải không, chính là em mà anh đang kiếm tìm, là em mà âm nhạc đêm nay đã gọi về.

Tôi nhìn hai người và biết rằng họ không hiểu. Chính tôi cũng không thể hiểu. Tôi biết cây cầu nối liền cả ba đã được định trước sẽ mong manh và dễ dàng sụp đổ rồi bị cuốn theo dòng nước ngay sau đêm nay, tất cả những thân thiết và gắn kết bởi prosecco, âm nhạc, và các món ăn nhẹ của bác sĩ Chaudhuri sẽ tiêu tan. Mọi thứ sẽ trở lại với nguyên trạng trước kia khi chúng tôi bàn về kem đánh răng và cười đùa về giáo viên yoga xấu tính, người có hơi thở không dễ chịu chút nào, phải không, Erica đã nói vậy, ngay khi chúng tôi gặp lại nhau sau buổi tập.

Bây giờ, khi Paul vẫn đang đàn, tôi nghĩ về ngôi nhà của chúng tôi ở New Hampshire và mọi thứ sẽ trở nên xa cách và buồn bã nhường nào khi

tôi nhìn ra cảnh đêm bên dòng Hudson và nghĩ về những đồ đạc chúng tôi sẽ phải dỡ xuống ngay khi về nhà, và vẻ bụi bặm trống rỗng của căn nhà, và tất cả những bữa tối cuối tuần vội vã mặt đối mặt với nhau vì mấy đứa trẻ phải ở lại trường. Chúng tôi gần gũi, nhưng cũng thật xa lạ, những nòng nài liêu lĩnh, những nhiệt thành, cười cợt điên cuồng, những lần chạy đua tới quán rượu đêm Arrigo chỉ để gọi khoai chiên và hai ly martini, cách chúng biến mất nhanh thế nào những năm qua. Tôi đã nghĩ hôn nhân sẽ mang cả hai lại với nhau và tôi sẽ bắt đầu thay đổi để trở nên tốt đẹp hơn. Tôi cũng nghĩ sống một thời gian ở New York mà không vương bận con cái sẽ mang cả hai trở lại như xưa. Nhưng tôi lại gần gũi với âm nhạc, với dòng Hudson, với hai người họ, với người tôi không hề quen biết, và cũng chẳng quan tâm về đời họ thế nào, anh chàng Clive ra sao, về nhân tình hay chồng con họ. Thay vì thế, khi khúc nhạc dạo đầu như lấp đầy căn phòng và gắn kết tất cả lại, tâm trí tôi trôi về nơi nào đó khác, như nó vẫn thường như vậy khi tôi quá chén và nghe được tiếng dương cầm ngang qua đại dương và biển cả và những năm tháng đã qua về lại bên một cây Steinway cũ được đàn bởi một người mà, như một linh hồn được mang về bởi Bach đêm nay, sẽ mãi lang thang trong phòng khách trọ trọ này để nhắc tôi một điếu: Hai ta vẫn vậy, chưa hề đổi thay. Đây chính là điếu em luôn nói với tôi vào những lúc như bây giờ, Ta vẫn mãi vậy, chẳng hề đổi thay – với một chút trớ trêu nhẹ nhàng hiện trên nét mặt. Suýt nữa em đã nói ra điếu ấy năm năm trước, khi tới thăm tôi ở New Hampshire.

Mỗi lần tôi đều cố gắng nhắc em nhớ rằng em không có lý do gì để tha thứ cho tôi.

Nhưng em chỉ bật cười, lảng tránh sự phản kháng của tôi và, không bao giờ tức giận, mỉm cười, cởi áo mình, ngó vào lòng tôi, áp đùi em lại với tôi và vòng hai tay qua eo tôi khi tôi cố gắng tập trung vào giai điệu và

người phụ nữ bên cạnh mình, rồi ngược lên nhìn tôi như thể muốn hôn lên môi, thì thầm, Đồ ngốc, cần tới hai người bỏ để tạo ra em. Em có thể là người đàn ông và phụ nữ, hoặc cả hai, vì với em, anh cũng vậy.

Tìm em, Oliver. Hãy tìm em.

Em đã tới thăm tôi nhiều lần trước kia nhưng không như thế này, không như đêm nay.

Nói gì đi, làm ơn hãy nói gì thêm với anh, tôi muốn nói. Tôi có thể, nếu như thay mặt chính mình, áp ủ em bằng những lời vỗ về và tới bên em bằng những cách khác. Tôi đã uống đủ say đêm nay để tin rằng em sẽ chẳng cần gì hơn là được nghe tin tôi. Ý nghĩ ấy khiến tôi phấn khích, và âm nhạc khiến tôi phấn khích, và người nghệ sĩ dương cầm trẻ khiến tôi phấn khích, Tôi muốn dẹp bỏ sự lặng yên này.

Em luôn lên tiếng trước. Nói gì với anh đi. Gần ba giờ sáng rồi, ở chỗ em. Em đang làm gì? Em có một mình không?

Hai từ em nói thôi và tất cả mọi người sẽ trở nên vô nghĩa, kể cả anh, đời anh, công việc, nhà cửa, bạn bè, vợ anh, những đứa trẻ, súng lửa và thuyền Hy Lạp, và mối tình nhỏ nhoi với chàng Paul và nàng Erica này, mọi thứ sẽ trở thành một bức màn, cho tới khi chính cuộc đời hóa thành một lần lạc lối.

Và tất cả còn lại chỉ là, mình em thôi. .

Tất cả những gì anh nghĩ tới là em

Em có đang nghĩ về anh đêm nay không? Anh có đánh thức em không?

Nhưng không có ai trả lời.

“Em nghĩ anh nên gặp Karen bạn em,” Micol bảo. Tôi đùa cợt về sự hiện diện của cô nàng Karen này. “Em cũng nghĩ anh uống đủ rồi đấy,” nàng đang bực.

“Và anh thì nghĩ mình sẽ uống thêm chút nữa, tôi bảo, quay sang nói chuyện với cặp chuyên gia về người nước ngoài gốc Do Thái từ thời Đế chế thứ ba và, chẳng biết tại sao, bắt đầu cười không ngừng. Hai người này đang làm cái quái gì ở nơi sẽ sớm trở thành nhà cũ của tôi thế này?”

Tay cầm một ly prosecco khác, tôi bước tới và trò chuyện với người bạn của Micol. Nhưng rồi khi quay lại và thấy những học giả về người nước ngoài gốc Do Thái từ thời Đế chế thứ ba, tôi lại cười không ngừng một lần nữa.

Quả thực tôi đã uống quá nhiều.

Tôi lại nghĩ về vợ mình và mấy đứa trẻ ở trường. Ở nhà, mỗi ngày, nàng sẽ ngồi đọc sách. Rồi nàng sẽ để tôi đọc, và bảo, khi cả hai trở về thị trấn với ngôi trường đại học nhỏ cùng ủng đi tuyết, với những bữa tối, với những buổi gặp mặt cùng giảng viên, với nhà tắm, với chiếc giường của chúng tôi khi mà chưa kịp tháo ủng đi tuyết ra, và tất cả mọi thứ đêm nay sẽ là một ảo ảnh từ một cuộc đời khác. Erica sẽ thuộc về quá khứ, Paul cũng sẽ bị nhốt lại nơi đó, và tôi không gì hơn sẽ chỉ là một cái bóng níu chặt vào bức tường này, nó sẽ không còn gặp lại tôi vào ngày mai, nhưng vẫn sẽ không buông bỏ, như một con ruồi vật lộn với miếng dán sẽ cuốn nó theo. Liệu họ sẽ nhớ chứ?

Paul hỏi sao tôi lại cười.

“Chắc vì vui,” tôi đáp. “Hoặc quá nhiều prosecco.” “Đây cũng thế.”

Cả ba cùng cười.

Tôi nhớ rằng sau bản Arioso và khúc dạo đầu, sau những lời chúc nâng ly vô kể và rất nhiều rượu prosecco, đã có một thoáng ngại ngùng xảy đến khi tôi giúp Erica tìm áo khoác trong phòng khách. Hai người khách đã ra về, những người khác vẫn nán lại ở hành lang, chờ đợi. Chỉ còn chúng tôi trong phòng, và, khi tôi bảo em đến làm tôi vui biết bao, tôi đã để sự yên

lặng giữa cả hai kéo dài quá lâu. Tôi biết em không thấy thoải mái nhưng em vẫn sẽ không phiền nếu nó kéo dài thêm vài giây nữa. Nhưng tôi quyết định sẽ không đẩy mọi chuyện quá xa và thay vì vậy tôi nhận ra mình hôn em tạm biệt không phải lên má mà lên vùng cổ hở ra của em. Em mỉm cười, khi tôi cũng cười. Tôi cười để xin thứ lỗi, còn em là để bỏ qua.

Khi đến lúc chào tạm biệt Paul, tôi đưa tay ra định bắt tay, nhưng cậu ôm lấy tôi trước cả khi tay chúng tôi chạm nhau. Tôi thích với cậu áp vào mình khi cả hai ôm nhau. Rồi cậu hôn tôi lên hai má. Bạn trai cậu cũng hôn chào tôi như vậy.

Tôi đang mơ màng, hồi hộp, và tan nát. Tôi đứng lại bên cửa và nhìn bốn người bọn họ bước dọc xuống hành lang. Chúng tôi không bao giờ gặp lại.

Tôi muốn gì ở họ? Muốn họ trở nên thân thiết để tôi có thể ngồi xuống, nhấp nhấm prosecco, và rồi quyết định có nên tham gia vào bữa tiệc của họ không ư? Hay có phải tôi đâu thích cả hai và không thể quyết định tôi khao khát ai hơn? Hay thực ra tôi chẳng thích ai cả nhưng cần phải nghĩ rằng mình có thích, vì nếu không tôi sẽ phải nhìn lại cuộc đời mình để chứng kiến những hố sâu khổng lồ, trống rỗng dọc con đường trở lại nơi tình yêu bị thương tổn, hủy hoại mà tôi đã kể với họ lúc trước.

Micol và cô nàng Karen đang dọn dẹp trong bếp. Tôi bảo họ cứ để bát đĩa đấy. Karen thẳng thắn rằng muốn nói chuyện với tôi một lần nữa. “Có lẽ sớm nhé?” cô bảo. “Ngay khi tôi quay về thành phố,” tôi đáp. Tôi nói dối.

Micol tiễn người bạn tới thang máy rồi trở lại, định giúp tôi dọn dẹp một chút trước khi đi ngủ. Tôi bảo nàng cứ để tôi.

“Tiệc vui đấy,” nàng nói.

“Rất vui.”

“Thế, hai người đấy là ai?”

“Trẻ con ấy mà.”

Nàng mỉm cười tinh ý. “Em đi ngủ đây, anh ngủ luôn chứ?”

Anh cần phải dọn nốt, tôi bảo, nhưng sẽ vào ngay. Tôi cất gọn những chiếc đĩa nhựa vào hai túi để đồ còn thừa lại sau lần dọn nhà và, khi đang định tắt đèn trong phòng khách, tôi bỗng thấy một bao thuốc lá nằm trên bàn gần chiếc gạt tàn duy nhất còn lại trong căn hộ, chắc hẳn là của Karen. Tôi lấy một điếu, châm nó, tắt hết đèn, đặt chiếc gạt tàn cạnh mình trên chiếc sofa cũ không còn thuộc sở hữu của chúng tôi nữa, gác chân lên một trong bốn chiếc ghế sẽ ở lại với người chủ mới của chúng, và bắt đầu ngẫm nghĩ về bản Arioso mình đã nghe từ rất lâu về trước. Rồi khi ngẩng trong căn phòng nhập nhoạng, tôi nhìn ra ngoài và nhận ra hôm nay là trăng tròn. Lạy Chúa, mới đẹp làm sao. Và càng ngắm nhìn, tôi càng tha thiết muốn được chuyện trò cùng nó.

Ta không thay đổi được cuộc đời cậu, phải không? Ông nhạc sĩ già khôn ngoan Johann Sebastian lên tiếng.

E rằng là vậy.

Và tại sao?

Âm nhạc không đưa ra câu trả lời cho một câu hỏi chính tôi cũng không biết đặt ra thế nào. Nó không cho tôi biết mình muốn gì. Nó nhắc nhở tôi rằng có lẽ mình vẫn yêu, dù cho tôi không còn biết yêu là gì. Tôi luôn nghĩ về mọi người, dẫu cho người tôi đã tổn thương nhiều hơn những người tôi quan tâm rất nhiều. Tôi còn không biết mình đang cảm thấy gì, dù đôi lúc tôi vẫn luôn cảm thấy gì đó, giống như một cảm giác thiếu thốn và mất mát, có lẽ cả thất bại, chai sạn, hoặc gì đó hoàn toàn vô bình. Tôi đã từng chắc chắn về chính mình, tôi đã nghĩ mình hiểu chuyện, biết mình, và mọi người yêu cái cách tôi với ra để chạm vào bộ khi lướt qua cuộc đời họ mà

chẳng màng xin phép bay nghi ngờ liệu có được chào đón không. Âm nhạc nhắc tôi về một cuộc đời đáng lẽ tôi đã có. Nhưng nó không thể thay đổi điều gì.

Có lẽ, những thiên tài đã nói, âm nhạc không đổi thay ta nhiều tới vậy, thậm chí cả những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại cũng không. Thay vì vậy, nó nhắc ta nhớ về những người, mà dấu cho chối bỏ hay phủ nhận, ta sẽ luôn luôn biết chúng ta đã từng và sẽ mãi thuộc về. Nó nhắc ta về những mốc đường mà ta đã chôn giấu và rồi đánh mất, về những người và những vật sẽ luôn quan trọng dấu cho những đối trá, những tháng năm đã qua. Âm nhạc không gì hơn chính là âm thanh của sự hối tiếc ta đặt trong một giai điệu có thể khuấy động lên những ảo mộng về hạnh phúc và hy vọng. Nó chính là lời nhắc nhở xác đáng nhất rằng ta chỉ ở lại đây một thời gian rất ngắn ngủi và rằng ta đã bị bỏ rơi hoặc phản bội hoặc, tệ hơn là, không thể sống chính cuộc đời mình. Âm nhạc là một cuộc đời không được sống qua. Cậu đã sống sai một cuộc đời, bạn thân mến, và gần như đã hủy hoại cuộc đời mà cậu đáng ra nên sống.

Tôi nên làm gì? Ông có biết câu trả lời không, Herr Back? Liệu có gì là đúng hay sai trên đời này không?

Ta là một nghệ sĩ, bạn thân mến, ta không đưa ra câu trả lời. Nghệ sĩ chỉ đặt ra câu hỏi thôi. Và còn nữa, chính cậu đã biết câu trả lời rồi.

Trong một thế giới tốt đẹp hơn, Erica sẽ ngồi trên sofa bên trái tôi, và Paul sẽ ngồi bên phải, cách đó không xa là chiếc gạt tàn. Em sẽ tháo giày ra và đặt chân lên cạnh chân tôi, gác trên chiếc bàn trà. Chân em, em lên tiếng, biết rằng chúng tôi đang chăm chú nhìn chúng. Xấu xí, đúng không? em nói. Không xấu chút nào, tôi nói. Tôi đang cầm tay em. Vẫn rảnh một tay, nhưng rồi cũng sẽ đặt nó lên trán cậu. Khi em tựa vào vai tôi, cậu quay lại, nhìn tôi, rồi hôn tôi lên môi. Một nụ hôn nồng nàn và chân thành.

Chúng tôi không thấy ngại khi em đang nhìn. Tôi muốn em nhìn. Lúc đầu em yên lặng, rồi, Em cũng muốn cậu ấy hôn em. Cậu mỉm cười với em, và gần như với qua người tôi để hôn em lên môi. Sau cùng em sẽ bảo em thích cậu hôn. Đúng vậy, tôi nói. Nhưng cậu ấy có mùi thuốc lá. Tại tôi đấy, tôi nói. Em không thích mùi thuốc à? cậu hỏi. Em có thích, em đáp. Tôi hôn em. Em không bận tâm gì vì tôi mang mùi thuốc. Tôi đang nghĩ, hương tiêu h ấi. Tôi muốn em nếm vị h ấi hương của cậu, từ miệng cậu tới môi em rồi tới môi tôi, rồi trở lại khuôn miệng cậu.

Đêm ấy, tôi đi ngủ và nghĩ về cả ba trăn trụi trên giường. Chúng tôi ôm ấp, nhưng rồi cuối cùng cả hai cuộn lại vào tôi, áp sát đùi vào với tôi. Mọi thứ có thể diễn ra dễ dàng thế nào, và tự nhiên ra sao, như thể cả hai đều đã tới ăn tối đơn giản thế thôi. Tại sao quá nhiều dự tính, và quá nhiều kế hoạch, và cả những lo sợ khi mà, mới vài giờ trước, tôi chỉ có thể bất lực đứng nhìn. Tôi yêu ý nghĩ về những giọt mồ hôi của cậu và em hòa quyện với mồ hôi tôi. Dầu vậy tất cả những gì tôi tập trung vào là gót chân của họ. Chân em, khi tháo giày và gác chúng lên bàn, chân cậu khi bước vào ngay khi buổi tối bắt đầu và tôi nhận thấy cậu đi giày bệt nhưng không mang tất. Tôi không hề biết bàn chân ấy nhỏ nhắn, mịn màng và nhẹ nhàng ra sao. Sau đó, cậu cũng sẽ cởi giày trước khi gác chân lên bàn trà, một bên mắt cá chân thon thả, rám nắng hơn bên còn lại. Nhìn này, cậu sẽ nói, ngo ngậy những ngón chân. Chúng tôi bật cười. Chân con trai, em nói. Em biết, cậu đáp. Một lần nữa cậu dịch người gần lại, cuộn đầu gối vào bên trong đùi tôi, và hôn tôi.

Tôi không nhớ đêm ấy mình đã mơ về điều gì, nhưng tôi biết rằng, suốt đêm và suốt những lần chấp chờn bật dậy vô kể, tôi đã yêu cả hai bọn họ, cùng nhau hay riêng lẻ từng người tôi cũng không rõ, bởi vì có gì đó quá đổi chân thành trong cách họ chẳng rụt rè hiện diện trong vòng tay tôi

tới nổi khi tỉnh dậy lúc nửa đêm ôm lấy vợ mình, tôi biết, ngay từ lúc tôi cảm nhận được tối ấy, rằng sẽ chẳng có gì là khó tin khi bắt đầu chuẩn bị bữa sáng cho bốn chúng tôi trong một căn bếp sẽ gọi nhắc tôi về một ngôi nhà ở Italy.

Tôi nghĩ về Micol. Nàng sẽ không có chỗ Ở đấy. Italy là một chủ đề chúng tôi sẽ không bao giờ nói tới. Nhưng nàng biết. Biết về một ngày định mệnh - nàng luôn biết vậy, và chắc chắn là biết rõ hơn tôi. Tôi đã từng muốn kể với nàng về những người bạn cũ của mình, về ngôi nhà của họ bên bờ biển, và về căn phòng tôi đã ở, và về một người phụ nữ nơi đó, người mà những năm tháng ấy đã giống như mẹ của tôi nhưng giờ lại mắc bệnh đãng trí và khó có thể nhớ tên chính mình, về chồng của bà, người mà, trước khi qua đời, đã sống chung mái nhà với một người phụ nữ khác, người vẫn còn sống ở đấy với đứa con trai bảy tuổi mà tôi tha thiết muốn gặp.

Anh cần trở lại, Micol ạ.

Tại sao?

Bởi vì cuộc đời anh đã dừng lại ở đấy. Bởi vì thực ra anh chưa từng rời đi. Bởi vì những gì anh có ở nơi này giống như một chiếc đuôi bị cắt lìa từ một con thằn lằn thay da và nó đang giãy giụa, trong khi cơ thể nó nằm lại bên kia Đại Tây Dương, ngay cạnh ngôi nhà xinh đẹp nhìn ra biển. Anh đã ra đi quá lâu rồi.

Anh đang rời bỏ em sao?

Anh nghĩ vậy.

Và cả mấy đứa trẻ nữa?

Anh sẽ luôn là cha chúng.

Và chuyện sẽ xảy ra khi nào? Anh không biết. Sớm thôi. Em không thể nói là mình thấy ngạc nhiên. Anh biết.

Đêm ấy, khi khách khứa đã về hết và Micol đã ngủ, tôi tắt hết điện ở lối vào và đang định khép lại cửa chớp hướng ra bao lơn thì nhớ ra cần phải tắt nến. Tôi lại bước ra ngoài, nhìn ra bờ sông, đặt hai tay lên lan can nơi mới vừa rồi còn đứng cạnh Erica và Paul, và ngắm nhìn về phía dòng nước. Tôi thích ánh sáng rọi từ bên kia dòng Hudson, thích làn gió nhẹ trong lành, thích Manhattan vào thời điểm này trong năm, thích cảnh tượng của cây cầu George Washington, những đi đầu mà tôi biết mình sẽ nhung nhớ khi trở về New Hampshire đầu cho ngay lúc này, ngay đêm nay, vẫn gọi nhắc tôi về Monte Carlo khi những ánh sáng lấp lánh của nó rọi về Italy đêm ấy. Sớm thôi, trời sẽ trở lạnh ở Upper West Side và sẽ có những ngày mưa, nhưng cuối cùng thì thời tiết nơi đây sẽ luôn quang đãng và mọi người vẫn sẽ dạo quanh phố phường lúc đêm muộn se lạnh ở thành phố không bao giờ say ngủ này.

Tôi đẩy những chiếc ghế gọn lại, với lấy ly rượu với một nửa trên sàn, và thấy một ly khác được dùng để làm gạt tàn và đầy những mẫu thuốc. Đã bao nhiêu điếu được hút bên ngoài kia rồi? Người giáo viên yoga, Karen, Micol, cặp vợ chồng tôi gặp ở hội thảo về người nước ngoài gốc Do Thái từ thời Đế chế thứ ba, hai ông bà ăn chay trường, và ai nữa?

Giờ, khi tôi ngắm nhìn cảnh vật và hai chiếc tàu kéo lặng lẽ ngược dòng, tôi nghĩ về một ngày năm mươi năm sau này, một ai đó khác chắc chắn sẽ đứng ở ngay bao lơn đây ngắm nhìn chính cảnh vật này, nghĩ suy những nỗi niềm giống như tôi, nhưng đó sẽ không phải tôi. Người đó sẽ mới tuổi thiếu niên hay đã ngoài tám mươi, hay sẽ bằng tuổi với tôi bây giờ, và liệu anh, có như tôi, vẫn mơn mõi về một mối tình xa xăm và duy nhất, cố gắng không nghĩ về một linh hồn vô danh mà, như tôi đêm nay năm mươi năm trước, đã khát khao về một người dẫu yêu và cố gắng, như tôi đã cố và luôn thất bại bao năm qua, cố không trần trở về đi đầu đó.

Quá khứ, tương lai, đi đâu gì khiến chúng như vậy.

Và hai người họ sẽ ở màn nào, Erica và Paul. Mọi thứ đâu chỉ là một bức màn, và chính cuộc đời này là một lần lạc lối.

Đi đâu quan trọng bây giờ lại không được sống.

Tôi nhìn lên mặt trăng và định hỏi về cuộc đời mình. Nhưng câu trả lời của nàng đến trước cả khi tôi kịp đặt ra câu hỏi gì. Suốt hai mươi năm qua anh đã sống như một người chết. Ai cũng biết. Kể cả vợ con anh và những người bạn của họ, cặp đôi anh gặp ở hội thảo về người nước ngoài gốc Do

Thái từ thời Đế chế thứ ba cũng có thể thấy đi đâu ấy hiện trên gương mặt anh. Erica và Paul biết đi đâu ấy, và những bọc giả nghiên cứu súng lửa và thuyền trireme Hy Lạp, kể cả những triết gia tiền Socrates, đều đã chết bại ngàn năm trước, cũng biết. Người duy nhất không biết chính là anh. Nhưng giờ thì cả anh cũng biết rồi.

Anh đã dối lừa.

Với cái gì, với ai?

Với chính mình.

Tôi còn nhớ vài ngày trước, khi đi mua hộp đóng đồ và băng dính, tôi đã thấy ai đó mình quen bên kia phố. Tôi vẫy chào nhưng anh không đáp và cứ bước đi, đầu cho có nhìn thấy tôi. Có lẽ anh giận tôi gì đó. Nhưng mà giận gì? Lát sau tôi gặp một người khác rời đi từ khóa của mình và hướng về hiệu sách. Chúng tôi ngang qua nhau gần một hàng hoa quả bên vỉa hè và, đầu ông nhìn thấy, nhưng lại không đáp lại nụ cười chào hỏi của tôi. Một lát sau nữa tôi gặp một người hàng xóm từ tòa nhà của mình đang đi dạo; chúng tôi thường chào nhau trong thang máy, nhưng bà không nói gì hay gật đầu lại khi tôi nói xin chào. Tôi bỗng nhận ra rằng chỉ có thể là tôi đã chết và đây chính là cái chết: ta thấy mọi người nhưng họ thì không, và tệ hơn, ta kẹt lại vào chính mình ngay thời khắc ta chết – khi đi mua hộp

các tông và ta sẽ không bao giờ trở thành người mà đáng ra đó mới là chính mình và biết rằng đó vẫn mãi là chính mình bấy lâu nay, và ta sẽ không bao giờ có thể sửa chữa một sai lầm đã khiến đời ta rơi vào bất định và giờ thì ta đã kẹt lại với việc làm ngu xuẩn này mãi mãi, đi mua hộp đóng đồ và băng dính. Tôi đã bốn mươi tư. Tôi đã chết – và chết quá trẻ, quá trẻ để chết.

Sau khi khép cửa chớp, tôi lại nghĩ về bản Arioso của Bach và bắt đầu ngân nga nó trong đầu. Ngay lúc ấy, khi chúng tôi một mình và tâm trí thì lang thang ở một nơi khác, đối mặt với sự vĩnh cửu và sẵn sàng cân nhắc về cuộc đời này và về tất cả những điều chúng tôi đã làm, gần xong hoặc đã bỏ cuộc, câu trả lời của tôi cho tất cả những câu hỏi mà ông bạn già Bach nói rằng tôi đã biết lời đáp là gì.

Một người, một cái tên – em biết, tôi nghĩ. Ngay bây giờ, em biết, em luôn biết.

Tìm em, em bảo.

Anh sẽ tìm, Oliver, anh sẽ tìm, tôi nói. Em còn nhớ không?

Nhưng em luôn nhớ những gì tôi nói. Em nhìn tôi, không bảo gì, tôi biết em cảm động.

Và bỗng nhiên, với giai điệu Arioso vẫn ngân nga trong tâm trí và thêm một ly nữa và một điếu nữa của Karen, tôi muốn em đàn bản Arioso ấy cho tôi, rồi tiếp theo là khúc dạo đầu, bản trước kia em chưa từng đàn, và hãy đàn nó cho tôi, cho riêng tôi thôi.

Và càng nghĩ về tiếng đàn của em, càng nhiều nước mắt trào ướt má tôi, và chẳng quan trọng nếu đó là hơi men đang lên tiếng hay là trái tim tôi, cho tất cả những gì tôi muốn nghe từ em, bản Arioso này từ cây Steinway nhà cha mẹ em vào một đêm mưa rả rích mùa hè trong ngôi nhà bên bờ biển, và tôi sẽ ngồi gần lại cây dương cầm với một ly vang và tôi sẽ

bên em và không còn cô đơn cùng cực như bao nhiêu, bao nhiêu năm qua, cô đơn giữa những người lạ không hề hay biết dấu chỉ một chút về tôi hay em. Tôi sẽ bảo em hãy đàn bản Arioso và nhờ vậy sẽ nhắc nhở tôi về đêm nay khi tôi đã dập tắt hết những ngọn nến ngoài bao lơn kia, tắt hết đèn phòng khách, châm một điếu thuốc, và lần đầu tiên trong đời, tôi biết mình thuộc về đâu và phải làm gì.

Chuyện sẽ xảy ra như lần đầu, lần thứ hai lần thứ ba. Bịa ra một lý do đủ đáng tin cho mọi người và cho chính tôi, mua vé máy bay, thuê một chiếc xe, hoặc thuê ai đó để đưa tôi tới, lái về con đường cũ quen thuộc mà chắc hẳn đã ít nhiều đổi thay sau bao năm qua, và rằng chúng vẫn nhớ tôi là ai vì tôi luôn nhớ chúng, và trước cả khi tôi nhận ra, mọi thứ sẽ hiện trước mắt: hàng thông già, tiếng sỏi lạo xạo dưới lốp khi chiếc xe di chuyển chậm lại rồi đỗ hẳn, và rồi ngôi nhà. Tôi nhìn lên, tưởng rằng không có ai, họ không biết tôi tới, dấu tôi đã viết thư trước, nhưng chắc chắn thôi, em sẽ ở đấy, chờ đợi. Tôi đã dặn em không cần đợi. Tất nhiên em sẽ đợi, em đáp, và trong cái Tất nhiên ấy, tất cả những năm tháng đã qua của chúng tôi sẽ ùa về, bởi vì đã có một dấu vết của niềm nhớ trên tâm lạnh, nhưng rồi em sẽ nói ra những lời từ đáy tim mình khi chúng tôi bên nhau, nghĩa là Anh biết em sẽ luôn đợi, kể cả nếu anh tới lúc bốn giờ sáng. Bao năm qua, em đã đợi, anh nghĩ em sẽ không đợi thêm chỉ vài tiếng nữa sao?

Chờ đợi là điều ta đã làm suốt đời mình, chờ đợi đã cho anh đứng ở đây và nhớ về giai điệu của Bach ngân nga ở cuối tinh cầu của ta và để những nghĩ suy của anh trôi về với em, vì tất cả những gì anh muốn nghĩ về là em, và đôi khi anh còn không đó biết là suy nghĩ của ai, em hay là anh.

Em đây, em sẽ nói.

Anh đã đánh thức em sao?

Đúng vậy.

Em phiền không?

Không.

Em có đang một mình không? Em sẽ bảo mình đã thay đổi. Nhưng không hề. Anh vẫn chạy. Em cũng thế. Và anh uống nhiều hơn. Cũng vậy.

Quan trọng sao? Nhưng có.

Nhưng ngủ rất ít.

Cũng vậy. Lo lắng, và một chút muộn phiền. Cũng vậy, cũng vậy. Anh sẽ quay lại, phải không?

Sao em biết?

Em luôn biết, Elio a.

Khi nào? Elio hỏi.

Vài tuần tới.

Em muốn anh tới.

Em nghĩ vậy à?

Em biết vậy.

Anh sẽ không tới con đường giữa hàng cây như dự tính. Thay vì vậy, chuyến bay sẽ đáp tại Nice. Vậy em sẽ tới đón anh bằng xe. Lúc ấy sẽ là xế trưa. Giống như lần đầu tiên.

Em còn nhớ.

Em nhớ.

Và anh muốn gặp thẳng bé.

Em đã nói với anh tên của nó chưa: Cha em đặt theo tên anh. Oliver. Ông ấy không bao giờ quên anh.

Bấy giờ trời sẽ nắng và không có một bóng râm. Nhưng mùi hương thảo sẽ ngập tràn khắp nơi, và tôi sẽ nhận ra tiếng chim cu gáy và sau nhà sẽ có một vườn hoa oải hương và hướng dương dại ngẩng cao đầu về phía

mặt trời. Bể bơi, ngọn tháp chuông được đặt tên là Xứng-đáng-đẽ-chết, tượng đài tưởng niệm những người lính Piave, sân quần vợt, cánh cổng rỉ sét mở lối xuống bãi biển lởm chởm đá, bể tắm đá ướt át vào mỗi chiều, tiếng ve sầu kêu không ngớt, anh và em, cơ thể hai ta.

Nếu em hỏi tôi định ở lại bao lâu, tôi sẽ nói thật. Nếu em hỏi tôi định ngủ chỗ nào, tôi sẽ nói thật. Nếu em hỏi.

Nhưng em sẽ không hỏi. Em không cần hỏi. Em luôn biết.

DA CAPO



“Sao lại là Alexandria?” Oliver hỏi khi chúng tôi đứng lại ở quảng trường, ngắm hoàng hôn từ đê chắn sóng vào buổi tối đầu tiên cả hai ở đó. Mùi của cá, của muối, và nước lợ từ bờ biển tràn ngập vào, nhưng chúng tôi vẫn đứng trên lối đi đối diện ngôi nhà của người chủ gốc Alexandria Hy Lạp, ngắm nhìn vào nơi mà mọi người bảo từng có một ngọn hải đăng ở đó. Người chủ nhà của chúng tôi đã sống ở đó qua tám thế hệ – nên ngọn hải đăng, họ khẳng định, không thể nằm ở đâu khác ngoài trên pháo đài Qaitbey này. Nhưng không ai biết chắc. Lúc ấy, mặt trời dần mờ đi trước mắt chúng tôi, và màu sắc của nó nhuộm lên khoảng không bằng một nét cọ không phải màu hồng hay phơn phớt cam mà là một màu đào sáng rực rỡ. Cả hai đều chưa từng thấy gam màu như vậy trên bầu trời bao giờ.

Sao lại là Alexandria: có thể mang rất nhiều ý nghĩa: từ Sao nơi này lại là trung tâm lịch sử phương Tây cho tới Sao ta lại tới đây? Tôi muốn đáp rằng, Bởi vì tất cả mọi thứ có ý nghĩa với một trong hai ta - Ephesus, Athens, Syracuse – chắc hẳn đã nằm lại ở đây. Tôi đang nghĩ về những người Hy Lạp, về Alexander Đại Đế và chàng nhân tình Hephaestion, về Library, và Hypatia, và cuối cùng là nhà thơ Hy Lạp hiện đại Cavafy. Nhưng tôi cũng biết vì sao anh hỏi.

Chúng tôi rời ngôi nhà ở Italy để tham gia chuyến đi kéo dài ba tuần tới Địa Trung Hải. Con tàu dừng Alexandria hai đêm và chúng tôi đang tận hưởng nốt những ngày cuối cùng trước khi trở về. Chúng tôi đã luôn muốn được bên nhau một mình. Có quá nhiều người ở nhà. Mẹ tôi đã tới sống cùng chúng tôi và không thể dùng cầu thang nữa, nên giờ sống tại căn phòng dưới tầng trệt không xa phòng của cả hai. Và còn những y tá chăm

nom bà. Rồi Miranda, chị ở tại phòng ngủ cũ của tôi khi không đi du lịch đây đó. Và cuối cùng là Ollie Nhỏ, phòng của thằng bé ngay cạnh phòng chị, nơi từng là phòng của ông tôi. Chúng tôi ở tại phòng ngủ cũ của cha mẹ tôi. Tôi chắc ban đêm chỉ cần ho một tiếng là ai cũng sẽ nghe thấy.

Lúc đầu chúng tôi không mong mọi chuyện dễ dàng như ở Italy. Chúng tôi biết mọi chuyện sẽ thay đổi nhưng cũng không thể hiểu tại sao khát khao được lao thẳng vào những gì cả hai từng có nhiều năm trước lại có thể dẫn đến sự miễn cưỡng ở trên giường. Chúng tôi ở trong ngôi nhà nơi mọi chuyện bắt đầu – nhưng cả hai có còn như trước không? Anh trách tại lệch múi giờ, và tôi không phản bác, khi anh quay lưng lại lúc tôi tắt đèn trước khi cởi đồ. Tôi đã nhần lẫn nỗi sợ sẽ thất vọng với một nỗi sợ còn hãi hùng hơn chính là làm anh thất vọng. Tôi biết anh cũng đang nghĩ tương tự khi cuối cùng anh quay lại và nói, “Elio, anh đã không làm tình với một người đàn ông quá lâu rồi,” nói thêm, rồi anh bật cười, “Có lẽ anh đã quên phải làm thế nào.” Chúng tôi đã mong ham muốn sẽ giảm bớt sự lúng túng của cả hai, nhưng sự ngưng ngừng vẫn không thể xua tan. Trong bóng tối, cảm thấy sự căng thẳng dâng trào, tôi thậm chí còn gợi ý rằng trò chuyện có lẽ sẽ giúp giảm bớt đi đâu đang kìm hãm hai ta lại. Có phải tôi đang vô tình xa lánh anh không, tôi hỏi. Không, không xa cách chút nào. Tôi có đang làm khó anh không? Làm khó sao? Không hề. Thế thì là gì?

“Thời gian,” anh đáp. Như mọi khi, anh chỉ nói vậy. Anh cần thời gian ư, tôi hỏi, gần như đã sẵn sàng lùi ra xa khỏi anh và bước xuống giường. Không phải, anh nói.

Mất một lúc tôi mới hiểu ý anh rằng đã quá nhiều tháng năm trôi qua mất rồi.

“Hãy ôm em,” cuối cùng tôi nói. ♪

“Và để xem sẽ dẫn tới đâu à?” anh lập tức nói, để từng từ ẩn sau nỗi trố trêu. Tôi biết anh đang bần chần.

“Ừ, và xem sẽ dẫn tới đâu,” tôi lặp lại. Tôi nhớ về buổi chiều hôm ấy khi tới thăm lớp anh dạy năm năm trước và anh đặt bàn tay mình lên má tôi. Tôi có thể ngủ với anh ngay nếu anh bảo tôi làm thế. Thế sao anh không nói: “Bởi vì có thể em sẽ cười anh. Bởi vì có thể em sẽ nói không. Bởi vì anh không chắc liệu em có tha thứ cho anh.”

Chúng tôi không làm tình đêm ấy, nhưng được ngủ trong vòng tay anh và lắng nghe từng nhịp anh thở, và nhận ra mùi hương của anh sau bấy lâu nay và biết rằng cuối cùng tôi đã được ở bên Oliver của mình mà sẽ không có ai phải rời đi khi tôi thả tay ra, chính là điều khiến tôi nhận ra rằng dấu cho hai thập kỷ đã qua, chúng tôi không hề già đi dù một ngày tuổi so với hai chàng trai trẻ từng rất lâu về trước ngay chính tại mái nhà này. Sáng hôm ấy anh nhìn tôi. Tôi không muốn chỉ có lặng yên đọng lại. Tôi muốn nghe anh nói gì đó. Nhưng anh không nói.

“Là vì buổi sáng này... hay là vì em?” Cuối cùng tôi hỏi. “Bởi vì ngay lúc này, với em, là thật.”

“Đây cũng vậy, anh nói.

Và chính là tôi, chứ không phải anh, nhớ ra anh muốn bắt đầu thế nào. “Anh chỉ làm vậy với em.” anh bảo, khẳng định những điều chúng tôi biết sẽ xảy ra với cả hai. “Nhưng anh vẫn hời hợt,” anh nói thêm.

“Em chưa từng thấy anh thế này.”

“Anh biết.”

“Em cũng muốn nói điều này với anh...” Tôi bắt đầu, vì tôi muốn anh biết.

“Sao?”

“Em luôn dành cho anh.”

“Nhỡ đâu ta không bao giờ bên nhau nữa thì sao?”

“Sẽ không có chuyện đó đâu.” Rồi tôi không thể ngừng lại: “Anh biết em muốn gì mà.”

“Anh biết.”

“Vậy là anh chưa quên.”

Anh mỉm cười. Không, anh không quên.

Bình minh lên, sau khi làm tình, chúng tôi đi bơi như nhiều năm về trước.

Khi trở lại, cả nhà vẫn đang ngủ.

“Em sẽ pha cà phê.”

“Thế thì tuyệt,” anh nói.

“Miranda thích pha kiểu Neapolitan. Chúng em đã luôn quen pha như vậy lâu nay.”

“Được thôi” là câu đáp của anh khi bước về nhà tắm. Sau khi đổ đầy nước vào bình, tôi bắt đầu đun nước để luộc trứng. Tôi đặt xuống hai chiếc khăn ăn, một chiếc bên đầu kia của bàn bếp, chiếc kia Ở đầu còn lại. Rồi tôi đặt bốn lát bánh mì vào máy nướng nhưng không bật nó ngay. Khi anh trở lại, tôi bảo anh để ý món cà phê nhưng không được dốc bình khi cà phê xong. Tôi yêu mái tóc anh khi được chải ra sau nhưng vẫn còn ướt. Tôi đã quên đáng về buổi sáng của anh. Chưa đầy hai giờ trước chúng tôi còn chưa thực sự chắc cả hai có bao giờ làm tình nữa không. Tôi ngừng loay hoay với bữa sáng và nhìn sang anh. Anh biết tôi đang nghĩ gì mà mỉm cười. Vâng, sự không tự nhiên khiến cả hai sợ hãi đã nằm lại phía sau, và như thế để khẳng định đi đâu này, trước khi rời bếp để đi tắm, tôi đặt một nụ hôn lên cổ anh. “Anh đã không được hôn như thế lâu lắm rồi,” anh nói. “Thời gian,” tôi bảo, dùng chính từ anh đã nói để trêu chọc.

Sau khi tắm và trở lại bếp, tôi bỗng bất ngờ khi thấy Oliver và Oliver đang ng ẫ cạnh nhau trên bàn. Tôi thả sáu quả trứng vào n ẫ nước cho ba chúng tôi. Khi bàn luận về bộ phim cả nhà xem vừa tối hôm trước, tôi biết rằng Ollie Nhỏ thích Oliver ngay lập tức.

Tôi phết bơ lên lát bánh mì còn ấm cho mọi người và nhìn Oliver đập vỏ trứng cho Ollie Nhỏ và r ẫ cho anh. “Con biết ai dạy ta làm vậy không?” anh hỏi.

“Ai?” thằng bé nói.

“Anh con đấy. Mỗi sáng anh ấy thường bóc trứng cho ta. Bởi vì trước ta không biết bóc thế nào. Người ta không dạy cái này ở Mỹ. Ta cũng phải bóc trứng cho hai đứa con trai ở nhà nữa.”

“Chú có con trai á?”

“Có, ta có.”

“Họ tên là gì?”

Anh nói với thằng bé.

“Và con biết mình được đặt tên theo ai không?” r ẫ Oliver hỏi.

“Dạ có.”

“Ai nào?”

“Chú.”

Ngay khi nghe những lời ấy, có gì đó như thắt lại trong cổ họng tôi. Điều này đã nhấn mạnh rất nhiều điều chúng tôi không nói thành lời, hoặc không đủ thời gian để nói, hoặc không đủ từ ngữ để nói, và nó vẫn ở đấy, như một hợp âm cuối cùng chốt lại một bản nhạc còn dang dở. Quá nhiều thời gian đã trôi qua, quá nhiều năm tháng, và ai mà biết được bao nhiêu trong số đó hóa ra lại là những tháng năm phí phạm mà ta đã không nhận ra, r ẫ cuối cùng lại khiến ta trở nên tốt đẹp hơn. Vậy nên tôi mới cảm động. Đứa trẻ ấy cũng giống như con chúng tôi, và có vẻ như đã được định

trước rõ ràng đến nỗi mọi chuyện bỗng như hiện ra trước mắt tôi – bởi vì có một lý do cho cái tên ấy, bởi vì Oliver đã luôn chảy trong huyết quản tôi và đã luôn sống trong ngôi nhà này, thuộc về ngôi nhà này và thuộc về cuộc đời chúng tôi. Anh đã luôn ở đây trước cả khi anh tới, trước khi tôi chào đời, trước khi họ đặt những nền móng đầu tiên nhiều thế hệ trước, và những tháng năm của chúng tôi giữa thuở ấy và nay chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi trong hành trình bất tận của thời gian. Quá nhiều thời giờ, quá nhiều tháng năm, và tất cả những cuộc đời ta đã gặp và bỏ lại phía sau, như thể chúng dễ có khi chưa từng xảy ra, dấu chúng đã xảy ra rồi – thời gian, như lời anh nói trước khi chúng tôi ôm nhau và đi ngủ rất muộn đêm ấy, thời gian giống như cái giá ta trả cho những cuộc đời không được sống.

Và khi rót cà phê cho anh và mỉm cười nhìn anh từ sau, tôi nhận ra rằng mình không nên tấm sau khi làm tình sáng nay, rằng tôi muốn mọi dấu vết của anh vẫn lưu lại ở tôi, bởi vì chúng tôi vẫn chưa nói về điều cả hai đã làm lúc bình minh và tôi muốn nghe anh nhắc lại điều anh nói khi cả hai làm tình. Tôi muốn kể với anh về đêm của hai người, và rằng tôi chắc chắn cả hai không hề say ngủ như đã bảo. Không nói gì cả, đêm ấy của chúng tôi có thể đã dễ dàng biến mất. Tôi không biết điều gì xui khiến tôi, nhưng sau khi rót cà phê cho anh, tôi nói nhỏ và gần như hôn lên tai anh. “Anh sẽ không bao giờ trở lại.” tôi thì thầm. “Hãy nói anh sẽ không rời đi đi.”

Lặng lẽ, anh nắm lấy tay tôi và kéo tôi ngồi vào ghế. “Anh không đi. Đừng nghĩ như thế.”

Tôi muốn kể anh nghe điều đã xảy ra hai mươi năm trước, những điều tốt, xấu, rất tốt, và tồi tệ. Sẽ có đủ thời giờ để nói về chúng. Tôi muốn anh biết, muốn anh biết mọi thứ, như cách tôi muốn biết tất cả về anh. Tôi muốn nói với anh khi thấy chỗ da trắng mịn màng trên tay anh vào ngày

đầu tiên, tất cả những gì tôi muốn là được ấp ôm bởi chúng và cảm nhận chúng chạm lên da thịt mình. Tôi đã nói với anh một chút những điều ấy khi nằm trên giường buổi sớm nay. “Anh trở về từ lần khai quật khảo cổ ở Sicily, và tay anh đã rám nắng quá, em để ý lần đầu trong phòng ăn – nhưng phần da mặt dưới tay anh của anh thì trắng trẻo, và nhìn được cả gân, như cầm thạch vậy, và chúng thật mong manh. Em đã muốn hôn lên chúng, liếm từng bên một.” “Dẫu thế nào?” “Dẫu thế nào. Giờ anh sẽ ôm em chứ?” “Và xem mọi chuyện sẽ dẫn tới đâu?” anh hỏi, và thật tuyệt vì chúng tôi chỉ ôm lấy nhau mà không làm gì hơn vào đêm ấy. Chắc hẳn anh đã hiểu ý tôi, vì đó là lúc anh đặt tay quanh vai tôi, kéo tôi lại gần với anh, và, quay lại với thằng bé, nói: “Anh trai con là một người tuyệt vời.”

“Thằng bé nhìn chúng tôi. “Chú nghĩ thế sao?”

“Con không nghĩa vậy à?”

“Có, con cũng nghĩ vậy.” Nó mỉm cười. Thằng bé biết, như tôi và Oliver biết, rằng nỗi trớ trêu chính là ngôn ngữ của ngôi nhà này.

Và rồi chẳng cảnh báo trước, thằng bé hỏi: “Chú cũng là người tốt chứ?”

Thậm chí cả Oliver cũng rung động và bất ngờ. Đứa trẻ này là con của chúng tôi. Cả hai đều biết. Và cha tôi, dẫu không còn sống nữa, cũng biết vậy, và đã luôn biết bấy lâu nay.

“Em tin được rằng ngọn hải đăng nằm ngay đây, rằng ta chỉ cách nó chưa tới mười phút đi bộ không?”

Chúng tôi ở lại Alexandria một đêm nữa, rồi đi tới Naples – một món quà cả hai tự thưởng, hoặc như cách Miranda gọi, nơi trắng mặt của hai người, trước khi Oliver bắt đầu dạy học ở Sapienza, Rome. Nhưng khi đứng ngắm ánh dương và nhìn về phía những gia đình, bạn bè, và mọi người dạo quanh quảng trường, tôi muốn hỏi liệu anh còn nhớ lúc cả hai

ng ửi trên tảng đá đêm ấy và ngắm ra biển vài ngày trước khi anh trở về New York. Có, anh nhớ, anh bảo, tất nhiên là anh nhớ. Tôi hỏi liệu anh nhớ về lần chúng tôi lang thang khám phá Rome suốt đêm đến tận sáng không. Có, anh cũng nhớ. Tôi định bảo chuyến đi ấy đã thay đổi cuộc đời tôi, không chỉ vì chúng tôi đã dành thời gian hoàn toàn được tự do bên nhau, mà bởi vì Rome đã cho cả hai được nếm hương vị cuộc đời của người nghệ sĩ, đi đâu mà tôi luôn khát khao nhưng không hề hay biết mình phải sống chính cuộc đời ấy. Cả hai đã say tới nỗi không ngủ được là bao ngay đêm đầu tiên ở Rome. Và chúng tôi đã gặp rất nhiều những nhà thơ, nghệ sĩ, người biên tập, diễn viên. Nhưng rồi anh ngắt lời tôi. “Ta sẽ không bám lấy quá khứ, phải không?” anh hỏi với phong thái ngắn gọn như mọi khi của mình để nói với tôi rằng mình đã lạc vào lãnh địa không mang chút hứa hẹn gì cho tương lai. Anh không thể đúng hơn. “Anh đã phải cắt đứt và đập đổ nhiều thứ mà anh biết mình sẽ phải trả giá đắt, nhưng anh không muốn nhìn lại. Anh đã có Micol, em đã có Michel, như anh đã yêu chàng trai Elio và em yêu anh khi còn trẻ. Họ giúp ta trở thành chính mình. Hãy đừng coi như họ chưa từng tồn tại, nhưng anh không muốn nhìn lại.”

Sớm hôm ấy chúng tôi tới ngôi nhà của Cavafy một thời từng có tên là Rue Lepsius, sau này đổi thành Rue Sharm el Sheikh, và giờ được biết tới với cái tên Rue C. P. Cavafy. Chúng tôi bật cười trước cách đổi tên của đường phố, và cách nơi đây, mơ màng khôn nguôi kể từ khi ánh hoàng hôn của nó chiếu rọi hơn ba trăm năm trước Công Nguyên, vẫn chẳng thể định nổi nên gọi tên những con đường của mình là gì. “Mọi thứ ở đây dựng xây từ tàn dư quá khứ,” tôi bảo. Anh không đáp.

Đi đâu khiến tôi ngạc nhiên ngay khi bước vào căn nhà nơi từng là nhà của một vị thi nhân vĩ đại chính là nghe Oliver cất tiếng chào người phục vụ bằng chất giọng Hy Lạp hoàn hảo. Khi nào và làm thế nào anh học

được tiếng Hy Lạp hiện đại vậy? Và bao nhiêu đi đâu nữa tôi không biết về cuộc đời anh, và bao nhiêu đi đâu anh đã không biết về cuộc đời tôi? Anh đã học một khóa ngắn, anh nói, nhưng thực sự đã giúp anh rất nhiều trong thời gian nghỉ phép ở Hy Lạp cùng vợ con. Mấy thằng bé tiếp thu ngôn ngữ mới ngay lập tức, trong khi vợ anh thì chủ yếu ở nhà, đọc sách của anh em Durrell và học một vài câu giao tiếp từ người dọn phòng không biết chút tiếng Anh nào.

Căn hộ của Cavafy, giờ trở thành một bảo tàng tạm, mang cảm giác ảm đạm và lộn xộn đầu những cửa sổ được mở toang. Khu phố quanh đây cũng chán. Ánh sáng chỉ len lỏi khi chúng tôi bước vào và, ngoại trừ những âm thanh rải rác từ dưới phố, sự im lặng chết chóc từ ngôi nhà đè nặng lên những đồ nội thất cũ kỹ, giản đơn mà chắc hẳn đã được chọn từ một nhà kho bỏ hoang nào đó. Đầu vậy ngôi nhà gợi nhắc tôi về những bài thơ tôi thích nhất của người thi sĩ, về một dải nắng chiều rơi trên chiếc giường mà thời chàng còn trẻ thường nằm ngủ cạnh nhân tình của mình. Bây giờ, khi người thi sĩ thăm lại nơi đây sau nhiều năm, tất cả đồ đạc đã biến mất, chiếc giường không còn, và căn nhà đã bị biến thành một nơi để kinh doanh. Nhưng dải nắng đã từng tràn trên chiếc giường ấy vẫn chưa rời bỏ chàng, và mãi mãi sẽ sống lại trong ký ức. Người chàng yêu đã nói anh sẽ quay về với chàng ngay trong tuần ấy thôi, nhưng anh không bao giờ trở lại. Tôi cảm nhận được nỗi bị thương ấy. Một nỗi niềm không bao giờ bình phục.

Cả hai chúng tôi đều thất vọng vì những bức ảnh chân dung rẻ tiền về một Cavafy nhìn thật ảo não treo trên tường. Để kỷ niệm chuyến đi, chúng tôi mua một tập thơ tiếng Hy Lạp. Khi cả hai ngồi cạnh nhau tại một cửa hàng bánh ngọt cổ kính nhìn ra vịnh, Oliver bắt đầu đọc cho tôi nghe một bài, lần đầu là bằng tiếng Hy Lạp rồi sau đó là bản dịch vội vàng của chính

anh. Tôi không thể nhớ đã đọc bài ấy bao giờ chưa. Nó viết về một thuộc địa Hy Lạp Italy mà người Hy Lạp gọi là Poseidonia và sau đó được đổi tên thành Paistos bởi người Lucani, và rồi sau đó là Paestum bởi người La Mã. Qua nhiều thế kỷ và nhiều thế hệ sinh sống tại đó, những người Hy Lạp ấy dần quên đi những di sản và ngôn ngữ Hy Lạp, và thay vì vậy tiếp thu nền văn hóa Italy - ngoại trừ một ngày mỗi năm, vào ngày kỷ niệm ấy, người Poseidonia sẽ ăn mừng một ngày lễ Hy Lạp dưới nền nhạc Hy Lạp và những tập tục Hy Lạp để nhớ lại, càng nhiều càng tốt những truyền thống và ngôn ngữ đã bị lãng quên của tổ tiên họ, nhận ra trong nỗi thống khổ sâu sắc rằng đã mất đi những di sản tráng lệ của Hy Lạp và thành ra chẳng hơn gì người Barbari mà họ vốn căm ghét. Khi mặt trời lặn, họ sẽ nâng niu từng chút một những bản sắc về thân phận Hy Lạp của mình chỉ để nhìn nó biến mất ngay thời khắc hùng đông vào hôm sau.

Lúc ấy, khi cả hai ăn bánh ngọt, tôi nhận ra rằng Oliver cũng giống như người Poseidonia, một vài vẫn còn sống tại Alexandria Greek ngày nay – chủ nhà của chúng tôi, những người tham quan bảo tàng, những người bạn bàn gia trong tiệm bánh này, người đàn ông bán cho chúng tôi tờ báo bằng tiếng Anh sáng nay - tất cả đã tiếp thu một nền văn hóa mới, thói quen mới, và nói thứ ngôn ngữ khác hẳn những gì người Hy Lạp đang sử dụng trên đại lục.

Nhưng rồi Oliver đã nói một điều tôi sẽ không bao giờ quên: Vào mừng sáu tháng Mười một hàng năm – sinh nhật tôi – đầu đã kết hôn và là cha của hai đứa trẻ, anh vẫn sẽ dành thời gian để nhớ về một người Poseidonia bên trong mình và hình dung xem cuộc đời sẽ ra sao nếu chúng tôi chọn nhau. “Anh đã sợ mình sẽ bắt đầu quên mất gương mặt em, giọng em, và cả mùi hương của em,” anh nói. Suốt những năm ấy anh đã tìm thấy một nơi để nhớ nhưng cách không xa văn phòng của mình, nhìn ra hồ,

nơi anh sẽ dành thời gian ngày hôm ấy để nghĩ về cuộc đời không được sống của chúng tôi, cuộc đời mà anh có tôi. Lễ vọng, như cách cha tôi sẽ gọi, chưa từng kéo dài đủ lâu và chẳng thay đổi được đi đâu gì. Nhưng gần đây, anh nói tiếp, và có lẽ bởi vì anh đã trôi dạt đến nơi khác vào năm ấy, anh bỗng nhận ra mọi chuyện hóa ra hoàn toàn ngược lại, rằng anh luôn luôn là một người Poseidonia chỉ trừ một ngày trong năm và sự quyến luyến những tháng ngày đã qua chưa từng rời bỏ anh, rằng anh chưa từng quên gì cả và cũng không muốn quên, và rằng nếu thậm chí anh không viết hay gọi để xem tôi có quên không, là vì anh biết dẫu cả hai đều không đi tìm nhau, thì lý do chính là chúng tôi thực ra chưa từng xa cách, và dẫu ở nơi nào, với ai, và đi đâu gì đang ngăn trở, tất cả những gì anh cần làm khi đến đúng thì đúng lúc chỉ đơn giản là tới và tìm tôi.

“Và anh đã tìm.” “Em ước cha em còn ở đây hôm nay.”

“Và anh đã tìm,” anh nói.

Oliver nhìn tôi, im lặng một lúc, rồi bảo “Anh cũng vậy, cũng vậy.”

Table of Contents

André Aciman

TEMPO

CADENZA

CAPRICCIO

DA CAPO